

Y học cổ truyền LINH KHU Part 1



THIÊN 1: CỬU CHÂM THẬP NHỊ NGUYÊN

Hoàng đế hỏi Kỳ Bá: “Ta xem vạn dân như con, ta nuôi dưỡng trăm họ, thu tô thuế của họ. Ta chỉ buồn là nuôi họ không đủ để rồi họ bị bệnh tật [1]. Ta không muốn để cho họ bị uống phải độc dược, cũng không muốn dùng đá để biếm [2]. Ta muốn dùng loại kim vi châm để thông kinh mạch cho họ, điều hòa khí huyết cho họ, làm thế nào để cho khí huyết vận hành theo nghịch hay thuận đều có chỗ hội nhau [3]. (Những ước muốn trên) phải có cách nào có thể truyền lại cho hậu thế [4]. Muốn truyền được ắt phải có những phương pháp rõ ràng, ắt phải đạt được kết quả cuối cùng mà không bị hủy diệt, tuy dùng lâu đời mà vẫn không bị tuyệt, dễ làm, khó quên, đáng làm khuôn mẫu có cương kỷ, tách riêng bằng những phạm vi, chương trình, phân biệt biểu và lý, có thì có chung [5]. Biết được một cách cụ thể bệnh nào châm kim nào [6]. Vậy trước hết phải viết ra quyển sách CHÂM KINH. Ta mong được nghe thầy trình bày rõ ràng hơn” [7].

Kỳ Bá đáp: “Thần xin được theo thứ tự mà trình bày rộng ra, làm sao cho vấn đề có cương, có kỷ, bắt đầu ở Nhất và chấm dứt ở Cửu [8]. Trước hết, Thần xin nói về (Châm) Đạo [9]. Việc quan trọng trong khi sử dụng tiểu châm là để trình bày nhưng rất khó thực hành [10]. Phương pháp vụng về là chỉ lo giữ về mặt hình thái (của bệnh), phương pháp khéo léo là phải lo lưu ý đến thần khí [11]. Thần ư ! Thần và khách đều gặp nhau ở cửa của các kinh. chưa thấy được bệnh ở đâu, làm sao biết được nguyên gốc của bệnh? [12]. Sự vi diệu của phép châm là ở chỗ nhanh hay chậm [13]. Phương pháp vụng về là chỉ lo giữ lấy tứ chi, phương pháp khéo léo là lo giữ cơ [14]. Khi nói đến cái động của cơ là ý nói người châm không được rời sự chú ý của mình đối với huyết khí [15].

Cơ của huyết khí vận hành một cách thanh tĩnh, cho nên chúng ta phải chú ý một cách tinh vi [16]. Không nên đón gặp khi nó đến, không nên rượt theo khi nó ra đi [17]. Người biết được con đường vận hành của cơ thì không dễ sai sót dù là việc nhỏ bằng một sợi tóc [18]. Người không biết con đường vận hành của cơ thì dù có đánh vào nó, nó cũng không phát ra vậy [19]. Biết được con đường vắng lai của khí thì sẽ biết được lúc nào có thể thủ huyết để châm [20]. Thực là tối tăm thay không những kẻ không biết được (sự vi diệu của cơ)! [21]. Thực là khéo léo thay người nào hiểu rõ châm ý đó [22]. Khí vắng gọi là nghịch, khí lai gọi là thuận [23]. Biết được sự thuận hay nghịch thì sẽ thực hành việc châm bằng con đường chính đạo, không còn thắc mắc gì nữa! [24].

Khí nghịch mà chúng ta dùng phép đoạt, làm sao tránh khỏi sẽ gây cho khí bị hư thêm? [25]. (Khi khí đã ra đi) mà ta rượt theo để thêm cho nó, làm sao tránh khỏi gây

cho khí bị thực thêm? [26]. Phép châm theo đúng “ngheh, tùy”, lấy ý để điều hòa nó [27]. Được vậy thì đạo của phép châm mới tròn vẹn vậy” [28]. Phàm khi dụng châm: hư thì áp dụng phép châm thực, mãn thì áp dụng phép châm tiết [29]. Khi tà khí bị tích tàng lâu ngày thì phải trừ đi, khi tà khí thắng thì phải áp dụng phép châm hư [30]. Thiên “Đại Yếu” nói rằng: Châm theo phép “chậm rồi nhanh” gọi là châm thực [31]. Châm theo phép “nhanh rồi chậm” gọi là châm hư [32].

Khi nói đến “thực và hư” là muốn nói đến một cái gì như “có”, như “không có” [33]. Khi nói đến “xét sau và trước” là muốn nói đến một cái gì như “còn” như “mất” [34]. Khi nói đến “hư và thực” là muốn nói đến một cái gì như “được”, như “mất” [35]. Việc trị hư và thực rất quan trọng, dùng phép ‘Cửu châm’ là hay nhất, nhưng phải đợi đúng thời thích hợp cho việc bổ hoặc tả để mà châm [36].

Khi dùng phép tả, tức là dùng phép “ngheh chi”, “ngheh chi” có nghĩa là bắt buộc kim phải được nắm cho chắc, và bên trong phải thật bén nhọn [37]. Đợi lúc khí đến thì phải rút kim thật nhanh và ấn phải thật chậm, nhờ đó có thể mở được con đường dương đạo giúp cho tà khí tiết ra ngoài [38]. Khi rút kim ra (trong phép tả) mà ấn huyết, như vậy sẽ làm cho tà khí bị đẩy trở vào và chất chứa bên trong, huyết sẽ không tán được, khí sẽ không xuất được [39].

Khi dùng phép bổ, tức là dùng phép “tùy chi” [40]. “Tùy chi” có nghĩa là phải làm sao cho người bệnh ít bị kích thích, giống như không có chuyện gì xảy ra, giống như đang châm, đang dùng (tiến hành thật chậm), giống như con muỗi đang đậu lên, giống như đang giữ lại, đang lấy về [41]. Khi rút kim ra phải thật nhanh như dây đàn bị đứt, vừa làm công việc bên tả, lại lo việc bên hữu, như vậy khí sẽ bị dừng lại, cửa ngoài bị đã bị bế thì khí bên trong mới thực [42]. Điều quan trọng là không làm cho huyết bị lưu giữ (bên trong) [43]. Nếu huyết bị lưu giữ, phải châm xuất cho thật nhanh [44].

Đạo giữ kim phải giữ cho vững mới thật quý, ngay thẳng như ngón tay châm thẳng xuống, không nên nghiêng tả hoặc nghiêng hữu [45]. (Phép giữ) thần khí (phải tinh vi) chính xác như sợi lông mùa thu, phải theo dõi kỹ lưỡng tình trạng bệnh của bệnh nhân [46]. Xét kỹ, xem kỹ huyết mạch, khi châm vào sẽ không còn lo lắng [47]. Trong lúc vừa châm xong, việc theo dõi thần khí là quan trọng nhất, sau đó là để ý đến vệ khí (tại biểu) và tỳ khí (tại tạng phủ) [48]. Nếu thần khí còn, chưa mất thì mới có thể đoán được bệnh sống hay chết [49]. Huyết mạch liên lạc chiều ngang với các kinh du, phải nhìn rõ một cách sáng suốt, phải trừ bỏ nó một cách vững vàng [50].

Tên gọi của 9 loại kim châm, mỗi loại đều có hình dáng khác nhau [51]. Một gọi là Sâm châm, dài 1 thốn 6 phân; Hai gọi là Viên châm, dài 1 thốn 6 phân; Ba gọi là Đề châm, dài 3 thốn rưỡi; Bốn gọi là Phong châm, dài 1 thốn 6 phân; Năm gọi là Phi châm, dài 4 thốn, rộng 2 phân rưỡi; Sáu gọi là Viên lợi châm, dài 1 thốn 6 phân; Bảy gọi là Hào châm, dài 3 thốn 6 phân; Tám gọi là Trường châm, dài 7 thốn; Chín gọi là Đại châm, dài 4 thốn [52].

Sâm châm đầu to mũi nhọn, dùng làm tiết tả dương khí [53]. Viên châm mũi hình như quả trứng, dùng như để xoa chùi trong khoảng phận nhục, không để cho thương tổn phần cơ nhục, dùng để châm cho khí ở giữa khoảng phận nhục tiết ra [54]. Đề châm nhọn như mũi nhọn của hạt lúa thừ, chủ về việc án lên mạch không cho bị hãm vào, nhằm làm cho kim tiếp xúc được với khí [55]. Phong châm là loại kim 3 mặt có cạnh sắc, dùng để phát tiết tà khí, trừ cổ tật [56]. Phi châm là loại kim thân và mũi nhọn như lưỡi kiếm, dùng để châm lấy mủ [57]. Viên lợi châm to như sợi lông dài, vừa tròn vừa nhọn, giữa thân hơi to ra, dùng để châm lấy bạo khí [58]. Hào châm mũi nhọn như mũi con muỗi, khi châm thì khí sẽ đến một cách yên tĩnh, chậm chạp và nhẹ nhàng cho nên có thể lưu kim thật lâu nhằm dưỡng chính khí và trừ được tà khí đã gây nên chứng thống tý [59]. Trường châm mũi nhọn mà thân mỏng, có thể dùng để lấy khí tý ở xa [60]. Đại châm hình như cây côn mũi nhọn, phần mũi nhỏ, tròn, dùng để tả thủy ở các nơi quan tiết [61]. Cữu châm đến đây là hết” [62].

Ồi ! khí ở tại mạch: tà khí trúng thì ở trên, trọc khí trúng thì ở giữa, thanh khí trúng thì ở dưới [63]. Cho nên châm vào hãm mạch thì tà khí bị xuất rất, châm vào trung mạch thì trọc khí xuất ra, châm vào quá sâu thì tà khí ngược lại, trầm xuống, bệnh càng nặng hơn [64]. Cho nên nói rằng: Bì, phu, cân, mạch, mỗi bộ phận đều có chỗ “xứ: ở” của nó, còn các bệnh đều có chỗ “tạm trú” của nó [65]. Tất cả đều biểu hiện không giống nhau và đều có vai trò riêng của nó, không thể quy định đâu là thực đâu là hư [66]. Nếu ta bớt đi cái “bất túc” để thêm vào cho cái: hữu dư” thì đó gọi là làm cho bệnh nặng hơn [67]. Bệnh càng nặng, nếu châm vào các du huyết của ngũ tạng thì sẽ chết, nếu châm vào mạch của tam dương thì sẽ làm cho tình trạng suy kiệt hơn [68]. Châm “đoạt âm” thì phải chết, châm “đoạt dương” thì sẽ cuồng [69]. Sự hại của việc châm trị như vậy là rất đầy đủ rồi vậy [70].

Khi châm mà khí chưa đến thì không thể kể đến bao lâu [71]. Khi châm mà khí đã đến thì thôi, không nên châm tiếp trở lại [72]. Phép châm có những nguyên tắc thích hợp, có những cách châm không giống nhau, có những phép châm tùy theo bệnh, đó là

những điểm quan trọng của phép châm [73]. Khi nào khí đến đó là châm có kết quả tốt [74]. Dấu hiệu của kết quả tốt ví như gió thổi tan đám mây che, sẽ sáng tỏ như thấy được trời xanh [75]. Đạo của việc châm như vậy là đầy đủ rồi vậy [76].

Hoàng Đế nói: “Ta mong nghe được trình bày về nơi xuất ra của ngũ tạng, lục phủ” [77]. Kỳ Bá đáp : “Ngũ tạng có ngũ du, ngũ ngũ là nhị thập ngũ du [78]. Lục phủ có lục du, lục lục là tam thập lục du [79]. Kinh mạch có thập nhị, lạc mạch có thập ngũ, tất cả là nhị thập thất khí, nhằm để (làm đường) đi lên và đi xuống [80].

Chỗ xuất ra gọi là huyết Tĩnh [81]. Chỗ lưu gọi là Vinh [82]. Chỗ chú gọi là Du [83]. Chỗ hành gọi là Kinh [84]. Chỗ nhập gọi là Hợp [85]. Con đường vận hành của nhị thập thất khí đều ở ngũ du huyết vậy [86].

Chỗ giao nhau của tiết có tam bách lục thập ngũ (365) hội [87]. Nếu biết được chỗ quan yếu của nó thì có thể dùng một lời nói mà hiểu được tất cả [88]. Nếu không biết chỗ quan yếu của nó thì sẽ hiểu một cách lưu tán vô cùng [89]. Cái gọi là tiết, chính là nơi du hành, xuất nhập của thần khí, nó không phải là cái thuộc bì, nhục, cân, cốt vậy” [90].

Quan cái sắc, sát đôi mắt, sẽ biết được bệnh đã hết hay còn trở lại [91]. (Người thầy thuốc) phải chuyên chú vào tâm của mình, vào bệnh hình của bệnh nhân, phải theo dõi sát tình huống động hay tĩnh của bệnh, phải luận đúng về tà phong hay chính phong [92]. Tay mặt đẩy kim vào, tay trái nắm vững kim để giữ gìn cẩn thận, khi nào khí đến thì rút kim ra [93].

Phạm trong phép dụng châm, trước hết nên chẩn mạch, phải xét thần khí xem tình trạng nguy kịch hay đang bình thường rồi mới trị [94].

Khi khí của ngũ tạng bị tuyệt bên ngoài, nếu ta dùng phép châm ngược lại, sẽ làm cho bên trong thêm thực, đó gọi là nghịch quyết [95]. Bị nghịch quyết thì phải chết, khi chết thì ở tình trạng sao động, đó là vì người dùng phép châm trị đã châm theo lối tử mạng [96].

Cái hại của việc châm, đó là châm trúng khí mà chưa chịu rút kim ra, như vậy sẽ làm cho tinh khí bị tiết ra ngoài, hoặc châm chưa trúng khí mà đã rút kim ra, sẽ làm cho khí huyết bị tích trệ [97]. Tinh khí bị tiết thì bệnh sẽ nặng và suy tàn [98]. Khí huyết bị tích trệ sẽ gây thành bệnh ung và nhọt [99].

Ngũ tạng có lục phủ, lục phủ có thập nhị Nguyên [100]. Thập nhị Nguyên đều xuất ra ở tứ quan [101]. Tứ quan chủ trị ngũ tạng [102]. Ngũ tạng có bệnh nên thủ huyết của thập nhị Nguyên [103]. Thập nhị Nguyên là nơi mà ngũ tạng bám thụ “khí vị” của 365 tiết [104]. Ngũ tạng có bệnh phải xuất ra ở thập nhị Nguyên [105]. Thập nhị Nguyên đều có chỗ xuất của nó [106]. Nếu chúng ta biết rõ các Nguyên huyết, và chúng ta thấy được những biến ứng của nó thì chúng ta sẽ biết được tình trạng bị hại (bệnh) của ngũ tạng vậy [107].

Phế thuộc Thiếu âm trong Dương, huyết Nguyên của nó xuất ra ở huyết Thái uyên, có 2 huyết [108]. Tâm thuộc Thái dương trong dương, Nguyên của nó xuất ra ở huyết Đại Lăng, Đại Lăng có 2 huyết [109]. Can thuộc Thiếu dương trong Âm, huyết Nguyên của nó xuất ra ở huyết Thái Xung, Thái Xung có 2 huyết [110]. Tỳ thuộc Chí âm trong Âm, huyết Nguyên của nó xuất ra ở huyết Thái Bạch, Thái Bạch có 2 huyết [111]. Thận thuộc Thái âm trong Âm, huyết Nguyên của nó xuất ra ở huyết Thái Khê, Thái Khê có 2 huyết [112]. Huyết Nguyên của Cao xuất ra ở huyết Cưu Vĩ, Cưu Vĩ có 1 huyết [113]. Huyết Nguyên của Hoang xuất ra ở huyết Bột Ương, Bột Ương có 1 huyết [114]. Phàm tất cả thập nhị Nguyên chủ trị về bệnh của ngũ tạng và lục phủ vậy [115].

Bệnh trưởng thì thủ huyết của các kinh tam Dương, bệnh tiêu chảy thì thủ các huyết của các kinh tam Âm [116].

Nay ngũ tạng có bệnh, thí dụ như đang có 1 cái gì cầm dính vào, như đang có 1 cái gì dơ bẩn, như đang có 1 cái gì kết tụ lại, như đang có 1 cái gì bế tắc [117].

Cái gì “cầm dính vào” ấy, tuy dính lâu, vẫn có thể nhổ lên được, cái gì “dơ bẩn” ấy, tuy dơ lâu, vẫn có thể rửa sạch được, cái gì “kết tụ” ấy, tuy kết lâu, vẫn có thể cởi mở được, cái gì “bế tắc” ấy, tuy bế lâu, vẫn có thể khai ngòi cho thoát được [118].

Nay nếu có người cho rằng bệnh lâu, không thể thủ huyết để chữa trị, lời nói ấy sai [119]. Ôi! Người khéo dụng châm, khi thủ huyết để trị bệnh, phải giống như một người đang làm công tác “nhổ một vật đang cầm dính vào”, đang “rửa sạch một vật đang dơ bẩn”, đang “cởi mở một vật đang kết tụ”, đang “khai ngòi một vật đang bế tắc” [120]. Bệnh tuy đã lâu, nhưng vẫn có thể trị được [121]. Người nào bảo rằng không trị được, đó là vì họ chưa nắm được (châm) thuật mà thôi [122].

Khi châm về nhiệt, phải như người đang thọc tay vào nước canh nóng [123]. Khi châm về hàn, phải như có người đang bịn rịn không muốn ra đi [124]. Nếu ở âm phận

mà có bệnh thuộc về dương, phải thủ huyết hạ lắng tam lý [125]. Phải chăm chú một cách đứng đắn, không được lười biếng, cho đến khi tà khí thoát hết mới thôi [126]. Nếu chưa thoát hết phải châm trở lại [127]. Bệnh ở phần trên xâm nhập vào thì phải thủ huyết Âm lắng yên [128]. Bệnh ở phần trên, xuất ra ngoài thì nên thủ huyết Dương lắng yên [129].

THIÊN 2: BẢN DU

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: “Phàm Đạo của việc châm (thích), ắt phải thông chỗ chung thì của “thập nhị kinh lạc”, chỗ ở riêng biệt của lạc mạch, vị trí của ngũ du huyết, chỗ “hợp” của lục phủ, chỗ “xuất nhập” của tứ thời, chỗ “trôi chảy” của ngũ tạng, mức độ rộng hẹp, tình trạng sâu cạn, con đường mà mạch khí đi từ trên cao xuống thấp. Ta mong được nghe lời giảng giải về vấn đề đó” [1].

Phế (khí) xuất ra ở huyết Thiếu Thương, Huyết Thiếu Thương nằm ở mép ngoài đầu ngón tay cái, thuộc Tĩnh Mộc [2]. Nó “lưu” vào huyết Ngự Tế, Huyết Ngự Tế nằm ở chỗ giống hình con cá trên lòng bàn tay, thuộc huyết Huỳnh [3]. Nó “chú” vào huyết Đại (Thái) Uyên; Huyết Đại Uyên nằm ở sau huyết Ngự Tế 1 thốn, ở giữa chỗ lõm vào, thuộc huyết Du [4]. Nó “hành” vào huyết Kinh Cù, Huyết Kinh Cù nằm ở giữa Thốn khẩu, động mà không ngừng lại, thuộc huyết Kinh [5]. Nó “nhập” vào huyết Xích Trạch, Huyết Xích Trạch nằm ở động mạch giữakhủy tay, thuộc huyết Hợp [6]. (Tất cả) đều chạy trên Thủ Thái âm kinh [7].

Tâm (khí) xuất ra ở huyết Trung Xung, huyết Trung Xung nằm ở đầu ngón tay giữa, thuộc Tĩnh mộc [8]. Nó “lưu” vào huyết Lao Cung, huyết Lao Cung nằm ở khoảng giữa ngay gốc khớp (bản tiết) của ngón giữa ở giữa lòng bàn tay, thuộc huyết Huỳnh [9]. Nó “chú” vào huyết Đại Lăng nằm ở chỗ thấp xuống giữa hai đầu xương sau bàn tay, thuộc huyết Du [10]. Nó “hành” ở huyết Gian Sứ, đường đi của Gian Sứ nằm ở ngay nơi cách (cổ tay) 3 thốn, giữa hai đường gân - Khi nào có bệnh thì mạch nó đến, khi nào không bệnh thì ngưng, thuộc huyết Kinh [11]. Nó “nhập” vào huyết Khúc Trạch, huyết Khúc Trạch nằm ở chỗ lõm vào của mép trong cánh chỏ, co tay lại để thủ huyết, thuộc huyết Hợp [12]. (Tất cả) đều chạy trên đường Thủ Thiếu âm [13].

Can (khí) xuất ra ở huyết Đại Đôn, huyết Đại Đôn nằm ở ngay đầu ngón chân và nơi chum 3 sợi lông (tam mao), thuộc huyết Tĩnh Mộc [14]. Nó “lưu” vào huyết Hành Gian, huyết Hành Gian nằm ở khe ngón chân cái, thuộc huyết Huỳnh [15]. Nó “chú” vào huyết Đại (Thái) Xung, huyết Đại Xung nằm ở chỗ lõm vào cách huyết Hành Gian 2 thốn,

thuộc huyết Du [16]. Nó “hành” vào huyết Trung Phong, huyết Trung Phong nằm ở chỗ lõm vào trước mắt cá trong 1 thốn rưỡi - Nếu châm nghịch thì bị uất, nếu châm hòa thì được thông. Nên co duỗi bàn chân để thủ được huyết, huyết này thuộc huyết Kinh [17]. Nó “nhập” vào huyết Khúc Tuyền nằm ở trên gân lớn, dưới lồi cầu trong xương đùi - Nên co gối để thủ huyết, thuộc huyết Hợp [18]. (Tất cả) chạy trên đường Túc Quyết âm kinh [19].

Tỳ (khí) xuất ra ở huyết Ân Bạch, huyết Ân Bạch nằm ở mép trong đầu ngón chân cái, thuộc huyết Tĩnh Mộc [20]. Nó “lưu” vào huyết Đại Đô, huyết Đại Đô nằm ở chỗ lõm vào và chỗ sau bản tiết, thuộc huyết Huỳnh [21]. Nó “chú” vào huyết Thái Bạch, huyết Thái Bạch nằm ở dưới xương mé trong bàn chân, thuộc huyết Du [22]. Nó “hành” vào huyết Thương Khâu, huyết Thương Khâu nằm ở chỗ lõm vào, nhích về phía dưới mắt cá trong, thuộc Kinh [23]. Nó “nhập” vào huyết Lăng Tuyền thuộc Âm, huyết Lăng Tuyền thuộc Âm nằm ở chỗ lõm vào của phía dưới xương ống chân (phụ cốt) - duỗi chân ra để thủ huyết, thuộc huyết Hợp [24]. (Tất cả) đều chạy trên đường Túc Thái âm kinh [25].

Thận (khí) xuất ra ở huyết Dũng Tuyền, huyết Dũng Tuyền nằm ở giữa lòng bàn chân, thuộc huyết Tĩnh Mộc [26]. Nó “lưu” vào huyết Nhiên Cốc, huyết Nhiên Cốc nằm dưới xương nhiên cốt, thuộc huyết Huỳnh [27]. Nó “chú” vào huyết Thái Khê, huyết Thái Khê nằm ở chỗ lõm vào của trên xương gót và sau mắt cá trong, thuộc huyết Du [28]. Nó “hành” vào huyết Phục Lưu, huyết Phục Lưu nằm ở trên mắt cá trong 2 thốn - động mà không ngừng nghỉ, thuộc huyết Kinh [29]. Nó “nhập” vào huyết Âm Cốc, huyết Âm Cốc nằm sau xương phụ cốt, dưới gân lớn, trên gân nhỏ, ấn tay vào thấy mạch ứng với tay - Co gối lại để thủ huyết - thuộc huyết Hợp [30]. (tất cả) nằm trên đường Túc Thiếu âm kinh [31].

Bàng quang (khí) xuất ra ở huyết Chí Âm, huyết Chí Âm nằm ở đầu ngón chân út, thuộc huyết Tĩnh kim [32]. Nó “lưu” vào huyết Thông Cốc, huyết Thông Cốc nằm ở mép ngoài của xương bản tiết, thuộc huyết Huỳnh [33]. Nó “chú” vào huyết Thúc Cốt, huyết Thúc Cốt nằm ở chỗ lõm ngoài sau xương bản tiết, thuộc huyết Du [34]. Nó “quá” nơi huyết Kinh Cốt, huyết Kinh Cốt nằm ở dưới xương to phía ngoài của chân, thuộc huyết Nguyên [35]. Nó “hành” vào huyết Côn Lôn, huyết Côn Lôn nằm ở sau mắt cá ngoài, trên xương gót, thuộc huyết Kinh [36]. Nó “nhập” vào huyết Ủy Trung, huyết Ủy Trung nằm ở giữa khoeo chân (quắc trung ương), thuộc huyết Hợp - co chân lại để thủ huyết [37]. (Tất cả) nằm trên Túc Thái dương kinh [38].

Đờm (khí) xuất ra ở huyết Khiếu Âm, huyết Khiếu Âm nằm ở đầu ngón áp út phía ngón út, thuộc huyết Tĩnh kim [39]. Nó “lưu” vào huyết Hiệp Khê, huyết Hiệp Khê nằm ở khe chân của ngón út và áp út, thuộc huyết Huỳnh [40]. Nó “chú” vào huyết Lâm Khấp, huyết Lâm Khấp nằm ở chỗ lõm, cách trên (huyết Hiệp Khê) 1 thốn rưỡi, thuộc huyết Du [41]. Nó “quá” nơi huyết Khâu Khư, huyết Khâu Khư nằm ở chỗ lõm, trước dưới mắt cá ngoài, thuộc huyết Nguyên [42]. Nó “hành” vào huyết Dương Phụ, huyết Dương Phụ nằm trên mắt cá ngoài, nằm trước xương phụ cốt và ở đầu xương tuyết cốt, thuộc huyết Kinh [43]. Nó ‘nhập’ vào huyết Lăng tuyền thuộc Dương, huyết Lăng tuyền thuộc Dương nằm ở chỗ lõm, phía ngoài đầu gối, thuộc huyết Hợp - duỗi chân ra để thủ huyết [44]. (Tất cả) đều nằm trên đường Túc Thiếu dương kinh [45].

Vị (khí) xuất ra ở huyết Lệ Đoài, huyết Lệ Đoài nằm ở đầu ngón chân trở gần ngón chân cái, thuộc huyết Tĩnh kim [46]. Nó “lưu” vào huyết Nội Đình, huyết Nội Đình nằm ở khe của phía ngoài ngón chân trở, thuộc huyết Huỳnh [47]. Nó “chú” vào huyết Hãm Cốc, huyết Hãm Cốc nằm ở khe trên ngón giữa, chỗ lõm phía trên (huyết Nội đình) 2 thốn, thuộc huyết Du [48]. Nó “quá” nơi huyết Xung Dương, huyết Xung Dương nằm ở chỗ lõm, từ nơi bàn chân (ngón chân) lên trên 5 thốn, thuộc huyết Nguyên - Dao động (bàn) chân để thủ huyết [49]. Nó “hành” vào huyết Giải Khê, huyết Giải Khê nằm trên huyết Xung Dương 1 thốn rưỡi, thuộc huyết Kinh [50]. Nó “nhập” vào huyết Hạ Lăng, huyết Hạ Lăng nằm dưới đầu gối 3 thốn, phía ngoài xương ống chân, đó là huyết Tam Lý, thuộc huyết Hợp [51]. Lại đi xuống dưới huyết Tam Lý 3 thốn là huyết Cự Hư Thượng Liêm [52]. Lại đi xuống dưới huyết Cự Hư Thượng Liêm 3 thốn nữa là huyết Cự Hư Hạ Liêm [53]. Đại trường thuộc thượng, Tiểu trường thuộc phía dưới (hạ)ĩ, đều là mạch khí của túc Dương minh Vị [54]. Đại trường và Tiểu trường đều thuộc vào Vị nên đều (có ảnh hưởng với) Túc Dương minh vậy [55].

Tam tiêu (khí) lên trên hợp với Thủ Thiếu dương, và xuất ra ở huyết Quan Xung, huyết Quan Xung nằm ở đầu ngón tay áp út, về phía ngón út, thuộc huyết Tĩnh Kim [56]. Nó “lưu” vào huyết Dịch Môn, huyết Dịch Môn nằm ở trong khe giữa ngón áp út, thuộc huyết Huỳnh [57]. Nó “chú” vào huyết Trung Chử, huyết Trung Chử nằm ở chỗ lõm ngoài sau xương bản tiết, thuộc huyết Du [58]. Nó “quá” nơi huyết Dương Trì, huyết Dương Trì nằm ở chỗ lõm của cổ tay, thuộc huyết Nguyên [59]. Nó “hành” vào huyết Chi Câu, huyết Chi Câu nằm ở chỗ lõm vào giữa hai xương, cách cổ tay ba thốn, thuộc huyết Kinh [60]. Nó “nhập” vào huyết Thiên Tĩnh, huyết Thiên Tĩnh nằm ở chỗ lõm ngay trên đầu xương mép ngoài khủy tay, thuộc huyết Hợp - co cánh chỏ lại để thủ huyết [61].

Huyệt hạ du của Tam tiêu nằm ở trước ngón chân cái và sau kinh Thiếu dương, xuất ra ở kheo chân ở mép ngoài, gọi là huyệt Ủy dương, đó là huyệt lạc của kinh Thái dương [62]. (Tất cả) các huyệt trên đều nằm trên Thủ Thiếu dương kinh [63].

Kinh Tam tiêu đặt dưới sự lãnh đạo của Túc Thiếu dương và Thái âm, là biệt mạch của kinh Thái dương, nó lên khỏi mắt cá năm thốn rồi biệt nhập xuyên qua “bắp chuối” chân, ra ở huyệt Ủy Dương, tức là cùng với chi biệt (chính) của kinh Bàng quang nhập vào chỗ nếp nhăn để lạc với kinh Bàng quang [64].

Hạ tiêu bị thực thì bị chứng lung bế (bí tiểu), hư thì bệnh đái dầm [65]. Bị bệnh đái dầm thì nên châm bổ, bị bệnh lung bế thì nên châm tả [66].

Kinh Thủ Thái dương Tiểu trường (khí) lên trên hợp với với kinh Thiếu dương, xuất ra ở huyệt Thiếu Trạch, huyệt Thiếu Trạch nằm ở đầu ngón tay út, thuộc huyệt Tĩnh Kim [67]. Nó “lưu” vào huyệt Tiền Cốc, huyệt Tiền Cốc nằm ở mép ngoài bàn tay, ngay xương bản tiết, thuộc huyệt Huỳnh [68]. Nó “chú” vào huyệt Hậu Khê, huyệt Hậu Khê nằm ở sau bản tiết, mép ngoài bàn tay, thuộc huyệt Du [69]. Nó “quá” nơi huyệt Uyển Cốt, huyệt Uyển Cốt ở trước xương cổ tay, mép ngoài bàn tay, thuộc huyệt Nguyên [70]. Nó “hành” vào huyệt Dương Cốc, huyệt Dương Cốc ở chỗ lõm phía dưới của xương nhô lên (nhuệ cốt) thuộc huyệt Kinh [71]. Nó “nhập” vào huyệt Tiểu Hải, huyệt Tiểu Hải ở chỗ lõm ngoài xương to, phía trongkhủy tay, cách đầu khủy tay nửa thốn [72]. (Tất cả) đều nằm trên Thủ Thái dương kinh [73].

Đại trường (khí) lên trên hợp với Thủ Dương minh, xuất ra ở huyệt Thương Dương, huyệt Thương Dương nằm ở đầu ngón tay trở, phía ngón tay cái, thuộc huyệt Tĩnh Kim [74]. Nó “lưu” vào trước xương bản tiết, đó là huyệt Nhị Gian, thuộc huyệt Huỳnh[75]. Nó “chú” vào sau xương bản tiết, đó là huyệt Tam Gian, thuộc huyệt Du [76]. Nó “quá” nơi huyệt Hợp Cốc, huyệt Hợp Cốc nằm ở trong khoảng giữa của xương kỳ cốt, thuộc huyệt Nguyên [77]. Nó “hành” vào huyệt Dương Khê, huyệt Dương Khê nằm ở chỗ lõm vào của xương phụ cốt, phía ngoài khủy tay - co tay lại để thủ huyệt, thuộc huyệt Hợp [78]. (Tất cả) đều nằm trên Thủ Dương minh kinh [79].

Trên đây gọi là các huyệt du của ngũ tạng, lục phủ [80]. Ngũ ngũ là nhị thập ngũ huyệt du, lục lục là tam thập lục huyệt du vậy [81].

Lục phủ đều xuất ra ở tam Dương của Túc và lên trên hợp với Thủ [82]. Huyệt nằm giữa Khuyết bồn thuộc Nhậm mạch, gọi tên là huyệt Thiên Đột, đó là hàng mạch thứ

nhất [83]. Động mạch nằm ở bên cạnh Nhậm mạch thuộc kinh Túc Dương minh, gọi tên là huyết Nhân Nghênh, đó là hàng mạch thứ hai[84]. Huyết thuộc kinh Thủ Dương minh, gọi tên là huyết Phù Đột, đó là hàng mạch thứ ba [85]. Huyết thuộc kinh Thủ Thái dương, gọi tên là huyết Thiên Song, đó là hàng mạch thứ tư [86]. Huyết thuộc kinh Túc Thiếu dương, gọi tên là huyết Thiên Dung, đó là hàng mạch thứ năm [87]. Huyết thuộc kinh Thủ Thiếu dương, gọi tên là huyết Thiên Dũ, đó là hàng mạch thứ sáu [88]. Huyết thuộc kinh Túc Thái dương, gọi tên là huyết Thiên Trụ, đó là hàng mạch thứ bảy [89]. Mạch nằm ở ngay chính giữa cổ thuộc Đốc mạch, huyết này gọi là huyết Phong Phủ [90]. Huyết nằm ở động mạch phía trong nách thuộc kinh thủ Thái âm, gọi tên là huyết Thiên Phủ [91]. Huyết nằm ở dưới nách 3 thốn, thuộc kinh Thủ Tâm chủ, gọi tên là huyết Thiên Trì [92].

Khi châm huyết Thượng Quan, nên há miệng không nên chum miệng [93]. Khi châm huyết Hạ Quan, nên chum miệng không nên há miệng [94]. Khi châm huyết Độc Ty nên co chân không nên duỗi chân [95]. Khi châm 2 huyết Nội Quan và Ngoại Quan nên duỗi tay không nên co tay [96].

Huyết Du thuộc động mạch của kinh Túc Dương minh áp tựa vào cổ họng đi xuống dọc 2 bên ngực (ưng) [97]. Kinh thủ Dương minh nằm ngoài các du huyết của (kinh Túc Dương Minh) không đến (cách khoảng) dưới quai hàm 1 thốn [98]. Kinh Thủ Thái dương (tức huyết Thiên song) nằm ngang quai hàm [99]. Huyết của kinh Túc Thiếu dương ở sau quai hàm và dưới tai (Thiên Dung) [100]. Huyết của kinh Thủ Thiếu dương xuất ra ở sau tai, lên trên ở trên xương hoàn cốt. (Huyết Thiên Dũ) [101]. Huyết của kinh Túc Thái dương nằm ở mí tóc giữa đường gân lớn áp tựa vào cổ gáy [102]. Huyết Ngũ Lý nằm ở động mạch trên huyết Xích Trạch có quan hệ với Âm khí, đây là huyết cấm trong ngũ du [103].

Phế Hợp với Đại trường [104]. Đại trường là phủ “truyền đạo” [105]. Tâm hợp với Tiểu trường [106]. Tiểu trường là phủ “chứa đựng” [107]. Can hợp với Đờm[108]. Đờm là phủ “nhận cái tinh khiết” [109]. Tỳ hợp với Vị [110]. Vị là phủ của “ngũ cốc” [111]. Thận hợp với Bàng quang [112]. Bàng quang là phủ của “tân dịch” [113]. Kinh Thiếu dương thuộc Thận, Thận đi lên trên liên hệ với Phế, cho nên (1 mình nó) lãnh đạo (tướng) cả 2 tạng [114]. Tam tiêu là phủ “trung độc”, thủy đạo xuất ra từ đáy, thuộc vào Bàng quang, đó là 1 phủ “có: 1 mình” [115]. Trên đây là những nơi mà lục phủ thuộc vào [116].

Mùa xuân nên thủ huyết ở lạc mạch, các huyết Huỳnh, các huyết trong khoảng phận nhục và đại kinh [117]. Nếu bệnh nặng châm sâu, nếu bệnh trong khoảng phận nhục nên châm cạn [118].

Mùa hạ nên thủ huyết ở các huyết Du, tôn lạc hoặc trên bì phu, cơ nhục [119].

Mùa thu nên thủ huyết ở các huyết Hợp và còn lại là theo như phép châm của mùa xuân [120].

Mùa đông nên thủ các huyết Tĩnh, các huyết Du, đó là vì muốn lưu kim lâu hơn để thủ khí ở sâu hơn [121].

Đây là ý nghĩa của thứ tự 4 mùa, của “chỗ ở” của khí, của “chỗ ở tạm” của bệnh, của sự thích nghi của mỗi tạng [122].

Bệnh về chuyển gân nên cho bệnh nhân đứng để thủ huyết châm có thể làm cho dễ chịu và lành bệnh [123].

Bệnh về nuy quyết nên để người bệnh (nằm ngửa) giang tay chân ra để châm, làm cho bệnh nhân thấy dễ chịu ngay [124].

Y học cổ truyền LINH KHU Part 2



THIÊN 3: TIỂU CHÂM GIẢI

Khi nói rằng: Dễ trình bày (dị trần) có nghĩa là dễ nói [1]. Khó vào (nan nhập) có nghĩa là khó làm cho người khác sáng tỏ vấn đề [2]. Sự vụng về (thô thủ hình) là lo giữ về mặt hình thái của bệnh, có nghĩa là (người châm) chỉ lo giữ lấy phép châm [3]. Sự khéo léo (thượng thủ thần) là phải lưu ý đến thần khí, có nghĩa là (người châm) phải chú ý đến huyết khí của người bệnh đang hữu dư hay bất túc để mà bổ tả [4]. ‘Thần’ tức là chỉ vào chính khí [5]. ‘Khách’ tức là chỉ vào tà khí [6]. Tại cửa, ý nói tà khí tuần hành theo chính khí để ra vào (thân thể) [7]. Chưa thấy được bệnh ở đâu ? có nghĩa là đặt vấn đề biết trước tà khí hay chính khí đang ở kinh nào đang bệnh [8]. Làm sao biết được nguyên gốc của bệnh? có nghĩa là (người châm) biết được trước kinh bị bệnh, và nên thủ huyết chỗ nào [9]. Sự vi diệu của phép châm là ở chỗ nhanh hay chậm, đó là nói về vấn đề châm hay nhanh [10]. Phương pháp vụng về (thô thủ quan) là chỉ lo giữ lấy phép châm, ý nói người châm chỉ biết lo giữ lấy tứ chi mà không biết tới sự vãng lai của huyết khí, của chính khí hay tà khí [11]. Phương pháp khéo léo (thượng thủ cơ) là lo giữ cơ (ý nói người châm biết giữ lấy khí) [12]. Động của cơ là người châm không được rời sự chú ý của mình đối với huyết khí, ý nói người châm biết được sự hư thực của khí để dụng châm nhanh hay chậm [13]. Cơ của huyết khí vận hành một cách thanh tịnh, cho nên phải chú ý 1 cách tinh vi, ý nói khi châm phải đợi cho đắc khí, ngầm ý nói rằng phải giữ lấy khí đừng để cho mất [14]. Không nên đón gập khi nó đến, ý nói rằng khi khí thịnh thì không nên châm bổ [15]. Không nên rượt theo khi nó ra đi, ý nói rằng khi khí hư thực thì không nên châm tả [16]. Không để sai sót dù là việc nhỏ bằng 1 sợi tóc, là có ý nói rằng khí dễ bị mất [17]. Đánh vào nó, nó cũng không phát, ý nói (người châm) không biết vấn đề bổ hay tả, như vậy dù cho có làm cho huyết khí bị kiệt tận đi nữa thì bệnh khí cũng không ứng [18]. Biết được con đường tới lui của khí, có nghĩa là biết được sự nghịch thuận hay thịnh suy của khí [19]. Biết được lúc nào thủ huyết để châm, có nghĩa là biết cái “thời” thủ huyết để đắc khí [20]. Sự tối tăm khi chỉ biết có cái thô, ý nói (người châm) bị mờ tối không biết sự vi diệu và kín đáo của khí [21]. Khéo léo thay cho người nào biết rõ châm ý, có nghĩa là sự hiểu biết tường tận về châm ý [22].

Khí tới (vãng) gọi là nghịch, ý nói khi khí bị hư thì mạch bị tiểu, chữ “tiểu” có nghĩa là nghịch [23]. Khí lui (lai) gọi là thuận, ý nói sự “bình” của hình và khí, chữ “bình” có nghĩa là thuận [24]. Biết được sự nghịch hay thuận thì sẽ thực hành việc châm bằng con đường chính đạo, không còn thắc mắc gì nữa, ý nói (người châm) biết được nơi nào phải thủ huyết nào [25]. Khí nghịch mà châm đoạt, ý nói là châm tả [26]. Rượt theo để cứu thêm, ý nói là châm bổ [27].

Khi nói rằng: Hư thì châm theo thực, ý nói mạch khí khẩu hư nên châm bổ [28]. Mãn thì châm theo tiết (tả), ý nói mạch khí khẩu thịnh nên châm tả [29]. Tà khí bị tích lâu ngày thì phải trừ đi, ý nói phải châm xuất huyết ở mạch [30]. Tà khí thắng thì dùng phép châm hư, ý nói rằng nếu ở các kinh có thịnh khí, nên châm tả khí đi [31]. Châm rồi nhanh gọi là châm thực, ý nói lúc châm vào phải thật chậm, khi rút kim ra phải nhanh [32]. Nhanh rồi châm gọi là châm hư, ý nói lúc châm vào phải nhanh, rút kim ra thật chậm [33]. Khi nói ‘thực và hư’ là muốn nói đến một cái gì như có, như không có, là có ý nói rằng thực tức là hữu khí, còn hư tức là vô khí [34]. Xét sau và trước như còn như mất, ý nói về sự hư thực của khí và vấn đề bổ tả trước và sau, xét khi nào khí đã trở lại như bình thường [35].

Khi nói đến hư và thực là muốn nói đến một cái gì như có như không có, ý nói rằng khi châm bổ, ta sẽ phải cảm thấy như (nơi dưới mũi kim) đang có một cái gì tràn ngập, khi châm tả, ta sẽ thấy như đang bị đánh mất một cái gì một cách không rõ ràng [36]. Ôi ! Khí ở tại mạch : tà khí trúng thì ở trên, ý nói rằng khi tà khí trúng vào người thì ở trên, cho nên mới nói ‘tà khí tại thượng’ vậy [37]. Trọc khí (trúng) thì ở giữa, ý nói thủy cốc đều nhập vào Vị, tinh khí của nó lên trên ‘rót’ vào Phế, trọc khí của nó lưu chảy (giữ lại) nơi Trường Vị, nếu sống không thích ứng được với sự ẩm lạnh, và nếu ăn uống không điều độ thì bệnh sẽ xảy ra nơi Trường Vị, đó là ý nghĩa của câu ‘Trọc khí tại trung’ vậy [38]. Thanh khí trúng thì ở dưới, ý nói địa khí thanh và thấp, khi trúng vào người, ắt sẽ bắt đầu từ chân, đó là ý nghĩa của câu ‘Thanh khí tại hạ’ vậy [39]. Châm vào hãm mạch thì tà khí bị xuất ra, có nghĩa là đuổi dương tà đang ở trên [40]. Châm trung mạch thì tà (trọc) khí xuất ra, đây nói là phải thủ huyết Hợp của kinh Túc Dương minh [41]. Châm vào quá sâu thì, ngược lại, tà khí trầm xuống, ý nói rằng những bệnh cận và nổi (bên ngoài) không nên châm quá sâu, bởi vì nếu châm sâu thì tà khí sẽ nhân theo để nhập vào cơ thể, đó là ý nghĩa của chữ ‘phản trầm’[42]. Bì nhục cân mạch, mỗi bộ phận đều có chỗ ở của nó, ý nói kinh hay lạc đều có chỗ làm chủ của nó [43]. Nếu châm vào các du huyết của ngũ tạng thì sẽ chết, là có ý nói rằng bệnh đang ở giữa, khí đang bắt túc, nhưng chỉ dụng châm để đại tả đến tận các mạch khí của các kinh Âm [44]. Châm vào mạch của tam Dương, ý nói có một điều là tả đến tận khí của tam Dương, làm cho bệnh nhân bị suy tàn mà không thể phục hồi được [45]. Châm đoạt Âm thì chết, ý nói thủ huyết ‘Xích chi ngũ lý’, đó là theo lối “ngũ vãng” vậy [46]. Châm đoạt Dương thì sẽ cuồng, ý nói cũng như ở trên (châm tam Dương)[47] . Quan cái sắc, sát đôi mắt, sẽ biết được bệnh đã hết hay còn trở lại, chuyên chú vào bệnh hình của bệnh nhân, theo dõi sự động tĩnh của của bệnh, ý nói (người) thầy thuốc giỏi phải biết rõ sự biểu hiện của ngũ sắc nơi mắt (người bệnh), lại phải biết sự điều hòa của các dạng mạch Xích,

Thốn, Tiểu, Đại, Hoãn, Cấp, Hoạt, Sắc để kết luận về nguồn gốc của bệnh [48]. Biết được điều tà và chính, có nghĩa là biết luận được thể nào là hư tà phong và chính tà phong [49]. Tay mặt đẩy kim vào, tay trái nắm vững kim, ý nói về sự nắm vững kim để châm vào hay rút ra [50]. Khi nào khí đến thì rút kim ra, ý nói áp dụng phép bổ tả khi nào khí được điều hòa thì rút kim ra, sự điều hòa khí nằm ở chỗ biết được sự chung thủy của (sự vận hành) của nó [51]. ‘Nhất’ ở đây có nghĩa là sự chuyên tâm của người thầy thuốc [52]. Chỗ giao nhau của tiết có 365 hội, là có ý nói đến vai trò của lạc mạch trong việc tưới thấm các “tiết” vậy [53]. Điều gọi là khí của ngũ tạng đã tuyệt bên trong, là ý muốn nói rằng nhờ ở mạch khẩu mà biết được khí đã bị tuyệt bên trong, không đến nữa, trong lúc đó thì chỉ lo đến cái biểu hiện bề ngoài của bệnh và thủ các huyết Hợp của kinh Dương, lưu kim để chờ cho được Dương khí, khi Dương khí đến thì bên trong sẽ bị ‘trùng kiệt’ [54]. Bị ‘trùng kiệt’ thì phải chết [55]. Khi chết vì vô khí để động cho nên cái chết trong tình trạng ‘tĩnh’ [56]. Điều gọi là khí của ngũ tạng đã bị tuyệt bên ngoài, là muốn nói rằng nhờ ở mạch khẩu mà biết được khí đã bị tuyệt bên ngoài, không đến nữa, trong lúc đó thì ngược lại, chỉ lo thủ các huyết du ở tứ chi, lưu kim để chờ Âm khí đến, khi Âm khí đến thì Dương khí bị phản nhập [57]. Dương khí nhập thì sẽ bị nghịch, nghịch thì phải chết [58]. Khi chết trong tình trạng Âm khí hữu dư, cho nên bị xao động [59]. Sở dĩ đặt vấn đề ‘sát đôi mắt’ là vì khí của ngũ tạng sẽ có thể làm cho ngũ sắc của đôi mắt bị sáng chói, mắt bị sáng chói thì kéo theo âm thanh bị gắt to lên [60]. Khi âm thanh bị gắt to lên, lúc bấy giờ lời nói và âm thanh sẽ khác với lúc bình thường vậy [61].

THIÊN 4: TÀ KHÍ TẠNG PHỦ BỆNH HÌNH

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: “Tà khí trúng vào người thì thể nào ?” [1].

Kỳ Bá đáp : “Tà khí trúng vào người thì trúng vào chỗ cao” [2].

Hoàng Đế hỏi: “Cao hay thấp, có phân độ gì không ?” [3].

Kỳ Bá đáp : “Từ nửa thân mình trở lên do tà khí trúng vào, từ nửa thân hình trở xuống do thấp khí trúng vào [4]. Cho nên mới nói rằng tà khí khi trúng vào người thì không ở vào 1 nơi nhất định, trúng vào Âm thì lưu chảy vào phủ, trúng vào Dương thì lưu chảy vào kinh [4].

Hoàng đế hỏi: “Âm và Dương, tuy có tên gọi khác nhau, nhưng cùng đồng loại với nhau, trên dưới cùng tương hội, kinh và lạc quán thông nhau như chiếc vòng ngọc không đầu mối [5]. Nay tà khí trúng vào người, có khi trúng vào Âm, có khi trúng vào

Dương, trên dưới, trái phải, không ở hẳn vào 1 nơi ‘hàng thường’ nào cả [6]. Lý do nào đã khiến như thế?”[7]

Kỳ Bá đáp : “Chỗ hội của các kinh Dương đều ở nơi mặt [8]. Tà khí trúng vào người vào lúc mà (nguyên khí) bị hư, (tà khí) ‘thừa’ lúc đó (để vào), hoặc lúc mới dùng quá sức, hoặc ăn uống mồ hôi ra, tẩu lý mờ, do vậy mà tà khí mới trúng vào [9]. Khi tà khí trúng vào mặt thì nó theo xuống dưới bằng đường kinh Dương minh [10]. Khi tà khí trúng vào cổ gáy, thì nó theo xuống dưới bằng đường kinh Thái dương [11]. Khi tà khí trúng vào má thì nó theo xuống dưới bằng đường kinh Thiếu dương [12]. Khi tà khí trúng vào ngực và lưng, hai bên sườn thì cũng giống như là trúng vào các kinh (Dương) vậy” [13].

Hoàng Đế hỏi: “Tà khí trúng vào kinh Âm thì thế nào ?” [14].

Kỳ Bá đáp : “Tà khí trúng vào kinh Âm thường theo vùng cánh tay và cẳng chân mà bắt đầu [15]. Ôi ! Cánh tay và cẳng chân có phần da mép trong (Âm bì) mỏng, thịt nhuận mà mềm, cho nên cùng thọ phong tà mà chỉ độc thương ở Âm mà thôi” [15].

Hoàng Đế hỏi: “Nguyên nhân trúng tà này có làm thương đến tạng không ?” [16].

Kỳ Bá đáp : “Thân thể con người khi trúng phong, không nhất định là phải làm thương đến tạng [17]. Bởi vì khi tà khí nhập vào theo con đường kinh Âm, bấy giờ tạng khí còn thực, tà khí vào, nhưng không thể ‘ở khách’, vì thế nó phải quay trở lại phủ [18]. Cho nên mới nói rằng: “Tà khí trúng vào Dương thì lưu chảy vào kinh, trúng vào Âm thì lưu chảy vào phủ” [19].

Hoàng Đế hỏi: “Tà khí khi trúng vào tạng của con người thì thế nào ?” [20].

Kỳ Bá đáp : “Buồn sầu, ưu tư, sợ hãi làm tổn thương đến Tâm, thân hình đang bị lạnh, lại uống thức uống lạnh vào thì sẽ làm tổn thương đến Phế, nếu để cho 2 cái hàn (trong và ngoài) cùng cảm thì trong và ngoài đều bị thương, cho nên khí bị nghịch mà thượng hành. có khi bị té xuống, ác huyết giữ vào bên trong, hoặc có khi có việc phải giận dữ, khí lên mà không xuống được, để rồi tích ở dưới sườn, sẽ làm thương đến Can [21]. Có khi bị đánh, té, hoặc uống rượu say rồi làm chuyện trai gái, hoặc mồ hôi mà đứng trước gió, tất cả sẽ làm thương đến Ty [22]ø. Có khi dùng quá sức, gánh vác vật nặng, hoặc làm chuyện trai gái quá độ, mồ hôi ra tắm thì sẽ làm thương đến Thận” [23].

Hoàng Đế hỏi: “Ngũ tạng bị trúng phong như thế nào ?” [24].

Kỳ Bá đáp : “Chỉ khi nào Âm lẫn Dương đều bị cảm thì tà khí mới có cơ hội ‘tấn công’ vào” [25].

Hoàng Đế nói: “Đúng vậy thay !” [26].

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá rằng: “Đầu mặt và thân hình, thuộc vào nhau do cốt (xương), liền vào nhau bởi gân (gân), đồng huyết, hợp khí [27]. Mỗi khi trời lạnh, có thể làm nứt đất, đóng băng, khi cơn lạnh đến vội sẽ làm cho tay chân bị bủn rủn, trong lúc đó thì gương mặt của người không cần che lại tại sao thế ?” [28].

Kỳ Bá đáp : 12 kinh mạch, 365 lạc, huyết khí (của chúng) đều lên mặt và thoát ra bằng những không khiêu [29]. Khí ‘tinh Dương’ thì chạy lên trên vào mắt thành ra tinh khí, khí ‘biệt’ chạy lên trên thoát ra mũi thành ra xú khí, khí ‘trọc’ xuất ra ở Vị chạy lên trên môi và lưỡi thành vị khí [30]. Tân dịch của các khí đều lên trên hơi ẩm gương mặt, hơn nữa da mặt lại dày, bắp thịt cứng hơn [31]. Cho nên, dù thiên khí có lạnh đến đâu cũng không ‘thắng’ được (sức chịu lạnh của mặt) vậy” [32].

Hoàng Đế hỏi: “Khi tà khí trúng vào người thì bệnh hình như thế nào?” [33].

Kỳ Bá đáp : “Hư tà khí trúng vào thân thì thân hình sẽ như có lúc dao động và rợn người. Chính tà khí trúng vào thân thì sẽ nhẹ hơn. Trước hết nó hiện ra ở sắc mặt, không cảm thấy gì ở thân, như có không, như hết như còn, khó mà nắm được đầy đủ sự bộc lộ ra ngoài” [34].

Hoàng Đế nói: “Đúng vậy thay !” [35].

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá rằng: “Ta nghe nói: Thấy được sắc diện mà biết được bệnh, gọi là ‘minh’, ấn mạch mà biết được bệnh, gọi là ‘thần’, hỏi bệnh mà biết được nơi bệnh, gọi là ‘công’[36]. Ta mong được nghe rằng làm thế nào để có thể thấy được sắc diện mà biết bệnh, ấn mạch mà biết bệnh, hỏi bệnh mà biết được đến nơi ?” [37].

Kỳ Bá đáp : “Ôi ! Sắc mặt tương ứng với nơi bì phu của bộ xích, giống như sự tương ứng với tiếng dùi trống đánh trống, không thể để cho “thất điệu” với nhau [38]. Đây cũng là những chứng hậu xuất ra có gốc, có ngọn, có rễ, có lá [39]. Cho nên nếu cái gốc chết thì cái lá sẽ khô vậy [40]. Sắc mặt và hình nhục không thể cùng thất điệu với

nhau [41]. Cho nên, biết một gọi là ‘công’, biết hai gọi là ‘thần’, biết ba gọi là ‘thần và minh’ vậy” [42].

Hoàng đế nói: “Ta mong được nghe cho hết” [43].

Kỳ Bá đáp : “Sắc mặt xanh thì mạch phải Huyền, sắc mặt đỏ thì mạch phải Câu, sắc mặt vàng thì mạch phải Đại, sắc mặt trắng thì mạch phải Mao, sắc mặt đen thì mạch phải Thạch. Thấy được sắc diện mà không đắc được mạch tương ứng, ngược lại chỉ đắc được mạch tương xứng, như vậy là chế [44]. Khi nào đắc mạch tương sinh thì bệnh xem như là đã giảm rồi” [45].

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá rằng: Bệnh hình của sự biến hóa sinh ra từ ngũ tạng như thế nào? [46]

Kỳ Bá đáp : Trước hết phải định sự tương ứng giữa ngũ sắc và ngũ mạch sau đó mới định được bệnh chứng [47].

Hoàng Đế hỏi: Sắc mặt đã định xong rồi phải phân biệt như thế nào nữa ? [48]

Kỳ Bá đáp : Phải “sát” được sự hoãn, cấp, tiểu, đại, hoạt, sắc của mạch, được vậy thì mới định được sự biến của bệnh [49].

Hoàng Đế hỏi: “Sát” như thế nào ? [50]

Kỳ Bá đáp : Mạch cấp thì nơi bì phu của bộ xích cũng cấp, mạch hoãn thì nơi bì phu của bộ xích cũng hoãn, mạch tiểu thì nơi bì phu của bộ xích cũng gầy yếu và thiếu khí, mạch đại thì nơi bì phu của bộ xích cũng phồng lên, mạch hoạt thì nơi bì phu của bộ xích cũng hoạt, mạch sắc thì nơi bì phu của bộ xích cũng sắc [51]. Phàm tất cả sự biến này, có vi, có thậm [52]. Cho nên, người nào khéo “sát” được bộ xích thì không cần đến bộ thốn, người nào khéo “sát” được mạch thì không cần đợi ở sắc diện, người nào có thể “tham hợp” tất cả để ứng hành thì đáng gọi là “thượng công”, thượng công thì mười trường hợp có thể thành công đến chín, người nào có thể ứng hành được hai thì được gọi là “trung công”, trung công thì mười trường hợp có thể thành công đến bảy, người nào chỉ ứng hành được một thì gọi là “hạ công”, hạ công thì mười trường hợp chỉ thành công có sáu [53].

Hoàng đế nói: “Ta xin được hỏi về bệnh hình của các mạch hoãn, cấp, tiểu, đại, hoạt, sắc, như thế nào ?” [54].

Kỳ Bá đáp : “Thần xin nói về bệnh biến thuộc ngũ tạng” [55].

Tâm mạch, khi cấp thậm gây thành chứng khiết tòng, khi vi cấp gây thành chứng Tâm thống, dẫn ra đến sau lưng, ăn không xuống [56].

Tâm mạch, khi hoãn thậm gây thành chứng cười như điên, khi vi hoãn gây thành chứng Phục lương, ở dưới Tâm, chạy lên chạy xuống, thường hay bị thổ huyết [57].

Tâm mạch, khi đại thậm gây thành chứng như có vật gì cứng chặn ngang trong cổ họng, khi vi đại gây thành chứng Tâm tý, dẫn ra đến sau lưng, dễ chảy nước mắt [58].

Tâm mạch, khi tiểu thậm gây thành chứng dễ ói, khi vi tiểu gây thành chứng tiêu đơn [59].

Tâm mạch, khi hoạt thậm gây thành chứng Tâm sán, dẫn xuống đến rún, vùng tiểu phúc kêu [60].

Tâm mạch, khi sắc thậm gây thành chứng cảm, khi vi sắc gây thành chứng huyết tràn, chứng duy quyết, tai kêu và điên tật [61].

Phế mạch, khi cấp gây thành chứng điên tật, khi vi cấp gây thành chứng Phế hàn nhiệt, lười biếng, uể oải, ho, ói ra máu, dẫn đến vùng thất lưng, lưng và ngực, trong mũi có mọc cục thịt làm cho mũi không thông [62].

Phế mạch, khi hoãn thậm gây thành chứng ra nhiều mồ hôi, khi vi hoãn gây thành chứng nuy lỗ, thiên phong, từ đầu trở xuống mồ hôi ra không dứt [63].

Phế mạch, khi đại thậm gây thành chứng sưng thũng từ gót chân đến gối, khi vi đại gây thành chứng Phế tý dẫn đến vùng ngực và lưng, khi thức dậy sợ mặt trời [64].

Phế mạch, khi tiểu thậm gây thành chứng tiêu chảy, khi vi tiểu gây thành chứng tiêu đơn [65].

Phế mạch, khi hoạt thậm gây thành chứng tức bồn, thương khí, khi vi hoạt gây thành chứng ra máu mũi miệng ở trên và ra máu ở tiểu và đại tiện [66].

Phế mạch, khi sắc thậm gây thành chứng ới ra máu, khi vi sắc gây thành chứng thử lữ ở khoảng cổ và dưới nách, đó là vì hạ khí không thăng được thượng khí, đưa đến kết quả là chân và gối bị mềm yếu vậy [67].

Can mạch, khi cấp thậm gây thành chứng nói xàm bậy bạ, khi vi cấp gây thành chứng phì khí, ở dưới sườn như cái ly úp xuống [68].

Can mạch, khi hoãn thậm gây thành chứng dễ ới, khi vi hoãn gây thành chứng thủy hà và tý [69],

Can mạch, khi đại thậm gây thành chứng nội ung, dễ ới, chảy máu mũi, tai; khi vi đại gây thành chứng Can tý, chứng teo bộ sinh dục, khi ho sẽ đau dẫn đến tiểu phúc [70].

Can mạch, khi tiểu thậm gây thành chứng uống nhiều, khi vi tiểu gây thành chứng tiêu đơn [71].

Can mạch, khi hoạt thậm gây thành chứng đòi sán, khi vi hoạt gây thành chứng đái dầm [72].

Can mạch, khi sắc thậm gây thành chứng uống nhiều, khi vi sắc gây thành chứng khiết luyến, cân tý [73].

Tỳ mạch, khi cấp thậm gây thành chứng khiết túng, khi vi cấp gây thành chứng cách trung, ăn uống vào bị ới trở ra, hậu môn tiêu ra phân có bọt [74].

Tỳ mạch, khi hoãn thậm gây thành chứng nuy quyết, khi vi hoãn gây thành chứng phong nuy, tứ chi yếu, không co duỗi được, trong lúc đó Tâm lại bình thường như không có bệnh [75].

Tỳ mạch, khi đại thậm gây thành chứng bệnh như bị đánh sắp té xuống, khi vi đại gây thành chứng sán khí, bụng như ôm một cái gì to lớn, đó là mủ và máu ở bên ngoài Trường và Vị [76].

Tỳ mạch, khi tiểu thậm gây thành chứng hàn nhiệt, khi vi tiểu gây thành chứng tiêu đơn [77].

Tỳ mạch, khi hoạt thậm gây thành chứng đòi lung, khi vi hoạt gây thành chứng có trùng độc, loại hồi hạt, bụng bị nóng [78].

Tỳ mạch, khi sắc thậm gây thành chứng Trường đờ, khi vi sắc gây thành chứng nội đờ, đi tiểu ra nhiều mủ máu [79].

Thận mạch, khi cấp thậm gây thành chứng cốt điền tật, khi vi cấp gây thành chứng trầm quyết, chứng bồn độn, chân không co duỗi được, không tiểu tiện và đại tiện được [80].

Thận mạch, khi hoãn thậm gây thành chứng đau muốn gãy lưng, khi vi hoãn gây thành chứng động, chứng động làm cho ăn không tiêu hóa, ăn xuống liền bị ói trở ra [81].

Thận mạch, khi đại thậm gây thành chứng âm nuy, khi vi đại gây thành chứng thạch thủy, khởi lên từ rún xuống đến tiểu phúc, có vẻ nặng nề, bên trên lên đến Vị hoãn, chết, không trị được [82].

Thận mạch, khi tiểu thậm gây thành chứng động tiết, khi vi tiểu gây thành chứng tiêu đơn [83].

Thận mạch, khi hoạt thậm gây thành chứng lung đờ, khi vi hoạt gây thành chứng cốt nuy, ngồi xuống không đứng lên được, đứng lên thì mắt sẽ không thấy gì cả [84].

Thận mạch, khi sắc thậm gây thành chứng đại ung, khi vi sắc gây thành chứng không có kinh nguyệt và chứng nội trĩ trầm trọng [85].

Hoàng đế hỏi: “Lục biến của bệnh, phải châm như thế nào ?” [86].

Kỳ Bá đáp : “Các mạch cấp thì nhiều hàn, các mạch hoãn thì nhiều nhiệt, các mạch đại thì nhiều khí, ít huyết, các mạch tiểu thì huyết và khí đều ít, các mạch hoạt thì Dương khí thịnh, hơi có nhiệt, các mạch sắc thì nhiều huyết, ít khí, hơi có hàn [87]. Cho nên, khi châm các mạch cấp phải châm sâu vào trong và lưu kim thật lâu[88]. Khi châm các mạch hoãn, phải châm cạn vào trong và rút kim ra thật nhanh, nhằm giải bớt nhiệt[89]. Khi châm các mạch đại phải châm tả khí thật nhẹ, đừng cho xuất huyết [90]. Khi châm các mạch hoạt phải châm bằng cách rút kim ra thật nhanh mà châm vào thì phải cạn, nhằm tả bớt Dương khí, giải bớt nhiệt khí[91]. Khi châm các mạch Sắc, phải châm cho đúng với mạch, phải tùy theo lẽ ‘nghịch và thuận’ mà lưu kim lâu [92] . Trước hết phải án huyết, xoa, khi đã rút kim ra thì phải mau mau án ngay vào vết châm, nhằm mục đích làm cho huyết không xuất ra được, và cũng để làm cho mạch được hòa [93].

Khi gặp các mạch tiểu, đó là trường hợp mà Âm Dương, hình khí đều bất túc, đừng chọn huyết để châm mà chỉ nên điều hòa khí huyết bằng cam dược” [94].

Hoàng Đế hỏi: “Ta nghe khí của ngũ tạng, lục phủ, chỗ nhập của huyết Huỳnh và huyết Du gọi là huyết Hợp, vậy nó nhập theo con đường nào ?, nhập vào như thế nào để có sự liên hệ tương thông với nhau ?, Ta mong được nghe nguyên nhân đó” [95]..

Kỳ Bá đáp : “Đây là trường hợp Dương mạch biệt nhập vào bên trong thuộc về phủ” [96].

Hoàng đế hỏi: “Huyết Huỳnh, huyết Du và huyết Hợp, mỗi huyết có định danh hay không ?” [97].

Kỳ Bá đáp : “Huyết Vinh và huyết Du trị ngoại kinh, huyết Hợp trị nội phủ” [98].

Hoàng đế hỏi: “Trị nội phủ phải như thế nào ?” [99].

Kỳ Bá đáp : “Phải thủ huyết Hợp” [100].

Hoàng đế hỏi: “Huyết Hợp của Vị nhập vào huyết Tam lý, huyết Hợp của Đại trường nhập vào huyết Cự hư Thượng liên, huyết Hợp của Tiểu trường nhập vào huyết Cự hư hạ liên, huyết Hợp của Tam tiêu nhập vào huyết Ủy Dương, huyết Hợp của Bàng quang nhập vào huyết Ủy trung ương, huyết Hợp của Đởm nhập vào huyết Dương Lăng tuyền” Phải thủ huyết như thế nào?” [101].

Kỳ Bá đáp : “Thủ huyết Tam lý phải buông thấp bàn chân xuống, thủ huyết Cự hư phải đưa chân lên, thủ huyết Ủy dương phải co và duỗi chân, thủ huyết Ủy trung phải co (gối) lại, thủ huyết Dương lăng tuyền phải ngồi ngay thẳng, co gối, buông thẳng chân, kéo xuống bên mép ngoài huyết Ủy dương. Thủ các huyết ngoại kinh, phải duỗi ra, đưa tay chân ra một cách thoải mái để thủ huyết rồi theo đó mà trị liệu” [102].

Hoàng Đế nói: “Ta mong được nghe về bệnh của lục phủ” [103].

Kỳ Bá đáp : “Gương mặt nhiệt, đó là bệnh của kinh Túc Dương minh [104]. Chứng sung huyết nơi ngư lạc, đó là bệnh của kinh Thủ Dương minh [105]. Trên mu của 2 bàn chân mạch kiên mà hãm, đó là bệnh của kinh Túc Dương minh [106]. Đây là những chứng thuộc Vị mạch vậy [107].

Bệnh của Đại trường làm cho trong ruột đau quặn thắt và đồng thời sôi lên ồ ồ [108]. Nếu gặp mùa đông, bị trúng cảm bởi hàn khí thì sẽ bị chứng tiêu chảy, đau ngay ở phần rún, không thể đứng lâu được, cùng 1 chứng hậu với Vị, nên thủ huyết Cự Hư Thượng Liêm để chữa trị [109].

Bệnh của Vị làm cho bụng trưởng to lên, Vị hoãn sẽ đau thấu tới Tâm, chói lên trên vào 2 hông sườn, từ cách lên đến yết hầu không thông, ăn uống không xuống, nên thủ huyết Tam lý để chữa trị [110].

Bệnh của Tiểu trường làm cho tiểu phúc đau, cột sống ở thắt lưng không chế đến 2 hòn dái cũng bị đau nhức, lắm khi đau đến nỗi phải nghiêng ra phía sau mới chịu nổi, có khi trước tai bị nhiệt, có khi như thể là lạnh nhiều, hoặc như thể là mí mắt trên bị nhiệt nhiều, cho đến trong khoảng giữa ngón út và ngón áp út cũng bị nhiệt, như thể là mạch bị hãm, đó là những chứng bệnh hậu(của tiểu trường) vậy [111]. Bệnh của kinh Thủ Thái dương nên thủ huyết Cự Hư Hạ Liêm [112].

Bệnh của Tam tiêu làm cho phúc khí bị đầy, tiểu phúc cứng hơn, không tiểu tiện được khiến cho người bệnh bị quẫn bách, khi nước nhiều quá, sẽ lưu giữ lại một chỗ làm thành chứng trưởng [113].

Chứng hậu ở tại đại lạc bên ngoài kinh Túc Thái dương, đại lạc ở khoảng giữa kinh Thái dương và Thiếu dương, cũng hiện ra ở mạch, nên thủ huyết Ủy Dương để trị [114].

Bệnh của Bàng quang là làm cho tiểu phúc bị sưng thũng mà đau, dùng tay để ấn lên tức thì làm cho bệnh nhân muốn đi tiểu mà không tiểu được, trên mí mắt bị nhiệt, như thể là mạch bị hãm, cho đến ngoài ngón chân út lên đến sau mắt cá và cẳng chân đều bị nhiệt. Nếu mạch bị hãm nên thủ huyết Ủy Trung Ương để trị [115].

Bệnh của Đờm làm cho (bệnh nhân) dễ bị thở mạnh, miệng đắng, ói ra chất nhòn, dưới Tâm đập mạnh, hay lo sợ là có người sắp bắt lấy mình, trong cổ họng như có vật gì chặn ngang và thường hay khạc nhổ (nước bọt) [116]. Ở huyết gốc và ngọn của kinh Túc Thiếu dương, cũng có thấy được mạch bị hãm xuống, (trường hợp này) thích hợp với phép cứu [117]. Khi nào bị hàn nhiệt thì thủ huyết Dương Lăng Tuyền” [118].

Hoàng Đế hỏi: “Phép châm này có phải theo một đường lối nào không ?” [119].

Kỳ Bá đáp: “Châm theo phép này ắt phải châm đúng khí huyết, đừng châm trúng nhục tiết [120]. Nếu châm trúng khí huyết thì mũi kim sẽ như đang đi chơi nơi con đường hẻm rộng, còn nếu châm trúng nhục tiết sẽ làm cho phần bì phu bị đau [121]. Phép bổ tả mà áp dụng nghịch nhau thì bệnh sẽ càng nặng [122]. Nếu châm trúng cân (gân) sẽ làm cho cân bị hoãn (lơi lỏng), tà khí không xuất ra được, do đó nó sẽ đánh nhau với chân khí tạo thành cuộc hỗn loạn và không chịu ra đi, quay ngược vào trong để rồi lớn dần ra [123]. Người dụng châm nếu không thăm sát cho kỹ, đó là họ đã biến thuận thành nghịch rồi vậy” [124].

Y học cổ truyền LINH KHU Part 3



THIÊN 5: CĂN KẾT

Kỳ Bá nói: “Thiên địa cùng cảm nhau, khí lạnh ấm cũng thay đổi nhau [1]. Đạo (vận hành) của Âm Dương lúc nào ít, lúc nào nhiều ? [2] . Đạo của Âm thuộc số “chẵn”, đạo của Dương thuộc số “lẻ” [3]. Khí mở đóng vào mùa xuân, hạ thì Âm khí “ít” và Dương khí “nhiều” [4]. Khí Âm Dương (trong việc mở đóng) không “điều hòa”, vậy nên bổ như thế nào ? Tả như thế nào ? [5]

Khi mở đóng vào mùa thu đông thì Dương khí “ít” và Âm khí “nhiều”, Âm khí thịnh và Dương khí suy, cho nên thân cây, lá bị khô héo, thì vũ “mưa” khí và thấp khí quay xuống dưới, (như vậy) Âm Dương có chỗ thay đổi nhau, chúng ta nên tả như thế nào ? Và bổ như thế nào ?[6]

Tà khí bất chính thường cảm ở kinh này rồi chuyển sang chỗ khác, không biết bao nhiêu cách [7]. Nếu chúng ta không biết (những huyết) căn và kết thì khi những cánh cửa và những chốt cửa của ngũ tạng, lục phủ bị gãy, bị sụp, do đó sự mở đóng không còn (chính xác) khiến cho (chân khí) bị thoát, khí Âm Dương bị mất lớn, không thể nào lấy lại (đầy đủ) được nữa.[8] Sự “huyền (diệu)” của cửu châm quan trọng ở “Chung thì”, cho nên, nếu chúng ta biết được lẽ “Chung thì” thì chỉ cần một lời nói là diễn tả đầy đủ, còn nếu chúng ta không biết lẽ “Chung thì” thì “châm đạo” bị tuyệt hẳn [9].

Kinh (Túc) Thái dương lấy căn ở huyết Chí Âm và lấy kết ở huyết Mệnh Môn [10]. Huyết Mệnh Môn ở đây chính là đôi mắt vậy [11].

Kinh (Túc) dương minh lấy căn ở huyết Lệ Đoài, và lấy kết ở huyết Tảng Đại [12]. Huyết Tảng Đại nằm ở chỗ kiềm thúc bởi vành tai [13].

Kinh (túc) Thiếu dương lấy căn ở huyết Khiếu Âm, lấy kết ở huyết Song Lung [14]. Huyết Song lung nằm ở giữa tai [15].

Kinh (Túc) Thái dương đóng vai trò “khai: mở cửa”, kinh (Túc) Dương minh đóng vai trò “hạp: đóng cửa”, kinh (Túc) Thiếu dương đóng vai trò “khu: chốt cửa” [16]. Cho nên, khi nào “cửa bị gãy” thì bên trong cơ nhục bị nhiễu loạn và bạo bệnh sẽ dậy lên [17]. Cho nên khi bạo bệnh nên thủ huyết ở kinh (Túc) Thái dương, và nên dựa vào tình trạng hữu dư hay bất túc [18]. Chữ “độc” có nghĩa là phần da thịt bị teo mềm và yếu ớt [19]. Khi nào “cửa đóng bị gãy” thì khí không còn chỗ để ngừng nghỉ và chứng nuy tật khởi lên [20]. Vì thế, khi nào bị chứng nuy tật lên nên thủ huyết ở kinh (Túc) Dương minh, và nên dựa vào tình trạng hữu dư hay bất túc [21]. Câu “không còn có chỗ để

ngừng nghỉ” có nghĩa là chân khí bị ngăn lại nhường chỗ cho tà khí ở [22]. Khi nào “chốt cửa bị gãy” tức phần cốt bị dao động, không đứng vững trên mặt đất [23]. Cho nên nếu bị chứng “cốt dao” nên thủ huyết ở kinh (Túc) Thiếu dương và nên dựa vào tình trạng hữu dư hay bất túc [24]. Chữ “cốt dao” có nghĩa là cốt tiết bị giãn ra mà không co (thu) lại được [25]. Cốt dao nói về sự dao động [26]. (Việc chữa trị này) nên xem xét một cách nghiêm túc cái “gốc” của nó (thuộc khai, thuộc hợp hoặc thuộc khu) [27].

Kinh (Túc) Thái âm lấy căn ở huyết Ấn Bạch và lấy kết ở huyết Đại (Thái) Thương [28]. Kinh Thiếu âm lấy căn ở huyết Dũng Tuyền và lấy kết ở huyết Liêm Tuyền [29]. Kinh (Túc) Quyết âm lấy căn ở huyết Đại Đôn và lấy kết ở huyết Ngọc Anh và lạc ở Chiên Trung [30]. Kinh (Túc) Thái âm đóng vai trò “khai: mở cửa”, kinh “Túc” Quyết âm đóng vai trò “hợp: đóng cửa”, kinh (Túc) Thiếu âm đóng vai trò “khu: chốt cửa” [31]. Vì thế, khi “cánh cửa mở” bị gãy thì kho lúa không biết vận chuyển theo con đường nào, gây thành bệnh “cách động” [32]. Khi nào bị bệnh “cách động” nên thủ huyết ở kinh (Túc) Thái âm và nên dựa vào tình trạng hữu dư hay bất túc [33]. Vì thế khi “cánh cửa mở” bị gãy thì khí sẽ bất túc mà sinh ra bệnh vậy [34]. Khi “cánh cửa đóng” bị gãy thì tức là khí bị tuyệt mà hay buồn [35]. Nếu hay buồn nên thủ huyết ở kinh (Túc) Quyết âm và nên dựa vào tình trạng hữu dư hay bất túc [36]. Khi “chốt cửa” bị gãy thì mạch có chỗ bị kết và bất thông [37]. Nếu mạch bất thông nên thủ huyết ở kinh (Túc) Thiếu âm và nên dựa vào tình trạng hữu dư hay bất túc [38]. Mạch có chỗ bị kết đều do ở tình trạng bất túc [39].

Kinh Túc Thái dương lấy căn ở huyết Chí Âm, nó “lưu” vào huyết Kinh Cốt, “chú” vào huyết Côn lôn, “nhập” vào huyết Thiên trụ và huyết Phi Dương [40].

Kinh Túc Thiếu dương lấy căn ở huyết Khiếu Âm, “lưu” vào huyết Khâu Hư, “chú” vào huyết Dương Phụ, “nhập” vào huyết Thiên Dung và huyết Quang Minh [41].

Kinh Túc Dương minh lấy căn ở huyết Lệ Đồi, “lưu” vào huyết Xung Dương, “chú” vào huyết Hạ Lăng, “nhập” vào huyết Nhân Nghênh và huyết Phong Long [42].

Kinh Thủ Thái dương lấy căn ở huyết Thiếu Trạch, “lưu” vào huyết Dương Cốc, “chú” vào huyết Thiếu (Tiểu) Hải, “nhập” vào huyết Thiên Song và huyết Chí Chính [43].

Kinh Thủ Thiếu dương lấy căn ở huyết Quan Xung, “lưu” vào huyết Dương Trì, “chú” vào huyết Chi Câu, “nhập” vào huyết Đại (Thiên) Dũ và huyết Ngoại Quan [44].

Kinh Thủ Dương minh lấy căn ở huyết Thương Dương, “lưu” vào huyết Hợp Cốc, “chú” vào huyết Dương Khê, “nhập” vào huyết Phù Đột và huyết Thiên lịch[45].

Đây gọi là những huyết nên “thủ: chọn” để chữa khí 12 kinh có “thịnh lạc” [46].

Một ngày một đêm (mạch đi) 50 vòng (Doanh) nhằm cung ứng (doanh) tinh khí của ngũ tạng [47]. Nếu có tình trạng (sự cung ứng này) không ứng đúng với con số thì gọi là “cuồng sinh” [48].

Khi nói rằng ‘mạch hành 50 doanh’ tức là nói rằng ngũ tạng đều được ‘thọ khí’ [49]. Chúng ta chỉ cần nắm được mạch khẩu để đếm ‘số chỉ’, mạch đến 50 động mà không có một lần ‘đại’, đó là ngũ tạng đều được ‘thọ khí’ [50]. Mạch đến 40 động thì có một lần ‘đại’, đó là có một tạng ‘không được thọ khí’[51]. Mạch đến 30 động có một lần ‘đại’, đó là có 2 tạng ‘không được thọ khí’[52]. Mạch đến 20 động có một lần ‘đại’, đó là 3 tạng ‘không được thọ khí’[53]. Mạch đến 10 động thì có một lần ‘đại’, đó là 4 tạng ‘không được thọ khí’ [54]. Chưa đầy 10 động thì đã có một ‘đại’, đó là cả 5 tạng ‘không được thọ khí’, như vậy là sắp tới thời kỳ chết rồi [55]. Ý nghĩa trọng yếu của vấn đề này nằm ở thiên “Chung thử” [56].

Khi ta nói rằng mạch đến 50 động mà không có một lần ‘đại’ ta xem đó là ‘thường’[57] . Chúng ta sở dĩ biết được ngũ tạng đang ‘sống’ hay gần tới chỗ chết, là nhờ vào mạch động khí đến một cách “thường” hay đến một cách ‘biến’ (thất thường) [58].

Hoàng Đế hỏi: “Vấn đề châm nghịch và thuận đối với 5 loại người có hình thể (ngũ thể) khác nhau, là có ý nói đến con số của kinh lạc, sự ít nhiều của huyết, sự dài ngắn của mạch, sự hoạt sắc của khí, sự thanh trọc của huyết, sự dày mỏng của làn da, sự cứng mềm của bắp thịt, sự lớn nhỏ của cốt tiết nơi con người [59]. Tất cả những cái đó ta đều đã biết [60]. Tất cả đây thuộc về những người áo vải, thất phu [61]. Ôi ! Những bậc vương, công, đại nhân, những người này ăn (những thứ thức ăn) có máu, thân thể họ yếu đuối, cơ nhục mềm yếu, huyết khí họ mạnh và hung, hoạt và lợi [62]. Vậy trong việc châm chậm hay nhanh, cạn hay sâu, nhiều hay ít, cả hai đảng có giống nhau không ?[63]”

Kỳ Bá đáp: “Món ăn cao lương và món ăn đậu rau, ‘vị’ của nó làm sao giống nhau được ?[64] Khi nào gặp khí hoạt thì phải rút kim ra nhanh, khi nào gặp khí sắc thì phải rút kim ra chậm, khi nào gặp khí hãn thì dùng kim nhỏ mà châm vào cạn, khi nào gặp

khí sắc thì dùng kim to mà châm vào sâu [65]. Châm sâu là có ý muốn giữ lại (lâu) [66]. Châm cạn là có ý muốn rút ra nhanh [67]. Do đó mà xét, khi nào châm những người áo vải thì nên châm vào sâu và giữ kim lại lâu, khi nào châm bậc đại nhân thì nên châm kim nhỏ và châm chậm (nhẹ) [68]. Đó là vì chúng ta gặp phải thứ khí mạnh và hung, hoạt và lợi [69].

Hoàng Đế hỏi: “Vấn đề nghịch thuận của hình khí phải làm thế nào ?” [70].

Kỳ Bá đáp: “Hình khí bất túc, bệnh lý hữu dư, nên châm tả ngay [71]. Hình khí hữu dư, bệnh khí bất túc, nên châm bổ ngay [72]. Hình khí bất túc, bệnh khí bất túc, đó là khi cả Âm lẫn Dương đều bất túc, không nên châm [73]. Nếu châm sẽ gây thành ‘trùng bất túc: 2 lần bất túc’ [74]. ‘Trùng bất túc’ thì làm cho Âm và Dương đều bị kiệt, huyết và khí đều bị tận, ngũ tạng bị không hư, cân, cốt, tủy đều khô, làm cho người già bị tuyệt diệt, người trẻ không thể phục hồi được [75].

Hình khí hữu dư, bệnh khí hữu dư, đó là khi cả Âm lẫn Dương đều hữu dư, nên châm tả ngay tả khí nhằm điều hòa hư thực [76]. Đó là ý nghĩa của câu: “Hữu dư thì châm tả”, “Bất túc thì châm bổ” [77].

Cho nên nói rằng: Trong phép châm mà không biết lẽ thuận nghịch thì chân khí và tà khí sẽ đánh nhau, khi mãn (thực) mà châm bổ thì khí Âm Dương sẽ tràn ngập ra tứ chi, Trường và Vị khí sẽ sung ra da, Can và Phế sẽ trướng bên trong, Âm khí và Dương khí lẫn vào nhau [78]. Khí hư mà châm tả sẽ làm cho kinh mạch bị không hư, huyết khí bị khô, Trường và Vị khí bị tích tụ, bì phu bị mỏng manh, lông và tấu lý bị héo nhão, gần đến chỗ chết rồi vậy [79].

Cho nên khi nói rằng, điều quan yếu trong việc dụng châm là ở chỗ điều hòa Âm khí và Dương khí [80]. Điều hòa được Âm khí và Dương khí thì tinh khí mới sáng tỏ, nó sẽ làm hòa hợp được hình và khí, khiến cho thần khí giữ vững bên trong [81].

Cho nên nói rằng: Bậc thượng công có thể làm bình được khí, trung công có thể làm cho loạn mạch, hạ công có thể làm cho tuyệt khí, nguy hiểm đến tính mạng [82]. Cho nên nói rằng ở trình độ hạ công, chúng ta không thể không cẩn thận [83]. Chúng ta bắt buộc phải thẩm đoán cho được cái bệnh do sự biến hóa của ngũ tạng, sự ứng với ngũ mạch, sự thực hư của kinh lạc, sự nhu thô của bì phu [84]. Có như vậy, sau đó chúng ta mới thủ huyết để châm trị được vậy [85].

THIÊN 6: THỌ YẾU CƯƠNG NHU

Hoàng Đế hỏi Thiệu sư: “Ta nghe nói sự sống của con người (biểu hiện) bằng những nét có cương có nhu, có nhược có cường, có đoản có trường, có Âm có Dương, Ta mong được nghe về phương cách xử lý (các trường hợp đã nói trên)”[1].

Thiệu sư đáp: “Trong Âm có Âm, trong Dương có Dương [2]. Chúng ta phải thẩm đoán về Âm Dương để biết cách xử trí về việc châm, phải nắm được cái gốc bệnh bắt nguồn ở đâu để cho việc châm trị thuận được cái lý của nó, phải cân trọng đo lường được cái đầu mối của bệnh xem nó đang tương ứng với “thời” nào, bên trong nó hợp với ngũ tạng lục phủ, bên ngoài nó hợp với cân cốt bì phu [3]. Do đó, ta biết được rằng bên trong có Âm Dương thì bên ngoài cũng có Âm Dương [4]. Nếu nhìn bên trong thì ngũ tạng thuộc Âm, lục phủ thuộc Dương, nếu nhìn bên ngoài thì cân cốt thuộc Âm, bì phu thuộc Dương [5].

Cho nên mới nói rằng nếu Âm bệnh ở tại Âm phận thì châm huyết Huỳnh và huyết Du thuộc Âm, nếu Dương bệnh ở tại Dương phận thì châm huyết Hợp thuộc Dương, nếu Dương bệnh ở tại Âm phận thì châm huyết Kinh thuộc Âm, nếu Âm bệnh ở tại Dương phận thì châm huyết ở lạc mạch [6].

Cho nên nói rằng: Bệnh ở tại kinh Dương được gọi tên là “phong”, bệnh ở tại kinh Âm được gọi tên là “tý”; Cả Âm lẫn Dương đều bị bệnh được gọi là “phong tý” [7].

Bệnh hữu hình mà không “thống: đau”, đó là loại của Dương, bệnh vô hình mà đau, đó là loại của Âm[8].

Bệnh vô hình mà “thống”, đó là Dương kinh ở tình trạng mạnh còn Âm kinh đang bị “thương”, vậy nên trị gấp Âm kinh mà không nên “công: đánh vào” Dương kinh [9].

Bệnh hữu hình mà “bất thống”, đó là Âm kinh ở tình trạng mạnh còn Dương kinh đang bị “thương”, vậy nên trị gấp Dương kinh mà không nên “công: đánh vào” Âm kinh [10].

Nếu cả Âm lẫn Dương kinh đều bị “động”, có lúc như “hữu hình”, có lúc như “vô hình”, thêm vào đó nó làm cho Tâm bị phiền, được gọi là Âm thắng Dương, trường hợp này được gọi là “không biểu, không lý”; sự biểu hiện của hình trạng bệnh không kéo dài lâu [11].

Hoàng Đế hỏi Bá Cao: “Vấn đề tiên và hậu trong cái bệnh về hình khí được ứng ở ngoại và nội như thế nào ?”[12].

Bá Cao đáp: “Phong khí và hàn khí làm thương đến “hình”, ưu, khủng, phần nộ làm thương đến “khí” [13]. Khi mà khí làm thương tổn đến tạng thì sẽ làm cho tạng bệnh, hàn làm thương đến hình thì sẽ ứng ra hình, phong làm thương đến cân mạch thì cân mạch mới ứng ra, đó là những sự tương ứng giữa hình khí và ngoại nội vậy” [14].

Hoàng Đế hỏi: “Phép châm như thế nào ?” [15].

Bá Cao đáp: “Bệnh được 9 ngày thì châm 3 lần là hết bệnh, bệnh 1 tháng châm 10 lần thì hết bệnh, nhiều hay ít, xa hay gần đều dựa vào đó để qui định mức độ[16]. Nếu có trường hợp bệnh “tỷ” lâu ngày mà không rời khỏi thân thể (bệnh không hết), chúng ta nên tìm những nơi có huyết lạc để mà châm xuất huyết cho hết mới thôi” [17].

Hoàng Đế hỏi: “Bệnh ngoại và nội, việc châm trị dễ hay khó, phải hiểu như thế nào?” [18].

Bá Cao đáp: “Khi nào hình bệnh trước mà chưa nhập vào tạng thì chỉ nên cần châm chừng phân nửa thời gian châm cần thiết mà thôi [19]. Khi nào tạng bệnh trước rồi sau đó hình mới ứng theo ra, thời gian châm phải tăng lên gấp bội [20]. Đó là vấn đề châm tùy theo sự tương ứng giữa ngoại và nội mà có sự dễ và khó” [21].

Hoàng Đế hỏi Bá Cao: “Ta nghe hình thể con người có hoãn có cấp, khí có thịnh có suy, cốt có đại có tiểu, nhục có cứng có mềm, bì (da) có dày có mỏng, Ta phải dựa lên đó như thế nào để định được vấn đề “thọ” hay “yểu” ?” [22].

Bá Cao đáp: “Hình với khí tương xứng thì thọ, bất tương xứng thì yểu [23]. Bì với nhục cùng “bao bọc” lấy nhau thì thọ, không “bao bọc” lấy nhau thì yểu [24]. Huyết khí và kinh lạc thắng hình thì thọ, không thắng hình thì yểu” [25].

Hoàng Đế hỏi: “Thế nào là sự hoãn cấp của hình ?” [26].

Bá Cao đáp: “Hình thể sung nhưng bì phu “hoãn: thư thả” thì thọ, hình thể sung nhưng bì phu “cấp: căng thẳng” thì yểu [27]. Hình sung nhưng mạch kiên đại thì thuận, hình thể sung nhưng mạch tiểu đến nhược, đó là khí suy, khí suy thì nguy [28]. Nếu như hình thể sung nhưng quyền (xương má) không nhô lên thì đó là cốt (ngươi ấy) tiểu, cốt tiểu thì yểu [29]. Hình thể sung nhưng khối thịt to ở mông rắn chắc nổi bật rõ rệt, đó

là nhục kiên (rắn), nhục kiên thì tho [30]i. Hình thể sung nhưng khối thịt ở mông không nổi bật, đó rõ ràng là mông không rắn chắc, tức là nhục bị mềm lỏng, nhục bị mềm lỏng thì yếu [31]. Trên đây là nói về cái sinh mệnh của Trời sinh, dựa vào đó là lập nên cái hình thể, định nên cái khí (chất) [32]. Muốn xem biết được thọ hay yếu, chúng ta bắt buộc phải rõ điều này [33]. Có lập được cái hình đó, định được cái khí đó sau đó mới dựa vào nó khi nó sinh ra bệnh mà quyết việc tử sinh [34].

Hoàng Đế hỏi: “Vấn đề thọ yếu không biết lấy gì để quy định được phải không ?” [35].

Bá Cao đáp: “Bốn bên của gương mặt thấp xuống, cao không bằng những nơi như (Mình đường, khuyết, đình...) những người này chưa đầy 30 tuổi sẽ chết. Nếu có những nhân tố làm bệnh tật gì thêm thì không đầy 20 tuổi sẽ chết” [36].

Hoàng Đế hỏi: “Vấn đề dựa vào sự tương thắng của hình và khí để định sự “thọ” và “yếu” như thế nào ?” [37].

Bá Cao đáp: “Ở người bình thường, nếu khí thắng hình thì thọ, giả sử họ bị bệnh đến nỗi phần hình nhục bị thoát, khí thắng hình, phải chết [38]. Những người mà hình (sung) nhưng khí lại suy, hình thắng khí cũng nguy” [39].

Hoàng Đế hỏi: “Ta nghe phép châm có “tam biến”, thế nào gọi là “tam biến”?[40].

Bá Cao đáp: “Có phép châm “doanh khí”, có phép châm “vệ khí”, có phép châm “lưu kinh của hàn khí” [41].

Hoàng Đế hỏi: “Châm tam biến phải thế nào ?” [42].

Bá Cao đáp: “Châm “doanh khí” phải xuất huyết, châm “vệ khí” phải xuất khí, châm “hàn tỳ” phải cho nội nhiệt” [43].

Hoàng Đế hỏi:” Sự gây bệnh của “doanh khí”, của “vệ khí”, của “hàn tỳ” như thế nào?” [44].

Bá Cao đáp: “Doanh khí” khi gây bệnh sẽ làm cho bị hàn nhiệt, thiếu khí huyết chạy lên xuống [45]. “Vệ khí” gây bệnh sẽ làm cho khí thông, khi đến khi đi, làm cho uất nộ, thở mạnh, ruột sôi mạnh, phong hàn ở khách tại Trường Vị [46]. “Hàn tỳ” khi gây bệnh sẽ ở lại tại một chỗ, không dời đi nơi khác, gây đau nhức từng lúc, da không còn cảm giác đau (bất nhân) [47].

Hoàng Đế hỏi: “Phép châm hàn tý và thực hiện nội nhiệt như thế nào ?”[48].

Bá Cao đáp: “Khi nào châm trị cho lớp người áo vải thì dùng lửa(sau khi châm) để hơ đốt thêm [49]. Khi châm trị cho những bậc đại nhân thì phải dùng thuốc để đắp hơ lên (chỗ châm)”[50].

Hoàng Đế hỏi: “Phép dùng thuốc để đắp hơ như thế nào ?” [51].

Bá Cao đáp: “Dùng 20 cân rượu ngon, Thực tiêu 1 thăng, Can khương 1 cân, Quế 1 cân. Tất cả 4 thứ thuốc này được cắt nhỏ ra ngâm vào trong rượu, Dùng bông gòn 1 cân, vải trắng mịn 4 trượng, tất cả bọc lại cho vào trong rượu, để bình rượu lên cái lò có đốt phân ngựa phơi khô; Bình rượu phải được đậy nắp, trét kín lại không cho ra hơi; Ngâm như vậy trong 5 ngày 5 đêm, xong mới lấy bọc vải có bông đem ra phơi nắng cho khô. Sau đó lại tiếp tục ngâm cho đến khi nào nó ra hết nước cốt (tráp). Bây giờ cứ mỗi lần ngâm là phải tròn 1 ngày và khi lấy ra nó đã khô. Chúng ta lấy cái xác khô ấy đã trộn lẫn với bông gói kín lại trong chiếc khăn dài chừng 6, 7 xích. Chúng ta sẽ có chừng 6, 7 gói như vậy. Trong mỗi khăn đều có chứa sẵn một loại tro than của cây dâu tươi được đốt cháy. Chúng ta dùng khăn này để hơ đắp, cứ lên trên chỗ đã được châm về hàn tý. Làm như vậy, chúng ta sẽ khiến cho cái nhiệt nhập vào tận nơi bị bệnh hàn. Chúng ta làm như vậy khoảng 30 lần mới thôi .Nếu mồ hôi ra, chúng ta dùng khăn để lau khô, lau cũng phải đến 30 lần. Sau đó bảo người bệnh đứng lên đi bộ chậm vào trong nhà (buồng) kín gió. Mỗi lần châm đều phải hơ đắp như thế thì bệnh sẽ khỏi. Đây là phép “nội nhiệt” [52].

THIÊN 7: QUAN CHÂM

Vấn đề quan yếu của châm thích hay nhất phải kể đến “Quan châm” [1]. Sự thích nghi của 9 loại kim đều có cách châm riêng của nó, mỗi cây kim dài ngắn, to nhỏ đều có tác dụng của nó [2]. Nếu chúng ta ứng dụng không đúng phép thì bệnh không thể hết [3]. Bệnh ở cạn mà châm vào sâu thì bên trong sẽ làm thương đến phần cơ nhục đang lành và nơi bì phu sẽ bị “ung” [4]. Bệnh ở sâu mà châm cạn thì bệnh khí sẽ không được tả và ngược lại, nó sẽ gây thành nhiều mủ [5]. Bệnh chỉ đáng châm kim nhỏ mà lại châm kim to, khí sẽ bị tả quá nhiều, bệnh sẽ hại thêm[6]. Bệnh đáng châm kim to mà lại châm kim nhỏ, khí chẳng những không tả mà lại còn trở lại làm tệ hại hơn[7].

Nếu chúng ta làm sai đi sự thích hợp trong phép châm, ví dụ như bệnh (đáng châm kim nhỏ) mà lại châm kim to sẽ tả (đến chân khí), và nếu (đáng châm kim to) mà lại

châm kim nhỏ thì bệnh sẽ không thay đổi (hết) được [8]. Điều này chúng ta đã nói về sự tai hại của nó rồi, nay xin được nói về phương pháp thi hành (đúng cách) [9].

Bệnh ở vùng bì phu, không nằm ở chỗ nào nhất định, nên dùng kim Sâm châm, châm vào chỗ đang bệnh [10]. Nhưng nếu gặp chỗ làn da trắng (không dấu vết) thì không nên châm[11]. Bệnh ở tại khoảng phận nhục, nên dùng kim Viên châm, châm vào chỗ đang bệnh [12]. Bệnh ở tại kinh lạc với chứng Cốt tủy, nên dùng kim Phong châm[13]. Bệnh ở tại mạch, khí bị thiếu cần phải được châm bổ, trường hợp này nên dùng kim Đề châm, châm vào các huyết Tĩnh Huỳnh thuộc các đường kinh [14]. Bệnh gây thành những vùng nhiều mủ, nên dùng kim Phi châm [15]. Bệnh Tý khí bạo phát, nên dùng kim Viêm lợi châm[16]. Bệnh Tý khí gây thành chứng đau nhức không hết, nên dùng kim Hào châm[16]. Bệnh ở chỗ xa (sâu), nên dùng kim Trường châm[17]. Bệnh Thủy thũng làm cho các vùng Quan tiết không thông được, nên dùng kim Đại châm[18]. Bệnh ở tại ngũ tạng bền lâu, nên dùng kim Phong châm[20].

Nếu cần châm tả ở các huyết Tĩnh Huỳnh thuộc các đường kinh thì nên dựa vào sự thay đổi của bốn mùa[21].

Phạm các phép gồm có 9 để ứng với cửu biến:[22]

- Thứ nhất: gọi là “Du thích”, Du thích là phép châm các huyết Huỳnh Du của các kinh và các huyết (bối) du thuộc tạng phủ [23].

- Thứ hai: gọi là “Viễn đạo thích”, Viễn đạo thích ý nói phép châm các huyết ở dưới mà bệnh ở trên, đó là châm theo lối ‘phủ du’[24].

- Thứ ba: gọi là “Kinh thích”, Kinh thích là châm vào vùng kết lạc của các đại kinh, thuộc vùng (phận) của đại kinh [25].

- Thứ tư: gọi là “Lạc thích”, Lạc thích là phép châm vào vùng huyết mạch của tiểu lạc[26].

- Thứ năm: gọi là “Phận thích”, Phận thích là phép châm vào trong khoảng phận nhục [27].

- Thứ sáu: gọi là “Đại tả thích”, Đại tả thích là phép dùng kim Phi châm để châm vào nơi có nhiều mủ [28].

- Thứ bảy: gọi là “Mao thích”, Mao thích là phép châm các chứng “tý” nổi cạn lên ở vùng bì phu [29].

- Thứ tám: gọi là “Cự thích”, Cự thích là phép châm, nếu bệnh ở tả thì châm ở huyết bên hữu, bệnh bên hữu thì châm huyết bên tả [30].

- Thứ chín: gọi là “Thôi thích”, Thôi thích là phép châm bằng cách đốt nóng nhờ vậy mà thủ được các chứng tý [31].

Phạm các phép châm có 12 tiết để ứng với 12 kinh:[32]

- Thứ nhất: gọi là “Ngẫu thích”, Là phép châm dùng tay ấn ngay chỗ tâm ở trước cũng như ở sau lưng chỗ đang đau nhức, châm phía trước 1 kim, phía sau 1 kim, nhằm trị chứng “Tâm tý”, Châm theo phương pháp này phải châm kim nghiêng (bàng) [33].

- Thứ hai: gọi là “Báo thích”, Là châm vào những nơi đau nhức không nhất định, chạy lên chạy xuống, châm thẳng vào trong không rút kim ra, dùng tay trái ấn lên chỗ đau rồi mới rút kim, Châm như vậy nhiều lần [34].

- Thứ ba: gọi là “Khôi khích”, Là châm vào bên cạnh, nâng mũi kim lên phía sau hoặc phía trước nhằm khơi lên đường gân đang bị cấp để trị chứng cân tý [35].

- Thứ tư: gọi là “Tề thích”, là phép châm 1 kim thẳng 2 kim nghiêng (xiên) nhằm trị chứng hàn khí đang còn chưa đi sâu vào trong, còn có tên là Tam thích, Tam thích nhằm trị tý khí đang còn chưa đi sâu vào trong [36].

- Thứ năm: gọi là “Dương thích”, là phép châm ở ngay giữa 1 kim, ở 4 bên 4 kim, châm cạn nhằm trị hàn khí đang còn ở cạn mà rộng [37].

- Thứ sáu: gọi là “Trực châm thích”, là phép châm (dùng tay) kéo da lên rồi mới châm nhằm trị hàn khí đang còn ở cạn [38].

- Thứ bảy: gọi là “Du thích”, là phép châm thẳng vào rút thẳng ra, phát kim để châm thật lâu và lưu kim thật sâu, nhằm trị tà khí đang thịnh và nhiệt [39].

- Thứ tám: gọi là “Đoản thích”, là phép châm vào đến tận ‘cốt tý’, mũi kim hơi dao động và đi sâu vào đến chỗ ‘cốt’ mà mũi kim phải tới như thế là chúng ta đang có tác động lên xuống nhằm bức thiết tà khí đang ở sâu vào ‘cốt’ (phải đi ra) vậy [40].

- Thứ chín: gọi là “Phù thích”, là phép châm các mũi kim vây quanh (vùng đau) và nên châm cận nhằm trị chứng cơ bị cấp mà hàn [41].

- Thứ mười: gọi là “Âm thích”, là phép châm cả hai bên phải bên trái nhằm trị chứng ‘hàn quyết’, châm trúng chứng hàn quyết nằm ở kinh Thiếu âm ngoài sau mắt cá [42].

- Thứ mười một: gọi là “Bàng châm thích”, là phép châm 1 mũi kim châm ngay, 1 mũi kim châm xiên bên cạnh, mỗi bên 1 mũi nhằm trị chứng lưu tý ở lâu trong cơ thể [43].

- Thứ mười hai: gọi là “Tán thích”, là phép châm thẳng vào và rút thẳng ra, châm nhiều cây mà châm cận xuất huyết trị ung thũng [44].

Khi nào mạch còn ở trong sâu chưa hiện ra thì châm nhẹ vào trong và lưu kim lâu, nhằm tới nơi của khí của ngũ tạng [45]. Khi nào mạch ở chỗ cận không nên châm ngay, án thể nào cho mạch khí tuyệt vào trong rồi mới châm, nhằm không để cho tinh khí bị xuất mà chỉ có mỗi một mình tà khí xuất mà thôi [46]. Cái gọi là ‘tam thích’ là phép châm làm cho cốc khí đến [47]. Trước hết châm vào phần dưới da nhằm làm cho tà khí vùng Dương phận xuất ra, sau đó châm tiếp tục làm cho Âm tà xuất ra ít, sâu hơn vào dưới da cho đến phần cơ nhục nhưng chưa đến khoảng phận nhục, khi nào đến phần trong khoảng phận nhục thì cốc khí sẽ đến [48]. Cho nên phép châm nói: trước hết châm cận nhằm trục tà khí và để cho huyết khí đến, sau đó châm sâu vào cho đến vùng tà của Âm khí, sau cùng châm thật sâu vào nhằm làm cho cốc khí hiện ra [49]. Đó là ý nghĩa của (tam thích) [50]. Cho nên người dụng châm nếu không biết “sự gia của niên”, “sự thịnh suy của khí”, “sự bắt đầu của hư thực” thì không thể gọi là “công: khéo” vậy [51].

Phàm các phép châm có “ngũ” để ứng với “ngũ tạng” :[52]

- Thứ nhất: gọi là “Bán thích”, có nghĩa là châm vào cận, nhưng phát châm nhanh, đừng châm làm thương đến “nhục” mà phải như động tác nhỏ 1 sợi lông, nhằm thủ lấy khí ở nơi bì (da). Đây là phép châm ứng với Phế [53].

- Thứ hai: gọi là “Báo văn thích”, là phép châm trái phải, trước sau, châm cho trúng mạch là chính, nhằm thủ huyết ở kinh lạc. Đây là phép châm ứng với Tâm [54].

- Thứ ba: gọi là “Quan thích”, là châm thẳng vào hai bên phải trái (tứ chi), tậ vào những nơi có cân nổi quan tiết, nhằm thủ khí “cân tý”; Nên cẩn thận không nên châm xuất huyết. Đây là phép châm ứng với Can, còn gọi là “Uyên thích”, “Khởi thích” [55].

- Thứ tư: gọi là “Hợp cốc thích”, là phép châm hai bên phải và trái giống như cái “kê túc - cẳng gà”. Châm vào vùng phậ nhục, nhằm thủ khí “cơ tý”. Đây là phép châm ứng với Ty [56]ø.

- Thứ năm: gọi là “Du thích”, là phép châm thẳng vào và rút thẳng ra, châm sâu vào trong đến tậ “cốt”, nhằm thủ khí “cốt tý”. Đây là phép châm ứng với Thậ [57].

Y học cổ truyền LINH KHU Part 4



THIÊN 8: BẢN THẦN

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá rằng: Phàm các phép châm, trước hết ắt phải dựa vào cái “gốc”, đó là ‘thần’ [1]. Huyết mạch doanh khí tinh thần, tất cả đều do ngũ tạng ‘tàng chứa’ [2]. Nếu sự sống đến mức dâm dật làm cho tạng khí bị phân ly sẽ đưa đến tình trạng tinh khí bị thất, hồn phách bay xa, chí ý bị hoảng loạn, trí lự rời khỏi thân, nguyên nhân nào đã gây nên như thế ? Trời đất bắt tội ư ? Lỗi ở con người ư ? [3] Thế nào gọi là đức khí sinh ra tinh, thần, hồn, phách, tâm, ý, chí, tư, trí, lự ? Xin được hỏi nguyên nhân của vấn đề” [4].

Kỳ Bá đáp : “Cái của Trời ‘ở nơi’ ta, gọi là ‘đức’, cái của Đất ‘ở nơi’ ta gọi là ‘khí’ [5]. Cái ‘thiên đức’ lưu hành xuống dưới, cái ‘địa khí’ giao lên trên mà tạo thành sự ‘sinh (hóa)’ vậy[6]. Cho nên cái mà, khi sự sống bắt đầu có thì nó đã có, gọi là ‘tinh’[7]. Hai ‘tinh’ đánh nhau gọi là ‘thần’[8]. Tùy theo ‘thần’ vắng lai gọi là ‘hồn’ [9]. Cùng với tinh khí ‘xuất nhập’ gọi là ‘phách’ [10]. Đóng vai trò xử trí tròn vẹn với sự vật gọi là ‘Tâm’[11]. Cái ‘tâm’ ‘chứa, nhớ’ gọi là ‘ý’[12]. Nơi ‘gìn giữ’ cái ‘ý’ gọi là ‘chí’[13]. Nhân có cái ‘chí’ mà có thể ‘gìn giữ’ hoặc ‘biến hóa’ gọi là ‘tư’[14]. Nhân có cái ‘tư’ mà chúng ta có thể ‘vươn cái tinh’ của chúng ta để ‘thích nghi’ với sự vật gọi là ‘trí’[15]. Cho nên, bậc ‘trí’ khi ‘dưỡng sinh’, ắt phải thuận với tứ thời và thích ứng được với hàn thử, phải hòa được sự hỉ nộ để ở yên , phải “tiết (chế)” được với Âm Dương để điều hòa được với cương nhu[16]. Được vậy thì tà khí không đến (để tấn công), chúng ta sẽ sống 1 cuộc sống trường sinh” [17].

Cho nên, người hay kinh sợ, tư lự thì sẽ làm thương ‘thần’[18]. Thần bị tổn ‘thương’ sẽ bị khủng và cụ, lưu dâm không ngừng[19]. Người hay bi ai thì bên trong sẽ bị ‘động’, khí bị kiệt, bị tuyệt mà mất dần sức sống[20]. Người thường hỉ lạc thì thần bị sợ hãi và tán đi chứ không giữ lại được[21]. Người hay ưu sầu sẽ làm cho khí bị bế tắc không vận hành được [22]. Người hay thịnh nộ thì sẽ bị mê hoặc và bất trị (loạn) [23]. Người hay khủng cụ thì thần bị sợ hãi mà phóng túng không thu về được [24].

Khi nào Tâm hay kinh sợ, tư lự thì sẽ làm thương thần[25]. Thần bị ‘thương’ sẽ bị khủng và cụ rồi tự mất, làm cho các bắp thịt bị teo (phá), gân thoát, lông bị héo, sắc bị yếu, chết vào mùa đông[26].

Khi nào Tỳ bị sầu ưu mà không giải được thì sẽ làm thương tổn đến ‘ý’, ‘ý’ bị ‘thương’ sẽ làm cho (nơi lồng ngực) bị phiền loạn, tứ chi không cử động được, lông bị héo, sắc bị yếu, chết vào mùa đông[27].

Khi nào Can bị ai mà bên trong bị ‘động’ thì sẽ làm thương tổn đến hồn, hồn bị ‘thương’ sẽ bị cuồng, bị vong (quên) không còn ‘tinh’, không còn ‘tinh’ thì tà khí vọng hành bất chính, (người này) sẽ bị chứng âm súc (teo bộ phận sinh dục) và gân co quắp, xương sườn hai bên hông sẽ không nổi lên, lông bị héo, sắc bị yếu, chết vào mùa thu[28].

Khi nào Phế bị hỉ lạc đến vô vực thì sẽ làm thương tổn đến phách, phách bị ‘thương’ sẽ bị cuồng, khi bị cuồng thì ‘ý’ sẽ làm cho (người bệnh) thấy cạnh mình không có ai khác, bì cách bị nhăn nheo, lông bị héo, sắc bị yếu, chết vào mùa hạ[29].

Khi nào Thận bị thịnh nộ không ngừng thì sẽ làm thương tổn đến ‘chí’, ‘chí’ bị thương sẽ làm người ta hay quên những gì mình đã nói, cột sống thất lực làm cho không thể cúi gù, co duỗi được, lông bị héo, sắc bị yếu, chết vào mùa quý hạ [30].

Khi nào bị khủng và cụ đến không giải được thì sẽ làm thương tổn đến ‘tinh’, tinh bị thương thì cốt bị ê ẩm, nuy quyết, tinh thường bị xuất ra[31].

Cho nên, ngũ tạng chủ về tàng tinh, chúng ta không thể làm thương tổn đến nó, nếu làm thương thì (ngũ tạng) sẽ bị thất thủ (không còn được bảo vệ) đưa đến âm khí bị hư [32]. Âm khí bị hư thì không còn khí, không còn khí thì sẽ chết [33]. Cho nên, người dụng châm phải quan sát bệnh thái của người bệnh, nhằm để biết sự còn mất của ‘tinh, thần, hồn, phách’, nắm cho thành cái ý đắc thất [34]. Nếu ngũ tạng khí đã bị thương, thì việc châm trị sẽ không thành công được [35].

Can tàng huyết, huyết xá (chứa) hồn, khi Can khí hư thì hay khủng, thực thì hay nộ [36].

Tỳ tàng doanh, doanh chứa ý, khi Tỳ hư thì làm cho tứ chi không làm việc được nữa, ngũ tạng sẽ bất an, thực thì bụng bị trướng, đường tiểu bị bất lợi [37].

Tâm tàng mạch, mạch chứa thần, khi Tâm khí hư thì hay bi, thực thì hay cười không thôi[38].

Phế tàng khí, khí chứa phách, khi Phế hư thì mũi bị nghẹt, bất lợi (không thông), ngắn hơi, thực thì hơi thở gấp mà âm thanh to, ngực bị đầy, phải ngược lên để thở [39].

Thận tàng tinh, tinh chứa chí, khi Thận khí hư thì bệnh quyết, thực thì bị bệnh trướng [40].

Khi ngũ tạng bất an, ắt phải thăm sát bệnh hình của ngũ tạng để biết được sự hư thực của khí, điều hòa 1 cách cân trọng [41].

THIÊN 9: CHUNG THỈ

Phạm đạo của việc châm (thích) được trọn vẹn ở thiên ‘Chung thử’[1]. Nếu chúng ta biết rõ ‘Chung thử’ thì chúng ta sẽ thấy ngũ tạng đóng vai trò ‘kỷ’ làm cho âm dương được định vậy[2]. Âm chủ về tạng, dương chủ về phủ [3]. Dương thọ khí ở tứ mạc, Âm thọ khí ở ngũ tạng, cho nên khi châm tả, chúng ta phải theo phép nghênh khí, khi châm bổ, chúng ta phải theo phép tùy chi[4]. Biết rõ nghênh, tùy, thì có thể làm cho khí được hòa[5]. Con đường đi tới cái hòa của khí là phải thông hiểu âm dương[6]. Ngũ tạng thuộc âm, lục phủ thuộc dương[7]. Vấn đề này khi truyền lại cho đời sau, mỗi khi cần thề nguyện (minh) thường người ta lấy huyết làm lời minh, có nghĩa là ai kính trọng lời minh thì tốt, ai khinh mạn thì sẽ chết[8]. Hành động không đúng với đạo sẽ bị tai ương bởi Trời, chúng ta phải phụng thiên đạo 1 cách cân trọng[9].

Bây giờ chúng ta nói đến chung thử [10]. Nội dung của chung thử là lấy kinh mạch làm kỷ, nắm vững tình trạng của khí ở mạch khẩu và nhân nghênh để có thể biết được sự hữu dư hay bất túc của âm dương, biết được sự bình thường hay bất bình thường của âm dương, đó là chúng ta hành động được tròn vẹn với thiên đạo rồi vậy[11]. Gọi là bình nhân tức là nói đến 1 người không bị bệnh [12]. Người không bị bệnh là người mà mạch khẩu và nhân nghênh ứng với tứ thời bốn mùa, là người mà trên dưới tương ứng với nhau và có đầy đủ sự vắng lai, lục kinh không bị kết động, sự hàn ôn ở bản mạc cùng giữ nhau để điều hành nhau, là người hình nhục, huyết khí ắt phải tương xứng nhau, ta gọi đó là bình nhân [13].

Người thiếu khí là người mà mạch khẩu và nhân nghênh đều thiếu không xứng với xích thốn, như vậy là âm dương đều bất túc[14]. Nếu bổ âm thì dương bị kiệt, nếu tả âm thì dương thoát [15]. Trong trường hợp này nên dùng loại thuốc có vị ngọt (cam dược), không thể cho uống loại chi tế, trường hợp này cũng không nên cứu và nếu không hết bệnh mà ta lại tả cũng sẽ làm cho khí của ngũ tạng bị hoại[16].

Mạch nhân nghênh nhất thịnh, bệnh ở tại kinh túc Thiếu dương, nhất thịnh mà thêm táo thì bệnh ở tại kinh thủ Thiếu dương[17]. Mạch nhân nghênh nhị thịnh, bệnh ở tại túc Thái dương, nhị thịnh mà thêm táo thì bệnh ở tại thủ Thái dương[18]. Mạch nhân nghênh tam thịnh, bệnh ở tại túc Dương minh, tam thịnh mà thêm táo thì bệnh ở tại thủ

Dương minh[19]. Mạch Dương minh tứ thịnh, vừa đại, vừa sắc, gọi tên là dật dương, dật dương gọi là ngoại cách [20].

Mạch mạch khẩu nhất thịnh, bệnh ở tại túc Quyết âm, nhất thịnh mà thêm táo thì bệnh ở tại thủ Tâm chủ [21]. Mạch mạch khẩu nhị thịnh, bệnh ở tại túc Thiếu âm, nhị thịnh mà thêm táo thì bệnh ở tại thủ Thiếu âm[22]. Mạch mạch khẩu tam thịnh, bệnh ở tại túc Thái âm, tam thịnh mà thêm táo thì bệnh ở tại thủ Thái âm[23]. Mạch mạch khẩu tứ thịnh, vừa đại, vừa sắc, gọi tên là dật âm, dật âm gọi là nội quan, Nội quan là tình trạng bất thông, chết chứ không trị được[24]. Mạch nhân ngêngh và mạch khẩu ở kinh Thái âm nếu đều thịnh lên đến trên 4 bội (lần) thì gọi là Quan cách [25]. Bị Quan cách thì đã gần đến ngày chết rồi vậy[26].

Mạch Nhân ngêngh nhất thịnh thì châm tả kinh túc Thiếu dương và châm bổ kinh túc Quyết âm, châm 2 lần tả và 1 lần bổ, mỗi ngày thủ huyết 2 lần để châm[27]. Nên bắt mạch để nghiệm xem bệnh đã lui chưa[28]. Nên có thái độ làm việc 1 cách thung dung, không nên gấp rút, cho đến khi nào cốc khí đến 1 cách điều hòa mới thôi[29].

Mạch Nhân ngêngh nhị thịnh thì châm tả kinh túc Thái dương và châm bổ kinh túc Thiếu âm, châm 2 lần tả và 1 lần bổ, mỗi ngày thủ huyết 1 lần để châm[30]. Nên bắt mạch để nghiệm xem bệnh đã lui hay chưa[31]. Nên có thái độ làm việc 1 cách thung dung không nên gấp rút, cho đến khi nào cốc khí đến 1 cách điều hòa mới thôi [32].

Mạch Nhân ngêngh tam thịnh thì châm tả kinh túc Dương minh và châm bổ kinh túc Thái âm, châm 2 lần tả và 1 lần bổ, mỗi ngày thủ huyết 2 lần để châm[33]. Nên bắt mạch để nghiệm xem bệnh đã lui chưa[34]. Nên có thái độ làm việc 1 cách thung dung không nên gấp rút, cho đến khi nào cốc khí đến 1 cách điều hòa mới thôi [35].

Mạch Khẩu nhất thịnh thì châm tả kinh túc Quyết âm và châm bổ kinh túc Thiếu dương, Châm 2 lần bổ và 1 lần tả, mỗi ngày thủ huyết 1 lần để châm[36]. Nên bắt mạch để nghiệm xem bệnh đã lui chưa[37]. Nên có thái độ làm việc 1 cách thung dung không nên gấp rút, cho đến khi nào cốc khí đến 1 cách điều hòa mới thôi[39].

Mạch Khẩu nhị thịnh thì châm tả kinh túc Thiếu âm và châm bổ kinh túc Thái dương, châm 2 lần bổ và 1 lần tả, mỗi ngày thủ huyết 1 lần để châm[40]. Nên bắt mạch để nghiệm xem bệnh đã lui chưa[41]. Nên có thái độ làm việc 1 cách thung dung không nên gấp rút, cho đến khi nào cốc khí đến 1 cách điều hòa mới thôi[42].

Mạch Khẩu tam thịnh thì châm tả kinh túc Thái âm và châm bổ kinh túc Dương minh, châm 2 lần bổ và 1 lần tả, mỗi ngày thủ huyết 1 lần để châm[43]. Nên bắt mạch để nghiệm xem bệnh đã lui chưa[44]. Nên có thái độ làm việc 1 cách thung dung không nên gấp rút, cho đến khi nào cốc khí đến 1 cách điều hòa mới thôi [45].

Kinh Dương minh chủ về Vị, rất dồi dào về cốc khí, cho nên chúng ta có thể mỗi ngày chọn huyết 2 lần để châm[46]. Mạch Nhân nghênh và mạch Khẩu đều thịnh lớn hơn 3 lần, được gọi tên là âm dương đều dật[47]. Trong trường hợp này, nếu không châm cho khai thông thì huyết mạch bị bế tắc[48]. Khí không có đường để vận hành, nó sẽ lưu lại và tràn đầy ở trong, làm cho ngũ tạng bị nội thương[49]. Trong trường hợp này, chúng ta lại theo đó mà cứu, ắt sẽ làm thay đổi gây thành bệnh khác nữa[50].

Phạm trong cách châm, khi nào thấy khí đã điều hòa thì dừng châm[51]. Nên châm bổ âm và tả dương, như vậy sẽ làm cho âm thanh càng to, rõ, tai, mắt được thông minh, nếu ngược lại thì khí huyết sẽ không vận hành được[52]. Gọi là khí đến và đã có hiệu quả tốt, đó là nếu dùng phép tả, là càng làm hư bớt cái thực[53]. Khi đã châm theo phép hư rồi thì mạch sẽ đại như cũ chứ không kiên (thực)[54]. Nếu kiên như cũ, thì dù có nói rằng bệnh đã hết, nghĩa là đã trở lại trạng thái mạnh khỏe như xưa, nhưng thực sự bệnh vẫn chưa khỏi[55].

Nếu dùng phép bổ, đó là càng làm thực thêm cái hư [56]. Khi đã châm theo phép thực rồi thì mạch sẽ đại như cũ chứ không làm tăng thêm cái kiên (thực)[57]. Nếu đại như cũ chứ không kiên hơn, thì dù có nói rằng bệnh đã trở lại trạng thái khoái (sung sướng, dễ chịu) như xưa, nhưng thực sự bệnh vẫn chưa khỏi[58].

Cho nên, phép châm bổ làm cho thực thêm cái hư, phép châm tả là làm hư bớt cái thực[59]. Dù cái đau đớn không theo mũi kim mà ra đi hẳn ngay, nhưng cơn bệnh chắc chắn phải giảm bớt vậy[60]. Muốn đạt được kết quả bổ tả, bắt buộc phải thông nguyên nhân sinh ra bệnh ở nơi 12 kinh mạch, được vậy, sau đó mới có thể truyền lại trong chung thủy vậy [61]. Cho nên muốn cho âm dương không cùng làm sai lệch nhau, hư thực không làm thương lẫn nhau, lúc chúng ta chữa bệnh, chỉ cần chọn chính kinh là được[62].

Phạm phép châm, thuộc lần thứ 3, đó là phải châm cho đến lúc có cốc khí [63]. Khi tà khí hợp nhau 1 cách cầu thả nơi khí phận, làm cho khí âm dương bị thay đổi chỗ nhau, khí nghịch thuận cùng tương phản nhau, khí âm dương không còn hợp với sự phù trầm của kinh mạch, không còn hợp với sự thăng giáng của 4 mùa, nó sẽ vì thế mà lưu giữ 1

cách tràn đầy trong vùng khí phận của âm dương, như vậy, nên dùng phép để đuổi nó đi[64]. Cho nên, châm 1 lần thì làm cho dương tà xuất ra, châm lần nữa sẽ làm cho âm tà xuất ra, châm lần 3 làm cho cốc khí đến thì thôi châm[65]. Khi nói rằng cốc khí đến có nghĩa là sau khi châm bổ xong thì khí sẽ thực, châm tả xong thì khí sẽ hư [66]. Nhờ vậy mà ta biết được khi nào cốc khí đến, tức là tà khí ra đi 1 mình vậy[67]. Dù âm dương chưa được điều hòa nhưng ta biết là bệnh đã khỏi rồi[68]. Vì thế mới có câu bổ tức là làm cho thực thêm cái hư, tả tức là làm cho hư bớt cái thực[69]. Dù sự đau đớn không theo mũi kim mà ra đi hẳn ngay, nhưng cơn bệnh chắc chắn phải giảm bớt vậy[70].

Khi nào âm thịnh mà dương hư thì nên châm bổ dương khí trước, sau đó châm tả âm khí để âm dương được điều hòa[71]. Khi nào âm hư mà dương thịnh thì nên châm bổ âm khí trước, sau đó châm tả dương khí để âm dương được điều hòa[72].

Tam mạch động ở khoảng trong của ngón chân cái, nên thẩm định rõ sự thực hư, nếu hư mà ta châm tả đó gọi là trùng hư, bị trùng hư thì bệnh càng nặng[73]. Phàm khi châm nơi đây, nên dùng ngón tay ấn vào, nếu thấy mạch động mà thực và nhanh, nên châm tả cho nhanh; nếu thấy mạch hư mà chậm, nên châm bổ, nếu làm ngược lại như trên thì bệnh càng nặng[74]. Khi động thì Dương minh ở trên, Quyết âm ở giữa, Thiếu âm ở dưới [75]. Vùng ngực có các huyết Du, nên châm trúng vào các huyết Du trên vùng ngực, vùng lưng có các huyết du, nên châm trúng vào những huyết du trên lưng và vai[76]. Nếu thấy hư nên chọn châm ở trên[77]. Bị bệnh ở trùng thiết (nơi trùng của lưỡi), nên châm vào nơi thiết trụ, châm kim Phi châm[78]. Khi nào cánh tay chỉ co lại mà không duỗi ra được, thì đó là bệnh ở cân[79]. Khi nào cánh tay chỉ duỗi ra mà không co vào được, thì đó là bệnh ở cốt [80]. Bệnh tại cốt nên chú trọng chữa ở cốt, bệnh tại cân nên chú trọng chữa ở cân[81].

Phép châm (bổ), thứ nhất đợi khí vừa mới thực nên châm sâu vào, ấn thật nhẹ vào vết châm, nhằm để cho tà khí xuất ra hết, một nữa là đợi lúc khí vừa mới hư, châm cạy, nhằm dưỡng mạch khí, châm xong nên ấn thật nhanh vào chỗ vết châm nhằm không cho tà khí xâm nhập vào[82]. Tà khí đến, nên châm khẩn, nhanh[83]. Khi cốc khí đến, nên châm chậm và hòa hoãn[84]. Mạch khí thực, nên châm sâu vào nhằm tiết tà khí ra; mạch khí hư, nên châm cạy nhằm làm cho tinh khí không thoát ra được, nhằm dưỡng được mạch khí, chỉ cho mỗi mình tà khí xuất ra mà thôi[85].

Châm các chứng thống, mạch của nó đều thực[86]. Cho nên nói rằng: từ thất lưng trở lên, do kinh thủ Thái âm và Dương minh làm chủ, từ thất lưng trở xuống, do kinh túc Thái âm và Dương minh làm chủ [87]. Bệnh ở phần trên, thủ huyết trị ở dưới [88]. Bệnh ở phần dưới, thủ huyết trị trên cao[89]. Bệnh ở đầu, thủ huyết trị ở dưới chân[90]. Bệnh tại thất lưng, thủ huyết trị ở kheo chân (quắc)[91]. Bệnh sinh ra ở đầu thì đầu bị nặng, bệnh sinh ra ở cánh tay thì cánh tay nặng, bệnh sinh ra ở chân thì chân nặng, khi trị bệnh, nên châm vào những nơi đã sinh ra bệnh[92].

Mùa xuân, khí ở tại mao, mùa hạ khí ở tại bì phu, mùa thu khí ở tại phận nhục, mùa đông khí ở tại cân cốt, châm những bệnh này, nên thích ứng đúng vào thời mùa[93]. Cho nên, châm những người mập, nên châm như thể châm vào lúc mùa thu và đông, châm người gầy, nên châm như thể châm vào lúc mùa xuân và hạ[94]. Bệnh thuộc về thống là thuộc về âm, thống mà dùng tay ấn lên cũng không thấy được vì nó thuộc về âm, nên châm sâu vào[95]. Bệnh ở phần trên thuộc về dương, bệnh ở phần dưới thuộc về âm[96]. Bệnh ngứa thuộc dương châm cạn[97]. Nếu bệnh khởi lên trước ở phần âm thì nên trị phần âm trước rồi sau mới trị phần dương[98]. Nếu bệnh khởi lên trước ở phần dương thì nên trị phần dương trước rồi sau mới trị phần âm[99].

Châm chứng “nhiệt quyết”, nếu lưu kim lâu quá sẽ thành ngược lại thành hàn[100]. Châm chứng bệnh hàn quyết, nếu lưu kim lâu quá sẽ ngược lại thành nhiệt[101]. Châm nhiệt quyết thì 2 âm và 1 dương[102]. Châm hàn quyết thì 2 dương 1 âm[103]. Cái gọi là 2 âm, tức là châm âm 2 lần, gọi là 1 dương tức là châm dương 1 lần[104]. Bệnh lâu ngày, tà khí nhập vào sâu, châm trị bệnh này, nên châm sâu vào và lưu kim thật lâu, cứ cách ngày lại châm trở lại[105]. Phải để ý vấn đề điều hòa cách châm phải trái, nhằm đuổi nó ra khỏi huyết mạch trong thân thể [106]. Phép châm (đạo châm) như thế là đầy đủ [107].

Phàm trong phép châm, chúng ta phải xem xét phần hình khí, hình và nhục chưa thoát nhau, thiếu khí mà mạch lại táo cấp[108]. Bệnh táo lại quyết nghịch, nên châm theo phép Mậu thích[109]. Tinh khí có bị tán có thể thu lại, tà khí có tụ thì có thể tán ra[110].

Người thầy thuốc phải ở 1 nơi sâu nào đó cho yên tĩnh, thấy rõ được sự vắng lai của thần khí, đóng kín cửa lại, cốt làm sao cho hồn phách không bị tán[111]. Phải chuyên chú ý của mình vào với thần làm một, giữ được tinh khí của mình đúng chỗ của nó, không nghe đến tiếng nói người khác, nhằm thu giữ cái tinh khí[112]. Tất cả phải đưa

vào với thân làm một, khiến cho chí của người châm theo vào mũi kim[113]. Hoặc châm cạn mà lưu kim, hoặc châm thật nhẹ mà giữ bề ngoài, điều hành cái thần của người bệnh, khi nào chân khí đến mới thôi châm[114]. Nam nội nữ ngoại, kiên quyết giữ cái chính khí của người bệnh, quyết không để cho nó xuất ra[115]. Ngoài ra, phải giữ gìn cẩn thận không để cho tà khí nhập vào, Ta gọi đó là đắc khí [116].

Phàm những việc cấm châm gồm: vừa mới nhập phòng (giao hợp) xong đừng châm, đã châm rồi thì đừng nhập phòng; đã say rồi đừng châm, đã châm rồi đừng say; mới vừa nổi giận đừng châm, đã châm rồi đừng nổi giận; vừa làm việc mệt nhọc xong đừng châm, đã châm rồi đừng làm việc mệt nhọc; đã ăn no đừng châm, đã châm rồi đừng ăn no; đã đói đừng châm, đã châm rồi thì đừng để đói; đã khát rồi đừng châm, đã châm rồi đừng để khát; khi mà có việc gì quá kinh khủng, nên có thời để định lại khí rồi hãy châm; mới vừa đi xe đến nên nằm nghỉ trong thời gian bữa cơm rồi mới châm; đi bộ vừa đến nên ngồi nghỉ bằng thời gian đi 10 dặm rồi mới châm[117].

Sở dĩ có 12 phép cấm châm trên, là vì lúc bấy giờ mạch đang loạn, khí đang tán, khí vinh (doanh) vệ bị nghịch, kinh khí không còn vận hành theo thứ tự [118]. Nếu trong trường hợp như vậy mà ta châm vào thì sẽ làm cho dương bệnh nhập vào âm, Âm bệnh xuất ra ở dương, tạo cơ hội cho tà khí sinh trở lại[119]. Người thầy châm vựng về, không xét kỹ các lý lẽ trên, đó là họ đã chặt đứt (giết chết) thân thể con người, làm cho hình thể con người không vận hóa bình thường, tiêu hao não tủy, tân dịch không còn hóa, làm cho ngũ vị không còn làm tròn vai trò tạo ra thần khí, Ta gọi đó là thất khí vậy[120].

Khi mạch Thái dương bị chung tuyệt, mắt bị trợn, thân hình bị vặn uốn, bị “khiết tủng”, màu sắc trắng bệch, da bị héo rời đưa tới việc mồ hôi bị tuyệt, khi mồ hôi bị tuyệt thì chết [121].

Khi mạch Thiếu dương bị chung tuyệt, tai sẽ bị điếc, trăm đốt xương đều buông lỏng, phần mục hệ (vùng mắt) bị tuyệt khí, mục hệ bị tuyệt chỉ 1 ngày rưỡi là chết, Khi chết thì sắc mặt đổi từ xanh qua trắng rồi mới chết[122].

Mạch Dương minh bị chung tuyệt, miệng và mắt đều không động giựt, hay lo sợ, nói sàm bậy, sắc mặt vàng, kinh mạch ở trên hay dưới đều thịnh và không vận hành được, như vậy là phải chết[123].

Mạch Thiếu âm bị chung tuyệt, sắc mặt sẽ đen, răng lộ dài ra như có nhiều chất bẩn, bụng trướng vì bị bế tắc, trên và dưới không còn thông nhau, và sẽ chết[124].

Mạch Quyết âm bị chung tuyệt, bên trong nhiệt, cổ họng bị khô, hay đi tiểu, Tâm bị phiền, nếu nặng hơn thì lưỡi bị cuốn lại, trứng dái bị rút lên và teo lại, chết[125].

Mạch Thái âm bị chung tuyệt, bụng bị trướng bể, không thở được, hay ợ và hay ói, mỗi lần ói là khí bị nghịch, khi bị nghịch thì mặt đỏ lên; nếu khi không nghịch nữa thì lại xảy ra tình trạng trên dưới bất thông, khi thượng hạ bất thông thì mặt sẽ đen, lông và da bị khô héo, chết[126].

THIÊN 10: KINH MẠCH

Lôi Công hỏi Hoàng Đế: “Thiên ‘Cấm phục’ có nói, phạm cái lý của việc châm là phải lấy kinh mạch làm đầu, nó có nhiệm vụ doanh cho sự vận hành của khí, nó ‘chế’ để cho khí trở thành ‘độ lượng’; bên trong, nó làm cho khí của ngũ tạng vận hành thành thứ tự, bên ngoài, nó làm cho lục phủ phân biệt nhau. Thần mong được nghe về cái đạo vận hành ấy”[1].

Hoàng Đế đáp: “Con người khi bắt đầu sinh ra là ‘tinh’ thành trước nhất[2]. Tinh thành rồi mới đến não tủy sinh ra[3]. Cốt đóng vai trò cân, mạch đóng vai trò doanh, cân đóng vai trò cương, nhục đóng vai trò tường, bì phu rắn chắc để lông và tóc được dài ra[4]. Cốc khí nhập vào Vị, mạch đạo sẽ nhờ đó được thông, huyết khí khắc vận hành”[5].

Lôi công nói : “Thần mong được nghe về vấn đề bắt đầu sinh ra của kinh mạch”[6].

Hoàng Đế đáp: Kinh mạch là những con đường, dựa vào đó để ta quyết được việc sống hay chết, là nơi sắp xếp trăm bệnh, là nơi điều hòa việc hư thực mà người thầy thuốc không thể không thông[7].

Phế mạch của thủ Thiếu âm khởi lên ở trung tiêu, đi xuống dưới, lạc với Đại trường, quay trở lên tuần hoàn theo Vị khẩu, lên trên đến hoành cách, thuộc vào phế; từ Phế hệ, rẽ ngang, xuất ra dưới hố nách, lại đi xuống tuần hành theo bên trong cánh tay, đi theo phía trước kinh Thiếu âm và Tâm chủ, đi xuống đến giữa khuỷu tay, tuần hành theo mép dưới, trên xương quay của cẳng tay, rồi nó nhập vào mạch thốn khẩu, lên đến phần ngư của tay, tuần hành đến huyết Ngự Tế, xuất ra ở đầu ngón tay cái[8]. Chi mạch của nó đi từ sau cổ tay đi thẳng ra đến đầu ngón tay trở ở mép trong[9].

Nếu là bệnh thuộc ‘thị động’ sẽ làm cho phế bị trướng mãn, ngực căng ứ lên thành suyễn, ho, giữa khuyết bồn bị đau, nếu đau nặng thì hai tay phải bắt chéo nhau mà cảm thấy phiền loạn, ta gọi đây là chứng tý quyết[10].

Nếu là bệnh thuộc ‘sở sinh’ của Phế sẽ gây thành bệnh ho, thượng khí, suyễn, hơi thở thô, tâm phiền, ngực bị đầy, thống quyết ở mép trước phía trong từ cánh tay đến cẳng tay, trong lòng bàn tay bị nhiệt[11]. Khí thịnh hữu dư thì vai và lưng bị thống, bị phong hàn, mồ hôi ra, trướng phong, đi tiểu nhiều lần mà ít [12]. Khí hư thì vai và lưng bị thống hàn, thiếu khí đến không đủ để thở, màu nước tiểu bị biến[13]. Khi nào những chứng bệnh trên xảy ra, nếu thịnh thì nên châm tả, hư thì nên châm bổ, nhiệt thì châm nhanh, hàn nên lưu kim lâu, mạch bị hãm hạ thì nên cứu; không thịnh, không hư thì tùy theo kinh mà thủ huyết để châm[14]. Nếu khí thịnh thì mạch Thốn khẩu lớn 3 lần hơn mạch Nhân nghênh, nếu khí hư thì mạch Thốn khẩu, ngược lại, nhỏ hơn mạch Nhân nghênh [15].

Đại trường, mạch của thủ Dương minh khởi lên ở đầu ngón tay trở phía ngón tay cái, đi dọc theo mép trên của ngón tay xuất ra ở huyết Hợp cốc, nằm giữa 2 xương, lên phía trên nhập vào giữa 2 gân, đi dọc theo mép trên của cẳng tay, nhập vào mép ngoài khuỷu tay, lên trên dọc mép trước ngoài cánh tay, lên trên đến vai xuất ra ở mép trước xương ngực cốt, lên trên xuất ra ở trên chỗ hội nhau của trụ cốt, nó lại quay xuống để nhập vào Khuyết bồn, lạc với Phế, xuống dưới hoành cách và thuộc vào Đại trường [16].

Chi mạch của nó đi từ Khuyết bồn lên cổ xuyên lên đến mặt, nhập vào giữa hàm răng dưới, vòng ra quanh miệng rồi giao nhau ở Nhân trung, đường bên trái giao qua phải, đường bên phải giao qua trái, xong nó lên trên để nép vào lỗ của mũi[17].

Nếu là bệnh thuộc ‘thị động’ sẽ làm cho răng đau, cổ sưng thũng[18]. Vì là chủ tân dịch cho nên nếu là bệnh thuộc ‘sở sinh’ sẽ làm cho mắt vàng, miệng khô, chảy máu mũi, cổ họng bị tý, cánh tay trước vai bị đau nhức, ngón cái và ngón trở bị đau nhức, không làm việc được[19]. Khi nào khí hữu dư thì những nơi mà mạch đi qua sẽ bị nhiệt và sưng thũng, khi nào khí hư sẽ làm cho bị lạnh run lên không ấm trở lại được[20]. Nếu bị các chứng bệnh nêu trên, nếu thịnh thì nên châm tả, hư thì nên châm bổ, nhiệt thì châm nhanh, hàn nên lưu kim lâu; mạch bị hãm hạ thì nên cứu, không thịnh không hư thì tùy theo kinh mà thủ huyết để châm[21]. Nếu khí thịnh thì mạch Nhân nghênh lớn

3 lần hơn mạch Thốn khẩu, nếu khí hư thì mạch Nhân nghênh, ngược lại, nhỏ hơn mạch Thốn khẩu[22].

Vị, mạch của túc Dương minh khởi lên ở mũi, lên giao nhau ở sống mũi, ngang ra vai để giao với mạch của Thái dương, đi xuống tuần hành theo đường sống mũi, nhập vào giữa hàm răng trên, quay ra để áp vào miệng, vòng quanh môi, đi xuống giao với huyết Thừa Tướng, lại đi dọc theo mép dưới của khoe hàm dưới, xuất ra ở huyết Đại Nghênh, đi dọc theo huyết Giáp Xa, lên trên trước tai, đi qua huyết Khách Chủ Nhân, đi dọc theo bờ trước tóc mai, đến bờ góc trán và vùng trán[23].

Chi mạch của nó đi dọc theo trước huyết Đại Nghênh, xuống dưới đến huyết Nhân Nghênh, đi dọc theo hầu lung (thanh quản), nhập vào Khuyết bồn, nó đi xuống dưới hoành cách để thuộc vào Vị và lạc với Tỳ[24].

Chi mạch của nó đi thẳng, từ Khuyết bồn xuống dưới đi qua mép trong vú, xuống dưới áp vào vùng rốn, nhập vào huyết Khí Nhai[25].

Chi mạch của nó khởi lên ở Vị khẩu, xuống dưới đi dọc theo trong bụng (phúc lý), xuống dưới đến ngay giữa huyết Khí Nhai để hợp với huyết này, sau đó, đi xuống đến huyết Bể Quan, áp theo huyết Phục Thở, xuống dưới đến giữa xương đầu gối, nó lại xuống dọc theo mép ngoài của xương ống chân, xuống đến mu bàn chân, nhập vào trong khoảng ngón chân giữa[26].

Chi mạch của nó xuống khỏi đầu gối 3 thốn rồi tách biệt ra, xuống dưới nhập vào ngoài khoảng ngón giữa[27].

Chi mạch của nó tách biệt từ giữa mu bàn chân, nhập vào trong khoảng ngón chân cái, xuất ra ở đầu ngón[28].

Nếu là bệnh thuộc ‘thị động’ thì sẽ bị chân hàn 1 cách ngấm ngấm, hay than thở, ngáp nhiều lần, sắc mặt đen; hi bệnh đến thì ghét gặp người và lửa, mỗi lần nghe tiếng động của gỗ sẽ bị kinh sợ, tim muốn đập mạnh, muốn đóng kín cửa lớn, cửa sổ lại để ở 1 mình; khi nào bệnh nặng thì bệnh nhân muốn leo lên cao để ca hát, muốn trút bỏ quần áo để chạy rong, Trường Vị bị kêu sôi lên, bụng bị trướng lên, ta gọi đây là chứng cân quyết[29].

Vị là chủ huyết cho nên nếu là bệnh thuộc ‘sở sinh’ sẽ bị chứng cuồng ngược, ôn khí quá nhiều sẽ làm mồ hôi ra, chảy máu mũi, miệng méo, môi lở, cổ sưng thũng, cuống họng bị tý, phần bụng trên bị thủy thũng, đầu gối bị sưng thũng, đau nhức suốt đường từ ngực, vú, xuống dưới huyết Khí nhai, đùi, huyết Phục Thổ, dọc mép ngoài xương chày đến trên mu bàn chân đều đau nhức, ngón chân giữa không cảm giác[30]. Nếu khí thịnh thì phía trước thân đều bị nhiệt[31]. Khi khí hữu dư ở Vị thì làm tiêu cốc khí, dễ bị đói, nước tiểu màu vàng[32]. Nếu khí bất túc thì phía sau thân đều lạnh[33]. Nếu trong Vị bị hàn thì sẽ bị trướng mãn[34].

Nếu bị các chứng bệnh như trên, nếu thịnh thì nên châm tả, hư thì nên châm bổ, nhiệt thì châm nhanh, hàn nên lưu kim lâu, mạch bị hãm hạ thì nên cứu, không thịnh không hư thì tùy theo kinh mà thủ huyết để châm[35]. Nếu khí thịnh thì mạch Nhân nghênh lớn 3 lần hơn mạch Thốn khẩu, nếu khí hư thì mạch Nhân nghênh, ngược lại, nhỏ hơn mạch Thốn khẩu[36].

Tỳ, mạch của túc Thái âm khởi lên ở đầu ngón chân cái, đi dọc theo mép trong nơi biên củathịt trắng, qua sau bạch cốt, lên trên đến mép trước của mắt cá trong, lên trên phía trong bắp chuối chân, đi dọc theo mép trong xương chày, giao chéo trước kinh Quyết âm, lên trên mép trước của gối và đùi trong, nhập vào bụng và thuộc vào Tỳ, lạc với Vị, lên trên xuyên qua hoành cách, nép vào thực quản, nối liền với cuống lưỡi, tản ra dưới lưỡi[37].

Chi mạch của nó tách biệt lại đi từ Vị xuyên qua hoành cách rồi rót vào giữa (dưới) Tâm[38].

Nếu là bệnh thuộc ‘thị động’thì sẽ gây thành chứng cuống lưỡi cứng, ăn vào thì ói ra, Vị hoãn đau, bụng bị trướng, hay ợ, mỗi lần đại tiện thì cũng chuyển cả khí ra theo phân, sau đó thân người tiến tới suy kiệt rất nhanh chóng, thân thể đều nặng nề[39].

Nếu là bệnh thuộc ‘sở sinh’ của Tỳ sẽ làm cho cuống lưỡi bị đau, thân thể không lay động được, ăn không xuống, tâm phiền, vùng dưới Tâm đau cấp, tiêu chảy, thủy bễ, hoàng đản, không nằm được, ráng đứng lâu thì bị nội thũng và quyết ở đùi về, ngón chân cái không còn cảm giác[40].

Nếu là bị các bệnh chứng như trên, nếu thịnh thì nên châm tả, hư thì nên châm bổ, nhiệt thì châm nhanh, hàn nên lưu kim lâu, mạch bị hãm hạ thì nên cứu, không thịnh không hư thì tùy theo kinh mà thủ huyết để châm[41]. Nếu khí thịnh thì mạch Thốn khẩu

lớn 3 lần hơn mạch Nhân nghê. Nếu khí hư thì mạch Thốn khẩu, ngược lại, nhỏ hơn mạch Nhân nghê[42].

Tâm, mạch của thủ Thiếu âm, khởi lên từ trong Tâm, xuất ra để thuộc vào tâm hệ, đi xuống dưới hoành cách, lạc với Tiểu trường[43].

Chi mạch của nó đi từ Tâm hệ lên trên áp tựa vào yết, buộc vào mục hệ [44].

Chi mạch đi thẳng của nó lại từ Tâm hệ đi trở lên Phế, xuất ra dưới nách, đi dọc theo mép sau cánh tay trong đi theo phía sau kinh thủ Thái âm và Tâm chu, rồi đi xuống phía trong khuỷu tay, đi dọc theo mép sau phía trong cẳng tay, đến đầu nhuệ cốt (xương nhon) sau gang tay, nhập vào mép sau trong gan bàn tay, đi dọc theo bên trong ngón tay út, rồi xuất ra đầu ngón tay[45].

Nếu là bệnh thuộc ‘thị động’ thì sẽ làm cho cổ họng bị khô, tâm thống, khát muốn uống nước, gọi đây là chứng Tý quyết [46].

Nếu là bệnh ‘sở sinh’ do Tâm làm chủ sẽ làm cho mắt vàng, hông sườn thống, mép sau của phía trong cánh tay và cẳng tay bị đau, quyết. Giữa gan bàn tay bị nhiệt, đau [47].

Tất cả các bệnh trên đây, nếu thịnh thì nên châm tả, nếu hư thì nên châm bổ, nếu nhiệt thì nên châm nhanh, nếu hàn thì nên lưu kim lâu, nếu mạch bị hãm hạ thì nên cứu, không thịnh không hư thì tùy theo kinh mà thủ huyết để châm[48]. Nếu mạch thịnh thì mạch Thốn khẩu sẽ 2 bội lần lớn hơn mạch Nhân nghê, nếu mạch hư thì ngược lại mạch Thốn khẩu nhỏ hơn mạch Nhân nghê[49].

Tiểu trường, mạch của Thủ thái dương khởi lên ở đầu ngón tay út, dọc theo cạnh ngoài bàn tay, lên trên đến cổ tay, rồi xuất ra ở giữa xương lồi mắt cá (khóa trung), đi thẳng lên dọc theo mép dưới xương cánh tay, xuất ra ở cạnh trong khuỷu tay, giữa 2 đường gân, lên trên dọc theo mép sau của phía ngoài cánh tay, xuất ra ở khớp vai, đi ngoằn ngoèo ở bả vai, giao nhau ở trên vai, nhập vào Khuyết bồn, lạc với Tâm, đi dọc theo yết xuống dưới hoành cách, đến Vị thuộc vào Tiểu trường[50].

Chi mạch của nó đi từ Khuyết bồn dọc theo cổ, lên trên mặt, đến khoé mắt ngoài, rồi nhập vào trong tai[51].

Chi mạch của nó tách biệt ở mặt lên đến xương mặt, đến mũi, đến khoeé mắt trong, đi lệch ra để liên lạc với gò má[52].

Nếu là bệnh thuộc ‘thị động’ thì sẽ gây thành chứng đau cổ, hàm sưng thũng, không quay cổ được, vai đau như nhổ rời, cánh tay đau như gãy ra[53].

Nếu là bệnh thuộc ‘sở sinh’, vì chủ về dịch nên sẽ làm cho tai bị điếc, mắt vàng, má sưng, cổ, hàm, vai, cánh tay, khuỷu tay, mép sau phía ngoài cẳng tay, tất cả đều đau[54].

Khi gặp các bệnh chứng như trên, nếu thịnh thì nên châm tả, hư thì nên châm bổ, nhiệt thì châm nhanh, hàn nên lưu kim lâu, mạch bị hãm hạ thì nên dựa vào đường kinh để thủ huyết châm[55]. Nếu mạch thịnh thì mạch Nhân nghênh lớn gấp 2 lần hơn mạch Thốn khẩu. Nếu mạch hư thì mạch Nhân nghênh lại nhỏ hơn mạch Thốn khẩu[56].

Bàng quang, mạch của túc Thái dương khởi lên ở khoeé mắt trong, lên trán, giao nhau với (mạch Đốc) ở đỉnh đầu[57].

Chi mạch của nó đi từ đỉnh đầu ra đến bên góc của tai[58].

Đường đi thẳng của nó đi từ đỉnh đầu nhập vào để lạc với não, rồi lại quay ra tách biệt đi xuống gáy, đi dọc theo xương bả vai, vào bên trong kẹp theo cột sống đến vùng thất lưng, nhập vào dọc theo 2 bên cột sống để lạc với Thận thuộc vào bàng quang[59].

Chi mạch của nó đi từ giữa thất lưng xuống dưới, kẹp theo cột sống xuyên qua vùng hông để nhập vào giữa kheo chân[60].

Chi mạch của nó đi từ 2 bên phải trái của xương bả vai, tách biệt đi xuống, kẹp theo 2 bên cột sống, đi qua mấu chuyển lớn, dọc theo ngoài mấu chuyển lớn, rồi từ mép sau nó để đi xuống hợp với giữa kheo chân, từ đó, nó đi xuống xuyên qua bên trong bắp chân, rồi xuất ra ở sau mắt cá ngoài, đi dọc theo huyết Kinh Cốt cho đến cạnh ngoài của ngón chân út[61].

Nếu là bệnh thuộc ‘thị động’ thì sẽ gây thành chứng “Xung đầu thống”, mắt đau như muốn thoát ra ngoài, cổ gáy như bị gãy rời ra, cột sống bị đau, thất lưng như gãy, mấu chuyển lớn không thể co lại được, kheo chân như kết lại, bắp chuối như nứt ra. Ta gọi đây là chứng ‘khôa quyết’[61].

Đây là chứng ‘sở sinh bệnh’ chủ về cân, trí, sốt rét, cuồng điên, giữa đỉnh đầu bị đau nhức, mắt vàng, chảy nước mắt, chảy máu cam, tất cả từ cổ xuống gáy, lưng thất lưng, xương cùng, khoeo chân, chân, đều đau nhức, ngón chân út không còn cảm giác[62].

Bị các bệnh chứng như trên, nếu thịnh thì nên châm tả, hư thì nên châm bổ, nhiệt thì châm nhanh, hàn nên lưu kim lâu, mạch bị hãm hạ thì nên cứu, nếu không thịnh, không hư thì tùy theo đường kinh để thủ huyết châm[63]. Nếu thịnh thì mạch Nhân nghênh lớn gấp 2 lần hơn mạch Thốn khẩu, nếu hư thì mạch Nhân nghênh, ngược lại, nhỏ hơn mạch Thốn khẩu[64].

Thận, mạch của Túc Thiếu âm, khởi lên ở giữa ngón chân út, đi lệch hướng về giữa lòng bàn chân, xuất ra ở dưới huyết Nhiên Cốc, đi dọc theo phía sau mắt cá trong, tách biệt ra để nhập vào giữa gót chân, đi lên đến bên trong bắp chuối, xuất ra từ trong mép trong của khoeo chân, đi lên đến mép sau của đùi trong, xuyên qua cột sống để thuộc vào Thận và lạc với Bàng quang[65].

Đường đi thẳng của nó đi từ Thận lên trên xuyên qua Can, cách (mô), nhập vào giữa Phế, đi dọc theo cuống họng rồi vào cuống lưỡi[66].

Chi mạch của nó đi từ Phế ra để lạc với Tâm, rót ra ở giữa ngực[67].

Nếu là bệnh thuộc ‘Thị động’ sẽ gây thành chứng đói mà không muốn ăn, mặt đen như dầu đen, lúc ho nhỏ nước bọt thấy có máu, suyễn nghe khò khè, ngồi xuống lại muốn đứng lên, mắt lơ mờ như không thấy gì, Tâm như bị treo lên, lúc nào cũng như đang bị đói; Khi nào khí bất túc thì sẽ dễ bị sợ sệt, Tâm như hồi hộp, như sợ có người đang đến để bắt mình, đây là chứng ‘cốt quyết’[68].

Nếu bị bệnh “sở sinh” chủ về Thận thì sẽ làm cho miệng bị nhiệt, lưỡi bị khô, yết bị sưng thũng, bị thương khí, cổ họng bị khô và đau nhức, Tâm phiền, Tâm bị thống, hoàng đản, trường phích, mép sau của vế trong và cột sống bị đau, chứng nuy quyết, thích nằm, dưới chân bị nhiệt và đau[69].

Bị những chứng trên, nếu thịnh thì nên châm tả, nếu hư nên châm bổ, nếu nhiệt thì châm nhanh, nếu hàn nên lưu kim lâu, nếu mạch hãm hạ thì nên cứu, nếu không thịnh không hư thì nên dựa vào đường kinh để thủ huyết châm[70].

Nếu cứu thì cố gắng ăn thịt tươi, nới dây thắt lưng, xoa tóc, nên có những bước đi vững chậm với chiếc gậy to[71].

Nếu thịnh thì mạch Thốn khẩu lớn 2 bội hơn mạch Nhân nghênh, nếu hư thì mạch Thốn khẩu ngược lại, nhỏ hơn mạch Nhân nghênh[72].

Tâm chủ, mạch của thủ quyết âm Tâm bào lạc khởi lên ở trong ngực, xuất ra để thuộc vào tâm bào lạc, xuống dưới hoành cách, trải qua để lạc với Tam tiêu [73].

Chi mạch của nó đi dọc theo ngực xuất ra khỏi hông sườn, xuống dưới nách 3 thốn, rồi lên lại đến nách, đi dọc theo bên trong cánh tay, vận hành trong khoảng của kinh Thái âm và Thiếu âm để nhập vào khuỷu tay, xong nó đi xuống dưới cẳng tay, đi giữa 2 đường gân, nhập vào giữa gang tay, đi dọc theo ngón giữa để xuất ra ở đầu ngón[74].

Chi mạch của nó tách biệt giữa gan bàn tay đi dọc theo ngón tay áp út phía ngón út để xuất ra ở đầu ngón[75].

Nếu là bệnh thuộc ‘Thị động’ sẽ làm cho lòng bàn tay bị nhiệt, cẳng tay và khuỷu tay co quắp, nách bị sưng, nếu bệnh nặng sẽ làm cho ngực và hông sườn bị tức đầy, đánh trống ngực, mặt đỏ, mắt vàng, mừng vui cười không thôi[76].

Nếu là bệnh thuộc ‘sở sinh’ chủ về mạch sẽ làm cho Tâm phiền, Tâm thống, giữa gan bàn tay bị nhiệt[77].

Bị các chứng bệnh kể trên, nếu thịnh nên châm tả, nếu hư nên châm bổ, nếu nhiệt nên châm nhanh, nếu hàn nên châm lưu kim lâu, nếu mạch hãm hạ thì nên cứu, nếu không thịnh không hư thì nên dựa vào đường kinh để chọn huyết châm[78].

Nếu thịnh thì mạch Thốn khẩu lớn 1 bội hơn mạch Nhân nghênh, nếu hư thì mạch Thốn khẩu ngược lại, sẽ nhỏ hơn mạch Nhân nghênh[79].

Tam tiêu, mạch của thủ Thiếu dương khởi lên ở đầu ngón tay út, phía ngón út, lên trên xuất ra ở dọc theo khe của 2 ngón, dọc theo mặt ngoài của cổ tay, xuất ra ngoài cẳng tay theo đường giữa 2 xương lên trên để xuyên qua khuỷu tay, dọc theo bờ ngoài cánh tay, lên đến vai để giao xuất ra phía sau kinh túc Thiếu dương, nhập vào Khuyết bồn, tán ra ở Chiên Trung, tán ra để lạc với Tâm bào, xuống dưới hoành cách, đi dọc để thuộc vào Tam tiêu[80].

Chi mạch của nó đi từ Chiên Trung lên trên, xuất ra ở Khuyết bồn, lên đến cổ gáy, buộc vào sau tai, lên thẳng, xuất ra ở góc trên tai, sau đó vòng cong xuống dưới mặt rồi trở lên đến dưới hốc mắt[81].

Chi mạch của nó đi từ sau tai, nhập vào trong tai, xuất ra tới trước tai, qua trước huyết Khách Chủ Nhân, giao với mắt, rồi lại đến với khoé mắt ra ngoài[82].

Nếu là bệnh thuộc ‘thị động’ thì sẽ làm cho tai điếc 1 cách ù ù, cổ họng sưng , thanh quản sưng[83].

Nếu là bệnh thuộc ‘sở sinh’ chủ về khí sẽ làm cho bệnh đổ mồ hôi, khoé mắt ngoài đau, má bị đau, phía sau tai, vai, cánh tay, khuỷu tay, mặt ngoài cánh tay đều đau nhức, ngón tay áp út phía ngón út không cảm giác[84].

Các bệnh trên xảy ra, nếu thịnh nên châm tả, nếu hư nên châm bổ, nếu nhiệt nên châm nhanh, nếu hàn nên châm lưu kim lâu, nếu mạch hãm hạ thì nên cứu, nếu không thịnh không hư nên dựa vào đường kinh để thủ huyết châm[85].

Nếu thịnh thì mạch Nhân nghênh lớn 1 bội hơn mạch Thốn khẩu, nếu hư, ngược lại, sẽ nhỏ hơn mạch Thốn khẩu[86].

Đởm, mạch của Túc thái dương, khởi lên ở khoé mắt ngoài, lên đến góc trán, xuống theo sau tai, dọc theo cổ, đi xuống trước kinh thủ Thiếu dương, đến vai, lên trên, rồi lại giao ra sau kinh thủ Thiếu dương, nhập vào Khuyết bồn[87].

Chi mạch của nó đi từ sau tai nhập vào trong tai, xuất ra chạy ra trước tai, đến sau khoé mắt ngoài[88].

Chi mạch của nó, tách biệt khoé mắt ngoài đi xuống huyết Đại Nghênh, hợp nhau với kinh Thủ thiếu dương và chạy đến dưới hốc mắt, rồi lại chạy xuống nhập với huyết Giáp Xa, đi xuống theo cổ hợp với Khuyết bồn, xuống giữa ngực, xuyên qua hoành cách, lạc với Can và thuộc vào Đởm, dọc theo hông sườn, xuất ra ở huyết Khí nhai, quay quanh lông mu, tiến ngang vào giữa máu chuyền lớn[89].

Mạch đi thẳng của nó đi từ Khuyết bồn xuống nách, dọc theo ngực, qua xương sườn cụt, xuống dưới để hợp với máu chuyền lớn, rồi lại xuất ra ở mặt vế ngoài, xuất ra mép ngoài của gối, xuống dưới trước ngoài phụ cốt, đi thẳng xuống đến ở đầu xương tuyệt

cốt, xuống dưới nữa để xuất ra phía trước mắt cá ngoài, đi dọc theo trên mu bàn chân nhập vào ngón chân áp út phía ngón út[90].

Chi mạch của nó tách biệt trên mu bàn chân, nhập vào trong khoảng ngón cái, dọc theo xương kỳ cốt của phía trong ngón chân cái, xuất ra đầu ngón, quay xuyên qua móng chân, xuất ra ở chùm lông ‘tam mao’[91].

Nếu là bệnh thuộc ‘thị động’ thì sẽ làm cho miệng đắng, thường hay thở mạnh, Tâm và hông sườn đau, khó xoay trở, nếu bệnh nặng hơn thì mặt như đóng lớp bụi mỏng, thân thể không nhuận trơn, phía ngoài bàn chân lại nóng, đây gọi là chứng Dương quyết[92].

Nếu là bệnh thuộc ‘sở sinh’ chủ về cốt sẽ làm cho đầu nhức, hàm nhức, khoé mắt ngoài nhức, vùng Khuyết bồn bị sưng thũng và đau nhức, dưới nách bị sưng thũng, chứng ung thư mã hiệp anh, mồ hôi ra, sốt rét run, ngực hông sườn, máu chuyền lớn, phía ngoài đầu gối cho đến cho đến cẳng chân, phía ngoài xương tuyết cốt, mắt cá ngoài và các đốt xương, tất cả đều bị đau nhức, ngón chân áp út không còn cảm giác[93].

Các chứng bệnh trên xảy ra, nếu thịnh nên châm tả, nếu hư nên châm bổ, nếu nhiệt nên châm nhanh, nếu hàn nên châm lưu kim lâu, nếu mạch hãm hạ thì nên cứu, nếu không thịnh không hư nên theo với đường kinh để chọn huyết châm[94].

Nếu thịnh thì mạch Nhân nghênh lớn 1 bội hơn mạch Thốn khẩu, ngược lại, nếu hư, mạch Nhân nghênh nhỏ hơn mạch Thốn khẩu [95].

Can, mạch của Túc quyết âm khởi lên ở chòm lông góc ngoài móng ngón chân cái, đi lên dọc theo mép trên của mu bàn chân cách mắt cá trong 1 thốn, lên trên khỏi mắt cá 8 thốn giao chéo xuất ra phía sau kinh Thái âm, lên mép trong kheo chân, dọc theo mặt trong đùi, nhập vào lông mu, vòng quanh bộ sinh dục, lên đến thiếu phúc, đi theo với kinh Vị để thuộc vào Can và lạc với Đờm, lên trên xuyên qua hoành cách, bố tán ở cạnh hông sườn, dọc theo phía sau cổ họng, lên trên nhập vào vùng vòm họng, liên hệ với mục hệ rồi lên trên đến trán, xuất lên nữa, hội với Đốc mạch ở đỉnh đầu[96].

Chi mạch của nó đi từ mục hệ, xuống phía trong má, vòng quanh môi trong[97].

Chi mạch của nó lại đi từ Can, tách biệt xuyên qua hoành cách lên trên chú vào Phế [98].

Nếu là bệnh thuộc ‘thị động’ sẽ làm cho lưng đau không thể cúi ngửa được; ở đàn ông sẽ có chứng đồi sán, ở đàn bà sẽ có chứng thiếu phúc bị sưng thũng; nếu bệnh nặng sẽ làm cho cổ họng bị khô, mặt như đóng lớp bụi và thất sắc[99].

Nếu là bệnh thuộc ‘sở sinh’ thuộc Can, sẽ làm cho ngực bị đầy, ói nghịch, xôn tiết, hồ sán, đái dầm, bí đái[100].

Những chứng này xảy ra, nếu thịnh thì nên châm tả, nếu hư nên châm bổ, nếu nhiệt nên châm nhanh, nếu hàn nên châm lưu kim lâu, nếu mạch hãm hạ thì nên cứu, nếu không thịnh không hư nên tùy theo đường kinh mà thủ huyết để châm[101].

Nếu thịnh thì mạch Thốn khẩu sẽ lớn hơn bội đối với mạch Nhân nghênh, nếu hư, ngược lại, mạch Thốn khẩu sẽ nhỏ hơn mạch Nhân nghênh[102].

Khí của thủ Thái âm bị tuyệt sẽ làm cho bì mao khô [103]. Kinh Thái âm có nhiệm vụ hành khí để làm ấm cho bì mao, vì thế nên nếu khí không còn vinh thì bì mao bị khô, bì mao bị khô thì tân dịch sẽ tách rời khỏi bì và cốt tiết, khi tân dịch rời đi khỏi bì và cốt tiết thì móng bị khô mao bị rụng, mao bị rụng thì đó là mao chết trước[104]. Ngày Bính bệnh nặng, ngày Đinh chết, đó là hỏa thắng kim vậy[105].

Kinh của thủ Thiếu âm bị tuyệt sẽ làm cho mạch khí không thông, mạch khí không thông thì huyết không lưu hành, huyết không lưu hành thì mao sắc không mướt, cho nên sắc diện sẽ đen như cổ đen, đó là huyết chết trước[106]. Ngày Nhâm bệnh nặng, ngày Quý chết, đó là Thủy thắng hỏa vậy[107].

Khí của Túc thái âm bị tuyệt thì mạch không còn vinh cho cơ nhục, môi lưỡi là phần gốc của cơ nhục, nếu mạch không còn vinh thì cơ nhục bị mềm, nếu cơ nhục bị mềm thì lưỡi bị co rút, nhân trung bị đầy, nhân trung bị đầy thì môi bị kéo ngược lên, môi bị kéo ngược lên tức là nhục đã bị chết trước[108]. Ngày Giáp bệnh nặng, ngày Ất chết, đó là Mộc thắng Thổ vậy[109].

Khí của túc Thái âm bị tuyệt thì cốt bị khô, Thiếu âm là mạch của mùa đông, nó vận hành chìm núp bên trong để làm nhu cho cốt tủy, vì thế khi cốt không còn trơn mềm thì nhục không thể tươi, khi cốt và nhục không còn cùng gần gũi nhau sẽ làm cho nhục bị

teo, nhục bị mềm teo cho nên răng bị dài ra và tóc không bóng mượt, đó là cốt đã chết trước[110]. Ngày Mậu bệnh nặng, ngày Kỷ chết, đó là Thổ đã thắng Thủy vậy[111].

Khí của Túc quyết âm bị tuyệt thì cân khí bị tuyệt, kinh Quyết âm là mạch của Can, Can là chỗ hợp của cân, Cân có đường tự ở âm khí (bộ sinh dục) và mạch của nó lạc với cuống lưởi, cho nên, khi mà mạch không còn tươi tốt thì cân bị cấp, cân bị cấp sẽ dẫn ảnh hưởng đến lưởi và buồng trứng, cho nên, khi môi bị xanh, lưởi bị cuốn, buồng trứng bị co lại, đó là cân bị chết trước[112]. Ngày Canh bệnh nặng, ngày Tân chết; đó là Kim thắng mộc vậy[113].

Khí của năm đường kinh âm bị tuyệt thì mục hệ bị chuyển, bị chuyển thì bị vận, Mất bị chuyển vận đó là chí bị chết trước, Chí bị chết trước thì khoảng 1 ngày rưởi là chết[114].

Khí của sáu đường kinh Dương bị tuyệt thì sẽ làm cho âm và dương tách biệt nhau, khi tách rời nhau thì tấu lý bị phát tiết, tuyệt hạn chảy ra, Sáng xem thấy bệnh là chiều chết, chiều xem thấy bệnh là sáng chết[115].

Thập nhị kinh mạch đi theo lối chìm núp trong khoảng phận nhục, sâu, cho nên không thể hiện những chỗ nó thường hiện, như kinh Túc thái âm đi qua phần trên của mắt cá ngoài, không có chỗ nào ẩn mình được[116]. Các mạch nổi lên mà chúng ta thấy đều thuộc về lạc mạch[117]. Lục kinh lạc với các đại mạch của kinh thủ Dương minh và Thiếu dương được khởi lên ở trong khoảng của 5 ngón tay, lên trên để hợp vào khuỷu tay[117].

Khi chúng ta uống rượu, vệ khí vận hành ra bì phu trước, sung vào lạc mạch trước, do đó lạc mạch thịnh trước, vệ khí đã được bình, doanh khí mới đầy để cho kinh mạch đại thịnh[118]. Khi mạch bị động một cách thành linh, đó là do tà khí vào ở, rồi lưu lại ở phần bản mạt, nếu nó bất động thì bị nhiệt, không cứng, thì bị hãm xuống như bị rỗng, không giống với nơi khác, do đó mà ta biết được mạch nào đang động[119].

Lôi Công hỏi: “Lấy gì để biết sự khác nhau giữa kinh mạch và lạc mạch”[120].

Hoàng Đế đáp: “Kinh mạch thì thường không thể thấy được, sự hư thực của nó chỉ biết qua mạch Khí khẩu, hững mạch hiện ra đều thuộc lạc mạch”[121].

Lôi Công hỏi: “Kẻ bầy tôi này không biết lấy gì để rõ những lẽ ấy”[122].

Hoàng Đế nói: Các lạc mạch đều không thể đi qua các đại tiết mà phải đi theo con đường tuyệt đạo để mà xuất nhập, rồi lại hợp nhau ở trong bì (da); Sự hội nhau của nó đều hiện rõ ra bên ngoài; Cho nên các cách châm lạc mạch, phải châm vào nơi kết thượng[123]. Khi thấy nơi nào có tụ huyết nhiều, tuy rằng chưa có chỗ kết, cũng nên châm ngay nhằm tả hết tả khí, tức là châm xuất huyết[124]. Nếu lưu lại, nó sẽ phát sinh thành bệnh tý[125]. Phàm phương pháp xem lạc mạch, nếu thấy mạch sắc màu xanh, thì đó là do hàn tà gây hàn và đau, nếu mạch sắc màu đỏ thì đó là nhiệt tà gây nhiệt[126]. Nếu trong Vị có hàn tà thì nơi Ngự của bàn tay, lạc của nó màu xanh nhiều, nếu trong Vị có nhiệt tà thì lạc mạch nơi huyết Ngự tể sẽ đỏ[127]. Nếu lạc mạch nơi đó có màu đen kịt mà để lâu thì sẽ thành chứng tý[127]. Nếu nơi đó lạc mạch vừa đỏ, vừa đen, vừa xanh, thì đó là khí vừa hàn vừa nhiệt[128]. Nếu nơi đó lạc mạch xanh mà đoản, đó là do thiếu khí[129]. Phàm phép châm trường hợp hàn và nhiệt đều rất nhiều huyết lạc, như vậy nên cách ngày châm 1 lần, bao giờ huyết hết mới thôi, đó là ta đã điều được sự hư thực[130]. Khi nào gặp lạc mạch nhỏ (thanh) mà ngắn, đó là do thiếu khí[131]. Trường hợp thiếu khí quá nặng mà ta châm tả sẽ làm cho người bệnh bị bút rút, bút rút nhiều quá sẽ té xuống và sẽ không nói được nữa, ta nên mau mau đỡ người bệnh lên ngay[132].

Biệt của thủ Thái âm tên gọi Liệt Khuyết, khởi lên ở phía trên cổ tay trong khoảng phan nhục, cùng đi ngay ở kinh Thái âm, nhập thẳng vào giữa gan tay, tán ra để nhập vào vùng huyết Ngự Tể [133]. Bệnh thực sẽ làm cho đầu nhọn, cổ tay và gan tay bị nhiệt, bệnh hư sẽ ngáp và vận mình, đái đôn và đái nhiều lần[134]. Nên thủ huyết ở nơi cách cổ tay nửa thốn, nơi đây tách biệt ra để đi theo kinh Dương minh[135].

Biệt của thủ Thiếu âm tên gọi là Thông Lý, khởi lên ở chỗ cách cổ tay 1 thốn rưỡi, tách biệt ra để đi lên, dọc theo kinh chính đi lên nhập vào giữa Tâm, buộc vào cuống lưỡi, thuộc vào mục hệ [136]. Bệnh thực sẽ làm cho màn hoành cách như bị chửi vào, bệnh hư sẽ làm cho không nói chuyện được[137]. Nên thủ huyết ở nơi sau gan tay 1 thốn và là nơi nó tách biệt ra để đi theo kinh Thái dương[138].

Biệt của thủ Tâm chủ tên gọi là Nội Quan, nằm ở chỗ cách cổ tay 2 thốn, xuất ra ở khoảng giữa 2 đường gân, dọc theo kinh chính để đi lên, buộc vào Tâm bào lạc, vào Tâm hệ[139]. Bệnh thực sẽ làm cho Tâm thống, bệnh hư sẽ làm cho đầu (gáy) bị cứng[140]. Nên thủ huyết ở giữa 2 đường gân[141].

Biệt của thủ Thái dương tên gọi là Chi Chính, lên khỏi cổ tay 5 thốn, bên trong chú vào Thiếu âm[142]. Chi biệt của nó lên trên đi vào khuỷu tay, lạc với huyết Kiên Ngung[143]. Bệnh thực sẽ làm cho các khớp xương buồng lỏng, khuỷu tay không cử động được, bệnh hư sẽ làm cho mọc nhiều mụn cơm nhỏ ở khe tay[144]. Nên thủ huyết lạc để châm[145].

Biệt của thủ Dương minh tên gọi là Thiên Lịch, lên khỏi cổ tay 3 thốn, tách biệt nhập vào kinh Thái âm[146]. Chi biệt của nó lên trên đi dọc theo cánh tay, cưỡi lên huyết Kiên Ngung, lên trên góc hàm và chân răng[147]. Chi biệt của nó nhập vào tai hợp với tông mạch[148]. Bệnh thực sẽ làm cho răng sâu và tai điếc, bệnh hư làm cho răng lạnh, hoành cách bị tý [149]. Nên thủ huyết lạc để châm[150].

Biệt của thủ Thiếu dương tên gọi là Ngoại Quan, nằm ở khỏi cổ tay 2 thốn, vòng ra ngoài cánh tay, rót vào giữa ngực ở hợp với Tâm chủ[151]. Bệnh thực sẽ làm cho khuỷu tay bị co quắp, bệnh hư sẽ làm cho cổ tay không co lại được[152]. Nên thủ huyết lạc để châm[153].

Biệt của túc Thái dương tên gọi là Phi Dương, nằm ở cách trên mắt cá 7 thốn, tách biệt ra để đi đến kinh Thiếu âm[154]. Bệnh thực sẽ làm cho nghẹt mũi, đầu và lưng đau nhức, bệnh hư sẽ làm cho chảy máu cam[155]. Nên thủ huyết lạc để châm[156].

Biệt của kinh túc Thiếu Dương tên gọi là Quang Minh, nằm ở trên mắt cá 5 thốn, tách biệt đi về với Quyết âm, xuống dưới lạc với mu bàn chân[157]. Bệnh thực thì quyết, bệnh hư thì bị chứngliệt, què, ngồi xuống không đứng lên được[158]. Nên thủ huyết lạc để châm[159].

Biệt của túc Dương minh tên gọi là Phong Long, nằm ở cách trên mắt cá 8 thốn, tách biệt ra để đi với kinh Thái âm[160]. Chi biệt của nó đi dọc theo mép ngoài xươngchày, lên trên lạc với đầu và cổ gáy, hợp với khí của các kinh, xuống dưới để lạc với cổ họng[161]. Nếu bệnh mà khí nghịch lên thì sẽ làm cho cổ họng bị tý, cảm tiếng nói đột ngột[162]. Bệnh thực sẽ làm cho điên cuồng, bệnh hư thì chân sẽ không co lại được, xương chàybị khô[163]. Nên thủ huyết lạc để châm[164].

Biệt của túc Thái âm tên gọi là Công Tôn, nằm ở cách sau xương bản tiết 1 thốn, tách biệt đi với Dương minh[165]. Chi biệt của nó nhập vào để lạc với trường và Vị[166]. Khi quyết khí thượng nghịch sẽ làm thành chứng thổ tả[167]. Bệnh thực thì trong ruột bị đau nhức, bệnh hư bị cổ trướng[168]. Nên thủ huyết lạc để châm[169].

Biệt của túc Quyết âm tên gọi là Lãi Câu, nằm ở trên mắt cá chân trong 5 thốn[170]. Chi biệt của nó đi qua xương chày lên trên đến hòn dái rồi kết lại ở dương vật[171]. Nếu bị bệnh khí nghịch sẽ làm cho trứng dái bị sưng thũng, bị chứng sán đột ngọt[172]. Bệnh thực thì dương vật cương và dài ra, bệnh hư sẽ bị ngứa dữ dội (ở bên ngoài bộ sinh dục)[173]. Nên thủ huyết lạc để châm[174].

Biệt của Nhậm mạch tên gọi là Vĩ Ế , xuống dưới tán ra ở bụng[175]. Bệnh thực thì da bụng bị đau, bệnh hư thì da bụng bị ngứa[176]. Nên thủ huyết lạc để châm[177].

Biệt của Đốc mạch tên gọi là Trường Cường, áp theo thịt lữ lên trên đến cổ, tán ra ở trên đầu, xuống dưới ngay ở 2 bên tả hữu xương bả vai, tách biệt ra đi theo kinh Thái dương nhập vào xuyên qua thịt lữ [178]. Bệnh thực thì làm cho cột sống cứng, bệnh hư sẽ làm chứng đầu nặng, đầu choáng váng[179]. Nếu dọc theo cột sống có tà khí ở khách, nên thủ huyết lạc để châm[180].

Đại lạc của Tỳ tên gọi là Đại Bao, xuất ra ở dưới huyết Uyên Dịch 3 thốn, phân bố dưới ngực và sườn[181]. Bệnh thực thì sẽ làm cho toàn thân bị đau nhức, bệnh hư sẽ làm cho trăm khớp xương trong toàn thân đều bị buông lỏng[182]. Nếu mạch có những huyết lạc giăng khắp nơi, nên thủ huyết lạc Đại Bao để châm[183].

Phàm 15 lạc trên, nếu thực thì sẽ hiện rõ ra, nếu hư thì mạch bị hãm hạ, nhìn không thấy được, nên tìm các huyết trên dưới để (xác định)[184]. Kinh mạch của con người không đồng nhau vì thể lạc mạch cũng có chỗ khác nhau[185].

Y học cổ truyền LINH KHU Part 5



THIÊN 11: KINH BIỆT

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: “Ta nghe con người hợp với Thiên Đạo, bên trong có ngũ tạng để hợp với ngũ âm, ngũ sắc, ngũ thời, ngũ vị[1]. Ngũ vị: bên ngoài có lục phủ để ứng với lục luật, lục luật để “kiến” nên các kinh thuộc Âm Dương nhằm hợp với thập nhị huyết, thập nhị thần, thập nhị tiết, thập nhị kinh thủy, thập nhị thời, thập nhị kinh mạch[2]. Đây là sự “ứng” của ngũ tạng lục phủ với Thiên Đạo[3]. Ôi ! Thập nhị kinh mạch là nơi con người dựa vào để sống, nơi mà bệnh dựa vào để thành, nơi mà con người dựa vào để trị, nơi mà bệnh dựa vào để khởi lên; cái học (về y) bắt đầu từ đây, sự khéo léo (của người thầy thuốc) phải đạt đến (sự hiểu biết về nó)[4]. Người thầy vựng về thường hay đổi sự hiểu biết của mình về nó, người thầy thuốc khéo léo xem nó là vấn đề khó khăn (cần đạt đến)[5]. Ta xin hỏi thầy về sự “xuất nhập ly hợp của nó” như thế nào ?”[6].

Kỳ Bá cúi rạp đầu xuống lạy 2 lạy, nói: “Sáng suốt thay câu hỏi của bệ hạ ! Đây chính là vấn đề mà người thầy thuốc vựng về thường lơ là và người thầy thuốc khéo léo rất chú trọng, lưu tâm đến. Nay thần xin nói rõ ngay như sau”[7].

Kinh ‘Túc Thái dương chi chính’, tách biệt nhập vào trong kheo chân, một đường đi của nó đi xuống dưới xương cùng cột 5 thốn, tách biệt nhập vào giang môn, thuộc vào Bàng quang, tán ra ở Thận, dọc theo thịt “lũ”, đến ngay Tâm, nhập vào (Tâm) và tán ra[8]. Đường đi thẳng của nó, đi từ đường thịt “lũ” lên trên, xuất ra ở cổ gáy, rồi lại thuộc vào kinh Thái dương, đây là (đường đi) của 1 kinh[9].

Kinh “Túc Thiếu âm chi chính”, khi đến giữa kheo chân thì tách biệt ra để đi theo kinh Thái dương và hợp với kinh này, khi nó lên đến Thận thì ngay ở đốt cột sống thứ 14, nó xuất ra để thuộc vào huyết Đới mạch[10]. Đường đi thẳng của nó đi lên để ràng buộc vào cuống lưỡi, rồi lại xuất ra ở cổ gáy để hợp với kinh Thái dương, ta gọi đây là ‘Nhất hợp’[11]. (Sự tương hợp này) tạo thành (mối quan hệ), đó là các đường kinh “chính” của Dương đều thành các đường kinh “biệt” của Âm[12].

Kinh “Túc Thiếu âm chi chính”, quay quanh vùng máu chuyền lớn, nhập vào ven chòm lông mu, hợp với đường đi của kinh Quyết âm[13]. Đường ‘biệt’ của nó nhập vào trong khoảng bờ sườn cột, tuần hành theo trong ngực, thuộc vào Đởm rồi tán ra ở đây, nó lại lên trên đến Can, xuyên qua Tâm để lên trên, áp vào yết (thực quản), xuất ra ở hàm dưới mép, tán ra ở mặt, ràng buộc vào mục hệ, hợp với kinh Thiếu dương, rồi cùng đường “biệt” của Thiếu dương cùng đi lên, đây là “Nhị hợp”[14].

Kinh “Túc Dương minh chi chính”, lên đến mấu chuyễn lớn nhập vào trong bụng, thuộc vào Vị rồi tán ra ở Tỳ, lên trên thông với Tâm, lên trên nữa dọc theo yết (thực quản), xuất ra ở miệng, lên đến chỗ lõm của sống mũi giữa mắt, ràng buộc với mục hệ rồi hợp với Dương minh[15].

Kinh “Túc Thái âm chi chính”, lên trên đến vùng mấu chuyễn lớn, hợp với kinh Dương minh, rồi cùng đường “biệt” của Dương minh cùng đi lên, lên trên để kết với yết (thanh quản), xuyên qua lưỡi, đây là ‘Tam hợp’[16].

Kinh “Thái dương chi chính”, chỉ xuống Địa, tách biệt ra từ 2 vùng khớp vai, nhập vào nách, chạy lên Tâm ràng buộc với Tiểu trường[17].

Kinh “Thủ Thiếu âm chi chính”, tách biệt nhập vào ở huyết Uyên Dịch, giữa 2 đường gân, thuộc vào Tâm, lên trên chạy vào yết hầu, xuất ra ở mắt, hợp với khoé mắt trong, đây là ‘Tứ hợp’[18].

Kinh “Thủ Thiếu dương chi chính”, chỉ lên Thiên, tách biệt ra ở đỉnh đầu nhập vào Khuyết bồn, đi xuống chạy vào Tam tiêu rồi tán ra ở giữa ngực[19].

Kinh “Thủ Tâm chủ chi chính”, tách biệt đi xuống dưới huyết Uyên Dịch 3 thốn, nhập vào giữa ngực, tách biệt thuộc về Tam tiêu, xuất ra đi dọc theo hầu lung (thanh quản), xuất ra sau tai, hợp với phía dưới huyết Hoàn Cốt thuộc kinh Thiếu dương, đây là Ngũ hợp[20].

Kinh “Thủ Dương minh chi chính”, đi từ tay, dọc theo 2 bên ngực và vú, tách biệt ra từ huyết Kiên Ngung, nhập vào dưới trụ cốt (Đại Chùy), xuống dưới chạy vào Đại trường, thuộc vào Phế, lên trên, dọc theo hầu lung (thanh quản), xuất ra ở Khuyết bồn, hợp với kinh Dương minh[21].

Kinh “Thủ Thái âm chi chính”, tách biệt nhập vào Uyên Dịch trước kinh Thiếu âm, nhập vào đi đến Phế rồi tán ra ở Thái Dương, lên trên xuất ra ở Khuyết bồn, đi dọc theo hầu lung (thanh quản) rồi lại hợp với kinh Dương minh, đây là Lục hợp[22].

THIÊN 12: KINH THỦY

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: “Kinh mạch gồm có 12 đường, bên ngoài nó hợp với 12 kinh thủy, bên trong nó thuộc vào ngũ tạng, lục phủ [1]. Ôi ! 12 kinh thủy, trong số đó có lớn nhỏ, có sâu cạn, có rộng hẹp, có xa gần, tất cả đều không đồng nhau[2]. Ngũ tạng lục

phủ có những cao thấp, nhỏ lớn, thọ nhận cốc khí nhiều ít cũng không bằng nhau. vậy sự tương ứng giữa chúng với nhau như thế nào?[3] Ôi ! kinh Thủy nhờ thọ được thủy để vận hành, ngũ tạng nhờ hợp được với thần khí hồn phách để tàng giữ, lục phủ nhờ thọ được ‘cốc khí’ để vận hành, thọ được ‘khí’ để mà mở rộng ra, kinh mạch nhờ thọ được ‘huyết’ để mà ‘doanh’ ra[4]. Nay muốn hợp lại nhau để ‘trị bệnh’ phải làm sao?[5] Ta có thể nghe trình bày về sự châm sâu hay cạn, cứu bằng tráng số nhiều hay ít không?”[6].

Kỳ Bá đáp rằng: “Câu hỏi khéo thay ! Thiên rất cao không thể đo, Địa rất rộng không lường, đó là ý nghĩa của vấn đề được đặt ra[7]. Vả lại, con người sinh ra trong khoảng Thiên Địa, bên trong lục hợp[8]. Đây là Trời cao, Đất rộng, không phải là cái mà con người có thể đo lường mà đạt được vậy[9]. Đến như những kẻ mình cao 8 thước, da thịt hiện rõ nơi đây, bên ngoài, ta có thể đo lường, sờ mó để biết được, khi chết, ta có thể ‘giải phẫu’ để nhìn xem sự cứng mềm của tạng, sự lớn nhỏ của phủ, sự nhiều ít của cốc khí, sự dài ngắn của mạch, sự thanh trọc của huyết, sự nhiều ít của khí[10]. Trong 12 kinh, kinh nào huyết nhiều khí ít, kinh nào huyết ít, khí nhiều , kinh nào cả huyết khí đều nhiều, kinh nào cả huyết lẫn khí đều thiếu, tất cả đều có ‘số lớn’ của nó[11]. Khi trị, dùng châm cứu nhằm điều hòa khí của đường kinh, mỗi trường hợp đều có chỗ thích hợp của nó”[12].

Hoàng Đế nói: “Ta nghe Thầy nói, tai ta rất thích, nhưng Tâm ta chưa được thỏa mãn. Ta mong được nghe cho hết”. [13]

Kỳ Bá đáp : “Đây chính là những gì con người ‘tham’ được với Thiên Địa, ứng được với Âm Dương, không thể không xét cho rõ”[14].

Kinh túc Thái dương, bên ngoài nó hợp với sông Thanh thủy, bên trong nó thuộc vào Bàng quang có nhiệm vụ làm thông thủy đạo[15].

Kinh túc Thiếu dương, bên ngoài nó hợp với sông Vị thủy, bên trong nó thuộc vào Đờm[16].

Kinh túc Dương minh , bên ngoài nó hợp với Hải thủy, bên trong nó thuộc vào Vị[17].

Kinh túc Thái âm, bên ngoài nó hợp với sông Nhữ thủy, bên trong nó thuộc vào Thận[18].

Kinh túc Quyết âm, bên ngoài nó hợp với sông Thăng thủy, bên trong nó thuộc vào Can[19].

Kinh thủ Thái dương, bên ngoài nó hợp với sông Hoài thủy, bên trong nó thuộc vào Tiểu trường, thủy đạo xuất ra từ đây[20].

Kinh thủ Thiếu dương, bên ngoài nó hợp với sông Thấp thủy, bên trong nó thuộc vào Tam tiêu[21].

Kinh thủ Dương minh, bên ngoài nó hợp với sông Giang thủy, bên trong nó thuộc vào Đại trường[22].

Kinh thủ Thái âm, bên ngoài nó hợp với sông Hà thủy, bên trong nó thuộc vào Phế [23].

Kinh thủ Thiếu âm, bên ngoài nó hợp với sông Tế thủy, bên trong nó thuộc vào Tâm[24].

Kinh thủ Tâm chủ, bên ngoài nó hợp với sông Chương thủy, bên trong nó thuộc vào Tâm bào[25].

Phàm tất cả ngũ tạng, lục phủ, thập nhị kinh thủy, bên ngoài nó có nguồn, bên trong nó có chỗ bấm thu, tất cả xuyên suốt nhau như chiếc vòng ngọc không đầu mối[26]. ‘Kinh’ của con người giống như vậy[27]. Cho nên, Thiên thuộc Dương, Địa thuộc Âm, từ thất lưng trở lên thuộc Thiên, từ thất lưng trở xuống thuộc Địa[28]. Cho nên, từ “hải” về phía bắc thuộc Âm, từ “hồ” về phía bắc thuộc Âm trong Âm, từ sông Chương về phía nam thuộc Dương, từ sông Hà thủy về phía bắc không đến sông Chương thuộc Âm trong Dương, từ sông Thấp thủy về nam đến sông Giang thủy thuộc Thái dương trong Dương[29]. Đây chỉ là 1 vùng đất (tượng trưng) sự tương hợp của Âm Dương mà thôi, nhằm chứng minh con người cùng ‘tham’ với Thiên Địa[30].

Hoàng Đế hỏi: Ôi ! Sự tương hợp giữa kinh thủy và kinh mạch có những chỗ xa gần, cạn sâu, thủy và huyết có sự nhiều ít, đều có những bất đồng nhưng hợp nhau, dùng nó vào việc châm như thế nào ?”[31].

Kỳ Bá đáp : “Kinh túc Dương minh là ‘biển’ của ngũ tạng, lục phủ, mạch của nó đại, huyết của nó nhiều, khí của nó thịnh, nhiệt của nó tráng; Châm đường kinh này, nếu không sâu thì không làm tán được khí, không lưu kim thì không tả được khí[32].

Châm kinh túc Dương minh sâu 6 phân, lưu 10 hô[33]. Châm kinh túc Thái dương sâu 5 phân, lưu 7 hô [34]. Châm kinh túc Thiếu dương sâu 4 phân, lưu 5 hô [35]. Châm kinh túc Thái âm sâu 3 phân, lưu 4 hô [36]. Châm kinh túc Thiếu âm sâu 2 phân, lưu 3 hô[37]. Châm kinh túc Quyết âm sâu 1 phân, lưu 2 hô[38].

Âm dương của Thủ có con đường thọ khí gần, khí đến lại nhanh, độ châm sâu không thể quá 2 phân, lưu kim đều không quá 1 hô[39]. Đối với những người còn trẻ hoặc lớn tuổi, đối với người có vóc to hay bé nhỏ, đối với người mập hay gầy, tất cả những trường hợp đó phải được người thầy thuốc dùng Tâm để thẩm định, đây là ta đã phỏng theo cái lẽ thường của Thiên[40].

Việc dùng phép “cứu” cũng thế, nếu cứu mà quá mức thì người bệnh sẽ bị ‘ác hỏa’, xương bị khô, mạch bị sắc, nếu châm mà quá mức thì sẽ làm cho thoát khí[41].

Hoàng Đế hỏi: “Ôi ! vấn đề nhỏ lớn của kinh mạch, nhiều ít của huyết, dày mỏng của làn da, cứng mềm của bắp thịt cho đến vấn đề lớn nhỏ của “khuẩn: kết tụ giữa cân và nhục”, tất cả có thể đo lường được hay không ?”[42].

Kỳ Bá đáp : “Nhắm vào những trường hợp của những người có thể ‘đo lường’ được rồi chọn người ‘trung đạt’, đó là những người chưa ‘thoát nhục’ thái quá mà huyết khí cũng chưa suy[43]. Nếu gặp những người không đo lường được, tức là những người gầy yếu, hình nhục đều thoát, như vậy làm sao có thể chỉ dựa vào sự đo lường để mà châm được! Vậy nên thẩm xét lại phương pháp ‘thiết tuần môn án’, nên nhìn vào sự hàn ôn, thịnh suy (của khí huyết) để mà điều hòa (khí huyết), đó mới gọi là nhân theo chỗ thích ứng đáng gọi là con đường đúng đắn nhất vậy[44].

THIÊN 13: KINH CÂN

Cân của kinh túc Thiếu dương khởi lên ở đầu ngón chân út, lên trên kết ở mắt cá ngoài, đi chéo lên để kết ở gối, đi xuống dọc theo mặt ngoài chân, kết ở gót chân, lên để kết ở gót chân phía sau, rồi kết ở kheo chân[1].

Chi biệt của nó kết ở phía ngoài bắp chuối, lên đến mép trong giữa kheo chân rồi cùng đoạn giữa kheo chân lên trên kết ở mông, lên trên, đi cạnh cột sống lên đến cổ gáy[2].

Một nhánh biệt nhập vào và kết ở cuống lưỡi[3].

Đường đi thẳng của nó kết ở xương chẩm cốt rồi lên đầu, xuống mặt (trán) rồi kết ở mũi[4].

Một nhánh tạo thành màng lưới trên mắt, xuống dưới kết ở gò má dưới mắt[5].

Một nhánh từ sau mép sau nách kết ở huyết Kiên Ngung[6].

Một nhánh nhập vào dưới nách, lên trên xuất ra ở Khuyết bồn, lên trên kết ở huyết Hoàn Cốt[7].

Một nhánh xuất ra từ Khuyết bồn đi chéo lên xuất ra ở gò má dưới mắt[8].

Bệnh của nó sẽ làm cho ngón chân út và ngón chân sưng thũng và đau, khoeo chân bị chuột rút, lưng bị ưỡn như muốn gãy, gân gáy bị co rút, vai không đưa cao lên được, đau từ nách lên đến Khuyết bồn như bó vắn lại, không lắc lư được từ phải hay trái gì cả[9].

Phép trị nên châm bằng phép ‘phần châm’ để đuổi hàn tà cho nhanh, không kể số lần châm, châm cho đến khi hết thì thôi; khi châm nên tìm chỗ nào đau (thống điểm) thì xem đó là du huyết để châm, ta gọi là chứng ‘tý của thảng trọng xuân’ vậy[10].

· Cân của túc Thiếu dương khởi lên ở ngón chân áp út, phía ngón út, lên trên kết ở mắt cá ngoài, lên trên dọc theo mép ngoài của xương chày, kết ở mép ngoài gối[11].

Một nhánh tách biệt khởi lên ở bên ngoài xương phụ cốt lên cho đến mấu chuyển lớn, phía trước nó kết ở huyết Phục Thổ, phía sau nó kết ở vùng xương cùng[12].

Đường đi thẳng của nó lên trên cưỡi lên vùng mềm của bờ sườn cụt, lên trên đi theo mép trước của sườn, ràng buộc vào vùng ngực, vú, kết ở Khuyết bồn[13].

Đường đi thẳng của nó lên trên xuất ra từ nách xuyên qua Khuyết bồn xuất ra ở trước kinh Thái dương, đi theo sau tai, lên trên đến góc trán, giao hội ở đỉnh đầu, đi xuống hàm, rồi lên kết ở xương má dưới mắt[14].

Một chi nhánh kết ở đuôi mắt đóng vai trò gìn giữ (duy trì) bên ngoài[15].

Khi bệnh, nó sẽ làm chuyển cân ở ngón áp út phía ngón út, dẫn lên đến gối và chuyển cân ở mép ngoài gối, làm cho gối không co duỗi được, khoeo chân bị co rút, mặt

trước co giật lên đến háng (máu chuyển lớn), phía sau làm cho giật đến vùng xương cùng, nó làm đau lan tràn đến bờ dưới sườn cụt, lên trên nó dẫn đến vùng ngực, vú và Khuyết bồn cũng đau, gân cổ bị co rút từ trái sang phải, mắt phải không mở ra được, lên trên quá góc mặt để cùng vận hành với Kiểu mạch, bên trái lạc với bên phải, cho nên nếu bị thương ở góc trái thì chân phải không cử động được, ta gọi tên là ‘duy cân tương giao’[16]. Phép trị là phải châm bằng phép ‘phần châm’ để đuổi hàn tà cho nhanh, không kể số lần châm, châm cho đến khi hết bệnh thì thôi; khi châm nên tìm chỗ nào đau (thống điểm) xem đó là du huyết để châm; ta gọi là chứng ‘tý của thảng mạnh xuân’ vậy[17].

· Cân của túc Dương minh khởi lên ở giữa 3 ngón chân, kết ở trên mu bàn chân, đi chéo ra ngoài, lên trên gia thêm cho phụ cốt, lên để kết ở mép ngoài gối[18].

Đường lên thẳng của nó kết ở máu chuyển lớn, lên dọc theo hông sườn rồi thuộc vào cột sống[19].

Đường đi thẳng của nó lên trên dọc theo xương chày rồi kết ở gối[20].

Một nhánh kết ở ngoài phụ cốt, hợp với kinh Thiếu dương[21].

Đường đi thẳng của nó lên trên đi dọc theo huyết Phục Thố, lên trên kết ở háng, tụ lại ở âm khí (bộ sinh dục), lên đến bụng, bỏ tán ra đến Khuyết bồn rồi kết lại, lên cổ, lên áp vào miệng, hợp với xương gò má, xuống dưới kết ở mũi, lại lên trên hợp với kinh Thái dương, (kinh Thái dương tạo thành màng lưới ở trên mắt), kinh Dương minh tạo thành màng lưới ở dưới mắt[22].

Một nhánh đi từ má lên kết ở trước tai[23].

Khi gây bệnh, nó sẽ làm cho chuyển cân từ ngón chân giữa lên đến ống chân, bàn chân bị giật nhẩy lên và cứng, vùng huyết Phục Thố bị chuyển cân, vùng háng bị sưng thũng, bị chứng đòi sán, cân ở bụng bị co giật, dẫn lên đến Khuyết bồn và má, miệng bị méo sệch, nếu bệnh cấp thì mắt không nhắm lại được, nếu nhiệt thì cân bị mềm lỏng mắt không mở được, nếu cân ở má bị nhiệt thì nó sẽ làm cho cân bị buông lỏng không co lại được, miệng bị sệ xuống[24].

Phép trị là phải dùng “mỡ ngựa”, thoa lên chỗ đang bị co giật, dùng rượu ngâm Quế để bôi vào chỗ bị mềm lỏng, dùng cành Dâu có móc để móc cho miệng được ngay lại

(không còn méo nữa), tức là dùng tro lửa của cành dâu sống đặt vào chỗ lõm sâu dưới đất, làm thế nào để cho người bệnh ngồi 1 cách thoải mái, đủ ấm, sau đó dùng mỡ ngựa bôi vào nơi má bị co giật, đồng thời cho bệnh nhân uống ít rượu ngon, ăn thịt nướng thơm ngon; người nào không biết uống rượu cũng phải tự mình cố gắng uống cho kỳ được, thoa bóp chỗ đau khoảng 3 lần thì hết bệnh[25].

Phép trị nên châm bằng phép ‘phần châm’ để đuổi hàn tà cho nhanh, không kể số lần châm, châm cho đến khi hết thì thôi, Ta gọi là chứng ‘tý của tháng quý xuân’[26].

· Cân của túc Thái âm khởi lên ở bên cạnh trong của đầu ngón chân cái, lên trên kết ở mắt cá trong[27].

Đường thẳng của nó lạc với xương phụ cốt trong gối, lên trên đi dọc theo mặt trong đùi, kết ở háng, tụ ở bộ sinh dục, lên trên bụng, kết ở rốn, đi bên trong bụng, kết ở cạnh sườn, tán ra ở giữa ngực[28].

Nhánh ở trong bám vào cột sống, khi gây bệnh, nó sẽ làm cho từ đầu ngón chân cái đến mắt cá trong đều đau, đau như chuột rút, xương phụ cốt bên trong gối bị đau, từ mặt trong về lên đến háng bị đau, vùng bộ sinh dục bị đau xoắn, xuống dưới dẫn đến (lên trên dẫn đến) rốn và hai bên hông sườn đau, dẫn đến ngực và trong cột sống đau[29].

Phép trị nên châm bằng phép ‘phần châm’, không kể số lần châm, châm cho đến khi hết bệnh thì thôi, khi châm nên tìm chỗ nào đau thì xem đó là du huyết để châm, ta gọi là ‘tý bệnh của mệnh thu’ vậy[30].

· Cân của Túc Thiếu âm khởi lên từ mặt dưới ngón chân út, cùng với cân của Túc Thái âm đi chéo về phía dưới của mắt cá trong, kết ở gót chân, hợp với cân của Thái dương, đi lên kết ở dưới và phía trong xương phụ cốt, cùng với cân của Thái âm lên trên đi dọc theo cột sống trong rồi dọc theo 2 bên thịt lữ để lên đến cổ gáy, kết ở xương chẩm cốt, hợp với cân của kinh túc Thái dương[31].

Khi bệnh, nó sẽ làm cho gan bàn chân bị chuyển cân, cho nên các nơi mà đường kinh kết vào đều đau và đều chuyển cân, vì bệnh được biểu hiện ở các nơi này, cho nên sẽ gây thành động kinh, co quắp, và cứng mình; nếu bệnh ở ngoài thì sẽ không cúi xuống được, nếu bệnh ở trong thì không ngửa lên được, cho nên nếu bệnh ở Dương

thì thất lưng bị gãy ngược ra sau không cúi xuống được, nếu bệnh ở Âm thì không ngửa lên được[32].

Phép trị nên châm bằng phép ‘phần châm’ để đuổi hàn tà cho nhanh, không kể số lần châm, châm cho đến khi hết thì thôi, khi châm nên tìm chỗ nào đau thì xem đó là du huyết để châm, ta gọi đó là chứng ‘tý của trọng thu’ vậy[33].

· Cân của túc Quyết âm khởi lên ở mặt trên ngón chân cái, lên trên kết ở trước mắt cá trong, lên trên đi dọc theo xương chày, lên trên kết ở phía dưới của bên trong xương phụ cốt, lên trên đi dọc theo mặt trong của vế, kết ở bộ sinh dục, lạc với các cân khác[34].

Khi gây bệnh, nó sẽ làm cho từ ngón chân cái đến trước mắt cá trong đau, trong xương phụ cốt đau, phía trong vế đau, chuyển cân, bộ sinh dục bất dụng, liệt không dùng được nữa; nếu bị thương bên trong nó sẽ không cứng lên được, nếu bị thương bởi hàn tà thì nó bị teo thụt vào trong, nếu bị thương bởi nhiệt thì nó cứng lên không nhỏ lại được[35]. Phép trị là dùng phép ‘hành thủy’ để thanh Âm khí, còn nếu bệnh bị chuyển cân nên dùng phép ‘phần châm’, ‘kiếp thích’, không kể số lần châm, dò thấy nơi nào có điểm đau thì xem đó là du huyết để châm, ta gọi đây là chứng ‘tý của quý thu’ vậy[36].

· Cân của Thủ Thái dương khởi lên ở trên ngón út, kết ở cổ tay trên, tuần hành dọc theo mép trong cẳng tay, kết ở phía sau chỗ xương lồi nhọn phía trong khuỷu tay, ấn mạnh vào đó thấy cảm giác đến trên ngón tay út, nhập vào để kết ở dưới nách[37].

Một nhánh đi ra phía sau nách, lên trên vòng theo bả vai, dọc theo cổ, xuất ra đi theo phía trước kinh Thái dương, kết ở huyết Hoàn Cốt sau tai[38].

Một nhánh nhập vào trong tai[39].

Đường đi thẳng của nó xuất ra ở trên và dưới tai, kết ở hàm, lên trên thuộc vào khoeé mắt ngoài[40].

Khi gây bệnh, nó sẽ làm cho ngón tay út lan ra đến mép sau xương lồi nhọn phía trong khuỷu tay đều bị đau, đau dẫn lên phía trong cẳng tay nhập vào dưới nách, dưới nách cũng đau, mép sau nách đau, vòng theo sau bả vai dẫn lên đến cổ đau, ứng theo đó là trong tai bị kêu và đau, đau dẫn đến hàm, mắt có khi bị mờ hồi lâu rồi mới thấy trở

lại; khi gân cổ bị co rút thì sẽ làm cho gân bị yếu và cổ bị sưng, đó là hàn nhiệt đang ở tại cổ [41].

Phép trị nên dùng phép ‘phần châm’, ‘kiếp thích’, không kể số lần châm, dò thấy nơi nào bị đau thì đó là du huyết để châm, hi nào nó vẫn còn sưng thũng, thì tiếp tục dùng kim nhọn (sâm châm) để châm[42].

Đường đi của nhánh gốc lên đến vùng răng, dọc theo trước tai, thuộc vào khoé mắt ngoài, lên đến hàm (trán), kết ở góc trán[43]. Bệnh này làm chuyển cân ở các đường nó đi qua[44]. Phép trị nên dùng phép ‘phần châm’, ‘kiếp thích’, không kể số lần châm, dò thấy nơi nào đau thì đó là du huyết để châm, gọi là chứng ‘tý của trọng hạ’ vậy[45].

- Cân của Thủ Thiếu dương khởi lên ở đầu ngón tay thứ tư phía ngón út, kết ở cổ tay, lên trên đi dọc theo cẳng tay kết ở khuỷu tay, lên trên vòng quanh theo mép ngoài cánh tay, lên trên vai, đi lên cổ, hợp với kinh Thủ Thái dương[46]

Một nhánh từ dưới góc hàm nhập vào răng buộc với cuống lưỡi[47].

Một nhánh lên khỏi răng đi dọc ra trước tai, thuộc vào khoé mắt ngoài, lên đến trán kết ở góc trán[48].

Khi gây bệnh thì suốt con đường mà kinh đi qua đều chuyển cân, lưỡi bị cuốn lại[49].

Phép trị là dùng phép ‘phần châm’, ‘kiếp thích’, không kể số lần châm cho đến khi hết bệnh thì thôi, chỗ nào có điểm đau chỗ đó là du huyết để châm, gọi là chứng ‘tý của quý hạ’[50].

- Cân của thủ Dương minh khởi lên ở đầu ngón tay trở về phía ngón cái, kết ở cổ tay, lên trên đi dọc theo cẳng tay lên trên kết ở ngoài khuỷu tay và lên trên đến cánh tay, kết ở huyết Kiên Ngung[51].

Một nhánh vòng theo bả vai áp vào 2 bên cột sống[52].

Đường đi thẳng của nó đi từ huyết Kiên Ngung lên đến cổ [53].

Một nhánh lên má, kết ở trong xương gò má[54].

Đường đi thẳng của nó lên trên xuất ra ở trước kinh thủ Thái dương, lên trên đến góc trái của trán để lạc với đầu, đi xuống hàm bên phải[55].

Khi bệnh, nó sẽ gây cho suốt trên đường mà nó đi qua đều bị đau và vị chuyển cân, vai không đưa lên cao được, cổ không ngó qua bên trái và phải được[56].

Phép trị nên dùng phép ‘phần châm’, ‘kiếp thích’, không kể số lần châm, châm cho hết bệnh thì thôi, nơi nào có điểm đau thì nơi đó có huyết để châm, gọi là chứng ‘tý của mạnh hạ’[57].

· Cân của thủ Thái âm khởi lên ở phía trên đầu ngón tay cái, đi dọc theo ngón tay cái lên trên kết ở sau huyết Ngự Tế vận hành theo phía ngoài Thốn khẩu, lên trên dọc theo cẳng tay kết ở giữa khuỷu tay, lên trên đến mép trong cánh tay, nhập vào nách, xuống dưới xuất ra ở Khuyết bồn, kết ở trước huyết Kiên Ngung, lên trên kết ở Khuyết bồn, xuống dưới kết ở trong ngực, tán ra xuyên qua vùng thượng Vị, rồi hợp ở vùng cuối hông sườn[58].

Khi bệnh, nó sẽ làm cho suốt con đường mà nó đi qua đều bị chuyển cân, đau, nếu nặng hơn sẽ thành chứng ‘tức bồn’, hông sườn bị vận, thổ huyết [59].

Phép trị nên dùng phép ‘phần châm’, ‘kiếp thích’, không kể số lần châm, cho đến khi hết bệnh thì thôi, dò thấy chỗ nào có điểm đau thì đó là du huyết để châm, gọi là chứng ‘tý của trọng đông’[60].

· Cân của thủ Tâm chủ khởi lên ở đầu ngón tay giữa, cùng đi với cân của Thái âm, kết ở mép trong khuỷu tay, đi lên theo phía trong cánh tay, kết ở dưới nách, đi xuống tán ra phía trước để sau, áp vào hông sườn[61].

Một nhánh nhập vào nách, tán ra ở giữa ngực, kết ở cánh tay hoặc vùng thượng Vị[62].

Bệnh của nó xảy ra sẽ làm cho suốt con đường mà nó đi qua đều bị chuyển cân cho đến vùng ngực bị đau, chứng ‘tức bồn’[63]. Phép trị nên dùng phép ‘phần châm’, ‘kiếp thích’, không kể số lần châm, cho đến khi nào hết bệnh thì thôi, chọn chỗ nào có điểm đau thì chỗ đó là du huyết để châm, gọi là chứng ‘tý của mạnh đông’[63].

· Cân của thủ Thiếu âm khởi lên ở mặt trong ngón út, kết ở xương nhọn (cổ tay), lên trên kết ở mép trong khuỷu tay, lên trên nhập vào nách, giao với kinh Thái âm, đi sát

vào trong vú, kết ở giữa ngực, tuần hành theo cánh tay (vùng bôn, ngực), xuống dưới ràng buộc vào rốn[64].

Nếu gây bệnh nó sẽ làm cân bên trong co rút, chứng ‘Phục lượng’, xuống dưới làm cho khuỷu tay như bị một màn lưới co kéo[65].

Nếu gây bệnh thì nó sẽ làm suốt con đường mà nó đi qua sẽ bị chuyển gân, gân bị đau[66]. Phép trị nên dùng phép ‘phần châm’, ‘kiếp thích’, không kể số lần châm, khi nào hết bệnh thì thôi[67].

Khi nó đã thành Phục lượng thì bệnh nhân sẽ ói ra máu và mủ, sẽ chết, không trị được[68]. Bệnh thuộc kinh cân, nếu hàn thì làm cho bệnh nhân bị gãy gấp ra sau, gân bị co rút, nếu nhiệt thì gân bị buông lỏng không co lại được, bị chứng Âm nuy không còn dùng đến (tông cân) được nữa[69]. Khi Dương bị cấp thì bị gãy gấp ra sau, Âm bị cấp thì bị cúi xuống không duỗi người ra được[70]. Khi chúng ta áp dụng phương pháp ‘thối thích’ tức là châm đối với hàn chứng, hàn cấp[71]. Trong trường hợp nếu là nhiệt chứng thì gân bị buông lỏng không co lại được, không nên áp dụng phương pháp ‘phần châm’, gọi là chứng ‘tý của quý đông’ vậy[72]. Kinh Dương minh ở Túc, kinh Thái dương ở Thử, khi cân bị co rút thì miệng và mắt bị méo lệch, và đều bị co rút không thể nhìn thấy thẳng, phép trị như phương pháp đã nói[73].

THIÊN 14: CỐT ĐỘ

Hoàng Đế hỏi Bá Cao: “Thiên ‘Mạch Độ’ có nói về sự dài và ngắn của kinh mạch, vậy chúng ta dựa vào đâu để lập nên (sự quy định) đó ?”[1].

Bá Cao đáp : “Trước hết, chúng ta nên đo đạc sự dài ngắn, rộng hẹp, lớn nhỏ của cốt tiết, được vậy thì mạch độ sẽ định vậy” [2].

Hoàng Đế hỏi: “Ta mong được nghe về mức độ trung bình của của người trung bình (chúng nhân)[3]. Con người trung bình đo dài được 7 xích 5 thốn, vậy sự dài ngắn, lớn nhỏ của cốt tiết của họ phải tính như thế nào (kỷ hà) ?[4].

Bá Cao nói: “Chu vi của đại cốt của đầu dài 2 xích 6 thốn, chu vi của ngực dài 4 xích 5 thốn, chu vi của thắt lưng dài 4 xích 2 thốn, vùng có tóc che phủ, tức là mí tóc trước trán đến mí tóc cổ gáy sau dài 1 xích 2 thốn, từ mí tóc trước xuống đến cằm dài 1 xích, người quân tử nên dùng phép chiết trung (để tính)”[5].

Từ kết hầu trở xuống đến giữa Khuyết bồn dài 4 thốn[6]. Từ Khuyết bồn trở xuống đến xương Cưu Vĩ dài 9 thốn[7]. Nếu quá (dài hoặc rộng hơn) thì Phế to ra, nếu không đủ (bất mãn) thì Phế nhỏ lại[8]. Từ xương kiếm (chấn thủy) xuống cho đến Thiên Xu dài 8 thốn[9]. Nếu quá thì Vị to ra, nếu bất cập thì Vị nhỏ lại[10]. Từ Thiên Xu xuống đến Hoành Cốt dài 6 thốn rưỡi[11]. Nếu quá thì hồi trường rộng và dài, nếu không đủ thì hẹp và ngắn[12]. Xương hoành cốt dài 6 thốn rưỡi[13]. Từ mép trên của Hoành Cốt trở xuống cho đến mép trên của phía trong xương phụ cốt dài 1 xích 8 thốn[14]. Từ mép trên của phía trong xương phụ cốt trở xuống đến mép dưới dài 3 thốn rưỡi[15]. Từ mép dưới của xương phụ cốt trong xuống dưới đến mắt cá trong dài 1 xích 3 thốn[16]. Từ mắt cá xuống dưới mặt đất dài 3 thốn[17]. Từ kheo chân ngay đầu gối xuống dưới đến mu bàn chân dài 1 xích 3 thốn[18]. Từ mu bàn chân xuống tới mặt đất dài 3 thốn[19]. Cho nên, phần chu vi của cốt lớn thì gọi là thái quá, nhỏ thì gọi là bất cập[20].

Từ góc trán đến xương trụ cốt dài 1 xích[21]. Phần vận hành trong nách không hiện rõ ra dài 4 thốn[22]. Từ nách xuống dưới xương sườn cùng (quý hiếp) dài 1 xích 2 thốn[23]. Từ xương sườn cùng xuống đến mấu chuyển lớn (bể khu) dài 6 thốn[24]. Từ mấu chuyển lớn xuống khe đầu gối dài 1 xích 9 thốn[25]. Từ đầu gối xuống đến mắt cá chân ngoài dài 1 xích 6 thốn[26]. Từ mắt cá ngoài xuống đến huyết Kinh Cốt dài 3 thốn[27]. Từ huyết Kinh cốt xuống đến mặt đất dài 1 thốn[28].

Phía sau tai, ngay nơi huyết Hoàn Cốt đo ngang rộng 9 thốn[29]. Trước tai, ngang nơi cửa tai (Thính Cung) đo ngang rộng 1 xích 3 thốn[30]. Trong khoảng lưỡng quyền (2 má), 2 bên cách nhau 7 thốn[31]. Khoảng cách giữa 2 vú rộng 9 thốn rưỡi[32]. Khoảng cách giữa 2 mấu chuyển lớn rộng 6 thốn rưỡi[33]. Chân dài 1 xích 2 thốn, rộng 4 thốn rưỡi[34]. Từ vai đến khuỷu tay dài 1 xích 7 thốn[35]. Từ khuỷu tay đến cổ tay dài 1 xích 2 thốn rưỡi[36]. Từ cổ tay đến xương bản tiết của ngón giữa dài 4 thốn[37]. Từ xương bản tiết đến cuối (ngón tay) dài 4 thốn rưỡi[38].

Từ mí tóc gáy xuống dưới đến xương sống lưng dài 2 thốn rưỡi[39]. Từ lữ cốt trở xuống đến xương cùng gồm 21 đốt, dài 3 xích[40]. Các đốt nằm trên mỗi đốt đều dài 1 thốn 4 phân 1 ly, phần còn dư lẻ lại đều được tính ở phần các đốt dưới, cho nên, 7 đốt trên cho đến lữ cốt dài 9 thốn 8 phân 7 ly[41].

Đây là những độ của cốt của chúng nhân: đa số người, từ đó (cổ nhân) lập nên sự dài ngắn của kinh mạch[42]. Nhờ đó, ta có thể nhìn kinh mạch được ở thân thể, khi nó

hiện ra phù mà kiên, hiện ra rõ ràng mà lớn, đó là huyết nhiều; nhỏ mà trầm, đó khí nhiều[43].

THIÊN 15: NGŨ THẬP DOANH

Hoàng Đế hỏi: “Ta mong được nghe thế nào là ngũ thập doanh”[1].

Kỳ Bá đáp: “Thiên xoay hết 1 chu thì hết nhị thập bát tú, mỗi tú vận hành 36 phân, khí của con người vận hành 1 chu[2]. Trong 1008 phân, nhật hành nhị thập bát tú, kinh mạch của con người vận hành trên dưới, trái phải, trước sau, thế là 28 mạch vận hành chu thân dài 16 trượng 2 xích nhằm ứng với nhị thập bát tú, lậu thủy chảy xuống trăm khắc nhằm phân ra ngày và đêm[3]. Cho nên con người 1 lần hô thì mạch tái động, khí vận hành 3 thốn[4]. Hô hấp định 1 tức, khí vận hành 6 thốn[5]. Khí vận hành trong trong 10 tức được 6 xích, nhật hành nhị phân, 270 tức khí hành 16 trượng 2 xích, khí vận hành giao thông với bên trong 1 chu toàn thân, nước chảy xuống 2 khắc, nhật hành 25 phân, 540 tức khí hành 1 lần nửa chu toàn thân, nước chảy xuống 4 khắc, nhật hành 40 phân, 2700 tức khí vận hành 10 chu toàn thân, nước chảy xuống 20 khắc, nhật hành 5 tú 20 phân, 13.500 tức khí vận hành 50 doanh ở toàn thân nước chảy xuống 100 khắc, nhật hành nhị thập bát tú, nước chảy xuống đã hết, mạch cũng dứt vậy[6]. Cái gọi là giao thông ý nói cùng vận hành với nhau theo đúng với con số. Vì thế con số 50 doanh đã đáp ứng đầy đủ tuổi thọ của Thiên Địa... nghĩa là sự vận hành được 810 trượng vậy[7].

THIÊN 16: DOANH KHÍ

Hoàng Đế nói: “Con đường của doanh khí quý nhất là ở chỗ nạp cốc khí nhập vào Vị, sau đó mới truyền lên cho Phế, tràn ngập ở trong và bố tán ra ngoài, phần tinh chuyên vận hành trong kinh toại, nó doanh hành 1 cách thường không bao giờ ngừng lại, chung rồi lại thử, đây chính là kỷ của Thiên Địa[1]. Cho nên, khí bắt đầu xuất ra từ Thái âm rồi chú rót vào kinh thủ Dương minh, vận hành lên trên rót vào kinh túc Dương minh, xuống dưới vận hành cho đến mu bàn chân rồi rót vào trong khoảng ngón cái để hợp với kinh Thái âm, đi lên trên áp vào Tỳ, từ Tỳ rót vào giữa Tâm, lại tuần hành theo kinh Thủ Thiếu âm, xuất ra khỏi nách, xuống dưới theo cẳng tay để rót vào ngón tay út, hợp với kinh Thủ Thái dương, lại vận hành lên trên, cưỡi lên nách, xuất ra ở xương má (dưới mắt) rót vào khoé mắt trong, lên đỉnh đầu, xuống đến cổ gáy để hợp với kinh túc Thái dương, tuần hành theo cột sống xuống dưới xương cùng, rồi lại đi xuống để rót vào đầu ngón út, tuần hành theo giữa lòng bàn chân để rót vào kinh túc Thiếu âm, tuần hành lên trên rót vào Thận, từ Thận lại rót vào ngoài Tâm để rồi tán ra ở giữa lòng

ngực, tuần hành theo mạch của kinh Tâm chủ, xuất ra dưới nách, đi xuống cẳng tay, xuất ra ở giữa 2 đường gân, nhập vào lòng bàn tay, xuất ra ở đầu ngón giữa, trở lại rút vào đầu ngón áp út phía ngón út hợp với kinh Thủ Thiếu dương, đi lên trên rút vào Chiên Trung, tán ra ở Tam tiêu, từ Tam tiêu rút vào Đờm, xuất ra ở hông sườn, rút vào kinh túc Thiếu dương, lại đi xuống mu bàn chân, rồi lại từ mu bàn chân rút vào trong chỗ khoảng ngón chân cái để hợp với kinh Túc Quyết âm, vận hành lên trên đến Can, từ Can lên trên rút vào Phế, lên trên đến cổ họng, nhập vào khiếu trong mũi (kháng tãng) dứt ở khiếu cổ họng (súc môn)[2].

Chi biệt của nó lên trên trán, tuần hành ở đỉnh đầu, xuống dưới cổ gáy, tuần hành theo cột sống nhập vào xương cùng, đó là nơi của Đốc mạch để lạc với Âm khí (bộ sinh dục), lên trên đi qua giữa chòm lông mu, nhập vào giữa rốn, lên trên tuần hành theo bên trong bụng, nhập vào Khuyết bồn, xuống dưới rút vào giữa Phế, rồi lại xuất ra ở kinh Thái âm[3]. Đây chính là con đường vận hành của doanh khí, tạo thành lễ thường của sự nghịch thuận vậy[4].

Y học cổ truyền LINH KHU Part 6



THIÊN 17: MẠCH ĐỘ

Hoàng Đế nói: “Ta mong được nghe về vấn đề mạch độ”[1].

Kỳ Bá đáp : “Lục dương kinh của Thủ đi từ tay đến đầu, dài 5 xích, 5 lần 6 là 3 trượng[2].

Lục âm kinh của Thủ đi từ tay đến giữa ngực dài 3 xích 5 thốn. 3 lần 6 là 1 trượng 8 xích, 5 lần 6 là 3 xích, hợp lại là 2 trượng 1 xích[3].

Lục dương kinh của Túc đi từ chân lên trên đến đầu dài 8 xích, 6 lần 8 là 4 trượng 8 xích[4].

Lục Âm kinh của Túc đi từ chân lên đến giữa ngực dài 6 xích 5 thốn, 6 lần 6 là 3 trượng 6 xích, 5 lần 6 là 3 xích, hợp lại là 3 trượng 9 xích[5].

Kiểu mạch đi từ chân lên đến mắt dài 7 xích 5 thốn, 2 lần 7 là 1 trượng 4 xích, 2 lần 5 là 1 xích, hợp lại là 1 trượng 5 xích[6].

Đốc mạch, Nhậm mạch mỗi mạch dài 4 xích 5 thốn, 2 lần 4 là 8 xích, 2 lần 5 là 1 xích, hợp lại là 9 xích, hợp lại là 9 xích, tất cả hợp lại là 16 trượng 2 xích[7].

Đây là đại kinh toại của khí[8].

Kinh mạch thuộc về lý, phần nhánh và lạc ngang là thuộc về lạc[9]. Biệt của lạc là tôn (lạc, tôn lạc) nếu thịnh thì thành huyết, nên mau mau châm trừ bỏ nó đi[10]. Nếu khí thịnh thì dùng phép châm tả, nếu khí hư thì nên cho uống thuốc để bổ nó[11]. Ngũ tạng thường thông với thất khiếu ở trên[12]. Cho nên Phế khí thông với mũi, nếu Phế lợi thì mũi có thể biết được mùi thối hoặc thơm[13]. Tâm khí thông với lưỡi, nếu Tâm hòa thì lưỡi có thể biết được ngũ vị[14]. Can khí thông với mắt, nếu Can hòa thì mắt có thể phân biệt được ngũ sắc[15]. Tỳ khí thông với miệng, nếu Tỳ hòa thì miệng có thể biết được ngũ cốc[16]. Thận khí thông với tai, nếu thận hòa thì tai có thể nghe được ngũ âm[17]. Ngũ tạng bất hòa thì thất khiếu bất thông, lục phủ bất hòa thì khí sẽ bị giữ lại và thành chứng ung[18].

Cho nên, nếu tà khí ở tại phủ thì Dương mạch bất hòa, Dương mạch bất hòa thì khí bị giữ lại, khí bị giữ lại thì Dương khí bị thịnh[19]. Nếu Dương khí quá thịnh thì âm bị bất lợi, Âm mạch bất lợi thì huyết bị giữ lại, huyết bị giữ lại thì Âm khí bị thịnh[20]. Nếu Âm khí quá thịnh thì Dương khí không thể tươi, gọi là quan[21]. Nếu Dương khí quá thịnh

thì Âm khí không thể tươi, gọi là cách[22]. Nếu cả Âm Dương đều thịnh không cùng làm vinh cho nhau, gọi là Quan Cách[23]. Khi bị Quan Cách thì sẽ không sống được trọn đời mình mà đã chết rồi vậy[24].

Hoàng Đế hỏi: “Kiểu mạch khởi lên như thế nào và chấm dứt như thế nào ? Khí nào đã làm vinh nhau ?”[25].

Kỳ Bá đáp : “Kiểu mạch là 1 biệt mạch của kinh Thiếu Âm, khởi lên ở sau xương Nhiên cốt, lên trên khỏi mắt cá trong lên thẳng tuần hành theo phía trong đùi, nhập vào Âm khí, lên trên tuần hành theo trong ngực, nhập vào Khuyết bôn, lên trên, xuất ra ở trước huyệt Nhân Nghênh, nhập vào phía dưới mắt rồi thuộc vào khoé mắt trong, hợp với kinh Thái dương và mạch Dương kiều rồi lên trên nữa; (Âm kiều và Dương kiều) cùng giao khí với nhau thì sẽ làm trơn ướt cho mắt; Nếu khí này không làm thông (tươi) cho nhau thì mắt sẽ không nhắm lại được”[26].

Hoàng Đế hỏi: “Khí chỉ độc hành ở ngũ tạng mà không làm vinh ở lục phủ, tại sao thế?”[27].

Kỳ Bá đáp : “Khí không thể không vận hành, nó ví như nước phải chảy, nhật nguyệt phải vận hành không ngừng[28]. Cho nên Âm mạch làm vinh cho tạng, Dương mạch làm vinh cho phủ, như chiếc vòng ngọc không đầu mối, không biết cái kỷ ở chỗ nào, chung rồi lại thi[29]. Khí tràn ngập của nó, bên trong nó tươi ướt tạng phủ, bên ngoài nó làm trơn ướt tấu lý”[30].

Hoàng Đế hỏi: “Kiểu mạch có Âm, có Dương, vậy mạch nào tính theo con số nào ?”[31]. Kỳ Bá đáp: “Người con trai phải tính vào số Dương, người con gái phải tính vào số Âm, tính tới con số nào thì đó là kinh, con số không tính gọi là lạc”[32].

THIÊN 18: DOANH VỆ SINH HỘI

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: “Con người thọ khí từ đâu ? Âm Dương hội nhau ở đâu ? Khí gì gọi là Doanh ? Khí gì gọi là Vệ ? Doanh khí sinh ra từ đâu ? Vệ khí hội nhau ở đâu ? Khí của người già và người trai tráng không đồng nhau, Âm Dương ở những chỗ khác nhau, Ta mong được nghe về chỗ hội của chúng”[1].

Kỳ Bá đáp : “Con người thọ khí ở cốc khí, cốc khí nhập vào Vị để rồi truyền lên đến Phế, ngũ tạng lục phủ đều nhờ vậy mà thọ được khí ấy[2]. Phần thanh của khí ấy thành doanh, phần trọc của nó thành vệ[2]. Doanh ở trong mạch, vệ ở ngoài mạch, doanh

hành thành những vòng không ngừng nghỉ, vận hành đủ 50 chu rồi trở lại hợp đại hội với nhau[3]. Âm dương cùng quán thông nhau như chiếc vòng ngọc không đầu mối[4]. Vệ khí vận hành ở Âm 25 độ, vận hành ở Dương 25 độ, phân làm ngày và đêm, cho nên khi khí vận hành đến Dương phận thì thức, vận hành đến Âm thì ngủ[5].

Cho nên mới nói: lúc mặt trời giữa trưa là lúc Dương nở rộng ra gọi là trùng Dương, lúc nửa đêm là lúc Âm nở rộng ra, gọi là trùng âm[6]. Cho nên Thái âm chủ bên trong, Thái dương chủ bên ngoài, mỗi bên vận hành 25 độ, phân làm ngày và đêm[7].

Giữa đêm là lúc âm nở rộng rất, sau giữa đêm là lúc Âm bị suy, sáng sớm (bình旦) là lúc Âm tận và cũng là lúc Dương thọ (nhận lấy) khí[8].

Giữa trưa là lúc Dương nở rộng ra, lúc mặt trời về hướng tây là lúc Dương bị suy, mặt trời lặn là lúc Dương tận và cũng là lúc mà Âm nhận lấy khí[9].

Lúc giữa đêm (khí) hợp đại hội, lúc đó vạn dân đều nằm (ngủ) gọi là lúc hợp âm[10]. Lúc sáng mai Âm tận và Dương nhận lấy khí[11]. Cứ như thế không bao giờ ngừng, cùng đồng với (cương) kỷ của Thiên Địa vậy[12].

Hoàng Đế hỏi: “Người già thì ban đêm không nhắm mắt (để ngủ), khí gì đã khiến nên như thế ? Những người thiếu niên, tráng niên thì ban ngày không nhắm mắt (để ngủ), khí gì đã khiến nên như thế ?”[13].

Kỳ Bá đáp : “Khí huyết của người tráng thịnh, cơ nhục của họ hoạt, đường khí đạo thông, sự vận hành của khí doanh vệ chưa mất đi lẽ thường của nó, cho nên ban ngày khí được sáng khoái và ban đêm thì mắt nhắm lại được[14]. Người lão thì khí huyết suy, cơ nhục của họ bị khô, đường khí đạo không còn trơn tru, khí của ngũ tạng đánh nhau, doanh khí của họ bị suy thiếu còn vệ khí thì cũng đánh nhau bên trong, cho nên khí của họ ban ngày không sáng khoái còn ban đêm thì mắt không nhắm lại (để ngủ) được”[15].

Hoàng Đế hỏi: “Ta mong được nghe con đường vận hành của khí doanh vệ, nó từ con đường nào đến ?”[16].

Kỳ Bá đáp : “Doanh khí xuất ra từ trung tiêu, vệ khí xuất ra từ hạ tiêu”[17].

Hoàng Đế nói: “Ta mong được nghe chỗ xuất ra của Tam tiêu”[18].

Kỳ Bá đáp : “Thượng tiêu xuất ra ở Thượng khẩu của Vị, cùng đi dọc theo yết để đi lên, xuyên qua hoành cách để bố tán ở giữa ngực, đi qua nách, tuần hành theo vùng của kinh để đi, quay trở lại đến kinh Dương minh, lên trên đến lưỡi, xuống đến kinh túc Dương minh, thường cùng doanh khí đồng hành ở 25 độ dương, ở 25 độ âm, gọi là 1 chu, cho nên, sau 50 độ, chúng trở lại họp đại hội ở kinh thủ thái âm”[19].

Hoàng Đế hỏi: “Có người ăn hoặc uống những thức nóng, vừa xuống đến Vị, khí hãy còn chưa định thì mồ hôi đã ra, hoặc ra ở mặt , hoặc ra ở lưng, hoặc ra ở phân nửa thân người, nó không đi theo con đường của vệ khí để đi ra, tại sao thế ?”[20].

Kỳ Bá đáp : “Đó là vì (người này) bên ngoài bị thương bởi phong, bên trong làm cho tẩu lý khai, lông bị chưng, tẩu lý bị tiết (mồ hôi), vệ khí theo đó mà chạy ra, cho nên nó không đi theo con đường của mình[21]. Khí này rất hung hãn, nhanh nhẹn, khi thấy có chỗ khai thì chạy theo ra, do đó mà nó không còn đi đúng theo con đường của mình nữa, vì thế nên mới gọi đây là lậu tiết”[22].

Hoàng Đế nói: “Ta mong được nghe chỗ xuất ra của Trung tiêu”[23].

Kỳ Bá đáp : “Trung tiêu cũng cùng đi từ vùng Trung hoãn của Vị, xuất ra ở dưới Thượng tiêu[24]. Đây là nơi thọ nhận cốc khí, nó thải ra chất cặn bã, chưng cất tân dịch, hóa cái tinh vi, lên trên rót vào Phế mạch để rồi hóa thành huyết nhằm phục vụ cho sự sống thân thể, thật không có gì quý hơn nơi đây[25]. Cho nên chỉ có nó là có thể vận hành trong kinh toại, mệnh danh là doanh khí”[26].

Hoàng Đế hỏi: “Ồi ! Huyết và khí , tuy tên khác nhau, nhưng cùng loại với nhau, nói thế có nghĩa là gì ?”[26].

Kỳ Bá đáp : “Doanh vệ là tinh khí, Huyết là thần khí, cho nên huyết và khí tuy tên gọi khác nhau, nhưng cùng loại nhau[27]. Cho nên, nếu đoạt huyết thì không nên đoạt hoạt, nếu đoạt hoạt thì không nên đoạt huyết[28]. Cho nên khi con người bị (đoạt) cả hai thì chết, nếu không bị đoạt cả hai (còn có hy vọng) sống”[29].

Hoàng Đế nói: “Ta mong được nghe về nơi xuất ra của hạ tiêu” [30].

Kỳ Bá đáp : “Hạ tiêu, sau khi biệt hồi trường, rót vào bàng quang bằng cách thấm dần vào, cho nên thủy cốc thường cùng ở trong Vị, khi thành chất bã thì đều xuống ở Đại trường và thành Hạ tiêu, nó thấm dần xuống, phân biệt thanh trọc, tuần hành theo

Hạ tiêu để thấm vào Bàng quang”[31].

Hoàng Đế hỏi:

“Con người khi uống rượu vào, rượu cũng nhập vào Vị, cốc của nó chưa kịp nát ra thì tiểu tiện đã riêng chảy xuống dưới rồi, tại sao thế ?”[32]. Kỳ Bá đáp: “Rượu là chất dịch của thực cốc, khí của nó hung hãn mà nhanh nhẹn, cho nên mặc dù nó vào sau thủy cốc mà nó lại thành chất dịch để ra trước thủy cốc”[33].

THIÊN 19: TỨ THỜI KHÍ

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: “Ôi ! Khí của tứ thời (bốn mùa), mỗi mùa đều có sự biểu hiện khác nhau, sự khởi lên của trăm bệnh đều có sự sinh ra của nó, phép cứu châm lấy gì làm chỗ định ?”[1].

Kỳ Bá đáp : “Khí của bốn mùa đều có nơi ảnh hưởng (trong thân thể chúng ta), phép cứu châm phải đắc được khí huyết là chỗ định[2]. Cho nên mùa xuân thủ ở kinh tức là nơi phận nhục của huyết mạch, nếu nặng thì châm sâu, nếu nhẹ thì châm cạn[3]. Mùa hạ thủ ở thịnh kinh và tôn lạc, thủ ở phận gian, tuyệt nó ngay ở bì phu[4]. Mùa thu thủ huyết Kinh và Du, khí tà ở tại phủ thì thủ huyết Hợp[5]. Mùa đông thủ huyết Tĩnh, Vinh, và tất phải châm sâu mà lưu kim lâu”[6].

Bệnh ôn ngược, mồ hôi không ra, thuộc về nhóm 59 vết châm[7].

Bệnh Phong thủy bì phu bị trướng, thuộc nhóm 57 vết châm, châm lấy huyết ở bì phu cho đến hết[8].

Bệnh xôn tiết châm bổ Tam âm chi thượng (tức Tam âm), châm bổ huyết Âm Lăng Tuyền, tất cả đều lưu kim lâu, khi nào nhiệt khí vận hành mới thôi[9].

Bệnh chuyển gân (cân) ở Dương thì trị Dương, chuyển gân ở Âm thì trị Âm, tất cả nên dùng phép thiêu châm[10].

Bệnh đồ thủy, trước hết thủ huyết dưới Hoàn Cốc 3 thốn, dùng phi châm để châm, khi đã châm rồi lại dùng thêm phép đồng châm để châm đi châm lại nhiều lần, nhằm châm cho hết thủy, được vậy thì cơ nhục mới rắn chắc[11]. Khi thủy đến chậm thì lòng phiền muộn, khi thủy đến nhanh thì an tĩnh, cách ngày châm cho đến khi thủy ra hết mới thôi[12]. Nên uống loại thuốc làm thông cái bế [13]. Trong lúc châm thì chỉ nên uống[14]. Trong lúc uống thì không được ăn, trong lúc ăn thì không được uống, không được ăn cái gì khác (ngoài thủy cốc) trong thời gian 135 ngày (mới bình phục)[15].

Bệnh Trước Tý làm cho sự hành động khó khăn, hàn khí lâu ngày không hết, mau mau thủ huyết Tam Lý[16].

Cốt cứng rắn như thân cây cứng, (Đại và tiểu) trường đều bất tiện, thủ huyết Tam Lý, nếu khí thịnh thì châm tả, khí hư thì châm bổ [17].

Bệnh Lệ phong, tìm châm trên chỗ sưng thũng, dùng kim nhọn châm nơi ấy, dùng tay đè cho ác khí xuất ra, cho đến khi nào sự sưng thũng hết mới thôi, nên ăn những thức ăn đúng phép, không ăn những gì ngoài ra, để có thể phát độc[18].

Bệnh trong bụng thường kêu (sôi), đó là khí xung lên trên đến ngực, làm cho suyễn không đứng lâu được, đó là tà khí đang ở tại Đại trường, châm huyết Nguyên của hoang, châm huyết Cự Hư Thượng Liêm và Tam Lý[19].

Bệnh tiểu phúc (Trường) đau dẫn xuống hòn dái, dẫn đến cột sống, thắt lưng, xung lên đến Tâm, tà ở tại Tiểu trường làm liên hệ đến hòn dái cho đến cột sống, xuyên qua Can, Phế, lạc với Tâm hệ, khi nào khí bị thịnh thì thành chứng Quyết nghịch, xung lên đến trường Vị, hơi nóng Can, tán ra ở hoang, kết lại ở vùng rốn, vì vậy, nên thủ huyết Nguyên của hoang để làm tán tà khí, châm kinh Thái âm để thoát tà khí, châm kinh Quyết âm để hạ tà khí, châm huyết Cự Hư Hạ Liêm để trừ tà khí, đó là xét theo các đường kinh mà tà khí đi qua để điều khí[20].

Bệnh thường hay nôn, mỗi lần nôn ra nước đắng, hay thở dài ra, thở mạnh ra, trong lòng thấy trống rỗng, sợ có người sắp đến bắt mình; đó là tà khí ở tại Đởm, nghịch lên đến Vị, chất dịch của Đởm tiết ra làm cho miệng bị đắng, Vị khí bị nghịch thì ói ra chất đắng, cho nên gọi là chứng ẩu Đởm, thủ huyết Tam Lý nhằm làm cho Vị khí hạ xuống[21]. Khi Vị khí bị nghịch nên châm phần huyết lạc của kinh túc Thiếu dương nhằm làm cho khí đởm nghịch được dừng lại, nhằm điều hòa sự hư thực, đuổi được tà khí[22].

Bệnh ăn nuốt không xuống, hoành cách bị bế tắc không thông, đó là tà khí ở tại Vị hoãn[23]. Nếu tà khí ở tại thượng hoãn thì nên châm để làm cho thượng hoãn đưa khí đi xuống, nếu tà khí ở tại hạ hoãn thì nên châm để làm cho hạ hoãn tán khí (tả)[24].

Bệnh tiểu phúc, đau và sưng lên, không tiểu tiện được, đó là tà khí ở tại Tam tiêu, nên thủ huyết Đại lạc của kinh túc Thái dương bàng quang, có thể luôn cả tiểu lạc và tôn lạc, khi nào trông thấy những tiểu lạc của (Thái dương) và Quyết âm kết thành

huyết lạc, (trong khoảng mu bàn chân cho đến kheo chân), nên châm tả, nếu nó sưng lên đến vị hoãn thì thủ huyết Tam Lý[25]. Nhìn cái sắc, xét cái bệnh do đâu mà ra, biết được bệnh đã tán (hết) hay còn quay trở lại, xem màu sắc của mắt để biết được bệnh còn hay hết, nên giữ bình tĩnh để giữ được sự hài hòa giữa hình và thần, lắng nghe sự động tĩnh, nắm giữ mạch Khí khẩu và Nhân nghênh, dựa vào mạch đang cứng và thịnh hoạt, đó là bệnh ngày càng tiến thêm, mạch nhuuyến (mềm) đó là bệnh đang giảm[26]. Nếu các kinh đang thực thì biết đó là trong khoảng 3 ngày bệnh sẽ hết[27]. Mạch Khí khẩu biểu hiện được Âm khí, mạch Nhân nghênh không biểu hiện được dương khí [28].

THIÊN 20 : NGŨ TÀ

Tà khí ở tại Phế sẽ làm cho bệnh bì phu bị đau, hàn nhiệt, khí lên trên làm cho suyễn, mồ hôi ra, ho động đến vùng vai và lưng[1]. Thủ huyết du nằm ở phía ngoài của vùng giữa ngực và huyết nằm ở cạnh của ngũ tạng du ở tiết xương thứ 3, dùng tay đè lên chỗ nào thấy dễ chịu (đó là chân huyết), nên châm chỗ đó, thủ huyết giữa Khuyết bồn để xua đuổi (Phế tà)[2].

Tà khí ở tại Can sẽ làm cho trong khoảng hông sườn bị đau, bị hàn ở trong giữa thân, ác huyết ở trong, khi đi đứng thường hay bị co rút, thường là sưng thũng ở chân[3]. Nên thủ huyết Hành Gian nhằm dẫn thống khí dưới hông sườn, bổ huyết Tam lý nhằm làm ôn (ấm) trong Vị, thủ ác huyết ở huyết mạch nhằm làm tán ác huyết, thủ những nơi có mạch màu xanh nằm trong vùng tai nhằm xua đuổi chứng co rút[4].

Tà khí ở Tỳ Vị sẽ làm cho bệnh cơ nhục thống, khi Dương khí hữu dư, Âm khí bất túc thì sẽ thành chứng nhiệt trung, dễ đói; khi Dương khí bất túc, Âm khí hữu dư thì sẽ thành chứng hàn trung, ruột kêu (sôi) bụng đau, đó là Âm Dương đều hữu dư, nếu âm dương đều bất túc thì hữu hàn, hữu nhiệt; tất cả đều điều hòa bằng huyết Tam Lý [5].

Tà khí ở tại Thận sẽ làm cho bệnh cốt thống, Âm tý - bệnh Âm tý là chứng mà ta dùng tay đè lên không biết được, bụng trướng, thắt lưng đau, đại tiện khó khăn, đau từ vai, lưng, cổ và gáy, thường hay bị choáng váng, nên thủ huyết Dũng Tuyền và Côn Lôn, khi thấy có huyết ứ nên châm xuất huyết cho hết[6].

Tà khí ở tại Tâm sẽ làm cho bệnh Tâm thống, thường hay lo buồn, choáng váng té xuống, nên xem hữu dư hoặc bất túc để điều hòa các du huyết[7].

THIÊN 21: HÀN NHIỆT BỆNH

Da bị hàn nhiệt không thể nằm xuống chiếu được, lông tóc khô, mũi khô hết nhờn, không ra mồ hôi, thủ huyết lạc của kinh Tam dương (tức Thái dương) nhằm bổ thủ Thái âm[1].

Cơ (nhục) bị hàn nhiệt làm cho phần cơ bị đau, lông tóc bị khô, môi cũng khô mất trơn nhuận, không có mồ hôi, nên thủ huyết lạc của Tam dương (Thái dương) nhằm đuổi huyết lạc, châm bổ kinh túc Thái âm nhằm làm cho ra mồ hôi[2].

Cốt bị hàn nhiệt, làm cho người bệnh không lúc nào yên, mồ hôi chảy rớt ra không thôi[3]. Nếu răng chưa bị khô thì nên thủ huyết lạc nơi phía trong đùi kinh Thiếu âm[4]. Nếu răng đã khô thì chết, bất trị[5]. Chứng cốt quyết cũng thế [6].

Bệnh Cốt tý làm cho toàn thể khớp xương bị bất dụng mà đau nhức, mồ hôi chảy rớt ra, Tâm bị phiền, nên thủ huyết ở kinh Tam dương để bổ[7].

Thân mình nếu có chỗ bị thương, máu ra nhiều, đến nổi trúng phải Phong Hàn khí, nếu như có khi bị té xuống đất, tứ chi bị buông lỏng không co lại được, gọi là chứng Thể nọa, nên thủ huyết nơi Tam kết giao dưới rún - Tam kết giao thuộc kinh Dương minh và Thái âm, huyết nằm dưới rốn 3 thốn, tức là huyết Quan Nguyên[8].

Chứng Quyết tý là chứng mà khí quyết nghịch (của tam dương) lên trên cho đến bụng (mà thôi), nên thủ huyết lạc của (túc Thái) âm và (túc Dương minh), tuy nhiên người thầy thuốc nên xem chủ bệnh thuộc kinh nào để mà, nếu thuộc kinh dương minh thì tả, nếu kinh thái âm thì bổ[9]. Động mạch bên cạnh của cổ là huyết Nhân Nghênh, huyết Nhân Nghênh thuộc kinh Túc Dương minh[10]. Huyết nằm trước gân cổ và sau gân cổ, thuộc kinh Túc Dương minh, có tên là Phù Đột[11]. Huyết nằm ở mạch kế bên ngoài thuộc kinh túc Dương minh, có tên là Thiên Dũ[12]. Huyết nằm ở mạch kết bên ngoài nữa thuộc kinh túc Thái dương có tên là Thiên Trụ[13]. Huyết nằm dưới nách thuộc kinh thủ Thái âm, gọi tên là Thiên Phủ[14].

Dương tà nghịch ở Dương kinh làm cho đầu đau, ngực bị đầy không thở nổi, thủ huyết Nhân Nghênh[15].

Bị cảm 1 cách nhanh chóng, mạnh bạo, khí nghịch (làm cho cổ họng và lưỡi) bị cứng, thủ huyết Phù Đột và châm xuất huyết cuống lưỡi[16].

Bị điếc 1 cách nhanh chóng, mạnh bạo, khí bị che lấp xuống dưới làm tai và mắt mất sáng, thủ huyết Thiên Dũ[17].

Bị co quắp, động kinh 1 cách nhanh chóng và mạnh bạo, choáng váng làm cho chân không còn tuân theo thân mình nữa, thủ huyết Thiên Trụ[18].

Bị chứng đản 1 cách nhanh chóng và mạnh bạo, bên trong bị nghịch, Can và Phế cùng đánh nhau, huyết tràn lên đến mũi và miệng, thủ huyết Thiên Phủ [19].

Trên đây là 5 cánh cửa lớn (Thiên) gọi là Thiên Dũ Ngũ Bộ[20].

Kinh thủ Dương minh có đi vào vùng xương má và mũi lan tỏa vùng răng, gọi đây là Đại Nghênh[21]. Khi răng dưới bị đau nhức thì thủ huyết của Tý (Thủ) Dương minh, nếu sợ (uống) lạnh thì châm bổ, nếu không sợ (uống) lạnh thì châm tả[22].

Kinh túc Thái dương có đi vào vùng xương má và mũi lan tỏa vùng răng (mạch mà nó hợp để đi vào) đó là huyết Giác Tôn[23] . Khi răng trên bị đau nhức nên thủ các huyết ở vùng trước xương mũi và má, nếu là lúc đang bệnh thì mạch thịnh, thịnh thì nên châm tả, nếu hư thì châm bổ, còn 1 cách nữa đó là thủ các huyết nằm ở ngoài mũi[24].

Kinh túc Dương minh có đường đi áp theo mũi nhập vào mắt, gọi nơi đó là huyết Huyền Lô, (đường đi xuống) thuộc vào miệng, (đường đi lên) đối lại với miệng để nhập vào mục bản, (dù ở miệng hay là ở mắt) nếu thấy có đi qua (bệnh) thì thủ huyết châm, châm theo lối tổn hữu dư: tả bớt cái hữu dư và ích bất túc, bổ thêm cho cái bất túc, nếu châm ngược lại thì bệnh càng nặng[25].

Kinh túc Thái dương có đường thông với cổ gáy nhập vào não, đây chính là thuộc vào gốc của mắt, gọi là Nhân hệ[26]. Khi đầu hay mắt bị đau, thủ huyết nằm ở giữa 2 đường gân giữa cổ nhập vào não, đây là nơi tương biệt với mạch Âm kiều và Dương kiều, là nơi giao hội giữa các đường kinh Âm Dương, là nơi mà mạch Dương (Kiều) nhập vào Âm, và mạch Âm (Kiều) xuất ra ở Dương để rồi giao nhau ở khoé mắt ngoài (trong), khi nào Dương khí thịnh thì mắt mờ trờng, khi nào Âm khí thịnh thì mắt nhắm lại[27].

Chứng Nhiệt quyết nên thủ huyết ở kinh túc Thái âm và Thiếu dương, tất cả đều nên lưu kim lâu[28]. Chứng Hàn quyết nên thủ huyết ở kinh túc Dương minh và túc Thiếu âm, tất cả đều nên lưu kim lâu[29].

Lưỡi bị chảy nước dãi xuống, lòng phiền muộn, thủ huyết ở kinh túc Thiếu âm[30].

Người bị lạnh run, hai hàm đánh nhau, không ra mồ hôi, bụng bị trướng, lòng phiền muộn, thủ huyết ở kinh thủ (Thái) âm[31].

Châm bệnh hư, nên châm lúc nó ra đi, châm bệnh thực nên châm lúc nó đến[32].

Mùa xuân thủ huyết ở lạc mạch, mùa hạ thủ ở phận nhục và tấu lý, mùa thu thủ huyết ở Khí Khẩu, mùa đông thủ huyết kinh du[33]. Phàm trong tứ thời, mỗi thời phải lấy thống nhất (tề) làm chính: Lạc mạch trị bì phu, phận nhục và tấu lý trị cơ nhục, khí khẩu trị cân mạch, kinh du trị cốt tủy[34].

Ngũ tạng khí biểu lộ ra thân gồm 5 bộ (vị): vùng huyết Phục Thố là một, vùng bắp chuối chân là hai, vùng phỉ tức là bắp chuối chân vậy, vùng lưng là ba, vùng các du huyết của ngũ tạng là bốn, vùng cổ gáy là năm[35]. Trong 5 bộ trên đây, bộ nào bị ung thư thì chết[36].

Bệnh bắt đầu ở cánh tay, trước hết nên thủ huyết ở kinh thủ Dương minh và thủ Thái âm làm cho mồ hôi ra[37]. Bệnh bắt đầu ở trên đầu nên thủ huyết ở cổ gáy thuộc kinh túc Thái dương làm cho mồ hôi ra[38]. Bệnh bắt đầu ở vùng ống chân (hĩnh), trước hết nên thủ huyết của kinh túc Dương minh, làm cho mồ hôi ra[39].

Châm kinh thủ Thái âm có thể làm cho mồ hôi ra, châm kinh túc Dương minh có thể làm cho mồ hôi ra, cho nên khi châm kinh âm mà mồ hôi ra quá nhiều có thể châm dứt mồ hôi bằng kinh Dương, châm kinh Dương mà mồ hôi ra quá nhiều có thể châm kinh Âm để dứt mồ hôi[40]. Cái hại của việc châm, đó là châm trúng khí mà chưa chịu rút kim ra, như vậy sẽ làm cho tinh khí bị tiết ra ngoài, hoặc châm chưa trúng khí mà đã rút kim ra sẽ làm cho khí huyết bị tích trệ[41]. Tinh khí bị tiết thì bệnh sẽ nặng mà suy tàn, khí huyết tích trệ sẽ gây thành bệnh ung và thư [42].

THIÊN 22: ĐIỀN CUỒNG

Khoé mắt ngoài rạch ở mặt gọi là khoé mắt nhọn, khoé mắt nằm trong gần mũi gọi là nội tý: khoé mắt trong[1]. Mí mắt trên thuộc ngoại tý, mí mắt dưới thuộc nội tý[2].

Chứng Điên tật lúc mới bắt đầu sinh ra, trước hết làm cho bệnh nhân không vui, đầu bị nặng và đau nhức, nhìn thấy đỏ, nếu bệnh phát lên đến cực rồi giảm (dứt), sau đó bị phiền Tâm, bệnh bộc lộ ở Thiên đình[3]. Nên thủ các huyết ở kinh thủ Thái dương, thủ Dương minh, thủ Thái âm, châm xuất huyết cho đến khi nào màu của huyết biến (đỏ) mới thôi[4].

Bệnh Điên tật khi mới bắt đầu phát, làm cho miệng méo phải rên la, hơi thở suyễn, lo sợ, biểu hiện ở 2 kinh thủ Dương minh và thủ Thái dương[5]. Nếu bên trái bị đau cứng thì công vào bên phải, nếu bên phải bị đau cứng thì công vào bên trái, khi nào màu của huyết biến (đỏ) thì mới thôi[6].

Bệnh Điên tật khi mới bắt đầu phát, trước hết người bệnh bị vặn ngược cứng đờ, nhân đó bị cứng cột sống, bệnh biểu hiện ở các kinh túc Thái dương, túc Dương minh, túc Thái âm, thủ Thái âm[7]. Châm xuất huyết cho đến khi nào huyết biến đỏ mới thôi[8].

Phép trị bệnh điên tật, (người thầy thuốc) phải thường ở bên cạnh (người bệnh) để quan sát những nơi cần thủ huyết để chữa[9]. Nếu bệnh đến, ta nhìn kỹ chỗ có bệnh để châm tả, ta chứa huyết này vào 1 cái bầu, đợi khi nào bệnh phát thì huyết sẽ động 1 mình[10]. Nếu không động thì cứu cùng cốt 20 trảng, Cùng cốt chính là để cốt: đốt xương sống cùng[11].

Bệnh Cốt điên tật làm cho bệnh nhân mặt vàng, răng (vùng từ Thái dương đến răng), tất cả phận nhục đó đều bị trướng mãn, tách rời với xương, mồ hôi ra, phiền muốn ói ra nhiều nước có bọt, khí đi xuống dưới và tiết ra ngoài thì không trị được [12].

Bệnh Cân điên tật làm cho bệnh nhân thân mình bị cuống lại, co giật (mạch đại)[13]. Nên châm huyết Đại Trữ của đường kinh lớn ở cổ gáy[14]. Nếu ói ra nhiều nước có bọt, khí đi xuống và tiết ra ngoài thì không trị được [15].

Bệnh Mạch điên tật làm cho bệnh nhân hay té nhào dữ dội, các mạch ở tứ chi đều trướng lên và buông lỏng, mạch bị mãn[16]. Nên châm xuất huyết cho kỳ hết[17]. Nếu mạch không mãn thì cứu các huyết ở dọc theo cổ gáy của kinh Thái dương, cứu huyết Đới mạch ở thắt lưng, nằm cách thắt lưng khoảng hơn 3 thốn, các huyết thuộc bản du của tay chân và trong khoảng phận nhục[18]. Nếu ói ra nhiều nước có bọt, khí đi xuống dưới và tiết ra ngoài thì không trị được [19].

Bệnh điên tật mà phát ra nhanh như bệnh cuồng thì phải chết, không trị được[20] .

Khi bệnh cuồng bắt đầu sinh ra, trước hết bệnh nhân thấy buồn, thường hay quên, giận dữ, lo sợ, tất cả đều do lo lắng và đói[21]. Phép trị nên thủ các huyết của các kinh Tử Thái âm, Dương minh, chờ khi nào màu của huyết biến đỏ thì mới thôi, tiếp theo thủ các huyết ở túc Thái âm và Dương minh[22].

Bệnh cuồng bắt đầu phát ra thì bệnh nhân ít nằm, không đói, tự cho mình là người hiền ở trên cao, tự coi mình là người trí, tự cho mình là tôn quý, thường hay mạ lị người khác ngày đêm không nghỉ[23]. Phép trị nên thủ các huyết ở kinh thủ Dương minh, Thái dương, Thái âm, huyết dưới lưỡi, kinh Thiếu âm[24]. Nếu thấy nơi nào thịnh thì thủ huyết châm, nếu không thấy thịnh thì không châm[25].

Bệnh mà cuồng ngôn, kinh sợ, hay cười, thích ca hát, thường hay đi lang thang, đó là do quá khùng khiếp, quá sợ[25]. Phép trị nên thủ các huyết ở kinh thủ Dương minh, Thái dương, Thái âm[26].

Bệnh cuồng làm cho bệnh nhân mắt thấy bầy ba, tai nghe bầy bạ, hay la to, đó là do thiếu khí mà ra[27]. Phép trị nên thủ các huyết ở kinh thủ Thái dương, Thái âm, Dương minh, túc Thái âm, đầu và 2 bên má, hàm[28].

Người bị cuồng thường hay ăn nhiều và thường hay thấy quỷ thần, hay cười mà không phát lộ ra bề ngoài, đó là do quá vui mừng[29]. Phép trị là nên thủ các huyết ở các kinh túc Thái âm, Thái dương, Dương minh, tiếp theo sau là thủ các huyết ở các kinh thủ Thái âm, Thái dương, và Dương minh[29].

Nếu bệnh cuồng mà mới phát lên chưa ứng ra những bệnh chứng như đã nói trên, trước hết nên thủ huyết Khúc Tuyền ở hai bên động mạch bên trái và phải[30]. Nếu thấy thịnh thì nên châm xuất huyết, bệnh sẽ khỏi trong giây lát, nếu không hết nên dùng phép châm như trên và phép cứu huyết ở xương cùng 20 trảng[31].

Bị chứng Phong nghịch, tứ chi bị bạo thũng, thân mình thấy lạnh cầm cập, có lúc lạnh đến cầm khẩu, lúc đói thì lòng phiền, lúc no thì hay biến động không yên[32]. Nên thủ các huyết ở các kinh thủ Thái âm, cả biểu lẫn lý, và kinh túc Thiếu âm, Dương minh[33]. Nơi nào nhục khí bị lạnh thì thủ huyết Huỳnh, nơi nào cốt bị lạnh thì thủ huyết Tĩnh và Kinh[34].

Chứng Quyết nghịch gây bệnh làm cho chân bị lạnh ghê gớm, lồng ngực như muốn vỡ tung ra, trường (ruột) như đang bị dao cắt, lòng bứt rứt nên không được an, mạch đại tiểu đều sắc[35]. Nếu thân còn ấm thì thủ huyết ở kinh túc Thiếu âm, nếu thân bị lạnh thì thủ huyết ở kinh túc Dương minh. (Nói tóm lại), nếu lạnh thì châm bổ, nếu ấm thì châm tả[36].

Chứng Quyết nghịch làm cho bụng bị trướng, ruột sôi, ngực bị đầy làm cho không thở được[37]. Nên thủ huyết nằm ở sườn thứ hai bên dưới ngực, nơi mà bệnh nhân ho sẽ động đến đầu ngón tay, đồng thời dùng tay ấn lên huyết ở bối du thì bệnh sẽ khỏi ngay[38].

Nếu bệnh nội bế sẽ làm cho bệnh nhân không đi tiểu được, nên châm huyết của kinh túc Thiếu âm và Thái Dương cùng với huyết ở xương cùng, dùng kim Trường châm[39].

Bị bệnh khí nghịch, nên thủ các huyết ở kinh Thái âm, Dương minh, Quyết âm, nếu nặng thì thủ các kinh Thiếu âm, Dương minh, nên quan sát kinh nào có bệnh để châm[40].

Nếu bị bệnh khí ngán, thân mình lạnh cầm cập, tiếng nói kéo dài ra, xương bị đau buốt, thân mình nặng nề, lười biếng không muốn động, châm bổ túc Thiếu âm[41].

Người bị bệnh khí ngán, hơi thở ngán không liên tục, nếu có làm động tác gì thì khí càng bị tiêu, nên châm bổ kinh túc Thiếu âm, châm xuất huyết các nơi huyết lạc[42].

THIÊN 23: NHIỆT BỆNH

Chứng bệnh Thiên khô làm cho 1 bên mình không còn hoạt động được và bị đau, lời nói chưa thay đổi, chí chưa loạn, đó là bệnh còn ở nơi phạm nhục và tẩu lý[1]. Nên dùng kim cự châm để châm[2]. Đó là ích cho (chính khí) đang bất túc, tổn bớt tà khí đang hữu dư, được vậy thì (chính khí) mới có thể hồi phục được[3].

Phì khí gây nên bệnh làm cho thân thể không đau đớn, tứ chi không còn co duỗi theo ý nữa, trí vẫn chưa loạn nặng lắm, tiếng nói nhỏ, ta biết bằng bệnh đó còn trị được[4]. Nếu bệnh nặng thì không nói được, bệnh này không chữa được[5]. Nếu bệnh trước hết khởi lên ở Dương, về sau lại nhập vào âm, như vậy, trước hết ta phải trị ở phần dương, rồi sau mới trị đến phần âm, làm sao cho ngoại tà theo phần phù biểu ra ngoài[5].

Nhiệt bệnh trong 3 ngày, nhưng mạch khí khẩu còn tĩnh, còn mạch Nhân nghênh thì táo, nên thủ huyết ở các đường kinh Dương theo lối ‘ngũ thập cửu’, nhằm tả đi cái nhiệt tà, làm cho xuất mồ hôi, làm thực cho âm, tức là bổ cho âm đang bất túc[6]. Nếu thân mình bị nhiệt nặng, mạch âm dương đều tĩnh, trường hợp này không nên châm[7]. Còn như xét thấy có thể châm được thì nên châm ngay, dù cho không có ra mồ hôi, nhưng tà khí vẫn có thể tiết ra ngoài[8]. Khi nói rằng không nên châm có nghĩa là mạch đang có triệu chứng chết[9].

Nhiệt bệnh trong 7 ngày, 8 ngày, mạch Mạch khẩu đóng, suyễn và hơi thở ngắn, nên châm ngay, tức thì mồ hôi sẽ tự ra, châm cận huyết nằm ở trong khoảng ngón tay cái[10].

Nhiệt bệnh trong 7 ngày, 8 ngày, mạch vi tiểu, người bệnh tiểu ra máu, trong miệng khô, chết trong 1 ngày rưỡi, nếu mạch đại thì 1 ngày chết[11].

Nhiệt bệnh có khi đã ra mồ hôi mà mạch vẫn còn táo, suyễn, có khi bị nhiệt trở lại, không nên châm ở phu biểu, nếu như bị suyễn nặng hơn, nhất định phải chết[12].

Nhiệt bệnh trong 7 ngày, 8 ngày, mạch không táo, hoặc dù táo mà không tán, và lại còn thêm sác, chờ trong 3 ngày sẽ có mồ hôi ra; nếu như trong 3 ngày mà không có mồ hôi thì ngày thứ 4 sẽ chết[13]. Và lại, nếu chưa từng ra mồ hôi thì ta cũng châm phần (phu) tấu[14].

Nhiệt bệnh, trước hết là đau ở phần bì phu, mũi bị nghẹt sưng lên đến mắt, nên thủ huyết châm ở ở bì, dùng kim số 1 theo phương pháp ‘ngũ thập cửu’[15]. Nếu mũi bị tình trạng hà chắn tỵ thì ta nên tìm quan hệ giữa bì và Phế, nếu không kết quả, ta tìm ở Hỏa, Hỏa tức là Tâm vậy[16].

Nhiệt bệnh, trước hết thân mình trì trệ, nóng, phiền muộn, môi miệng cổ họng đều khô, thủ huyết ở bì, dùng kim số 1 theo phương pháp ‘ngũ thập cửu’[17]. Nếu bì phu trướng, miệng khô, ra mồ hôi lạnh, nên tìm quan hệ giữa mạch và Tâm, nếu vẫn không kết quả, nên tìm ở thủy, thủy tức là ở Thận vậy[18].

Nhiệt bệnh, cổ khô, uống nhiều nước, thường hay kinh sợ, nằm xuống không ngồi dậy nổi, thủ huyết chữa vùng phu nhục, dùng kim số 6 theo phép ‘ngũ thập cửu’[19]. Nếu như thấy khoé mắt xanh nên tìm quan hệ giữa nhục và Tỳ, nếu vẫn không kết quả, nên tìm ở Mộc, Mộc tức là Can vậy[19].

Nhiệt bệnh, mặt xanh, não đau, tay chân bồn chồn không yên, thủ huyệt ở vùng cân cốt, dùng kim số 4 theo phép chữa 'tứ nghịch'[20]. Nếu bị vận gân không đi được hoặc bị chảy nước mắt đầm đìa, nên tìm quan hệ giữa cân và Can, nếu không kết quả, nên tìm ở Kim, Kim tức Phế vậy[21].

Nhiệt bệnh, nhiều lần kinh sợ, cân bị khiết tủng và cuồng, thủ huyệt chữa vùng mạch, dùng kim số 4, châm tả phần huyết hữu dư[22]. Nếu bị chứng mạch điên tạt làm cho lông và tóc bị rụng, nên tìm quan hệ giữa huyết và Tâm, nếu không kết quả, nên tìm ở thủy, thủy tức là Thận vậy[23].

Nhiệt bệnh, thân thể nặng nề, xương bị đau, tai điếc, thích ngủ, thủ huyệt chữa vùng cốt, dùng kim số 4 theo phép 'ngũ thập cửu' để châm cốt[24]. Nếu bị bệnh mà không ăn được, cắn răng lại, tai màu xanh, nên tìm quan hệ ở cốt và Thận, nếu không kết quả, tìm ở Thổ, Thổ tức là Tỳ vậy[25].

Nhiệt bệnh, không biết đau nhức chỗ nào, tai điếc, (tay chân) không hoạt động co duỗi được, miệng khô, Dương nhiệt nặng, có khi Âm khí làm cho hàn, đó là nhiệt ở tại tủy, sẽ chết, không trị được [26].

Nhiệt bệnh, đầu đau, từ huyệt Não Không xuống đến mắt miệng như đang bị đấng, còn mạch hệ bị đau, thường hay chảy máu mũi, đó là Quyết nhiệt bệnh, dùng kim số 3, nên quan sát sự hữu dư và bất túc để trị, nó gây thành chứng hàn nhiệt trĩ [27].

Nhiệt bệnh tay chân nặng nề, đó là trường bị nhiệt, dùng kim số 4 châm các du huyệt và các huyệt ở các ngón chân dưới, tìm quan hệ khí ở các lạc của vị (là) nơi đắc khí vậy[28].

Nhiệt bệnh, vùng rốn đau rất kịch liệt, ngực và hông sườn đau, thủ huyệt Dũng tuyền và Âm Lăng tuyền, dùng kim số 4, châm huyết trong cổ họng[29].

Nhiệt bệnh, mồ hôi vẫn ra mà lại mạch thuận, có thể châm cho ra mồ hôi, nên thủ huyệt Ngự Tể, Thái Uyên, Đại Đò, Thái Bạch, châm tả các huyệt này sẽ làm cho nhiệt giảm bớt, châm bổ thì mồ hôi ra[30]. Nếu mồ hôi ra quá nặng, nên thủ huyệt nằm ở mạch giao ngang ở trên mắt cá trong để dứt mồ hôi[31].

Nhiệt bệnh, đã có mồ hôi, nhưng mạch còn táo thịnh, đó là Âm mạch đang cực, sẽ chết[32]. Khi có mồ hôi mà mạch còn tĩnh, thì sống[33]. Nhiệt bệnh, mạch vẫn táo mà

không có mồ hôi, đó là Dương mạch đang cực, sẽ chết[34]. Mạch thịnh táo, có mồ hôi, tĩnh, sẽ sống[35].

Nhiệt bệnh không thể châm gồm có 9 trường hợp [36] :

- Một là: Mồ hôi không ra, 2 gò má ửng đỏ, ói, chết[37].
- Hai là: Tiêu chảy mà bụng bị đầy nặng, chết[38].
- Ba là: Mắt không còn sáng, nhiệt không giảm, chết[39].
- Bốn là: Người già, trẻ con khi bị nhiệt mà bụng đầy, chết[40].
- Năm là: Mồ hôi không ra, ói, tiêu ra huyết, chết[41].
- Sáu là: Cuống lưỡi bị nhiệt đến như nát lưỡi không dứt, chết[42].
- Bảy là: Ho mà ra máu mũi, mồ hôi không ra, mồ hôi ra mà không đến chân, chết[43].
- Tám là: Tủy bị nhiệt, chết[44].
- Chín là: nhiệt là giật cong người, chết, thất lưng gầy, khiết túng, răng cắn chặt[45].

Phạm 9 trường hợp nói trên, không thể châm[46].

Điều gọi là 'Ngũ Thập Cửu thích' gồm có [47]:

- Hai bên mép ngoài và trong của 2 tay, mỗi bên gồm 3 huyết, tất cả có 12 huyết[48].
- Trong khoảng 5 ngón tay, mỗi nơi 1 huyết, gồm có 8 huyết, ở chân cũng giống như thế [49].
- Ở trên đầu, phần sâu vào trong mí tóc 1 thốn, bên cạnh 3 phân, mỗi nơi 3 huyết, tất cả có 6 huyết[50]. Đi sâu vô trong mí tóc 3 thốn, mỗi bên 5 huyết, gồm 10 huyết[51].

- Ở trước và sau tai, dưới miệng, mỗi nơi 1 huyết, giữa cổ gáy 1 huyết, gồm tất cả 6 huyết[52].

- Đỉnh đầu 1 huyết, Tín Hội 1, mí tóc 1, Liêm Tuyền 1, Phong Trì 2, Thiên Trụ 2 [53].

Khi nào khí bị đầy, giữa ngực phát sưng, thủ huyết nằm ở đầu ngón chân cái cách móng chân như lá hẹ, thuộc kinh túc Thái âm, nếu hàn thì lưu kim lâu, nhiệt thì châm nhanh, khi nào khí đi xuống mới thôi[54].

Bệnh Tâm sán đau dữ dội, thủ các huyết thuộc kinh túc Thái âm, Quyết âm, châm cho xuất hết huyết lạc[55].

Bệnh cổ họng bị tý, lưỡi bị cuốn, trong miệng khô, Tâm phiền, Tâm thống, mép trong cánh tay đau, tay không đưa được lên đến đầu, nên thủ huyết ở ngón tay áp út phía ngón út, cách móng tay như lá hẹ[56].

Giữa mắt bị đau, đỏ, bắt đầu đau từ khoé mắt trong, nên thủ huyết Âm kiều [57].

Bị chứng Phong kinh làm cho thân mình bị vặn gãy ra sau, trước hết nên thủ huyết của kinh túc Thái dương ở giữa kheo chân, châm xuất huyết ở huyết lạc[58]. Nếu trung khí có hàn khí, nên thủ huyết Tam Lý [59]. nếu bị bí tiểu, nên thủ huyết Âm kiều và thủ huyết nằm ở chòm lông Tam mao, xuất huyết lạc[60].

Con trai bị bệnh cổ độc, con gái như bị tử, thân thể, thất lưng, cột sống như bị rã rời, không muốn ăn uống, trước hết nên thủ huyết Dũng Tuyền, châm cho ra máu, nên xem kỹ vùng trên bàn chân, nếu bị thịnh, nên châm cho xuất huyết cho hết mới thôi[61].

THIÊN 24: QUYẾT BỆNH

Chứng Quyết đầu thống làm cho mặt như bị sưng lên, khởi lên Tâm phiền, thủ huyết ở kinh túc Dương minh và Thái âm[1].

Chứng Quyết đầu thống làm cho mạch ở đầu bị đau, tâm bi, thường hay khóc, nên xem cái động mạch ở đầu, nếu ngược lại bị thịnh, phải châm xuất huyết cho hết, sau đó mới điều bổ kinh túc Quyết âm[2].

Chứng Quyết đầu thống xảy ra 1 cách vững chắc, đầu nặng mà đau, nên châm tả 5 hàng mạch trên đầu, mỗi hàng 5 huyệt, trước hết thủ huyệt ở kinh thủ Thiếu âm, sau đó thủ ở kinh túc Thiếu âm[3].

Chứng Quyết đầu thống làm cho ý hay quên, dùng tay đề lên không thấy nơi nào đau, nên châm vào nơi động mạch ở 2 bên phải và trái của đầu và mặt, sau đó mới thủ huyệt ở kinh túc Thiếu âm[4].

Chứng Quyết đầu thống trước hết làm cho cổ gáy bị đau, ứng với thất lưng và cột sống, trước hết thủ huyệt Thiên Trụ, sau đó thủ huyệt ở kinh túc Thái dương[5].

Chứng Quyết đầu thống làm cho đầu bị đau nặng, mạch ở trước và sau tai như dâng vọt lên, phát nhiệt, châm tả, xuất huyết, sau đó thủ huyệt ở kinh túc Thiếu dương[6].

Chứng Chân đầu thống làm cho đầu bị đau nặng, não bị đau suốt, tay chân bị hàn đến tận các đốt (tiết), trường hợp này chết, không trị được[7].

Chứng đầu thống (mà) không thủ các huyệt du để chữa, đó là vì người bệnh bị té, bị đánh, ác huyết lưu lại bên trong, phần cơ nhục bị thương, bị đau chưa khỏi, nếu thấy châm được nơi đau thì châm, nếu không được thì không thể thủ du huyệt ở xa[8].

Chứng đầu thống (mà) không thể châm được, đó là chứng đại tý gây thành ác hoạn (bệnh tật khó khăn), gặp ngày Phong đều xảy ra, chúng ta chỉ có thể làm giảm bớt thôi, không thể hết được[9].

Chứng đầu thống, hàn 1 bên, trước hết thủ huyệt ở kinh thủ Thiếu dương, Dương minh, sau đó thủ ở kinh túc Thiếu Dương, Dương minh[10].

Chứng Quyết tâm thống, đau ra đến vùng lưng, hay bị khiết tủng, như có cái gì từ ngoài sau đến chạm vào Tâm, làm cho người bệnh bị gù lưng, đó gọi là Thận tâm thống; trước hết thủ huyệt Kinh Cốt, Côn Lôn, nếu như đã phát châm rồi mà bệnh vẫn không khỏi, thủ thêm huyệt Nhiên Cốc[11].

Chứng Quyết tâm thống làm cho bụng bị trướng, ngực bị đầy, Tâm càng bị đau nhiều hơn, gọi là chứng 'Vị Tâm thống', thủ huyệt Đại Đâu, Thái Bạch[12].

Chứng Quyết tâm thống làm cho bệnh nhân đau như như dùng cây chùy đâm vào Tâm, Tâm bị đau nhiều, gọi là chứng ‘Tỳ Tâm thống’, thủ huyết Nhiên Cốc, Đại Khê [13].

Chứng Quyết tâm thống làm cho sắc mặt bị xanh, xanh như màu của người chết, suốt ngày không thở được 1 hơi dài, gọi là chứng ‘Can Tâm thống’, thủ huyết Hành Gian, Đại Xung[14].

Chứng Quyết tâm thống, nếu nằm hoặc nhàn rồi thì Tâm thống được giãn, bớt, khi nào hoạt động thì đau nhiều hơn, không biến sắc mặt, gọi là chứng ‘Phế Tâm thống’, thủ huyết Ngự Tể, Đại Uyên[15].

Chứng Chân Tâm thống làm cho tay chân bị xanh cho đến các đốt ngón, Tâm bị đau nhiều, sáng phát chiều chết, chiều phát sáng chết[16].

Chứng Tâm thống không châm được:

- Ở trung bộ có cái gì thịnh tụ lại, không thể thủ các du huyết để châm[17].
- Trong ruột có trùng hà, và có giun, tất cả đều không thể châm bằng tiểu châm[18]. Chứng Tâm trường thống làm cho bệnh nhân áo não mà đau đốn, (Những con giun này) tụ lại làm vùng (ngực và bụng) sưng lên, nó đi lên xuống, đau có lúc ngưng nghỉ[19]. Bụng bị nhiệt và hay khát nước, nước dãi chảy ra, đây là bởi con giun gây ra[20]. Dùng tay đè chúng lại, nên kiên trì đừng để đi sai chỗ, dùng kim lớn để châm, nên giữ thật lâu cho đến khi con giun bị bất động rồi mới rút kim ra[21]. Bụng đầy, đau 1 cách áo não (đó là chứng hà tụ) thành hình, từ giữa để đi lên trên[22]. Tai bị điếc không nghe được gì, nên thủ huyết ở trong tai[23]. Nếu tai bị kêu, thủ huyết ở động mạch trước tai[24]. Tai đau không châm được, đó là trong tai có mủ như là đang có rái tai khô, tai không nghe được[25]. Tai điếc, thủ huyết ở ngón tay áp út ở phía ngón tay út, nằm ở chỗ giao nhục với móng tay[26]. Trước hết chọn huyết ở tay, sau đó chọn huyết ở chân[27]. Tai kêu, thủ huyết nằm ở chỗ gần móng tay của ngón tay giữa, đau bên trái chọn huyết ở bên phải, đau bên phải chọn huyết ở bên trái, trước hết chọn huyết ở tay, sau đến huyết ở chân[28]. Xương đùi không đưa lên được, nên nằm nghiêng một bên để thủ huyết, huyết nằm ở chỗ máu chuyển, châm sâu bằng kim viêm lợi châm, không nên dùng kim đại châm[29]. Bệnh tiêu ra máu, thủ huyết Khúc Tuyền[30]. Chứng phong tý ngày càng tràn ngập tà khí, bệnh không thể khỏi được, chân như đang đạp trên băng tuyết, có lúc như đi vào nước nóng[31]. Từ đùi đến ống chân đều bị tràn ngập

tà khí, Tâm phiền, đầu đau, có khi nôn, có khi bứt rứt, sau khi choáng váng thì mồ hôi ra, để lâu ngày thì mất hoa, buồn mà hay lo sợ, đoản khí, như vậy sống không quá 3 năm thì phải chết[32].

Y học cổ truyền LINH KHU Part 7



THIÊN 25: BỆNH BẢN

Trước bệnh mà sau nghịch, trị bản[1]. Trước nghịch mà sau bệnh, trị bản[2]. Trước hàn mà sau sinh bệnh, trị hàn[3]. Trước bệnh mà sau sinh hàn, trị bản[4]. Trước nhiệt mà sau sinh bệnh trị bản[5]. Trước bị tiêu chảy mà sau sinh ra các bệnh khác, trị bản[6]. Ất phải điều hòa (Tỳ vị) rồi sau mới trị các bệnh khác[7]. Trước bệnh mà sau bị mẫn ở trung (Tỳ vị), trị tiêu[8]. Trước bệnh mà sau tiêu chảy, trị bản[9]. Trước bị mẫn ở trung rồi sau đó mới bị Tâmphiền, trị bản[10].

Có khi do khách khí, có khi do đồng khí[11]. Đại tiểu tiện bất lợi, trị tiêu[12]. Đại tiểu tiện lợi, trị bản[13].

Bệnh phát ra (tà khí) hữu dư, đó là bản đến tiêu, trước hết trị bản, sau đến trị tiêu[14]. Bệnh phát ra chính khí bất túc, đó là tiêu đến bản, trước hết trị tiêu, sau đến trị bản[15]. Nên quan sát 1 cách tường tận vấn đề gián và thậm rồi dùng ý để điều hòa, nếu gặp gián thì cùng trị 1 lúc, nếu gặp thậm thì chỉ nên trị riêng[16]. Ví dụ, trước hết đại tiểu tiện bất lợi, rồi sau đó mới sinh ra các chứng bệnh khác, nên trị bản[17].

THIÊN 26: TẠP BỆNH

Bệnh quyết nghịch đi áp theo cột sống làm đau lên đến đỉnh đầu, đầu bị trầm trầm, mắt bị hoa hoa, cột sống ở thắt lưng bị cứng, thủ huyết ở huyết lạc tại kheo chân thuộc kinh túc Thái Dương[1].

Bệnh quyết nghịch làm cho lồng ngực bị đầy, mặt bị thũng, môi run cầm cập, bật ra tiếng nói rất khó, nếu nặng hơn, sẽ không nói chuyện được, thủ huyết ở kinh túc Dương Minh[2].

Bệnh quyết nghịch làm cho khí đi lên đến cổ họng, không nói chuyện được, tay chân lạnh, đại tiện bất lợi, thủ huyết ở túc Thiếu Âm[3].

Bệnh quyết nghịch làm cho bụng kêu ồ ồ, khi hàn khí nhiều làm cho trong bụng kêu róc rách, tiêu và tiểu rất khó khăn, thủ kinh túc Thái Âm[4].

Cổ họng khô (ách), trong miệng nóng như có keo, thủ kinh túc Thiếu Âm[5].

Trong gối bị đau, thủ huyết Độc Ty, dùng kim viên lợi châm, châm xong rồi chờ cách khoảng thời gian để châm tiếp, dùng kim to như sợi lông đuôi trâu, châm gối đau như thế không còn nghi ngờ gì nữa[6].

Cổ họng (hầu) bị tý không nói chuyện được, châm kinh túc Dương Minh, nếu còn nói được, châm kinh thủ Dương Minh[7].

Bệnh ngược (sốt rét) không khát nước, cách ngày phát tác 1 lần, thủ kinh túc Dương Minh, nếu có khát nước và mỗi ngày phát tác, thủ kinh thủ Dương minh[8].

Răng đau không sợ uống nước lạnh, thủ kinh túc Dương minh, nếu sợ uống nước lạnh, thủ kinh thủ Dương minh[9].

Bệnh điếc mà không đau nhức, thủ kinh túc Dương minh; điếc mà đau nhức, thủ kinh thủ Dương minh[10].

Chứng chảy máu mũi không ngừng, có máu bầm chảy ra, thủ kinh túc Thái dương, nếu máu bầm không chảy nữa, thủ kinh Thủ Thái dương; nếu không hết, châm huyết nằm dưới xương uyển cốt, nếu vẫn không hết châm xuất huyết lạc ở kheo chân[11].

Chứng lưng đau, trên chỗ đau bị lạnh, thủ kinh túc Thái dương, Dương minh, còn nếu trên chỗ đau bị nóng, thủ kinh túc Quyết âm; nếu không cúi ngửa được, thủ kinh túc Thiếu dương[12].

Trong ngực bị nhiệt, muốn nôn, thủ huyết lạc ở kheo chân, thuộc kinh túc Thiếu Âm[13].

Vì vui mừng và giận dữ mà không muốn ăn, tiếng nói ngày càng nhỏ, thủ kinh túc Thái âm[14].

Vì giận mà nói nhiều, châm kinh túc Thiếu dương[15].

Hàm bị đau nhức, châm kinh thủ Dương minh, châm xuất huyết chỗ có thịnh mạch ở vùng má và lên đến Thái dương[16].

Cổ gáy bị đau làm cho không thể cúi ngửa được, châm kinh túc Thái Dương, nếu làm cho không thể ngó ngoái lại phía sau thì châm kinh thủ Thái dương[17].

Thiếu phúc bị đầy, to, lên trên chạy đến vùng Vị, đến Tâm, thân mình hơi bị dao động, có lúc bị hàn nhiệt, tiểu tiện bất lợi, thủ kinh túc Quyết âm[18].

Bụng đầy, đại tiện bất lợi, bụng to, khí cũng chạy lên đến ngực và cổ họng, thở suyễn mạnh, cổ khan, thủ kinh túc Thiếu âm[19].

Bụng đầy, ăn không tiêu, bungsôi, không đi tiểu được, thủ kinh túc Thái âm[20].

Chứng Tâm thống đau dẫn đến cột sống thắt lưng, muốn nôn, thủ kinh túc Thiếu âm[21].

Chứng Tâm thống làm cho bụng bị trướng như có cái gì bị sợ lạnh, đại tiện bất lợi, thủ kinh túc Thái âm[22].

Chứng Tâm thống đau dẫn đến lưng làm cho không thở được, châm kinh túc Thiếu âm, nếu không hết, châm kinh thủ Thiếu dương[23].

Chứng Tâm thống kéo theo làm cho bụng dưới đầy, dưới trên không nơi nhất định, đại tiện khó khăn, châm kinh túc Quyết âm[24].

Chứng Tâm thống chỉ có khí ngán không đủ để thở mà thôi, châm kinh thủ Thái âm[25].

Chứng Tâm thống nên chọn huyết ngay ở (quanh) đốt xương thứ 9 để châm, trước hết dùng tay ấn lên chỗ phải châm, khi rút kim ra lại dùng tay ấn, ấn xong là hết ngay; nếu không hết, nên tìm các huyết ở trên và ở dưới (huyết) đã châm, khi nào đắc khí thì khỏi bệnh ngay[26].

Hàm (má) bị đau, châm kinh túc Dương minh, ngay chỗ xương gãy quay hàm, nơi có động mạch quay quanh, châm xuất huyết xong là khỏi ngay; nếu không khỏi, nên ấn lên huyết Nhân Nghênh của bản kinh (châm cận), khỏi ngay[27].

Chứng khí nghịch lên trên, châm nơi hãm huyết ở vùng ngực, rồi lại châm huyết có động mạch ở dưới ngực[28].

Bệnh Nuy quyết, nên trói tay chân người bệnh lại để làm cho họ bị bức bối, bấy giờ mới mở trói ra, Mỗi ngày 2 lần; Nếu có bị bất nhân là không còn cảm giác, nên chữa như vậy trong 10 ngày sẽ kết quả, đừng ngưng lại, đợi khi nào bệnh khỏi mới thôi[29].

Bệnh Uyết nắc, nên dùng cọng cỏ châm nhẹ vào mũi để cho bị ách xì, xong sẽ khỏi bệnh, hoặc là làm sao để cho ngộp thở, xong ngược mặt lên dẫn khí ra ngoài sẽ khỏi, hoặc làm cho người bệnh bị sợ dữ dội cũng có thể khỏi bệnh[30].

THIÊN 27: CHU TÝ

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: “Chứng Chu tý ở tại thân thể chúng ta, nó lên xuống di chuyển theo mạch khí, Khi nó ở trên dưới và tả hữu đều có sự tương ứng, không bao giờ có lúc có nơi không (rỗng), Ta mong được nghe sự thống này trong huyết mạch ư ? Hay là ở trong khoảng phận nhục ? Tại sao lại đến nỗi như vậy ?[1] (Có khi) sự thống di chuyển nhanh đến chưa kịp xuống kim, có khí động rồi mà thống thì lại không kịp định xem nó ở đâu để trị, mà thống đã dứt rồi, Con đường vận hành nào đã khiến như thế ? Ta mong được nghe về nguyên nhân của những vấn đề ấy”[2].

Kỳ Bá đáp : “Đó gọi là Chứng tý, không phải là Chu tý”[3].

Hoàng Đế hỏi: “Ta mong được nghe về Chứng tý”[4].

Kỳ Bá đáp : “Đây nên xem lại mỗi loại có chỗ riêng của nó, Nó vừa phát đó thì đã ngưng lại đó, vừa ở yên đó thì đã nổi lên đó, bên phải ứng với bên trái , bên trái ứng với bên phải, nó không thể vận hành xoay vòng được, bởi vì nó vừa phát là vừa dứt”[5].

Hoàng Đế nói: “Đúng ! Phép châm phải thế nào ?”[6].

Kỳ Bá đáp : “Châm bệnh này, tuy sự thống đã dứt, nhưng ta vẫn châm vào nơi có bệnh, nhằm làm cho nó không thể đau trở lại”[7].

Hoàng Đế hỏi: “Đúng ! Mong được nghe về Chu tý như thế nào ?”[8].

Kỳ Bá đáp : “Chu tý là (một chứng mà tý) ở tại trong huyết mạch, theo với mạch khí mà lên trên, xuống dưới, chứ nó không thể đi từ phải sang trái, trái sang phải được, (vì vấn đề đề phải trái này) có nơi có chỗ của nó”[9].

Hoàng Đế hỏi: “Nếu sự thống đi từ dưới lên trên, trước hết nên châm bên trên nhằm để cho nó quá sang, sau đó châm bên dưới nhằm để cho nó thoát”[10].

Hoàng Đế nói: “Đúng ! Chứng thống này sinh ra như thế nào ? Nguyên nhân nào đã gây thành những danh xưng đó ?”[11].

Kỳ Bá đáp : “Khí của Phong-Hàn-Thấp ở khách tại trong khoảng ngoài phạm nhục, bức thiết (tân dịch) thành những bọt nước, bọt nước này gặp Hàn sẽ tụ lại, khi tụ lại nó sẽ làm hại phạm nhục để tách rời ra, khi tách rời ra sẽ gây thành đau, khi đau sẽ làm cho thần khí quy vào đấy, thần khí quy vào sẽ gây nhiệt, nhiệt thì sẽ làm cho đau bị giải, đau bị giải thì bị quyết, khi bị quyết thì chứng tý khác sẽ phát ra; nguyên nhân phát ra chứng tý là như thế đấy”[12].

Hoàng Đế nói: “Đúng ! Ta đã đắc được cái ý rồi, Đây là trường hợp tà khí bên trong không ở tại tạng, bên ngoài chưa phát ra ở bì phu, nó chỉ ở một mình trong khoảng của phạm nhục, nó làm cho chân khí không chu hành được, ta gọi đó là Chu tý[13]. Vì thế, phép châm bệnh tý trước hết phải theo dõi lục kinh ở Túc, xem lại sự hư thực và huyết ở đại lạc, huyết kết không thông, hoặc mạch bị hư mà hãm xuống, dựa vào tất cả những điều trên để điều hòa nó, cứu (hơ nóng) để thông khí, khi nào bị co vận (chuyển vận) cứng, nên châm để chuyển vận cho khí được vận hành”[14].

Hoàng Đế nói: “Ta đã đắc được cái ý rồi, và cũng nắm được sự việc: Phép cứu châm đã có đầy đủ cái lý (chữa trị), nó là phép trị đầy đủ về những bệnh thuộc 12 kinh mạch, Âm Dương vậy”[15]

THIÊN 28: KHẨU VẤN

Hoàng Đế trong lúc nhàn rỗi, đuổi kẻ tả hữu để hỏi Kỳ Bá: “Ta đã được nghe một cách chính thức về cứu châm, nghe luận về sự nghịch thuận của Âm Dương, nghe tất cả về lục kinh, nay ta mong được biết về vấn đề khẩu vấn”[1].

Kỳ Bá từ chỗ ngồi né sang một bên, lạy hai lạy đáp : “Thật là một câu hỏi rất hay ! Đây là một vấn đề do các bậc tiên sư đã truyền miệng lại”[2].

Hoàng Đế nói: “Ta mong được nghe về vấn đề khẩu truyền”[3].

Kỳ Bá đáp : “Ồi ! Trăm bệnh bắt đầu sinh ra do sự lạnh nóng của gió mưa, do sự vui mừng, giận dữ của Âm Dương, do ăn uống, cư xử với nhau, do những nỗi kinh sợ lớn lao và bất ngờ, vì tất cả những nguyên nhân trên làm cho khí huyết phân ly, Âm Dương hư bại, kinh lạc bị quyết tuyệt, mạch đạo bị bất thông, Âm Dương nghịch nhau, vệ khí bị ngưng đọng, kinh mạch bị hư không, huyết khí vận hành không còn thứ tự nữa, đó là ta đã mất đi lẽ thường, trường hợp này sự luận về bệnh không còn ở kinh, thần xin nói về những bệnh xảy ra ở nơi nào đó”[4].

Hoàng Đế hỏi: “Con người bị chứng ngáp, khí nào đã gây nên như vậy ?”[5].

Kỳ Bá đáp : “Vệ khí ban ngày vận hành ở vùng Dương, nửa đêm vận hành ở Âm, Âm chủ về đêm, đêm thì người nằm ngủ, Dương khí chủ đi lên, Âm chủ đi xuống, cho nên khi Âm khí còn tích bên dưới, Dương khí lại chưa tận (hết), Dương khí sẽ dẫn Âm đi lên, Âm lại dẫn đi xuống, thế là Âm Dương cùng dẫn nhau, cho nên người ta bị ngáp nhiều lần[6]. Dương khí tận, Âm khí thịnh thì mắt nhắm lại ngủ, Âm khí tận mà Dương khí thịnh thì thức dậy, nên châm tả kinh túc Thiếu âm bổ túc Thái dương”[7].

Hoàng Đế hỏi: “Con người bị chứng Uyết (nấc) do khí gì gây nên ?”[8].

Kỳ Bá đáp : “Cốc nhập vào Vị, Vị khí rút lên trên đến Phế, nay có Hàn khí và tán cốc khí, tất cả đều quay về nhập vào Vị; Khí cũ và mới cùng làm loạn nhau, chân khí và tà khí cùng đánh nhau, khí chung vào nhau mà làm nghịch nhau, thế rồi quay trở ra khỏi Vị, gây thành chứng Uyết, Nên châm bổ kinh thủ Thái âm, châm tả túc Thiếu âm”[9].

Hoàng Đế hỏi: “Con người khi khóc hay bị nghẹn ngào, khí gì đã gây nên như thế ?” [10].

Kỳ Bá đáp : “Đây là Âm khí thịnh mà Dương khí hư, Âm khí nhanh mà Dương khí chậm, Âm khí thịnh mà Dương khí tuyệt, cho nên thành chứng khóc nghẹn, Châm bổ kinh túc Thái dương, châm tả túc Thiếu âm”[11].

Hoàng Đế hỏi: “Con người bị bệnh Chấn hàn (lạnh run), khí gì đã gây nên như thế ?” [12].

Kỳ Bá đáp : “Hàn khí ở khách nơi bì phu, Âm khí thịnh, Dương khí hư, vì thế gây nên chứng lạnh run, Châm bổ các kinh Dương”[13].

Hoàng Đế hỏi: “Con người bị chứng ái (ợ), khí gì đã gây nên thế ?”[14].

Kỳ Bá đáp : “Hàn khí ở khách tại Vị, khí quyết nghịch từ dưới lên trên tán vào trong Vị rồi lại xuất ra từ Vị, vì thế gây thành chứng ợ, Châm bổ kinh túc Thái âm, Dương minh, có người nói châm bổ huyết Mi Bản (Toàn Trục)”[15].

Hoàng Đế hỏi: “Con người bị chứng cả thân mình buông xuôi, khí gì đã gây nên như thế ?”[16].

Kỳ Bá đáp : “Vị không thực làm cho các mạch bị hư, các mạch bị hư ắt cân mạch bị nhũn, cân mạch bị nhũn mà ta lại cố sức giao hợp, thế là khí không thể phục hồi trở lại, gây thành chứng buông nhũn, Nên theo đúng lúc xảy ra bệnh để bổ vùng phạm nhục”[17].

Hoàng Đế hỏi: “Con người bị hắt hơi, khí gì gây nên thế ?”[18].

Kỳ Bá đáp : “Dương khí hòa lợi, đầy lên đến Tâm, xuất ra ở mũi, gây thành hắt hơi, Bỏ huyết Vinh của túc Thái dương ở huyết Mi Bản, cũng có thuyết cho là mi thượng”[19].

Hoàng Đế hỏi: “Con người mỗi khi buồn sầu là nước mắt, nước mũi chảy ra, khí gì đã gây nên thế ?”[20].

Kỳ Bá đáp : “Tâm là chủ (chứa) của ngũ tạng lục phủ, mắt là nơi tụ của tông mạch, là con đường vận hành của thượng dịch, miệng mũi là môn hộ của khí, vì thế, khi ta buồn sầu, đau đớn, ưu tư thì sẽ làm động đến Tâm, khi Tâm bị động thì ngũ tạng lục phủ sẽ bị dao động, dao động sẽ làm cho tông mạch bị cảm, tông mạch bị cảm thì con đường của chất dịch sẽ mở ra, con đường của chất dịch mở ra thì nước mắt, nước mũi sẽ chảy ra[21]. Chất dịch nhằm để tưới thấm cho tinh khí, làm nhuận trơn cho các không khiếu, vì thế, nếu con đường của thượng dịch mở ra thì sẽ khóc, khóc không ngừng thì chất dịch bị cạn (kiệt), dịch bị kiệt thì tinh khí sẽ không còn được tưới thấm, tinh khí không còn được tưới thấm thì mắt sẽ không thể thấy được gì cả, cho nên gọi là đoạt tinh, Châm bổ huyết Thiên Trụ, kinh của nó nằm ở dưới cổ”[22].

Hoàng Đế hỏi: “Con người hay thở dài (lớn), khí gì đã gây nên như thế ?”[23].

Kỳ Bá đáp : “Khi ưu tư thì Tâm hệ bị cấp, Tâm hệ bị cấp thì khí đạo bị buộc ràng, khí bị buộc ràng thì sẽ không thông lợi, vì thế người bệnh phải thở dài (lớn) để đuổi khí ra, Châm bổ kinh thủ Thiếu âm, Tâm chủ, túc Thiếu dương, lưu kim”[24].

Hoàng Đế hỏi: “Con người bị chảy nước dãi, khí gì đã gây thế ?”[25].

Kỳ Bá đáp : “Con người ăn uống đều nhập vào Vị, nếu trong Vị bị nhiệt thì trùng bị động, trùng động thì Vị bị hoãn, Vị bị hoãn thì huyết Liêm Tuyền khai, vì thế nước dãi bị chảy ra, Châm bổ kinh túc Thiếu âm”[26].

Hoàng Đế hỏi: “Con người bị ù bên trong tai, khí gì đã gây nên như thế ?”[27].

Kỳ Bá đáp : “Tai là nơi tụ khí của tông mạch, vì thế nếu trong Vị bị rỗng ắt là tông mạch bị hư, tông mạch bị hư thì Dương khí bị đi xuống, mạch sẽ bị kiệt, cho nên tai bị ù, Châm bổ huyết Khách Chủ Nhân và huyết nơi gần móng tay cái, chỗ giao nhau giữa móng và thịt”[28].

Hoàng Đế hỏi: “Con người tự cắn vào lưỡi mình, khí gì đã gây nên như thế ?”[29].

Kỳ Bá đáp : “Đây là do khí quyết nghịch lên trên, mạch cũng cùng đi theo, Khí Thiếu âm đến thì làm cho cắn lưỡi, Khí Thiếu dương đến sẽ làm cho cắn vào má, Khí Dương minh đến sẽ làm cho cắn vào môi, nên tìm xem bệnh xảy ra ở nơi nào để châm bổ cho nơi đó”[30].

Phạm tất cả 12 tà này đều do kỳ tà chạy đến các không khiếu mà ra cả, vì thế tà khí ở nơi nào, ta biết nơi đó là bất túc[31]. Cho nên, thượng khí bất túc thì làm cho não không đầy, tai bị ù nặng, đầu nhức đến không chịu nổi, mắt bị hoa lên[32]. Nếu trung khí bất túc, việc tiểu tiện, đại tiện bị biến, ruột sôi(kêu)[33]. Nếu hạ khí bất túc thì làm cho bị nuy, quyết, Tâm phiền muộn, Bỏ bên mắt cá ngoài, lưu kim”[34].

Hoàng Đế hỏi: “Phép trị phải thế nào ?”[35].

Kỳ Bá đáp : “Thận làm chủ các chứng ngáp, thủ huyết ở kinh túc Thiếu âm[36]. Phế làm chủ gây thành chứng nấc, thủ huyết ở kinh thủ Thái âm, túc Thiếu âm[37]. Chứng khốc nghẹn là do ở Âm Dương bị tuyệt, nên châm bổ túc Thái dương và tả túc Thiếu âm[38]. Chứng lạnh run, châm bổ các kinh Dương[39]. Chứng ợ, châm bổ túc Thái âm và Dương minh[40]. Chứng hắt hơi, châm bổ huyết Mi Bản của túc Thái dương[41]. Chứng cả thân mình buông xuôi nên theo đúng lúc xảy ra bệnh để bổ vùng phạm nhục[42]. Chứng nước mắt mũi chảy ra, châm bổ huyết Thiên Trụ, kinh của nó nằm dưới cổ, vùng dưới cổ tức là vùng gần đầu[43]. Chứng thở dài, bổ kinh thủ Thiếu âm, Tâm chủ, túc Thiếu dương, lưu kim[44]. Chứng chảy nước dãi, bổ túc Thiếu âm[45]. Chứng tai ù, bổ huyết Khách Chủ Nhân, huyết nằm ở đầu ngón tay cái giáp thịt gần móng tay[46]. Chứng tự cắn lưỡi, nên xem bệnh nằm ở đâu để châm bổ[47]. Mắt hoa, đầu nhức không chịu nổi, châm bổ dưới mắt cá chân ngoài, lưu kim[48]. Chứng nuy quyết, Tâm bức rút, châm huyết nằm trên đầu ngón chân cái 2 thốn, lưu kim, một nữa là nơi dưới mắt cá ngoài, lưu kim”[49].

THIÊN 29: SỰ TRUYỀN

Hoàng Đế nói: “Ta nghe nói các bậc tiên sư có những điều chỉ giữ trong Tâm mà không sáng tác ra bằng sách vở, ta mong được nghe để gìn giữ, rồi bắt chước để thực hiện nó; Trên ta dùng nó để trị dân, dưới dùng để trị bản thân mình, làm sao cho trăm họ không bị bệnh, trên dưới được hòa thuận thân mến nhau, đức trạch trời chảy xuống dưới con cháu không còn lo âu, truyền đến đời sau không có lúc nào dứt, Ta có thể nghe những điều ấy không ?” [1].

Kỳ Bá đáp : “Thật là câu hỏi sâu xa lắm vậy, Ôi ! Phép trị dân hay tự trị cho mình, phép trị chỗ khác hay chỗ này, phép trị việc nhỏ, hoặc việc lớn, phép trị quốc hay trị gia, chưa bao giờ trị theo phép nghịch mà có thể trị được vậy[2]. Ôi ! Duy chỉ có phép trị theo phép thuận mà thôi vậy, thuận ở đây không phải chỉ nói đến mạch Âm Dương để rồi luận về thuận nghịch của khí mà thôi đâu mà ta phải suy ra rằng trăm họ nhân dân đều mong muốn làm thuận được cái chí của mình nữa”[2].

Hoàng Đế hỏi: “Vậy phải hiểu thuận như thế nào ?”[3].

Kỳ Bá đáp : “Khi vào nước người ta thì phải hỏi (cho biết được) phong tục của người ta, khi vào nhà người ta thì phải hỏi (cho biết được) những điều kiêng kỵ của người ta, khi lên đến chỗ đường thì phải hỏi (cho biết được) cái lễ của người ta, khi đến với bệnh nhân thì phải hỏi (cho biết được) những điều thay đổi thuận của người ta”[4].

Hoàng Đế hỏi: “Phải thay đổi như thế nào để thích nghi với bệnh nhân ?”[5].

Kỳ Bá đáp : “Ôi ! Nếu nhiệt ở trung (giữa) là bệnh tiêu đơn, vậy phải thích nghi bằng hàn, nếu bệnh thuộc hàn ở giữa, vậy nên thích nghi bằng nhiệt[6]. Nếu trong Vị bị nhiệt thì tiêu cốc khí, khiến cho người bệnh Tâm không an, thường hay đói[7]. Nếu vùng da phía trên rốn bị nhiệt thì trong ruột (trường) cũng nhiệt, tiêu ra phân vàng mà nát ra[8]. Nếu vùng da dưới rốn bị hàn thì trong Vị cũng hàn, như vậy sẽ bị phúc trướng[9]. Trong ruột bị hàn thì ruột sôi và tiêu chảy (xôn tiết)[10]. Trong Vị bị hàn, trong ruột bị nhiệt thì bị chướng mà thêm tiêu chảy[11]. Trong Vị bị nhiệt trong ruột bị hàn thì mau bị đói, vùng thiếu phúc đau và trướng”[12].

Hoàng Đế hỏi: “Nếu Vị muốn uống lạnh mà Trường muốn uống nóng, cả hai nghịch nhau, việc thích nghi phải thế nào ?[13] . Và lại, các bậc vương công, đại nhân, các bậc quân ưa (những thức ăn thịt) có máu, tất cả họ đều sống rất là kiêu sa, phóng túng, ham muốn khinh người, nhưng không thể nào cấm được, nếu cấm thì nghịch lại cái chí

của họ, còn nếu thuận theo họ thì càng làm cho bệnh của họ nặng thêm, và nên thích nghi như thế nào ? Phép trị phải làm gì trước ?”[14]

Kỳ Bá đáp : “Tình của con người, không ai không ham sống và sợ chết, vậy ta nên báo cho họ biết bằng những hư bại của họ, nói cho họ biết những điều tốt của họ, dẫn dắt họ bằng những con đường thích nghi, mở ra cho họ thấy những điều khổ của họ, .nNhư vậy, cho dù họ là những người không biết cái Đạo (dưỡng sinh) là gì, họ lại dám không nghe theo hay sao ?”[15].

Hoàng Đế hỏi: “Phép trị phải thế nào ?”[16].

Kỳ Bá đáp : “Mùa xuân hạ, trước hết phải trị phần tiêu, sau đó mới trị phần bản; mùa thu đông, trước hết phải trị phần bản, sau đó mới trị phần tiêu”[17].

Hoàng Đế hỏi: “Thích nghi trường hợp nghịch lại, phải làm sao ?”[18].

Kỳ Bá đáp : “Thích nghi trường hợp này, phải: việc ăn uống, mặc quần áo cũng phải thích nghi với độ nóng lạnh, nếu lạnh thì đừng để lạnh căm căm, nếu nóng đừng để ra mồ hôi, trong lúc ăn uống, nóng đừng nóng phùng phùng, lạnh đừng lạnh buốt buốt, việc nóng lạnh cốt ở giữ được mức trung hòa, nhờ đó mà duy trì được nguyên khí, không để cho tà khí tấn công”[19].

Hoàng Đế hỏi: “Thiên ‘Bản Tạng’ dựa vào thân hình, chi và tiết, sự cứng mềm của cơ nhục để biết được sự lớn nhỏ của ngũ tạng và lục phủ, nay đối với các bậc vương công, đại nhân, bậc vua chúa lâm triều tức vị, mà ta đặt vấn đề này, ai có thể sờ mó, day ấn để rồi sau đó trả lời cho được ?”[20].

Kỳ Bá đáp : “Thân hình, tay chân và các đốt xương bàn tay chân là những nơi che đậy tạng phủ, nó không dễ nhận thấy được như khi ta quan sát gương mặt”[21].

Hoàng Đế hỏi: “Khí của ngũ tạng có thể nhìn thấy được ở gương mặt, điều đó ta đã biết rồi, nhưng qua tay chân và các đốt xương bàn tay chân để có thể biết và nhận thấy thì như thế nào ?”[22].

Kỳ Bá đáp : “Trong ngũ tạng và lục phủ thì Phế đóng vai trò cái nắp đậy, cứ nhìn nơi vai to hoặc độ lõm vào của vùng yết hầu để biết được hình trạng của Phế biểu lộ ra ngoài”[23].

Hoàng Đế nói: “Đúng thay ! ”[24].

Kỳ Bá đáp : “Trong lục phủ ngũ tạng, Tâm đóng vai quân chủ, Khuyết bồn đóng vai đường đi, xương đầu của xương lồng ngực dư ra để biểu lộ nơi xương Cưu vĩ”[25].

Hoàng Đế nói: “Đúng thay ! ”[26].

Kỳ Bá đáp : “Can đóng vai tướng quân, xông pha ra ngoài, muốn biết mức kiên cố của nó, nên xem mắt lớn hay nhỏ”[27].

Hoàng Đế nói: “Đúng thay !”[28].

Kỳ Bá đáp : “Tỳ đóng vai chủ về bảo vệ, nó đón nhận thức ăn, cứ nhìn sự yêu ghét (tốt xấu) của môi lưỡi để biết được việc lành dữ ”[29].

Hoàng Đế nói: “Đúng thay !”[30].

Kỳ Bá đáp : “Thận đóng vai nghe việc bên ngoài, nó nghe được chuyện ở xa, cứ nhìn sự yêu ghét của tai để biết được tính của nó”[31].

Hoàng Đế nói: “Đúng thay ! Ta mong được nghe về sự biểu hiện của lục phủ”[32].

Kỳ Bá đáp : “Trong lục phủ, Vị đóng vai biến cả, xương mình rộng, cổ to, ngực rộng, người như vậy sẽ ăn được nhiều ngũ cốc[33]. Mũi hít sâu mà dài, nó biểu hiện được tình trạng của Đại trường[34]. Môi dày, Nhân trung dài, biểu hiện được tình trạng của Tiểu trường[35]. Vùng mí dưới mắt no đầy và to thì Đởm mới có sự cứng rắn[36]. Hai lỗ của mũi nằm bên ngoài, nhờ nó mà Bàng quang được thông tiết ra ngoài[37]. Khi hít khí vào là đi từ giữa sống mũi, nhờ vậy mà vai trò của Tam tiêu được kín đáo[38]. Trên đây là những trường hợp biểu hiện được vai trò của lục phủ, Khi nào ba vùng trên dưới được bình đẳng thì ngũ tạng được an và vận hành được tốt”[39].

Y học cổ truyền LINH KHU Part 8



THIÊN 30: QUYẾT KHÍ

Hoàng Đế hỏi: “Ta nghe con người có tinh, có khí, có tân, có dịch, có huyết, có mạch, ý của ta cho là tất cả những khí ấy chỉ là một mà thôi, nay nó lại được phân biệt ra thành 6 tên khác nhau, Ta không hiểu vì lý do nào lại như vậy ?”[1].

Kỳ Bá đáp : “Hai thần cùng đánh nhau rồi hợp lại để thành hình, thường sinh ra trước thân thể của chúng ta, gọi đó như tinh”[2].

“Thế nào là khí ?”[3].

Kỳ Bá đáp : “Khí ở Thượng tiêu khai phát ra nhằm tuyên tán khí của ngũ cốc và Vị, làm ấm bì phu, làm sung mãn cho thân thể, làm trơn nhuận cho lông mao, nó ví như là những làn khí của mù và móc đã tưới thấm khắp nơi, đó gọi là khí”[4].

“Thế nào gọi là tân ?”[5].

Kỳ Bá đáp : “Khi nào tấu lý phát tiết ra, làm mồ hôi chảy ra ướt đầm, gọi đó là tân”[6].

“Thế nào là dịch”[7].

Kỳ Bá đáp : “Khí ngũ cốc nhập vào (Vị) thì (hậu thiên khí) sẽ tràn đầy, chất trấp sẽ làm nhuận trơn và rót vào cốc, cốt thuộc vai trò co duỗi, tiết ra và làm nhuận trơn, bổ ích não tủy, bì phu được nhuận trơn, đó gọi là dịch”[8].

“Thế nào là huyết ?”[9].

Kỳ Bá đáp : “Trung tiêu nhận lấy khí, lấy chất trấp, biến hóa để thành màu đỏ, đó là huyết”[10].

“Thế nào là mạch ?”[11].

Kỳ Bá đáp : “Cái đề phòng cho doanh khí, khiến cho nó không chạy tránh ra nơi khác, gọi là mạch”[12].

Hoàng Đế hỏi: “Làm thế nào để biết được sự hữu dư hoặc bất túc của lục khí, biết được sự nhiều ít của khí, biết được sự hư thực của não tủy, sự thanh trọc của huyết mạch ?”[13].

Kỳ Bá đáp : “Tinh bị thoát thì tai điếc[14]. Khí bị thoát thì mắt không còn sáng[15]. Tân bị thoát thì tẩu lý khai, mồ hôi ra quá nhiều[16]. tinh dịch bị thoát thì cốt sẽ khó khăn trong việc co duỗi, sắc bị yếu[17]. Não tủy bị tiêu hao, cẳng chân bị đau buốt, tai bị ù[18]. Huyết bị thoát thì sắc diện sẽ trắng sẽ không còn nhuận trạch, mạch bị không hư [19]. Tất cả là những bộc lộ của các điều kể trên”[20].

Hoàng Đế hỏi: “Vấn đề quý và tiện trong lục khí như thế nào ?”[21].

Kỳ Bá đáp : “Lục khí đều có những bộ vị làm chủ, sự quý tiện, thiện ác phải đúng thời của nó, tuy nhiên, ngũ cốc vẫn hóa khí trong Vị và Vị đóng vai biển lớn”[22].

THIÊN 31: TRƯỜNG VỊ

Hoàng Đế hỏi Bá Cao: “Ta mong được nghe về vai trò của lục phủ truyền đi thủy cốc, về sự lớn nhỏ, dài ngắn của Trường Vị, về sự thu nhận thủy cốc nhiều hay ít như thế nào ?” [1].

Bá Cao đáp : “Thần xin đáp cận kề về độ dài ngắn, xa gần, sâu cạn của con đường mà thủy cốc nhập vào, đưa ra[2]. Từ môi đến răng dài 9 phân, miệng rộng 2 thốn rưỡi, từ răng lui ra sau đến hội yếm sâu 3 thốn rưỡi, chứa đựng được 5 hợp, lưỡi nặng 10 lượng, dài 7 thốn, rộng 2 thốn rưỡi, cửa cuống họng nặng 10 lượng, rộng 2 thốn rưỡi, kéo dài đến Vị dài 1 xích 6 thốn[3]. Vị có hình dáng uốn khúc co duỗi dài 2 xích 6 thốn to 1 xích 5 thốn, đường kính 5 thốn, chứa đựng được 3 đấu 5 thăng[4]. Tiểu trường phía sau dựa vào cột sống, quay vòng sang tả uốn khúc xếp lên nhau, chứa những gì sẽ rót vào Hồi trường, bên ngoài nó dựa vào phía trên rún khoanh vòng thành 16 khúc, to 2 thốn rưỡi, đường kính 8 phân 1/3, dài 3 trượng 3 xích[5]. Hồi trường nằm ngay vùng rốn để quay về bên trái, phía ngoài xếp bằng những nếp khum như lá xếp, chứa để xuống dưới, xếp thành 16 khúc, to 4 thốn, đường kính 1 thốn 1/3, dài 2 trượng 1 xích[6], Quảng trường bám dọc theo cột sống và nhận lấy những gì do Hồi trường đưa sang, quay quanh bởi những lá mỡ giăng theo cột sống khắp trên dưới rộng đến 8 thốn, đường kính 2 thốn 2/3, dài 2 xích 8 thốn[7]. Trường và Vị tính từ chỗ vào cho đến chỗ ra dài 6 trượng 4 thốn 4 phân, quanh co uốn khúc thành 32 khúc”[8].

THIÊN 32: BÌNH NHÂN TUYỆT CỐC

Hoàng Đế hỏi: “Ta mong được nghe về con người không ăn trong 7 ngày thì chết, tại sao thế ?”[1].

Bá Cao đáp : “Thần xin nói nguyên do: Vị to 1 xích 5 thốn, đường kính 5 thốn, dài 2 xích 6 thốn, co ngang lại, nhận thủy cốc 3 đấu 5 thăng, trong ấy cốc thường lưu lại 2 đấu, thủy 1 cốc 5 thăng thì đầy[2]. Thượng tiêu làm tiết ra khí, xuất ra khí tinh vi, nhẹ nhàng, trơn nhanh[3]. Hạ tiêu đi xuống dưới tưới thấm (Đại và Tiểu) trường[4]. Tiểu trường to 2 thốn rưỡi, đường kính 8 phân 1/3, dài 3 trượng 2 xích, nhận cốc 2 đấu 4 thăng, nhận thủy 6 thăng 3 hợp 2/3[5]. Hồi trường to 4 thốn, đường kính 1 thốn 1/3, dài 2 trượng 1 xích, nhận cốc 1 đấu, thủy 7 thăng rưỡi[6]. Quảng trường to 8 thốn, đường kính 2 thốn 2/3, trường 2 xích 8 thốn, nhận cốc 8 thăng 3 hợp 8 phân 1/8[7]. Độ dài của Trường Vị được 5 trượng 8 xích 4 thốn, nhận thủy cốc 9 đấu 2 thăng 1 hợp 2/3[8]. Đây là con số mà Trường Vị nhận được thủy cốc”[9].

Người bình nhân thì không thể, khi Vị đầy thì Trường rỗng, khi Trường đầy thì Vị rỗng, nhờ sự đầy rỗng thay nhau đó mà khí được lên xuống, ngũ tạng được an định, huyết khí được hòa lợi, tinh thần mới ở yên[10]. Cho nên thần chính là tinh khí của thủy cốc vậy[11]. Vì thế mà trong Trường Vị lúc nào cũng phải lưu giữ cốc 2 đấu, thủy 1 đấu 5 thăng[12]. Người bình nhân cứ mỗi ngày đi đại tiện 2 lần, mỗi lần thoát đi 2 thăng rưỡi, mỗi ngày sẽ là 5 thăng, 7 ngày, 5 lần 7 là 3 đấu 5 thăng, thế là lượng thủy cốc được giữ lại bên trong sẽ cạn[13]. Vì thế nên người bình nhân không ăn uống trong 7 ngày sẽ chết, đó là vì thủy cốc, tinh khí, tân dịch đều cạn rồi vậy”[14].

THIÊN 33 : HẢI LUẬN

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: “Ta đã nghe về phép thích: châm ở phu tử. Điều mà phu tử nói không không tách rời với doanh vệ, huyết khí[1]. Ôi ! Thập nhị kinh mạch, bên trong thuộc vào tạng phủ, bên ngoài lạc với tứ chi và cốt tiết, phu tử có hợp chúng vào với tứ hải (4 biển) không ?”[2].

Kỳ Bá đáp : “Con người cũng có tứ hải và thập nhị kinh thủy[3]. Các kinh thủy đều chảy rót vào hải, hải có đông tây nam bắc, gọi chung là tứ hải”[4].

Hoàng Đế hỏi: “Khi ứng với con người thì thế nào ?”[5].

Kỳ Bá đáp : “Con người có Tủy hải, có Huyết hải, có Khí hải, có Thủy cốc chi hải; Phàm tất cả tứ hải này nhằm ứng với tứ hải (bên ngoài)”[6].

Hoàng Đế hỏi: “Thật là to rộng thay khi phu tử hợp hóa tứ hải của Nhân Thiên Địa, Ta mong được nghe sự tương ứng đó như thế nào ?”[7].

Kỳ Bá đáp : “Trước hết phải rõ được nơi chốn của Âm Dương, biểu lý, huyết Huỳnh, huyết Du, được vậy thì tứ hải sẽ định”[8].

Hoàng Đế hỏi: “Định như thế nào ?”[9].

Kỳ Bá đáp : “Vị là biển của Thủy cốc, du huyết của nó lên trên tại huyết Khí Nhai, xuống dưới cho đến huyết Tam Lý[10]. Xung mạch là biển của 12 kinh, du huyết của nó lên trên đến huyết Đại Trữ, xuống dưới đến huyết Cự Hư Thượng và Hạ Liêm[11]. Chiên Trung là biển của khí, du huyết của nó lên trên đến trên dưới huyết Trạ Cốt, phía trước ở tại huyết Nhân Nghênh[12]. Não là biển của tủy, du huyết của nó lên trên đến huyết ở đỉnh đầu, xuống dưới đến huyết Phong Phủ”[13].

Hoàng Đế hỏi: “Chúng ta nói đến tứ hải, nhưng có lợi gì, có hại gì, có sinh gì, có bại gì ?”[14].

Kỳ Bá đáp : “Khi nào chúng được thuận thì sinh, bị nghịch thì bại, ta biết cách điều hòa thì lợi, không biết cách điều hòa thì bại”[15].

Hoàng Đế hỏi: “Sự nghịch thuận của tứ hải sẽ thế nào ?”[16].

Kỳ Bá đáp : “Nếu Khí hải hữu dư thì trong lồng ngực khí bị đầy, hơi thở bị phiên loạn, mặt đỏ; nếu Khí hải bất túc thì khí bị thiếu không đủ để nói ra lời[17]. Huyết hải hữu dư làm cho người ta thường tưởng thân mình nhỏ lại, teo hẹp lại, không biết bệnh nơi nào (như thế nào)[18]. Thủy cốc chi hải hữu dư làm cho bụng bị đầy, Thủy cốc chi hải bất túc thì đói nhưng Vị không nhận thức ăn[19]. Tủy hải hữu dư thì con người nhanh nhẹn, rắn rỏi, nhiều sức, tự mình mạnh hơn bình thường, Tủy hải bất túc thì não bị chuyển, tai ù, căng chân bị đau buốt, choáng váng, mắt không trông thấy gì, lười biếng, thích nằm yên”[20].

Hoàng Đế hỏi: “Thế là ta đã nghe được sự thuận nghịch, còn việc điều hòa thì sao ?” [21].

Kỳ Bá đáp : “Nên thăm sát các du huyết (của các đường kinh nói trên) để điều hòa hư thực, đừng phạm đến điều hại[22]. Nếu theo được lẽ thuận thì sức khỏe được phục hồi, nếu nghịch lại thì tất bị thất bại”[23].

Hoàng Đế nói: “Đúng thay ! ”[24].

THIÊN 34: NGŨ LOẠN

Hoàng Đế hỏi: “Kinh mạch có 12, phân biệt bằng ngũ hành, phân chia thành tứ thời, vậy nó bị thất như thế nào để thành loạn ? Nó đặc như thế nào để được trị ?”[1].

Kỳ Bá đáp : “Ngũ hành biến theo thứ tự của nó, bốn mùa thay đổi theo sự phân biệt rõ ràng, khi nào con người sống thuận với ngũ hành và tứ thời thì trị, sống nghịch là loạn”[2].

Hoàng Đế hỏi: “Thế nào gọi là sống tương thuận ?”[3].

Kỳ Bá đáp : “Con người có 12 kinh mạch là để ứng với 12 nguyệt, 12 nguyệt phân làm tứ thời, tứ thời gồm xuân thu, đông hạ[4]. Khí của chúng khác nhau, khí doanh vệ lại sống nương theo với tứ thời, nếu Âm Dương được hòa, khí thanh và trọc không can phạm vào nhau, như vậy ắt sẽ thuận mà thành trị”[5].

Hoàng Đế hỏi: “Thế nào gọi là nghịch và loạn ?”[6].

Kỳ Bá đáp : “Khi mà thanh khí ở tại Âm, còn trọc khí ở tại Dương, doanh khí thuận với mạch còn vệ khí lại nghịch hành, khí thanh và trọc cùng can phạm vào nhau, loạn sẽ xảy ra ở giữa ngực, đó gọi là đại muộn (bứt rứt lớn)[7]. Cho nên nếu khí loạn ở Tâm thì Tâm sẽ bị phiền, thích yên lặng, cúi đầu núp tránh nơi yên tĩnh[8]. Nếu khí loạn ở Phế sẽ bị hơi suyễn đến cúi ngửa, phải dùng tay ấn lên để thở[9]. Nếu loạn ở Trường Vị sẽ thành chứng hoắc loạn[10]. Nếu loạn ở cẳng tay và cẳng chân thì sẽ bị chứng tứ chi quyết lãnh[11]. Nếu loạn ở đầu thì sẽ thành chứng quyết nghịch, đầu nặng, mắt hoa, té xuống”[12].

Hoàng Đế hỏi: “Đối với chứng ngũ loạn, ta có phép châm không ?”[13].

Kỳ Bá đáp : “Nó có con đường đến mà cũng có con đường ra đi, nếu ta biết thăm sát được con đường đi và đến ấy để châm, đó đáng được gọi là phép báu để giữ thân”[14].

Hoàng Đế hỏi: “Đúng thay ! Ta mong được nghe về cái đạo (con đường ấy)”[15].

Kỳ Bá đáp : “Nếu khí ở tại Tâm, ta thủ huyết Du của kinh thủ Thiếu âm và thủ Tâm chủ[16]. Nếu khí ở tại Phế, ta thủ huyết Huỳnh của kinh thủ Thái âm, huyết Du kinh túc Thiếu âm[16]. Nếu khí ở tại Trường Vị, ta thủ huyết ở kinh túc Thái âm, Dương minh; nếu châm mà tà khí vẫn không xuống, ta thủ huyết Tam Lý[17]. Nếu khí ở tại đầu, ta thủ huyết Thiên Trụ và Đại Trử; nếu không ứng, ta lại thủ huyết Huỳnh và Du của kinh

túc Thái dương[18]. Nếu khí ở tại tay và chân thì trước hết nên châm xuất huyết ở các huyết lạc, sau đó thủ huyết Huỳnh và Du của kinh (thủ túc) Dương minh và Thiếu dương”[19].

Hoàng Đế hỏi: “Việc bổ tả phải thế nào ?”[20].

Kỳ Bá đáp : “Châm vào chậm, rút ra chậm, gọi là dẫn dắt khí, việc bổ tả vốn vô hình cho nên tất cả đều nhằm bảo vệ cho được cái tinh khí, chứ không phải các trường hợp châm trị đối với hữu dư và bất túc khác, mà chỉ cần dẫn dắt khí đang nghịch nhau (trở lại hòa hoãn nhau) mà thôi”[21].

Hoàng Đế nói: “Xứng đáng thay cho cái Đạo (y) ! Rõ ràng thay cho những lời lập luận (của y), Ta mong nội dung trên được ghi vào Ngọc bản gọi tên là Trị Loạn”[22].

THIÊN 35: TRƯỞNG LUẬN

Hoàng Đế hỏi: “Mạch ứng với Thốn khẩu, như thế nào mới là mạch của bệnh trướng ?” [1].

Kỳ Bá đáp : “Mạch của Thốn khẩu đại kiên đến sắc, đó là thuộc mạch của bệnh trướng”[2].

Hoàng Đế hỏi: “Làm thế nào biết được chứng trướng của tạng hay phủ ?”[3].

Kỳ Bá đáp : “Âm thuộc tạng, Dương thuộc phủ”[4].

Hoàng Đế hỏi: “Ồi ! Khí làm cho con người bị trướng, nó ở trong huyết mạch ư ? Ở bên trong tạng phủ ư ?”[5].

Kỳ Bá đáp : “Cả 3 đều có, tuy nhiên chúng vẫn không phải là nơi ở của bệnh trướng”[6].

Hoàng Đế hỏi: “Ta mong được nghe về chỗ ở của bệnh trướng”[7].

Kỳ Bá đáp : “Ồi ! Bệnh trướng nằm ở bên ngoài của tạng phủ, dọc theo tạng phủ nhưng lại nở rộng ở vùng ngực và hông sườn, làm trướng ở bì phu, cho nên gọi tên là trướng”[8].

Hoàng Đế hỏi: “Tạng phủ nằm bên trong lồng ngực, hông sườn, trong bụng, ví như những chiếc hộp tàng giữ những vật quý báu vậy, chúng đều có chỗ ở theo thứ lớp, khác tên nhau, nhưng lại cùng ở một nơi, một vùng, khí của mỗi tạng phủ đều phát ra những chứng trạng khác nhau, ta mong được giải thích về vấn đề trên”[9].

Hoàng Đế nói: “Ta chưa hiểu được ý của phu tử, xin hỏi tiếp”[10].

Kỳ Bá đáp : “Ôi ! Ngực và bụng là cái quách bên ngoài của tạng phủ[11]. Chiên Trung là cung thành của Tâm chủ[12]. Vị là cái kho lớn[13]. Yết hầu và Tiểu trường có nhiệm vụ truyền đưa[14]. Ngũ khiếu của Vị đóng vai cổng, hẻm, cửa lớn, cửa nhỏ[15]. Huyết Liêm Tuyền và Ngọc Anh là con đường đi của tân dịch[16]. Cho nên ngũ tạng và lục phủ đều có các bờ bến (giới hạn) của nó và do đó bệnh của nó cũng có những hình trạng riêng mình[17]. Doanh khí tuần hành theo mạch, vệ khí nghịch gây thành chứng mạch trưởng[18]. Vệ khí nhập chung lại với mạch, tuần hành theo vùng phận nhục gây thành chứng phu trưởng[19]. Nên thủ huyết Tam Lý để tả, (tà khí) ở cận châm 1 lần, ở xa (sâu) châm 3 lần, không đặt vấn đề hư thực, cái khéo là mau mau châm tả”[20].

Hoàng Đế nói: “Ta mong được nghe về hình trạng của bệnh trưởng”[21].

Kỳ Bá đáp : “Ôi ! Bệnh Tâm trưởng làm cho Tâm phiền, hơi thở ngắn, nằm không yên[22]. Bệnh Phế trưởng làm cho người hư mà đầy, suyễn ho[23]. Bệnh Can trưởng làm cho dưới hông sườn bị đầy mà đau, dẫn xuống đến vùng thiếu phúc[24]. Bệnh Tỳ trưởng làm cho hay bị ói, tay chân phiền muộn, nặng nề, không mặc được quần áo, nằm không yên[25]. Bệnh Thận trưởng làm cho bụng bị đầy lan ra vùng lưng, đau từ thắt lưng đến vùng xương đùi[26]. Lục phủ trưởng: chứng Vị trưởng làm cho bụng bị đầy, Vị hoãn đau, mũi nghe mùi khét, hôi thối, làm ảnh hưởng đến việc ăn uống, đại tiện khó khăn[27]. Chứng đại trường trưởng làm cho sôi ruột mà đau, tiếng kêu rồn rột, nếu mùa đông mà bị trúng cảm bởi hàn khí thì sẽ bị chứng xông tiết, ăn không tiêu hóa[28]. Chứng Tiểu trường trưởng làm cho vùng thiếu phúc bị sưng trưởng, đau dẫn đến vùng thắt lưng[29]. Chứng Bàng quang trưởng làm cho vùng thiếu phúc bị đầy và khí làm cho tiểu tiện bị bí[30]. Chứng Tam tiêu trưởng làm cho khí bị đầy ở trong khoảng bì phu, đáng mềm mại mà không cứng[31]. Chứng Đờm trưởng làm cho dưới hông sườn bị trưởng, trong miệng bị đắng, dễ bị thở mạnh[32].

Phàm tất cả các chứng trưởng trên, con đường đưa đến chỉ là một mà thôi, nếu ta rõ được những điều nghịch và thuận của nó thì việc châm thuật sẽ không bị thất thố [33]. Nếu ta tả hư, bổ thực thì sẽ làm cho thần khí rời khỏi chỗ của mình, đó là ta đã giúp

cho tà khí mà làm mất đi chính khí, chân khí sẽ không còn ổn định, thế là người thầy thuốc vụng về đã làm bại hoại khí huyết, gọi là làm cho yếu mệnh[34]. Nếu ta bỏ hư, tả thực, đó là ta điều hòa làm cho chính khí, chân khí trở lại tràn đầy nơi không huyết của vùng tấu lý, đây mới là người thầy giỏi"[35].

Hoàng Đế hỏi: “Chứng bệnh trưởng sinh ra như thế nào ?”[36].

Kỳ Bá đáp : “Trong thân thể, vệ khí thường theo với mạch, tuần hành theo vùng phận nhục, vận hành có nghịch thuận, Âm Dương cùng nương theo nhau, như thế mới đắc được thiên hòa, khí doanh vệ mới vận hành xuất nhập, thay đổi ngày đêm, ngũ tạng mới ứng với chiếc vòng ngọc chu nhi phục thi, bốn mùa vận hành theo thứ tự, ngũ cốc mới hóa được[37]. Thế nhưng, nếu quyết khí đi xuống dưới, khí doanh vệ không còn lưu hành và ngưng nghỉ không điều hòa, hàn khí nghịch lên trên, chân khí và tà khí cùng đánh nhau, hai khí tranh nhau, bấy giờ mới hợp nhau thành bệnh trưởng”[38].

Hoàng Đế hỏi: “Đúng vậy ! Nhưng dựa vào đâu để ta có thể biết được quá trình kết hợp thành bệnh trên ?”[39].

Kỳ Bá đáp : “Đó là sự kết hợp giữa tạng phủ và kinh mạch vào với chân khí, cả 3 hợp lại mà thành bệnh”[40].

Hoàng Đế hỏi: “Khi luận về bệnh trưởng, ta không cần hỏi đến hư thực, điều khéo nên làm là mau châm tả, bệnh gần (cận) châm 1 lần, bệnh xa (sâu) châm 3 lần[41]. Nay có trường hợp, ta đã châm đến 3 lần rồi mà bệnh vẫn không bớt, sai lầm ở chỗ nào ?”[42].

Kỳ Bá đáp : “Đây nói về phép châm, phải tấn công được vào vùng nhục hoang và phải trúng vào khí huyết, nếu không châm trúng vào khí huyết sẽ làm cho khí bị bế bên trong, châm không tấn công được vào vùng nhục hoang sẽ làm cho khí không vận hành, tức là châm phốt cận, châm trúng phận nhục, như vậy vệ khí sẽ làm loạn với doanh khí và Âm Dương cũng rượt đuổi nhau (loạn)[43]. Đối với bệnh trưởng, đáng lẽ phải tả lại không châm tả, do đó mà khí không thoát, châm 3 lần nhưng vẫn không thoát, vậy phải thay đổi huyết đạo, khi nào khí thoát mới thôi[44]. Khí không thoát thì châm trở lại, có thể vận toàn, há có gì lo ngại đâu ?[45] Đối với bệnh trưởng, tất phải thẩm định cho rõ phép chẩn, nếu đáng phải tả thì châm tả, đáng phải bổ thì châm bổ, ví như tiếng trống ứng với dùi trống, làm sao có thể không bớt được?”.

THIÊN 36: NGŨ LUNG TÂN DỊCH BIỆT LUẬN

Hoàng Đế hỏi: “Thủy cốc nhập vào miệng, chuyên chở đến Trường Vị, dịch của nó phân thành 5 loại [1]: Trời lạnh mặc áo mỏng sẽ thành nước tiểu và khí[2]. Trời nóng nực sẽ thành mồ hôi[3]. Lúc ta buồn sâu, khí sẽ nhập chung lại thành ra nước mắt[4]. Vùng Trung hoãn bị nhiệt thì Vị khí bị lợi, gây thành nước dãi[5]. Khi tà khí nghịch bên trong thì khí bị bế tắc không vận hành, khí không vận hành thì sẽ thành chứng thủy trướng[6]. Ta biết rất rõ tại sao như vậy, nhưng ta chưa biết từ đâu sinh ra, Ta mong được nghe con đường sinh ra đó”[7].

Kỳ Bá đáp : “Thủy cốc đều nhập vào miệng, Vị của nó gồm có 5 loại, mỗi loại đều chảy rót về biển của nó, tân dịch cũng chạy theo con đường của nó[8]. Cho nên Tam tiêu xuất ra khí nhằm làm ấm phần cơ nhục, sung mãn vùng bì phu, đó là tân, phần lưu lại mà không vận hành gọi là dịch[9].

Trời nóng nực mặc áo dày sẽ làm cho tẩu lý khai, mồ hôi sẽ chảy ra, hàn khí sẽ lưu giữ lại trong khoảng phận nhục, tụ thành bọt, gây thành chứng đau nhức[10]. Trời lạnh lẽo thì tẩu lý bị bế, khí bị sáp trệ không vận hành, thủy chảy xuống dưới đến Bàng quang thành nước tiểu và khí[11].

... Tân dịch của ngũ cốc, hòa hợp để thành ra chất cao (mỡ), bên trong nó thấm nhập vào chỗ rỗng của cốt, bổ ích não tủy, sau đó nó chảy xuống[12].

Trong lục phủ ngũ tạng, Tâm đóng vai chủ (vua)[13], tai đóng vai nghe[14], mắt đóng vai nhìn[15], Phế đóng vai phò tá[16], Can đóng vai vị tướng quân[17], Tỳ đóng vai hộ vệ[18], Thận đóng vai chủ bên ngoài[19]. Cho nên, tân dịch của ngũ tạng lục phủ, lên hết bên trên để thấm vào mắt[20]. Khi Tâm lo buồn thì khí sẽ quện vào nhau, sẽ làm cho Tâm hệ bị cấp, Tâm hệ bị cấp thì Phế nở lên, Phế nở lên thì dịch sẽ tràn ngập lên trên[21]. Ôi ! Tâm hệ và Phế không thể thường bị nở lên, vì nó sẽ chột lên chột xuống và sẽ bị ho rồi nước mắt chảy ra[22]. Vùng Trung (tiêu) nhiệt thì bên trong Vị sẽ tiêu cốc, tiêu cốc thì loại trùng sẽ khấy động trên dưới, Trường Vị sẽ bị rộng đầy, cho nên Vị bị lợi, Vị bị lợi thì khí nghịch, do đó mà nước dãi chảy ra[23].

Tân dịch của ngũ cốc hòa hợp sẽ thành chất mỡ (cao), bên trong nó thấm vào chỗ rỗng của cốt, bổ ích não tủy, sau đó nó chảy xuống mép trong của đùi[24]. Nếu Âm Dương bất hòa, nó sẽ làm cho dịch tràn ngập để rồi chảy xuống nơi Âm khiếu, tủy và dịch đều giảm và chảy xuống, khi chảy xuống quá độ thì sẽ hư, vì hư cho nên sẽ làm cho thất lưng bị đau và cẳng chân bị buốt[25]. Khí đạo của Âm Dương không thông,

bốn biển đều bế tắc, Tam tiêu không tiết tả ra được, tân dịch không hóa được, thủy cốc cùng đi chung trong Trường Vị, rời khỏi hồi trường, lưu giữ lại ở Hạ tiêu, không thấm được vào Bàng quang, vì thế mà Hạ tiêu bị trướng, thủy bị tràn ngập sẽ thành chứng thủy trướng[26]. Đây là trường hợp nghịch thuận của 5 dạng tân dịch vậy"[27].

THIÊN 37: NGŨ DUYỆT NGŨ SỨ

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói phép châm phải xét cho được ngũ quan, ngũ duyệt nhằm thấy được ngũ khí[1]. Ngũ khí chính là sứ giả của ngũ tạng, là nơi phối hợp với ngũ thời, Ta mong được nghe về vai trò của ngũ sứ xuất hiện như thế nào ?"[2].

Kỳ Bá đáp : "Ngũ quan là nơi biểu hiện bề ngoài của ngũ tạng"[3].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe nó phải xuất hiện như thế nào để gọi được là thường ?"[4].

Kỳ Bá đáp : "Mạch xuất hiện nơi Khí khẩu, sắc hiện ra ở Minh đường, ngũ sắc xuất hiện thay đổi nhằm ứng với ngũ thời đúng với mỗi vai trò thường của chúng[5]. Kinh khí nhập vào tạng, ta phải trị ở bên trong"[6].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng vậy ! Phải chăng chỉ có ngũ sắc là quyết biểu hiện rõ được trên Minh đường ?"[7].

Kỳ Bá đáp : "Ngũ quan đã làm phân biệt được (gương mặt), phần Khuyết đình đã phân bày ra rõ ràng làm nổi bật được Minh đường (mũi)[8]. Minh đường to rộng, vùng phần tể hiện rõ ra ngoài, vành tai vuông dựng cao lên như bức tường có nền chắc chắn, tất cả đều thoáng, rộng[9]. Nếu ngũ sắc không loạn (bình), (thổ cơ) bằng phẳng, rộng rãi, người ấy sẽ sống thọ đến trăm tuổi[10]. Gặp được người như vậy, châm rất là kết quả, bởi vì những người này huyết khí có dư, cơ nhục rắn và kín đáo, vì thế có thể khuyên họ nên châm (để chữa bệnh)[11].

Hoàng Đế nói: "Ta mong được nghe về ngũ quan"[12].

Kỳ Bá đáp : "Mũi là quan của Phế, mắt là quan của Can, miệng và môi là quan của Tỳ, lưỡi là quan của Tâm, tai là quan của Thận"[13].

Hoàng Đế hỏi: "Dựa vào những quan này biểu lộ được gì ?"[14].

Kỳ Bá đáp : “Chúng biểu lộ được khí của ngũ tạng[15]. Cho nên, Phế bệnh thì suyễn tức mũi phồng lên[16], Can bệnh thì mí mắt xanh[17], Tỳ bệnh thì môi vàng[18], Tâm bệnh thì lưỡi bị cuốn ngắn lại, lưỡng quyền đỏ lên[19], Thận bệnh thì quyền và má bị đen”[20].

Hoàng Đế hỏi: “Ngũ mạch xuất hiện 1 cách an nhiên (không việc gì xảy ra), ngũ sắc xuất hiện 1 cách an nhiên, (có người) sắc vẫn bình thường mà vẫn nguy là tại sao ?”[21].

Kỳ Bá đáp : “Ngũ quan không tở, khuyết và đình không rộng, vùng Minh đường nhỏ, phần phồn và tế không rõ, phần tường cơ thấp, dưới chân tường không có nền tảng, dải tai và vành tai vảnh ra ngoài, người như thế, tuy trong lúc sống bình thường mà cũng đã nguy rồi, huống gì thêm bị bệnh tật nữa !”[22].

Hoàng Đế hỏi: “Ngũ sắc hiện ra nơi Minh đường nhằm xét được khí của ngũ tạng, phần trái phải, cao thấp có bộc lộ được sự tương ứng về hình dạng không ?”[23].

Kỳ Bá đáp : “Phủ tạng nằm bên trong con người, mỗi tạng phủ đều nằm theo thứ lớp của mình, trái phải, cao thấp đều theo đúng với mức độ của mình”[24].

THIÊN 38: NGHỊCH THUẬN PHÌ SÁU

Hoàng Đế hỏi: “Ta được nghe thầy nói về phép chiêm, nghe rất nhiều và rất rõ ràng, Đạo của thầy dường như ứng với tùy lúc, tức là u ẩn xa xôi mà lại đáng tin, chứ không phải là một cái gì đó rất vững chãi, rõ ràng, đây là nhờ vào việc học và hỏi 1 cách thuần thực mới biết hay là nhờ vào thẩm sát vạn vật mà Tâm mình sinh ra biết được ?”[1].

Kỳ Bá đáp : “Thánh nhân thực hiện cái Đạo của mình, trên hợp với Thiên, dưới hợp với Địa, giữa hợp với nhân sự, tất cả đều phải có cái phép rõ ràng, nhằm dựng lên cái đồ sử, nhằm kiểm tra cái pháp thức, nhờ vậy sau mới có thể truyền lại cho đời sau[2]. Vì thế, người thợ không thể vất bỏ cái thước đo xích thốn để mà ước đoán vật ngắn dài, không thể bỏ sợi dây mực mà tính được mực nước, người làm công không thể để yên cây thước tròn mà vẽ nên vòng tròn, không thể vớt cây thước vuông mà vẽ được góc vuông[3]. Nếu ta biết cách dùng những loại dụng cụ này sẽ xử lý 1 cách vững vàng vạn vật trong tự nhiên, nếu ta áp dụng cách truyền dạy dễ dàng, ta sẽ biết cái lẽ thường của việc nghịch thuận”[4].

Hoàng Đế hỏi: “Ta mong được nghe về vấn đề tự nhiên như thế nào ?”[5].

Kỳ Bá đáp : “Xuống dưới chỗ sâu để khai nước, không cần phải dùng công lực mà nước dễ cạn, nước theo hang động để mà khai đường thì dễ thông với mạch nước, đây ý nói về sự hoạt sát của khí, sự thanh trọc của huyết, sự thuận nghịch của đường vận hành vậy”[6].

Hoàng Đế hỏi: “Ta mong được nghe về màu da trắng đen, dáng mập gầy, nhỏ lớn, mỗi dạng người như vậy, phép châm có theo 1 độ số nào không ?”[7].

Kỳ Bá đáp : “Những người ở vào lứa tuổi tráng đại (mạnh khỏe, to), huyết khí họ sung mãn, tràn đầy, da dễ vững chắc, nhân lúc nào đó bị tà khí tấn công, châm những người này phải châm sâu và lưu kim sâu[8]. Đối với những loại người mập béo, vai nách rộng, phần nhục ở cổ gáy mỏng, da dày mà sẫm đen, môi dày lên, huyết sẫm đen mà trọc, khí sặc mà trì, những người này có cuộc sống tham lam, thích lấy chiếm vật cho mình, châm những người này phải châm kim sâu và lưu kim lâu, châm nhiều lần”[9].

Hoàng Đế hỏi: “Châm người gầy phải thế nào ?”[10].

Kỳ Bá đáp : “Người gầy thì da mỏng, sắc kém, cơ nhục gầy tong teo, môi mỏng tiếng nói nhỏ, huyết họ thanh, khí họ hoạt, dễ thoát khí, dễ tổn huyết, Châm những người này phải châm cạn mà nhanh”[11].

Hoàng Đế hỏi: “Châm người bình thường như thế nào ?”[12].

Kỳ Bá đáp : “Nên xem xét màu sắc trắng hay đen để mà áp dụng châm cho mỗi trường hợp[13]. Riêng người đoan chính, đôn hậu, huyết khí của họ hòa điệu, châm những người này phải theo lẽ thường số”[14].

Hoàng Đế hỏi: “Châm cho những bậc tráng sĩ, cốt khí của họ chân, cơ nhục họ rắn chắc, bàn tay chân họ thư thả, dáng người dong dạc, những loại người này, nếu thuộc về dạng trầm nặng thì khí sặc và huyết trọc, châm phải sâu và lưu kim lâu, tăng thêm mức độ châm; nếu thuộc về dạng nhẹ nhàng thì khí hoạt, huyết thanh, châm phải cạn rút kim nhanh”[15].

Hoàng Đế hỏi: “Châm trẻ nhỏ như thế nào ?”[16].

Kỳ Bá đáp : “Trẻ nhỏ thì cơ nhục mềm, huyết ít, khí nhược, châm cho chúng phải dùng hào châm, châm cạn mà nhanh, mỗi ngày châm 2 lần cũng được”[17].

Hoàng Đế hỏi: “Châm theo cách gọi là ‘âm thâm quyết thủy’ phải thế nào ?”[18].

Kỳ Bá đáp : “Người mà huyết thanh khí trọc, nếu châm tả nhanh sẽ làm cho khí bị kiệt”[19].

Hoàng Đế hỏi: “Châm theo cách gọi là ‘tuần quật quyết xung’ phải thế nào ?”[20].

Kỳ Bá đáp : “Người mà huyết trọc khí sắc, nếu châm tả nhanh thì kinh có thể thông”[21].

Hoàng Đế hỏi: “Mạch vận hành theo nghịch thuận như thế nào ?”[22].

Kỳ Bá đáp : “Tam Âm của Thủ đi từ tạng ra đến tay, Tam dương của Thủ đi từ Thủ lên đến đầu, Tam Dương của Túc đi từ đầu xuống chân, Tam Âm của Túc đi từ Túc lên bụng”[23].

Hoàng Đế hỏi: “Chỉ riêng mạch túc Thiếu âm có đoạn đi xuống, tại sao thế ?”[24].

Kỳ Bá đáp : “Không phải vậy ! Ôi ! Xung mạch là biển của ngũ tạng lục phủ, ngũ tạng lục phủ đều bẩm thụ khí nơi mạch này[25]. Khi đi lên trên, nó xuất ra ở kháng tãng, làm ướt các kinh Dương, tưới thấm các kinh tinh (âm)[26]. Khi đi xuống, nó rót vào huyết Đại lạc của kinh Thiếu âm, rồi xuất ra ở huyết Khí nhai, tuần hành theo mép trong của đùi trên, nhập vào kheo chân, nó lại đi chìm vào trong xương đùi đến sau mắt cá trong, thuộc vào đây[27]. Một chi biệt đi xuống cùng với kinh Thiếu âm, tưới thấm các kinh của tam Âm[28]. Ở phía trước, một đường đi chìm vào trong bàn chân, dọc theo bàn chân, nhập vào khoảng giữa ngón cái, nhằm tưới thấm các lạc mạch và làm ấm cơ nhục[29]. Cho nên khi biệt lạc này bị kết thì mạch ở bàn chân bất động, bất động thì bị quyết, bị hàn”[30].

Hoàng Đế hỏi: “Ta lấy gì để phân biệt ?”[31].

Kỳ Bá đáp : “Ta dùng ngũ quan để dẫn dắt, ta thiết (mạch) để nghiệm lại, nếu không phải là (biệt lạc về bị kết) thì (mạch) tất sẽ động, nhờ vậy mà ta biết được rõ về lẽ nghịch thuận”[32].

Hoàng Đế nói: “Thật khó khăn thay cho bậc Thánh nhân trong khi hành đạo, nó sáng tỏ như vầng nhật nguyệt, nó tế vi từng hào, từng ly, nếu không phải là người như phu tử, ai có thể hiểu biết và trình bày như vậy được !”[33].

THIÊN 39: HUYẾT LẠC LUẬN

Hoàng Đế hỏi: “Ta mong được nghe về kỳ tà (tức bệnh) không ở tại kinh, thể nghĩa là gì ?”[1].

Kỳ Bá đáp : “Đó chính là do huyết lạc vậy”[2].

Hoàng Đế hỏi: “Có khi châm các huyết lạc mà người bệnh bị té nhào, tại sao vậy ?[2] Châm xong huyết xuất ra có giọt bắn ra, tại sao vậy ?[3] . Châm mà huyết ra ít nhưng đen mà dơ (trọc bẩn), tại sao vậy ?[4] . Châm mà huyết ra trong, hơn phân nửa lại như chất trấp, tại sao vậy ?[5] . Vừa mới châm là nơi châm bị sưng thũng lên, tại sao vậy ?[6]. Châm mà huyết xuất ra lúc nhiều lúc ít, trong lúc đó sắc mặt lạnh xanh ngắt lên, tại sao vậy?[7]. Châm xong, sắc mặt không thay đổi nhưng trong lòng bị bứt rứt, tại sao vậy?[8]. Châm vào ra máu nhiều nhưng người bệnh không bị lão đảo, tại sao vậy?, Ta mong được nghe về tất cả những nguyên nhân ấy”[9].

Kỳ Bá đáp : “Người nào mạch khí mạnh mà huyết hư, khi châm họ sẽ bị thoát khí, bị thoát khí thì sẽ té nhào[10]. Khi nào huyết và khí đều thịnh nhưng Âm khí nhiều hơn thì huyết trơn hoạt hơn, nếu châm vào thì máu sẽ phún ra[11]. Khi nào Dương khí súc tích lâu ngày, nó lưu lại mà không được tả ra, huyết sẽ đen và dơ, do đó mà không thể phụt ra[12]. Nếu vừa uống nước vào, chất dịch sẽ thấm vào đến các lạc mạch nhưng chưa hòa hợp được với huyết, cho nên huyết ra sẽ phân biệt giữa nước và trấp, nếu như không phải do mới uống nước mà do trong người có sẵn nước, lâu ngày sẽ thành chứng thũng[13]. Khi nào Âm khí tích ở trong Dương khí, khí này sẽ đi vào các lạc mạch, cho nên khi châm vào, huyết chưa ra thì khí đã ra trước sẽ gây thành chứng sưng thũng lên[14]. Khi nào khí Âm Dương vừa mới đến với nhau nhưng chưa kịp hòa hợp nhau, lúc bấy giờ nếu chúng ta châm tả sẽ làm cho cả Âm Dương đều thoát, biểu lý cùng rời nhau, do đó mà thoát sắc và sắc mặt sẽ xanh ngắt lên[15]. Khi nào châm vào huyết ra nhiều, sắc mặt không biến đổi nhưng lòng phiền muộn, đó là do ta châm vào lạc mạch mà làm hư đến kinh mạch, khi mà kinh bị hư thuộc về Âm, Âm sẽ thoát và ta bị bứt rứt”[16].

Âm Dương tương đắc với nhau rồi hợp lại thành chứng Tý, đây là trường hợp bên trong thì tràn vào kinh, bên ngoài rút vào lạc, như vậy, Âm Dương đều hữu dư, cho nên dù có xuất huyết nhiều, cũng không làm cho khí hư được"[17].

Hoàng Đế hỏi: "Phải nhìn dấu vết như thế nào ?"[18].

Kỳ Bá đáp : "Huyết ở mạch thịnh và cứng lên nằm ngang dọc, màu đỏ trên dưới không nhất định nơi nào, vết nào nhỏ thì như cây kim, vết nào lớn thì như sợi gân, nếu được châm tả đi thì thật là vạn toàn[19]. Cho nên, không nên châm sai với độ số (con đường xuất nhập của huyết mạch), tức là sai đi cái độ số, tức là làm nghịch với phép châm, vậy chỉ nên châm tương ứng với độ số của đường xuất nhập của kinh mạch"[20].

Hoàng Đế hỏi: "Khi châm kim vào thì cơ nhục như bị cứng làm cho kim khó xoay trở, tại sao vậy ?"[21].

Kỳ Bá đáp : "Nhiệt khí bám vào kim làm cho kim cũng bị nhiệt, nhiệt thì sẽ làm cho cơ nhục bị rít vào kim, cứng lại"[22].

THIÊN 40: ÂM DƯƠNG THANH TRỌC LUẬN

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe con người có 12 kinh mạch nhằm ứng với 12 kinh thủy, biểu hiện của ngũ sắc đều khác nhau, khí thanh trọc không giống nhau, nếu như huyết và khí được hiểu là một thì sự ứng nhau sẽ thế nào ?"[1].

Kỳ Bá đáp : "Huyết khí của con người, nếu có thể hợp nhất làm một thì thiên hạ sẽ cùng hợp nhất, làm gì có loạn xảy ra ?"[2].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về một con người thôi, chứ ta không hỏi mọi người trong thiên hạ"[3].

Kỳ Bá đáp : "Ồi ! Một con người nào đó cũng có loạn khí, mọi người trong thiên hạ cũng có loạn nhân, cái lý giữa loạn khí và loạn nhân có thể hợp làm một"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về khí thanh trọc của con người"[5].

Kỳ Bá đáp : "Khí của con người thụ nhận ở cốc khí, đó là trọc, thụ nhận ở Thiên khí, đó là thanh[6]. Khí thanh rót vào Âm, khí trọc rót vào Dương[7]. Khí trọc theo với thanh

để lên trên, xuất ra nơi cổ họng (yết), khí thanh theo với trọc sẽ đi xuống phía dưới[8]. Thanh và trọc can dự vào nhau, gọi là loạn khí"[9].

Hoàng Đế hỏi: "Ồi ! Âm thì thanh, Dương thì trọc, trong trọc có thanh, trong thanh có trọc, làm thế nào để phân biệt được đâu là thanh trọc ?"[10].

Kỳ Bá đáp : "Sự phân biệt đại khái của khí, đó là thanh khí lên trên rót vào Phế, trọc khí chạy xuống đến Vị[11]. Thanh khí của Vị lên trên xuất ra ở miệng, trọc khí của Phế xuống dưới rót vào kinh, bên trong nó tích vào biển"[12].

Hoàng Đế hỏi: "Các kinh Dương đều trọc, nhưng kinh nào là trọc nhất ?"[13].

Kỳ Bá đáp : "Kinh thủ Thái dương một mình thụ nhận trọc khí của Dương, kinh thủ Thái âm một mình thụ nhận thanh khí của Âm[14]. Thanh khí lên trên chạy ra không thiếu, trọc khí đi xuống dưới đến các kinh[15]. Các kinh Âm đều thanh, duy kinh túc Thái âm một mình nhận lấy trọc khí"[16].

Hoàng Đế hỏi: "Phép trị phải thế nào ?"[17].

Kỳ Bá đáp : "Khí của thanh khí thì hoạt (trơn), khí của trọc khí thì sắc rít, đó lẽ thường của khí, cho nên, nếu châm Âm khí thì châm sâu mà lưu kim lâu, nếu châm Dương khí thì châm cạn mà rút kim ra nhanh[18]. Khi nào khí thanh và trọc cùng can dự vào nhau thì tính theo đường số (tùy thuộc vào sự xuất nhập của khí huyết) mà điều hòa"[19].

THIÊN 41: ÂM DƯƠNG HỆ NHẬT NGUYỆT LUẬN

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói Thiên thuộc Dương, Địa thuộc Âm, Nhật thuộc Dương, Nguyệt thuộc Âm, những điều nói trên hợp với con người như thế nào ?"[1].

Kỳ Bá đáp : "Từ thất lưng trở lên thuộc Thiên, từ thất lưng trở xuống thuộc Địa, cho nên Thiên thuộc Dương, Địa thuộc Âm, cho nên 12 kinh mạch của Túc nhằm ứng với 12 nguyệt[2]. Nguyệt sinh ra từ thủy, cho nên bên dưới thuộc Âm, 10 ngón tay thuộc Thủ nhằm ứng với 10 nhật, nhật chủ về Hỏa, cho nên bên trên thuộc Dương"[3].

Hoàng Đế hỏi: "Khi nó hợp với kinh mạch của Thủ Túc thì thế nào ?"[4].

Kỳ Bá đáp : "Tháng Dần là tháng sinh Dương của chính nguyệt (tháng giêng), chủ về Thiếu Dương của tả túc, tháng Vị (mùi) là tháng 6 chủ Thiếu dương của hữu túc, tháng Mão là tháng 2 chủ Thái dương của tả túc, tháng Ngọ là tháng 5 chủ Thái dương của

hữu túc, tháng Thìn là tháng 3 chủ Dương minh của tả túc, tháng Tỵ là tháng 4 chủ Dương minh của hữu túc; đây là lúc lưỡng Dương hợp nhau ở phía trước, vì thế gọi là Dương minh[5].

Tháng Thân là tháng 7 chủ Thiếu âm của hữu túc, đây là tháng sinh Âm, tháng Sửu là tháng 12 chủ Thiếu âm của tả túc, tháng Dậu là tháng 8 chủ Thái âm của hữu túc, tháng Tý là tháng 11 chủ Thái âm của tả túc, tháng Tuất là tháng 9 chủ Quyết âm của hữu túc, tháng Hợi là tháng 10 chủ Quyết âm của tả túc; đây là lưỡng Âm giao ở tận, cho nên gọi là Quyết âm[6].

Giáp chủ Thiếu Dương của tả thủ, Kỷ chủ Thiếu Dương của hữu thủ, Ất chủ Thái dương của tả thủ, Mậu chủ Thái dương của hữu thủ, Bính chủ Dương minh của tả thủ, Đinh chủ Dương minh của hữu thủ, đây là giai đoạn của lưỡng Hỏa cùng hợp chung nhau, cho nên gọi là Dương minh[7].

Canh chủ Thiếu âm của hữu thủ, Quý chủ Thiếu âm của tả thủ, Tân chủ Thái âm của hữu thủ, Nhâm chủ Thái âm của tả thủ [8].

Cho nên Dương của Túc thuộc về Thiếu dương trong Âm, Âm của Túc thuộc về Thái âm trong Âm, Dương của Thủ thuộc Thái dương trong Dương, Âm của Thủ thuộc về Thiếu âm trong Dương[9]. Từ thất lưỡng trở lên thuộc Dương, từ thất lưỡng trở xuống thuộc Âm[10].

... Đối với ngũ tạng, Tâm thuộc Thái Dương trong Dương, Phế thuộc Thiếu âm trong Dương, Can thuộc Thiếu dương trong Âm, Tỳ thuộc Chí âm trong âm, Thận thuộc Thái âm trong Âm"[11].

Hoàng Đế hỏi: “Phép châm trị phải thế nào ?”[12].

Kỳ Bá đáp : “Tháng giêng, tháng 2 và tháng 3, nhân khí tại tả, không nên châm vào Dương khí ở tả túc, tháng 4, tháng 5 và tháng 6, nhân khí ở tại hữu, không nên châm vào Dương khí ở hữu túc, tháng 7, tháng 8, tháng 9, nhân khí ở tại hữu, không nên châm vào Âm khí ở hữu túc, tháng 10, tháng 11, tháng 12, nhân khí ở tại tả, không nên châm vào Âm khí ở tả túc”[13].

Hoàng Đế hỏi: “Trong ngũ hành, đông phương thuộc Giáp Ất Mộc, nó chủ mùa xuân (nó làm cho xuân được vượng), mùa xuân thuộc màu xanh, chủ về Can, Can thuộc Túc

Quyết âm[14]. Nay phu tử lại cho rằng Giáp thuộc Thiếu dương của tả thủ, không hợp với độ số (mà chúng ta đã nói), tại sao vậy ?”[15].

Kỳ Bá đáp : “Đây là Âm Dương của Thiên Địa, nó không phải là sự vận hành của ngũ hành trong tứ thời, vả lại Âm Dương là cái gì hữu danh mà vô hình, cho nên nếu đếm ra thì con số có đến mười, nếu suy ra có đến trăm, tán rộng ra có đến ngàn, suy ra có đến vạn... Đó là ý nghĩa về Âm Dương mà chúng ta vừa bàn đến vậy”[16].

THIÊN 42: BỆNH TRUYỀN

Hoàng Đế hỏi: “Ta đã nhận được ý nghĩa của cứu châm nơi phu tử, nhưng ta có xem riêng các phương trị bệnh, ta thấy có khi phải dẫn dắt để được hành khí, hoặc dùng phép án ma, phép cứu chườm, phép châm biếm, uống thuốc, có thể chọn một trong những phép trên, hay là áp dụng tất cả (cho một người bệnh) ?”[1].

Kỳ Bá đáp : “Khi nói chư phương (các phương) là có ý nói đến phương nào đó dùng cho một số người nào đó, không thể dùng tất cho một người”[2].

Hoàng Đế hỏi: “Đây chính là ý nghĩa mà chúng ta thường nói: hãy giữ lấy cái nhất, đừng để mất đi lẽ biến trong vạn vật, nhờ vậy ta sẽ biết được cái Đạo của vạn vật[3]. Nay ta được nghe về chỗ yếu diệu của Âm Dương, về cái lý hư thực, về những bệnh làm nghiêng ngả con người, về tình trạng bệnh còn ở cận có thể trị được... Ta mong được nghe thêm về sự biến hóa của bệnh, về âm tà truyền vào làm tuyệt bại thân thể đến nỗi không còn trị được nữa, Ta có thể nghe những điều ấy được không ?”[4].

Kỳ Bá đáp : “Ôi ! Câu hỏi về Đạo (y) mới yếu diệu làm sao ! Nó sáng tỏ như tỉnh giấc ban ngày, nó khó khăn như nhắm mắt ban đêm, nó như cái gì mà ta có thể mang lên người, mặc vào người, thần khí nhờ đó mà sinh ra, biểu hiện thành, làm thế nào để đạt được lẽ dưỡng sinh là phải gần liền với Đạo y để thần khí tự giữ được, cái lý sinh ra thần khí, phải được viết ra ghi vào sách vở chứ không thể chỉ truyền lại riêng cho con cháu mình mà thôi”[5].

Hoàng Đế hỏi: “Thế nào gọi là tỉnh giấc ban ngày ?”[6]

Kỳ Bá đáp : “Đây chỉ vào ai rõ được lẽ biến hóa của Âm Dương, như giải được mối nghi hoặc, như vừa tỉnh giấc say rượu”[7].

Hoàng Đế hỏi: “Thế nào gọi là nhắm mắt ban đêm ?”[8].

Kỳ Bá đáp : “Đây chỉ vào người nào như đang câm lặng không nói được gì, mờ mịt như không thấy bóng hình, đưa đến tình trạng làm cho bì mao bị thất điều, làm cho tấu lý khai, làm cho chính khí bị nghiêng ngả, đâm tà như nước vỡ bờ, huyết mạch bị tà khí tràn ngập và truyền vào, đại khí nhập vào tạng, phúc đau lan xuống dưới, khiến cho đến chỗ chết, không thể sống được”[9].

Hoàng Đế hỏi: “Đại khí (tà khí) nhập vào tạng thì diễn biến như thế nào ?”[10].

Kỳ Bá đáp : "Nếu bệnh phát ra ở trước Tâm, sau 1 ngày sẽ truyền đến Phế, sau 3 ngày sẽ truyền đến Can, sau 5 ngày sẽ truyền đến Tỳ, nếu thêm 3 ngày nữa mà bệnh không khỏi thì sẽ chết; Nếu bệnh vào mùa đông thì sẽ chết vào giữa đêm, còn nếu bệnh vào mùa hạ thì sẽ chết vào giữa trưa[11].

Nếu bệnh phát ra trước ở Phế, sau 3 ngày sẽ truyền đến Can, sau 1 ngày nữa sẽ truyền đến Tỳ, sau 5 ngày nữa sẽ truyền đến Vị, nếu thêm 10 ngày nữa mà bệnh không khỏi thì chết; Nếu bệnh vào mùa đông thì sẽ chết vào lúc mặt trời lặn, nếu bệnh vào mùa hạ thì chết lúc mặt trời mọc[12].

Nếu bệnh phát ra trước ở Can, sau 3 ngày nữa sẽ truyền đến Tỳ, sau 5 ngày nữa sẽ truyền đến Vị, sau thêm 3 ngày nữa sẽ truyền đến Thận, nếu thêm 3 ngày nữa mà bệnh không khỏi thì sẽ chết; Nếu bệnh vào mùa đông thì chết lúc mặt trời lặn, nếu bệnh vào mùa hạ thì chết vào lúc ăn sáng[13].

Nếu bệnh phát ra trước ở Tỳ, sau 1 ngày sẽ truyền đến Vị, sau 2 ngày sẽ truyền đến Thận, sau 3 ngày sẽ truyền đến vùng thịt 2 bên cột sống, thuộc Bàng quang kinh, nếu thêm 10 ngày nữa mà bệnh không khỏi thì sẽ chết; Nếu bệnh ở mùa đông sẽ chết vào giờ mà nhân khí ổn định nhất, nếu bệnh vào mùa hạ thì sẽ chết vào lúc ăn trưa[14].

Nếu bệnh phát ra trước ở Vị, sau 5 ngày sẽ truyền đến Thận, thêm 3 ngày nữa sẽ truyền đến vùng thịt 2 bên cột sống, thuộc Bàng quang kinh, thêm 5 ngày nữa sẽ truyền đến Tâm, nếu thêm 2 ngày nữa mà bệnh không khỏi thì sẽ chết. Nếu bệnh ở mùa đông, sẽ chết vào nửa đêm, nếu bệnh vào mùa hạ, sẽ chết vào xế chiều[15].

Nếu bệnh phát ra trước ở Thận, sau 3 ngày nữa sẽ truyền đến vùng thịt 2 bên cột sống, thuộc Bàng quang kinh, thêm 3 ngày nữa sẽ truyền lên đến Tâm, thêm 3 ngày nữa sẽ truyền đến Tiểu trường, nếu thêm 3 ngày nữa mà không khỏi bệnh thì sẽ chết;

Nếu bệnh vào mùa đông thì sẽ chết vào lúc vừa sáng, nếu bệnh vào mùa hạ thì sẽ chết vào quá trưa[16].

Nếu bệnh phát ra trước ở Bàng quang, sau 5 ngày sẽ truyền đến Thận, thêm 1 ngày nữa sẽ truyền đến Tiểu trường, thêm 1 ngày nữa sẽ truyền đến Tâm, nếu thêm 2 ngày nữa mà bệnh không khỏi thì sẽ chết; Nếu bệnh vào mùa đông thì sẽ chết vào lúc gà gáy, bệnh vào mùa hạ thì sẽ chết vào lúc quá trưa[17].

Các bệnh cứ theo thứ tự để truyền cho nhau như thế, tất cả đều theo đúng với tứ kỳ (thời) để chết, không thể chậm trễ trị được[18]. Nếu bệnh mà truyền theo con đường gián 1 tạng hoặc gián 2, 3, 4 tạng thì có thể chậm trễ trị được"[19].

THIÊN 43: DÂM TÀ PHÁT MỘNG

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về tà khí tràn ngập, mở rộng"[1].

Kỳ Bá đáp : "Chính tà đi từ ngoài để tấn công vào trong, nhưng chưa có nơi ổn định, ngược lại nó sẽ tràn ngập vào trong tạng và cũng không thể có chỗ ở yên định, nó cùng đi theo với khí doanh vệ rồi lại bay bổng theo với hồn và phách, nó sẽ làm cho con người nằm không yên và thường hay nằm mộng[2]. Nếu khí tràn ngập vào phủ thì bên ngoài sẽ hữu dư, bên trong lại bất túc[3]. Nếu khí tràn ngập vào tạng thì bên trong sẽ hữu dư bên ngoài lại bất túc"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Vấn đề khí hữu dư và bất túc có biểu hiện ra hình dạng gì không?"[5].

Kỳ Bá đáp : "Khi nào Âm khí thịnh thì ta thấy mộng đang lội qua sông lớn, và hay sợ sệt[6]. Khi nào Dương khí thịnh thì mộng thấy lửa cháy lớn, như đang bị đốt nướng[7]. Khi nào Âm và Dương đều thịnh thì sẽ mộng thấy cùng chém giết nhau[8] . Khi nào bên trên bị thịnh thì sẽ mộng thấy bay lên, khi nào bên dưới bị thịnh thì sẽ mộng thấy té rơi xuống[9]. Khi nào đói nhiều thì sẽ mộng thấy hay chiếm lấy, khi nào no quá sẽ mộng thấy hay ban cho[10]. Can khí thịnh thì sẽ mộng thấy hay giận[11]. Phế khí thịnh thì sẽ mộng thấy sợ sệt, hay khóc, bay bổng lên[12]. Tâm khí thịnh thì sẽ mộng thấy hay cười, sợ sệt[13] . Tỳ khí thịnh thì sẽ mộng thấy mình ca hát, thân thể nặng nề không cử động được[14]. Thận khí thịnh thì sẽ mộng thấy thất lưng và cột sống bị tách đôi ra không dính vào nhau nữa[15]. Phàm tất cả 12 trường hợp khí thịnh như nói trên, khi nó đến, nên châm tả, sẽ hết bệnh ngay"[16]. Quyết khí ở khách nơi Tâm sẽ mộng thấy gò núi, khói lửa[17] ; ở khách tại Phế sẽ mộng thấy bay bổng lên, thấy những vật kỳ lạ về

đồ kim khí, sắt thép[18]; ở khách tại Can sẽ mộng thấy núi rừng, cây cỏ[19]; ở khách tại Tỳ sẽ mộng thấy gò đồi, ao lớn, mưa gió, nhà cửa hư sập[20]; ở khách tại Thận sẽ mộng thấy đi xuống vực sâu, bị chìm đắm trong dòng nước[21]; ở khách tại Bàng quang sẽ bị chứng mộng du (hành)[22]; ở khách tại Vị sẽ mộng thấy ăn uống[23]; ở khách tại Đại trường sẽ mộng thấy đi trên những cánh đồng hoang[24]; ở khách tại Tiểu trường sẽ mộng thấy ở chung trong những nơi ấp thôn, và đi trên những con đường rộng thông nhau[25]; ở khách tại Đờm sẽ mộng thấy đánh nhau, kiện tụng, tự mổ bụng[26]; ở khách tại bộ phận sinh dục sẽ mộng thấy giao hợp[27]; ở khách ở cổ gáy sẽ mộng thấy bị chặt đầu[28]; ở khách tại cẳng chân sẽ mộng thấy bước đi mà không tiến tới trước được và đang ở trong hang sâu trong lòng đất[29]; ở khách tại đùi về sẽ mộng thấy quỳ lạy làm lễ tiết[30]; ở khách tại bọng đái và Đại trường sẽ mộng thấy đi tiểu và đi tiêu[31]. Phạm 15 vùng bất túc, nếu giấc mộng đến, nên dùng phép bổ để châm thì sẽ khỏi bệnh ngay"[32].

THIÊN 44: THUẬN KHÍ NHẤT NHẬT PHÂN VI TỨ THỜI

Hoàng Đế hỏi: "Ôi ! Trăm bệnh bắt đầu sinh ra, đều khởi lên ở các khí Táo Thấp Hàn Thử Phong Vũ, Âm Dương, vui mừng, giận dữ, ăn uống, cư xử, các khí hợp lại để biểu hiện ra hình dáng, khi gây bệnh ở tạng nào đều có tên gọi[1]. Những điều nói trên, ta đều biết cả rồi, nhưng có một điều là trăm bệnh xảy ra đa số đều theo lẽ đoán huệ (sớm) thì dễ chịu, trú an (sáng vẫn an lành), tịch gia (chiều đến thì tăng lên), dạ thậm (giữa đêm thì nặng hơn), Tại sao thế ?"[2]

Kỳ Bá đáp : "Đó là do khí của tứ thời (bốn mùa) đã khiến như vậy"[3].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về khí của tứ thời"[4].

Kỳ Bá đáp : "Mùa xuân Sinh, mùa hạ Trưởng, mùa thu Thâu, mùa đông Tàng, đó là lẽ thường của khí, (khí) của con người cũng ứng theo lẽ đó[5]. Vì mỗi ngày cũng phân làm tứ thời: buổi sáng thuộc mùa xuân, giữa trưa thuộc mùa hạ, mặt trời lặn thuộc mùa thu, dạ nửa đêm thuộc mùa đông[6]. Buổi sáng là lúc nhân khí (Dương khí) bắt đầu sinh, bệnh khí đang suy, cho nên gọi là huệ; buổi trưa là lúc nhân khí Trưởng, mà nhân khí đang Trưởng, nó sẽ thắng tà khí, cho nên gọi là an; buổi chiều tối là lúc nhân khí bắt đầu suy, tà khí bắt đầu sinh, cho nên gọi là gia; lúc nửa đêm, nhân khí nhập vào trong để tàng, chỉ còn tà khí ở một mình bên ngoài thân, cho nên gọi là thậm"[7].

Hoàng Đế hỏi: "Vấn đề ứng với thời kỳ này có khi nghịch lại, tại sao ?"[8].

Kỳ Bá đáp : “Đây là trường hợp không ứng với khí của tứ thời, mỗi tạng 1 mình chủ lấy bệnh của mình, vì thế xem tạng khí nào không thắng thời thì bệnh nặng, và xem tạng khí nào thắng thời thì khỏi”[9].

Hoàng Đế hỏi: “Phép trị phải thế nào ?”[10].

Kỳ Bá đáp : “Nếu thuận với thời của Thiên thì bệnh có thể trị đúng lúc, người thầy nào trị theo lẽ thuận được gọi là khéo, người nào trị theo lẽ nghịch gọi là vụng về”[11].

Hoàng Đế nói: “Đúng vậy !”[12].

Hoàng Đế hỏi: “Ta nghe nói phép châm có ngũ biến để chủ cho ngũ du huyết, Ta mong được nghe về con số ngũ biến ấy”[13].

Kỳ Bá đáp : “Con người có ngũ tạng, ngũ tạng có ngũ biến, ngũ biến có ngũ du, cho nên ngũ ngũ thành nhĩ thập ngũ du, nhằm ứng với ngũ thời !”[14].

Hoàng Đế hỏi: “Ta mong được nghe về ngũ biến”[15].

Kỳ Bá đáp : “Can thuộc mẫu tạng (tạng đực), Dương, sắc của nó xanh, thời của nó là mùa xuân, âm của nó là giốc, vị của nó chua, nhật của nó là Giáp Ất[16]. Tâm thuộc mẫu tạng, sắc của nó đỏ, thời của nó là mùa hạ, nhật của nó là Bính Đinh, âm của nó là chủy, vị của nó đắng[17]. Tỳ thuộc tảo tạng (tạng cái), Âm, sắc của nó vàng, thời của nó là trưởng hạ, nhật của nó là Mậu Kỷ, âm của nó là cung, vị của nó ngọt[18]. Phế thuộc tảo tạng (tạng cái), sắc của nó trắng, âm của nó thương, thời của nó là mùa thu, nhật của nó là Canh Tân, vị của nó cay[19]. Thận thuộc tảo tạng, sắc của nó đen, thời của nó là mùa đông, nhật của nó là Nhâm Quý, âm của nó là vũ, vị của nó mặn; ta gọi đây là ngũ biến”[20].

Hoàng Đế hỏi: “Vấn đề chủ ngũ du như thế nào ?”[21].

Kỳ Bá đáp : “Tạng chủ mùa đông, mùa đông châm huyết Tĩnh; sắc chủ mùa xuân, mùa xuân châm huyết Huỳnh; thời chủ mùa hạ, mùa hạ châm huyết Du; âm chủ mùa trưởng hạ, mùa trưởng hạ châm huyết Kinh; vị chủ mùa thu, mùa thu châm huyết Hợp; đây là ngũ biến làm chủ ngũ du huyết”[22].

Hoàng Đế hỏi: “Các huyết Nguyên hợp với huyết nào và nó ứng gì đến lục du ?”[23].

Kỳ Bá đáp : “Chỉ riêng có huyết Nguyên là không ứng với ngũ thời, nó hợp với huyết Kinh để ứng với con số lục du, Cho nên lục lục là tam thập huyết lục du ?”[24].

Hoàng Đế hỏi: “Thế nào gọi là tạng chủ mùa đông, thời chủ mùa hạ, âm chủ mùa trưởng hạ, vị chủ mùa thu, sắc chủ mùa xuân, Ta mong được nghe về nguyên nhân ấy”[25].

Kỳ Bá đáp : “Bệnh ở tại tạng: châm huyết Tĩnh; Bệnh biến ở sắc: châm huyết Huỳnh; Bệnh lúc ngưng lúc nặng: châm huyết Du; Bệnh có thay đổi ở âm thanh: châm huyết Kinh; Kinh mạch bị mẫn vì huyết, đó là bệnh ở Vị, cùng với chứng bệnh do ăn uống không điều tiết: châm huyết Hợp[26]. Đó là lý do tại sao ta gọi vị chủ huyết Hợp, đây là ngũ biến vậy”.

THIÊN 45: NGOẠI SỬ

Hoàng Đế hỏi: “Ta đã nghe nói về 9 thiên của Cửu châm, ta đã tự nắm được những pháp độ của nó, ta cũng đã nắm rất đầy đủ về ý nghĩa của nó, Ôi ! Cửu châm bắt đầu ở nhất mà chấm dứt ở cửu[1]. Tuy nhiên, ta vẫn chưa hiểu được cái đạo quan yếu của nó. Ôi ! Chín loại kim này, nếu nhỏ thì nó nhỏ cho đến nỗi không gì có thể nhỏ hơn bên trong nó, nếu to thì nó to cho đến nỗi không gì có thể to hơn bên ngoài nó, nếu sâu thì nó sâu cho đến nỗi không gì có thể sâu hơn bên dưới nó, nếu cao thì nó cao cho đến nỗi không gì có thể cao hơn trên đỉnh nó, nó biểu hiện được trạng thái hoảng hốt vô cùng, nó hiện diện tràn ngập đến nơi không bờ bến[2]. Ta biết rằng nó hợp với sự biến hóa của Thiên Đạo, của nhân sự, của tứ thời, tuy nhiên, ta muốn gom nó lại, cột nó lại như những sợi lông mao để rồi nó sẽ thành 1 thể nhất được không ?”[3].

Kỳ Bá đáp : “Thật là 1 câu hỏi hết sức sáng suốt, đây không phải chỉ là cái Đạo của những cây kim châm mà thôi[4]. Ôi ! Cái Đạo trị quốc cũng như thế”[5].

Hoàng Đế nói: “Ta mong được nghe về cái Đạo của những cây kim chứ không phải về vấn đề quốc sự”[6].

Kỳ Bá đáp : “Ôi ! Vấn đề trị quốc cũng chỉ là cái Đạo mà thôi, nếu không dùng Đạo thì làm sao có thể tập hợp tất cả những gì nhỏ nhất, lớn nhất, sâu nhất và cạn nhất vào cái nhất được ?”[7].

Hoàng Đế đáp: “Mặt trời và mặt trăng đấy ! Mặt nước và mặt gương đấy ! Ôi ! Ánh sáng của mặt trời và mặt trăng không làm mất cái ảnh của mình, sự quan sát trên mặt

nước và mặt gương không làm mất cái hình của mình, sự ứng của cái trống và tiếng vang không làm sai lệch âm thanh mình; Khi có dao động là có ứng và có họa, luôn luôn bộc lộ được cái tình của nó”[8].

Hoàng Đế hỏi: “Thật là hoàn chỉnh thay ! Đây là ánh sáng rực rỡ không thể che dấu được; cái không thể che dấu đó không mất đi lễ Âm Dương tham hợp, lễ (Âm Dương) để xét rõ hơn, từ lễ thiết yếu của Âm Dương để nghiệm chứng, thấy được lễ Âm Dương để biết được, như ta đang nhìn vào mặt nước trong, nhìn vào mặt gương sáng, không mất đi hình dáng của nó[9]. Ngũ âm không vang rõ, ngũ sắc không sáng rõ, ngũ tạng bị dao động (không an), như vậy tức là ngoại và nội không cùng nối tiếp nhau[10]. Nếu tiếng trống ứng với dùi trống, tiếng vang ứng với âm thanh phát ra, ảnh giống với hình, do đó, từ xa ta có thể nắm được bên ngoài để suy đoán bên trong, từ chỗ gần ta có thể nắm được bên trong để suy đoán bên ngoài, ta gọi đây là chỗ cực vi diệu của Âm Dương, là chỗ cao nhất của Thiên địa vậy[11]. Nay xin tâng giữ nơi phòng Linh Lan, không dám để lọt ra ngoài vậy”[12].

Y học cổ truyền LINH KHU Part 9



THIÊN 46: NGŨ BIẾN

Hoàng Đế hỏi Thiệu Du: “Ta nghe rằng trăm bệnh xảy ra, ắt phải sinh ra từ khí Phong, Vu, Hàn, Thử, chúng đi dọc theo lớp lông hào mao để nhập vào đến tấu lý rồi hoặc quay trở ra, hoặc lưu lại, hoặc thành chứng Phong thũng, mồ hôi xuất ra, hoặc thành chứng Tiêu đơn, hoặc thành chứng Hàn nhiệt, hoặc thành chứng Lưu tý, hoặc thành chứng Tích tụ, kỳ tà tràn ngập nhiều không kể xiết[1]. Ta mong được nghe về nguyên nhân nào đã khiến nên như thế ? [2]Ồi ! Cũng đồng thời bị bệnh, hoặc bệnh như thế này, hoặc bệnh như thế kia[3]. Có ý cho rằng chính Trời đã sinh ra Phong tà dành cho con người ư ? Vấn đề khác nhau thế nào ?”[4].

Thiệu Du đáp: “Ồi ! Phong khí của Trời không sinh ra riêng cho trăm họ[5]. Sự vận hành của nó rất công bình, chính trực[6]. Người nào phạm đến mới bị bệnh (còn) người nào khéo tránh thì không bị hại gì[7]. Nó không cần gì ở người, chỉ có con người tự phạm phải nó mà thôi”[8].

Hoàng Đế hỏi: “Trong 1 lúc nào đó bị ngộ độc bởi Phong tà, đồng thời bị bệnh, nhưng bệnh lại xảy ra 1 cách khác nhau, Ta mong được nghe về nguyên nhân đó”[9].

Thiệu Du đáp: “Câu hỏi đúng vậy thay ! Thần xin lý luận với sự so sánh với công việc của người thợ[10]. Người thợ mài búa rìu, mài dao, gọt đẽo cây gỗ, cành thân da thịt của gỗ cây còn có sự khác nhau về cứng và mềm[11]. Phần cứng thì khó chạm vào, phần mềm thì da nó nhũn, khi đến phần giao nhau giữa nhánh và thân, nó sẽ làm khuyết mẻ cái búa cái rìu[12]. Trong mỗi thân cây thì phần cứng và phần mềm cũng khác nhau, phần cứng thì rắn chắc, phần mềm thì dễ bị chạm vào, hướng chỉ sự khác nhau trong thân cây, khác nhau giữa sự dày mỏng của da, khác nhau giữa chất trấp ít hay nhiều, tất cả đều khác nhau[13]. Ồi ! Có những loại cây ra hoa sớm, mọc lá sớm, có khi gặp phải sương của mùa xuân, gió ác liệt thì hoa cũng sẽ rụng, lá cũng bị héo[14]. Nếu bị phơi nắng lâu, bị đại hạn thì các loại cây mềm, da mỏng sẽ bị héo cành, bết nhựa và héo lá[15]. Nếu bị mưa lâu, trời âm u, các loại cây da mỏng, nhiều nhựa, sẽ bị mềm da và kiệt dần[16]. Nếu gặp gió to thổi mạnh thành linh thì các loại cây thân cứng cáp cành lá sẽ bị gãy, bị tổn hại nhanh chóng[17]. Nếu gặp sương mùa thu hoặc gió thổi nhanh thì các thân cây cứng cáp sẽ bị lung lay rễ và rụng lá[18]. Phàm trong 5 trường hợp nói trên, mỗi loại cây đều có cách bị hủy thương khác nhau, hướng chỉ là con người ! ”[19].

Hoàng Đế hỏi: “Người ứng với cây như thế nào ?”[20].

Thiếu Du đáp: “Cây gỗ khi bị thương, đều bị thương ở cành lá, sự cứng mềm của cành (dễ bị thương), còn phần rắn chắc của cây chưa bị thương[21]. Con người thường bị bệnh đều do ở sự kiên thiếu cố của xương khớp (cốt tiết), của bì phu, của tấu lý, do đó mà tà khí đến tạm trú, cho nên thường gây nên bệnh”[22].

Hoàng Đế hỏi: “Có người thường bị bệnh Phong quyết, mồ hôi chảy đầm đìa, chứng bệnh này được biểu hiện như thế nào ?”[23].

Thiếu Du đáp: “Cơ nhục không rắn chắc, tấu lý hờ thì sẽ dễ bị bệnh Phong”[24].

Hoàng Đế hỏi: “Dựa vào sự biểu hiện nào để biết cơ nhục không rắn chắc ?”[25].

Thiếu Du đáp: “Khối cơ nhục ở kheo chân không rắn chắc và không có phận lý, lý có nghĩa là vùng da bị nhăn nheo, da bị nhăn nheo thì tấu lý bị thừa hờ, ta gọi đây là hình dáng phẳng trơn vậy”[26].

Hoàng Đế hỏi: “Có người bị chứng bệnh Tiêu đơn, bệnh này biểu hiện ra như thế nào ?”[27].

Thiếu Du đáp: “Khi ngũ tạng bị nhu nhược thì hay bị bệnh Tiêu đơn”[28].

Hoàng Đế hỏi: “Làm thế nào để biết được ngũ tạng là nhu nhược ?”[29].

Thiếu Du đáp: “Khi nói đến nhu nhược ắt phải có cương cường, cương cường thì hay giận (nộ) nhiều, nhu nhược thì dễ bị làm thương”[30].

Hoàng Đế hỏi: “Dựa vào sự biểu hiện nào để biết nhu nhược và cương cường ?”[31].

Thiếu Du đáp: “Những người này thường có làn da mỏng, nhưng vùng mắt cứng chắc mà sâu, khí của họ làm cho đôi mày thẳng, đôi mắt nhìn xa[32]. Tâm khí họ cứng rắn, mà cứng rắn thì hay giận dữ, giận lên thì khí sẽ nghịch lên trên làm cho lồng ngực bị súc tích, huyết khí bị nghịch và lưu lại tán rộng ra làn da, sung vào cơ nhục, huyết mạch không còn lưu hành, chuyển sang bị nhiệt, mà nhiệt sẽ làm tiêu hao cơ nhục và bì phu, gây thành chứng Tiêu đơn[33]. Đây nói về những người nóng dữ, cứng rắn và cơ nhục nhược vậy”[34].

Hoàng Đế hỏi: “Người ta thường hay bị bệnh Hàn nhiệt, lấy gì để biểu hiện được chứng bệnh này ?”[35].

Thiếu Du đáp: “Người nào mà xương nhỏ, thịt mềm thì thường hay bị bệnh Hàn nhiệt”[36].

Hoàng Đế hỏi: “Lấy gì để biểu hiện được sự lớn nhỏ của xương, được sự cứng mềm củathịt, được sự bất nhất của sắc (diện) ?”[37].

Thiếu Du đáp: “Quyền cốt (xương gò má) là cái gốc của xương (trong người): khi mà quyền cốt to thì xương to, quyền cốt nhỏ thì xương nhỏ, bì phu mỏng mà khối thịt ở mông không có, bắp tay yếu mềm[38]. Sắc ở vùng Địa các rất xấu, không đồng sắc với vùng Thiên đình, nghĩa là màu sắc dơ bẩn khác với Thiên đình, đó là những biểu hiện của bệnh này[39]. Sau đó nếu da ở bắp tay mỏng, đó là tủy không đầy, vì thế thường hay bị bệnh Hàn nhiệt”[40].

Hoàng Đế hỏi: “Lấy gì để biểu hiện được 1 người thường bị bệnh Tý ?”[41].

Thiếu Du đáp: “Nếu người mà những nếp nhăn nheo không kín đáo và bắp thịt không cứng rắn thì thường hay bị bệnh Tý”[42].

Hoàng Đế hỏi: “Bộ vị của chứng Tý có định vùng cao thấp hay không ?”[43].

Thiếu Du đáp: “Muốn biết được sự cao thấp, nên xem rõ bộ vị của nó”[44].

Hoàng Đế hỏi: “Có người thường hay bị bệnh Trường trung tích tụ, lấy gì để biểu hiện chứng bệnh này ?”[45].

Thiếu Du đáp: “Bì phu mỏng mà không tươi nhuận, bắp thịt không rắn chắc và mềm nhão, như vậy là Trường Vị bị ngăn, bị ngăn thì tà khí bị lưu trệ, ngưng trệ thành tích tụ và làm thương đến Tỳ Vị[46]. Trong khoảng Tỳ Vị, nếu bị những khí ẩm lạnh không điều hòa thì tà khí sẽ đến để làm cho bị súc tích ngưng trệ, thế nào khí đại tụ sẽ khởi lên”[47].

Hoàng Đế hỏi: “Ta nghe nói về bệnh hình, và ta cũng đã hiểu rồi, Ta mong được nghe về cái thời của nó”[48].

Thiếu Du đáp: “Trước hết phải lập ra vấn đề niên để biết được vấn đề thời[49]. Thời mà khí vượng cao thì khỏi bệnh, thời mà khí suy khắc thì bệnh sẽ nguy[50]. Tuy chưa bị hãm hạ, nhưng năm ấy vận khí có thông được ra ngoài, thì bệnh ắt khỏi, đây gọi là nhân vào hình mà sinh ra bệnh, đây là ý nghĩa của ngũ biến vậy” [51].

THIÊN 47: BẢN TẠNG

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: “Huyết, khí, tinh, thần của con người là nhằm phụng cho sự sống và chu hành tròn vẹn cho tính và mệnh[1]. Kinh mạch là nhằm vận hành cho huyết khí, mở rộng cho Âm Dương, làm trơn nhuận cho cân cốt, làm thông lợi cho các khớp xương[2]. Vệ khí là nhằm làm ấm cho vùng phận nhục, làm sung cho vùng bì phu, làm đạt cho tấu lý, làm chủ cho sự đóng mở [3]. Chí ý là nhằm gìn giữ được tinh thần, thu được hồn phách, thích ứng được với ấm lạnh, điều hòa được sự vui giận[4]. Cho nên khí huyết được hòa thì kinh mạch được lưu hành, mở rộng và gìn giữ được Âm Dương, cân cốt được rắn chắc, các quan tiết (khớp xương) được thanh lợi[5]. Khi vệ khí được hòa thì vùng phận nhục được giải và được thông lợi, bì phu được điều hòa và mềm mại, tấu lý được kín đáo[6]. Khi chí ý được hòa thì tinh thần được chuyên nhất và chính trực, hồn phách không bị tán, hối hận và nộ khí không bị xảy ra, do đó mà ngũ tạng không bị thọ tà[7]. Khi sự ấm lạnh được hòa thì lục phủ hóa được cốc khí, chứng Phong tý không phát tác, kinh mạch được thông lợi, tay chân và các khớp xương được an lành vậy[8]. Đây là nói về trường hợp thường bình của con người[9].

Ngũ tạng có nhiệm vụ tàng giữ tinh thần, huyết khí, hồn phách[10]. Lục phủ có nhiệm vụ tiêu hóa thủy cốc, vận hành tân dịch[11]. Đây là nói về con người nhận được đầy đủ khí của Thiên, không phân biệt kẻ ngu, bậc trí, bậc hiền, kẻ bất hiếu[12]. Tuy nhiên, có những người riêng mình hưởng được tuổi thọ của Trời mà không bao giờ bị bệnh bởi tà khí bên ngoài, trăm tuổi cũng không suy yếu[13]. Tuy rằng họ có phạm phải khí Phong vũ, lạnh cảm, nóng bức, tất cả vẫn không làm hại được đến họ[14]. Cũng có những người, tuy chưa bao giờ rời khỏi sự che chở của màn che, sáo phủ, chưa bao giờ phải lo sợ bởi những điều lo lắng, suy nghĩ, vậy mà họ không tránh được bệnh, tại sao vậy ? Ta mong được nghe về những nguyên nhân ấy”[15].

Kỳ Bá đáp : "Thật là 1 câu hỏi đầy hiểm hóc ! Ngũ tạng có nhiệm vụ tham với Thiên Địa, phối với Âm Dương để mà thống với tứ thời, hóa với ngũ tiết, vì thế cho nên ngũ tạng có dạng Tiểu, Đại, Cao, Hạ, Kiên Thúc, Đoan Chính, Thiên Khuynh[16]. Lục phủ cũng có dạng Tiểu, Đại, Trường, Đoản, Hậu, Bạc, Kết, Trục, Hoãn, Cấp, tất cả 25 dạng trên, mỗi dạng đều không đồng nhau, có khi thiện, có khi ác, có khi cát, có khi hung[17]. Nay xin nói về phương hướng của nó: Tâm Tiểu thì được an, tà khí không làm cho thương được, nhưng dễ bị làm thương bởi ưu (lo lắng)[18]; Tâm Đại thì sự lo lắng không làm cho thương được, nhưng lại dễ bị thương bởi tà khí[19]; Tâm Cao thì dễ bị tràn đầy lên đến giữa Phế, hay bứt rứt và dễ quên, khó mở miệng để nói[20]; Tâm Kiên (rắn) thì tạng được an, gìn giữ vững chắc[21]; Tâm Thúc (mềm) thì dễ bị bệnh Tiêu

đơn, nhiệt bên trong[21]; Tâm Đao chính (ngay thẳng) thì được hòa lợi, khó bị thương[22]; Tâm Thiên khuynh (ngiên lệch) thì sự nắm giữ bất nhất, không có gì để gìn giữ và nắm giữ[23].

Phế Tiểu thì ít uống, không bị bệnh suyễn khò khè[24]; Phế Đại thì uống nhiều, dễ bị bệnh Hung tý và Hầu tý, nghịch khí[25]; Phế Cao thì khí bị xung lên, phải rút vai lại lấy hơi thở để ho[26]; Phế Hạ tức là Phế nằm thấp xuống vùng bí môn của Vị hoãn và vùng này luôn bức bách Phế, thường hay đau vùng dưới hông sườn[27]; Phế Kiên thì sẽ không bị bệnh ho mà khí xung lên[28]; Phế Thùy (mềm) thì sẽ bị bệnh Tiêu đơn dễ bị thương[29]; Phế Đao chính thì hòa lợi, khó bị thương[30]; Phế nghiêng lệch thì vùng ngực bị đau nghiêng 1 bên[31].

Can Tiểu thì tạng được an, không bị bệnh ở vùng dưới hông sườn[32]; Can Đại nó sẽ bức đến Vị mà bên trên bức đến cổ họng, như vậy nó sẽ làm đau vùng trên cách mạc, đồng thời còn làm cho đau dưới hông sườn[33]; Can Cao sẽ chống vào vùng bí môn, và bức sát vào vùng hông sườn, bứt rứt, thở mạnh[34]; Can Hạ sẽ bức đến Vị, dưới hông sườn bị rỗng, dưới hông sườn bị rỗng thì dễ thọ lấy tà khí[35]; Can Kiên thì tạng được an, khó bị thương[36]; Can Thúy (mềm) thì sẽ dễ bị bệnh Tiêu đơn, dễ bị thương[37]; Can Đao chính thì được hòa lợi, khó bị thương[36]; Can nghiêng lệch thì dưới hông sườn bị đau[37].

Tỳ Tiểu thì tạng được an, khó bị thương bởi tà khí[38]; Tỳ Đại thì sẽ bị đau ở vùng thịt mềm dưới hông sườn, không đi nhanh được[39]; Tỳ Cao sẽ bị đau từ vùng thịt mềm dẫn đến dưới bờ sườn cụt[40]; Tỳ Hạ sẽ đau vùng dưới dẫn đến Đại trường, đau vùng Đại trường thì tạng sẽ nặng vì thọ tà[41]; Tỳ Kiên thì tạng sẽ an, khó bị thương[42]; Tỳ mềm ắt sẽ dễ bị bệnh Tiêu đơn dễ bị thương[43]; Tỳ Đao chính thì hòa lợi, khó bị thương[44]; Tỳ nghiêng lệch ắt dễ bị đầy, bị trướng[45].

Thận Tiểu thì tạng được an, khó bị thương[46]; Thận Đại thì dễ bệnh đau thất lưng, không thể cúi ngửa, dễ bị thương bởi tà khí[47]; Thận Cao thì dễ bị đau vùng thịt 2 bên cột sống lưng, không cúi ngửa được[48]; Thận Hạ thì thất lưng và xương cùng cột sống bị đau nhức, không cúi ngửa được, thành chứng Hồ sán[49]; Thận Kiên (rắn) thì bệnh thất lưng và lưng bị đau nhức, Thận Mềm thì bị khổ vì bệnh tiêu đơn, bị thương[50]; Thận nghiêng lệch thì dễ bị đau vùng thất lưng và xương cùng[51]. Phạm 25 loại biến này là những trường hợp mà con người thường bị khổ vì bệnh"[52].

Hoàng Đế hỏi: "Lấy gì để biết được những điều nói trên"[53].

Kỳ Bá đáp : "Người nào sắc diện đỏ, nếp của cơ nhục mịn chắc, đó là Tâm nhỏ[54]; nếp của cơ nhục thô và lỏng lẻo, đó là Tâm lớn[55]; không thấy miếng xương che dưới ngực, đó là Tâm ở cao[56], xương che ngực nhỏ mà ngắn lồi lên, đó là Tâm ở thấp[56], xương che ngực dài, đó là dưới Tâm cứng[57], xương che ngực yếu mà nhỏ mỏng, đó là Tâm mềm[58], xương che ngực đi thẳng xuống không lồi lên, đó là Tâm đoan chính[59], xương che ngực lồi lên 1 bên, đó là Tâm nghiêng lệch[60].

Người nào sắc diện trắng, nếp cơ nhục mịn chắc, đó là Phế nhỏ[61], nếp cơ nhục thô và lỏng lẻo, đó là Phế lớn[62], vai to, ngực lồi, cổ họng lõm vào, đó là Phế cao[63], nách teo lại, hông sườn nở ra, đó là Phế ở thấp[64], vai rộng lưng dày, đó là Phế đoan chính[65], xương sườn nghiêng lệch, thừa ra, đó là Phế nghiêng lệch[66].

Người nào sắc diện xanh, nếp cơ nhục mịn chắc, đó là Can nhỏ[67], nếp cơ nhục thô và lỏng lẻo, đó là Can lớn[68], vùng ngực rộng, xương sườn cao mà trướng lên, đó là Can ở cao[69], xương sườn kín mà ấn xuống, đó là Can ở thấp[70], ngực và hông sườn hợp tốt nhau, đó là Can xướng[71], xương sườn yếu, đó là Can mềm[72], ngực và bụng liền nhau, tương đắc nhau, đó là Can đoan chính[73], xương sườn lệch và gồ lên, đó là Can nghiêng lệch[74].

Người nào sắc diện vàng, nếp của cơ nhục mịn chắc, đó là Tỳ nhỏ[75], nếp của cơ nhục thô và lỏng lẻo, đó là Tỳ lớn[76], môi bị lệch lên, đó là Tỳ ở cao[77], môi trệ thấp xuống, buông lơi, đó là Tỳ ở thấp[78], môi cứng, đó là Tỳ cứng[79], môi lớn mà không cứng, đó là Tỳ mềm[80], đôi môi lên xuống đều đặn, đó là Tỳ đoan chính[81], môi lật lệch lên, đó là Tỳ nghiêng lệch[82].

Người nào sắc diện đen, nếp của cơ nhục mịn chắc, đó là Thận nhỏ[83], nếp của cơ nhục thô và lỏng lẻo, đó là Thận lớn[84], đôi tai cao lên, đó là Thận ở cao[85], đôi tai phía sau bị lõm vào, đó là Thận ở thấp[86], đôi tai cứng, đó là Thận cứng[87], đôi tai mỏng mà không cứng, đó là Thận mềm[88], đôi tai đẹp vành nằm trước quai hàm, đó là Thận đoan chính[89], đôi tai đặc biệt cao nhô lên, đó là Thận nghiêng lệch[90].

Phàm các trường hợp biến đổi như đã nói trên, nếu chúng ta biết khéo léo trong việc gìn giữ (mỗi đặc thù của mỗi biến đổi) thì ta sẽ được bình an, nếu chúng ta bỏ đi, không chú ý thì sẽ bị bệnh vậy"[91].

Hoàng Đế hỏi: "Thầy nói rất hay ! Thế nhưng tất cả những gì mà thầy trả lời cho ta trên đây đều không phải là nội dung mà ta muốn hỏi, ta mong được nghe tại sao có

những người không bao giờ bị bệnh, sống trọn tuổi trời, mặc dù có khi họ lo lắng thái quá, sợ sệt thái quá, tất cả đều không thể làm cảm được đến họ; hoặc trời lạnh buốt, trời nóng bức cũng không làm thương được đến họ; Lại cũng có những không bao giờ rời khỏi cảnh màn che sáo phủ, lại cũng không bị cảnh sợ sệt gì, vậy mà họ vẫn không tránh khỏi bị bệnh, tại sao thế ? Ta mong được nghe về những nguyên do đã khiến nên như thế ?”[92].

Kỳ Bá đáp : "Ngũ tạng lục phủ là nơi trú ẩn của tà khí, nay thần xin nói về nguyên do[93]. Nếu ngũ tạng đều nhỏ thì sẽ ít bị bệnh hay bứt rứt ở Tâm và ít bị những ưu sầu to lớn[94], nếu ngũ tạng đều lớn thì đối với mọi việc đều thư thả, khó làm cho họ phải lo âu[95], nếu ngũ tạng đều cao, họ sẽ thích làm việc ở cao, nâng cao mọi việc lên[96], nếu ngũ tạng đều thấp, họ chỉ thích xuất hiện bên dưới người khác[97], nếu ngũ tạng đều cứng, họ sẽ không bị bệnh[98], nếu ngũ tạng đều mềm, họ không bao giờ tránh được bệnh[99], nếu ngũ tạng đoan chính, họ bao giờ cũng đắc nhân tâm giữ được niềm hòa lợi[100], nếu ngũ tạng đều nghiêng lệch, những người này đều có tà tâm, hay trộm cướp, không thể nào sống như 1 người bình thường, lời nói của họ lật lọng thật khôn lường”[101].

Hoàng Đế nói: "Ta mong được nghe về những chỗ ứng với lục phủ”[102].

Kỳ Bá đáp : "Phế hợp với Đại trường, Đại trường là nơi cùng ứng với bì[103]. Tâm hợp với Tiểu trường, Tiểu trường là nơi cùng ứng với mạch[104]. Can hợp với Đởm, Đởm là nơi cùng ứng với Cẩn[105]. Tỳ hợp với Vị, Vị là nơi cùng ứng với nhục[106]. Thận hợp với Tam tiêu và Bàng quang, Tam tiêu và Bàng quang là nơi cùng ứng với tấu lý và hào mao”[107].

Hoàng Đế hỏi: "Ứng với nhau như thế nào ?”[108].

Kỳ Bá đáp : "Phế ứng với bì[109]. Bì hậu (dày) thì Đại trường cũng dày, bì bạc (mỏng) thì Đại trường cũng mỏng, bì hoãn (da nhão), trong bụng to thì Đại trường to và dài, bì cấp (da căng) thì Đại trường cũng căng mà ngắn, bì hoạt (da trơn) thì Đại trường ngay, bì nhục rắn chắc thì Đại trường cũng kết thực[110].

Tâm ứng với mạch[111]. Bì dày thì mạch cũng dày, mạch dày thì Tiểu trường dày, bì mỏng thì mạch mỏng, mạch mỏng thì Tiểu trường cũng mỏng, bì nhão thì mạch cũng nhão, mạch nhão thì Tiểu trường to và dài, bì mỏng mà mạch hư tiểu thì Tiểu trường

nhỏ mà ngắn, các kinh mạch mà phù thiếu hiện ra ngoài nhiều quanh co thì Tiểu trường cũng kết thực[112].

Tỳ ứng với nhục[113]. Nhục và vùng kết với cân được rắn chắc và to, đó là Vị hậu (dày); nhục và vùng kết với cân mỏng manh, đó là Vị bạc (mỏng); nhục và vùng kết với cân mỏng manh đó là Vị không rắn chắc; nhục và vùng kết với cân không xứng với thân hình, đó là Vị ở thấp, mà Vị ở thấp thì vùng ống bên dưới không dễ chịu, bất lợi; nhục và vùng kết với cân không rắn chắc, đó là Vị bị lợi lỏng; nhục và vùng kết với cân không có bao bọc nhỏ, đó là Vị bị căng; nhục và vùng kết với cân ít nhiều có bao bọc, đó là Vị khí không thư sướng, Vị không thư sướng thì vùng ống bên trên không dễ chịu, bất lợi[114].

Can ứng với trảo (móng)[115]. Móng dày màu vàng, đó là Đờm khí dày (đậm đặc); móng mỏng màu hồng, đó là Đờm khí căng; móng mềm màu đỏ, đó là Đờm khí lợi lỏng; móng thẳng màu trắng, không có vân, đó là Đờm khí thẳng (trực); móng xấu màu đen có nhiều nếp vân, đó là Đờm khí không thư sướng[116].

Thận ứng với cốt[117]. những nét văn lý kín đáo, bì (da) dày, đó là Tam tiêu và Bàng quang cũng dày; những nét văn lý thô, da mỏng, đó là Tam tiêu và Bàng quang cũng mỏng; tấu lý bị thừa thì Tam Tiêu và Bàng quang bị lợi lỏng; da bị căng và không có lông mao, đó là Tam tiêu và Bàng quang bị căng; lông mao đẹp mà thô, đó là Tam tiêu và Bàng quang thẳng; lông thừa thì Tam tiêu và Bàng quang không thư sướng"[118].

Hoàng Đế hỏi: "Vấn đề dày mỏng, đẹp xấu đều biểu hiện bằng hình dáng, Ta mong được nghe về sự gây bệnh của nó"[119].

Kỳ Bá đáp : "Chỉ cần xem phần ngoại ứng của chúng để có thể biết được tình trạng ở nội tạng, từ đó ta sẽ biết được về sự gây bệnh của chúng"[120].

THIÊN 48: CẨM PHỤC

Lôi Công hỏi Hoàng Đế: “Đệ tử đã từng thọ nghiệp (y học), thông được Đạo của Cửu châm 60 thiên, từ sáng đến chiều tối lúc nào cũng ân cần phục sự về nó, tìm tòi đọc những sách vở xưa nay như biên tuyết, giản cấu, tuy thế, đệ tử vẫn 1 lòng đọc lên, ngâm nga lên không rời quyển sách, vậy mà cũng chưa giải được cái ý của sách[1]. Thiên ‘Ngoại Sứ’ có nói: hợp lại thành 1 thể thống nhất, đệ tử vẫn chưa biết được câu này nói gì[2]. Ôi ! Câu nói đại tặc vô ngoại, tiểu tặc vô nội, đó là đại tiểu vô cực, cao hạ vô độ, hợp lại như thế nào ?[3] Xưa nay các bậc có tài lực, có người giỏi có người kém,

nếu những người có trí, có lực nông cạn, chưa đạt đến rộng lớn, sâu sắc mà tự miễn cưỡng để cầu học như đệ tử đây chẳng hạn, đệ tử sợ rằng nó sẽ tản mạn vào hậu thế, hoặc sẽ bị tuyệt vào đời con cháu, dám xin hỏi bệ hạ (thầy) về điểm tính yếu của nó như thế nào ?”[4].

Hoàng Đế đáp: "Thật là 1 câu hỏi khéo thay ! Đây là vấn đề mà bậc tiên sư cấm truyền ra (phổ biến) 1 cách riêng tư, cần phải cắt tay uống máu ăn thề (mới truyền được), nay đệ tử muốn biết được, tại sao không lo đến việc trai ?”[5].

Lôi Công lạy 2 lạy rồi đứng lên tâu: “Xin được nghe về mệnh của bệ hạ về việc này”[6].

Nói xong, Lôi Công bèn trai và giới trong 3 ngày, rồi tâu với Hoàng Đế : “Dám xin với bệ hạ, hôm nay là ngày chính Dương, đệ tử mong nhận được sự thề nguyện”[7].

Hoàng Đế bèn cùng với Lôi Công đi vào trai thất, cắt tay uống máu ăn thề[8]. Hoàng Đế thân mật chúc Lôi Công, nói: “Ngày nay là ngày chính Dương, uống máu để truyền phương, nếu ai dám phản bội lời thề, sẽ bị tai ương”[9].

Lôi Công lạy 2 lạy nói: “Đệ tử xin thọ nhận”[10].

Hoàng Đế tay trái nắm lấy tay của Lôi Công, tay phải trao sách, nói: “Nên thận trọng ! Nên thận trọng ! Ta xin nói với thầy: phạm cái lý của việc châm thích phải bắt đầu từ kinh mạch, nó vận hành kinh doanh, mạch độ có được sự dài ngắn của nó[11]. Bên trong, việc châm thích để chữa bệnh ở ngũ tạng, bên ngoài chữa lục phủ, thẩm xét để biết vệ khí là mẹ của trăm bệnh, điều hòa các hư thực để hư thực được khỏi, châm tả huyết lạc huyết (hư) ra hết mà không bị hiểm nguy vậy”[12].

Lôi Công nói : “Những điều bệ hạ nói, đệ tử đã được thông, nhưng chưa hiểu được những phép ràng buộc (gìn giữ)”[13].

Hoàng Đế nói: “Ồi ! Cái phương ràng buộc (gìn giữ) huyết khí với nhau cũng giống với ràng buộc 1 cái túi vậy[14]. Nếu cái túi đã đầy mà không ràng buộc lại thì nó sẽ tiết thoát ra ngoài, còn cái phương pháp làm cho huyết khí hợp lại với nhau đã thành mà không ràng buộc lại thì thần khí và huyết khí không còn đầy đủ nữa”[15].

Lôi Công nói : “Thần chỉ mong làm kẻ hạ tài (tầm thường), tức là túi chưa đầy mà đã lo ràng buộc rồi”[16].

Hoàng Đế nói: “Nếu chưa đầy mà đã lo ràng buộc, người đó chỉ là người công: khéo mà thôi, chứ không thể là bậc sư trong thiên hạ”[17].

Lôi Công nói : “Thần mong được nghe về sự khéo léo”[18].

Hoàng Đế nói: "Mạch Thốn khẩu chủ bên trong, mạch Nhân nghênh chủ bên ngoài, cả hai cùng ứng nhau, cùng đến cùng đi như thể là 1 sợi dây thẳng, lớn nhỏ đều nhau[19]. Nếu người nào mà mùa xuân và hạ mạch Nhân nghênh vi đại, mùa thu và đông mạch Thốn khẩu vi đại, ta gọi người đó là bình nhân[20]. Nếu như mạch Nhân nghênh lớn hơn mạch Thốn khẩu 1 lần (bội), đó là bệnh ở tại kinh túc Thiếu dương[21]. Lớn 1 lần mà lại táo, đó là bệnh ở tại kinh thủ Thiếu dương[22]. Mạch Nhân nghênh lớn hơn mạch Thốn khẩu 2 lần, đó là bệnh ở tại túc Thái dương[23]. Lớn hơn 2 lần mà lại táo, đó là bệnh ở tại kinh thủ Thái dương[24]. Mạch Nhân nghênh lớn hơn 3 lần, đó là bệnh ở tại kinh túc Dương minh[25]. Lớn hơn 3 lần mà lại táo, đó là bệnh ở kinh thủ Dương minh[26]. Khí thịnh thành nhiệt[27], khí hư thành hàn[28]. Mạch khẩn thành chứng thống tý[29], mạch đại: đột nhiên nặng, đột nhiên đứt đoạn[30]. Nếu thịnh thì châm tả, nếu hư thì châm bổ, nếu mạch khẩn thống thì châm vùng phận nhục, mạch đại thì châm lấy huyết lạc cùng với uống thuốc, nếu khí hãm xuống thì dùng phép cứu, nếu khí không thịnh, không hư, ta tùy kinh mà thủ huyết châm, gọi đây là kinh thích[31]. Nếu mạch Nhân nghênh lớn 4 lần, thêm đại, thêm sắc, gọi là Dật Dương, Dật Dương gọi là Ngoại cách, chết không trị được[32]. Người thầy thuốc phải thăm xét có căn cứ trên cái lý gốc hoặc ngọn, phải xét được khí hàn nhiệt để nghiệm thấy cái bệnh của tạng phủ[33].

Nếu mạch Thốn khẩu lớn hơn mạch Nhân nghênh 1 lần, đó là bệnh ở tại túc Quyết âm[34]. Lớn 1 lần mà táo, đó là bệnh ở thủ Tâm chủ[35]. Mạch Thốn khẩu lớn 2 lần, đó là bệnh ở tại túc Thiếu âm[36]. Lớn 2 lần mà táo, đó là bệnh ở tại thủ Thiếu âm[37]. Mạch Thốn khẩu lớn 3 lần, đó là bệnh ở tại túc Thái âm[38]. Lớn 3 lần mà táo, đó là bệnh ở tại thủ Thái âm[39]. Khí thịnh thì bị chứng trướng mãn, hàn bên trong, ăn không tiêu[40]; khí hư thì nhiệt bên trong, tiêu ra phân nát, thiếu khí, nước tiểu biến màu[42]. Mạch khẩn thì bị chứng thống tý, mạch đại thì lúc đau nhức lúc ngưng[43]. Nếu khí thịnh thì châm tả[44], nếu khí hư thì châm bổ[45], mạch khẩn thì châm trước cứu sau[46], mạch đại thì châm lấy huyết lạc rồi sau đó mới điều khí[47], nếu khí hãm xuống thì chỉ dùng phép cứu (khi nói mạch hãm hạ có nghĩa là huyết kết bên trong, bên trong có nổi rõ đường huyết lạc)[48]. Huyết hàn thì nên cứu, nếu không thịnh không hư thì tùy kinh mà thủ huyết châm[49]. Mạch Thốn khẩu lớn 4 lần, gọi là Nội quan, bị Nội

quan còn thêm đại và sắc thì chết, không trị được[50]. Người thầy thuốc phải thẩm xét những dấu hiệu hàn ôn 1 cách có gốc ngọn, để nghiệm cho được bệnh của tạng phủ, để thông được những doanh thấu, bấy giờ mới truyền được đến ý nghĩa, đến phép lớn (đại số)[51]. Ý nghĩa lớn, phép lớn có nói: Thịnh thì chỉ châm tả, hư thì chỉ châm bổ, mạch khẩn thì cứu, thích, thêm phần uống thuốc, nếu khí hãm xuống thì chỉ có cứu mà thôi, nếu không thịnh không hư thì chọn huyết theo kinh để châm, đây gọi là phép kinh trị[52]. Còn như phép uống thuốc, cũng như cứu hoặc châm có thể tùy theo tình hình thích hợp của kinh để thích nghi trong việc trị[53]. Trường hợp mạch cấp thì có thể dùng phép dẫn cứu hỗ trợ thêm[54], trường hợp mạch đại mà nhược thì để cho người bệnh yên tĩnh, dù có dùng sức để hỗ trợ cũng phải nhẹ nhàng thôi"[55].

THIÊN 49 : NGŨ SẮC

Lôi Công hỏi Hoàng Đế: “Ngũ sắc riêng hiện rõ trên Minh đường ư ? Tiểu tử này chưa hiểu ý nói gì”[1].

Hoàng Đế đáp: "Minh đường là vùng trên mũi. Khuyết là vùng giữa đôi mày, đình là nhan (trán và 2 bên), phồn là vùng 2 bên má, tế là vùng cửa vào lỗ tai[2]. Trong khoảng những vùng đó, nếu được biểu hiện nổi bật và rõ ràng, đứng cách nhau chừng 10 bộ, ta cũng thấy được nó hiện ra ngoài, người như thế là thọ (sống lâu), ắt đạt đến trăm tuổi"[3].

Lôi Công hỏi: “Ngũ quan được phân biệt như thế nào ?”[4].

Hoàng Đế đáp: "Phần cốt cao của Minh đường thì nổi bật lên, phần bình của Minh đường thì thẳng, đó là tượng của ngũ tạng theo đúng vị trí ở trung ương, lục phủ nương vào 2 bên, đầu và mặt lên ở vùng khuyết đình, vương cung ở vào vùng hạ cực, ngũ tạng được an ở vùng ngực, như vậy chân sắc của ngũ tạng sẽ đầy đủ và bệnh sắc sẽ không đến được, nhờ vậy mà vùng minh đường được nhuận trạch, sao nói rằng ngũ quan không phân biệt được?"[5]

Lôi Công hỏi: “Tiểu tử có thể nghe về trường hợp không thể phân biệt được hay không?”[6].

Hoàng Đế đáp: "Sự biểu hiện của ngũ sắc đều xuất hiện vào đúng nơi sắc bộ của nó: Khi nào cốt của vùng sắc bộ này mà hãm xuống thì người đó không thể tránh được bệnh, và khi nào các vùng sắc bộ thừa tập nhau thì dù cho có bệnh nặng cũng không chết được ..."[7].

Lôi Công hỏi: “Xét ngũ quan biểu hiện ngũ sắc biết được gì ?”[8].

Hoàng Đế đáp: "Màu xanh và đen thì đau, màu vàng và đỏ thì nhiệt, màu trắng thì hàn, đó gọi là ngũ quan"[9].

Lôi công hỏi: “Phân biệt thế nào giữa sự tăng thêm hoặc giảm dần của cơn bệnh ?”[10].

Hoàng Đế đáp: "Ta phải xét cả trong ngoài (biểu lý)[11]. Xem mạch, nếu thấy mạch Mạch khẩu hoạt, tiểu, khẩn mà trầm, đó là bệnh đang nặng thêm ở bên trong[12]; nếu thấy mạch Nhân nghênh đại khẩn mà phù, đó là bệnh đang nặng thêm ở bên ngoài[13]; Mạch Mạch khẩu phù hoạt đó là bệnh đang tiến nặng thêm[14]; mạch Nhân nghênh trầm mà hoạt, đó là bệnh ngày càng giảm[15]; Mạch Mạch khẩu hoạt mà trầm, đó là bệnh ngày càng nặng thêm ở bên trong[16]; mạch Nhân nghênh hoạt thịnh mà phù, đó là bệnh càng nặng thêm ở bên ngoài[17]. Mạch phù trầm cùng tương đẳng với tiểu đại của Nhân nghênh và Khí khẩu, bệnh khó khỏi[18]. Nếu bệnh ở tại tạng, mạch trầm mà đại thì dễ khỏi, mạch tiểu thuộc về nghịch[19]. Nếu bệnh tại phủ, mạch phù mà đại thì bệnh dễ khỏi, mạch Nhân nghênh thịnh kiên sẽ bị thương bởi Hàn, mạch Khí khẩu thịnh kiên sẽ bị thương bởi ăn uống"[20].

Lôi Công hỏi: “Thế nào là phương pháp dựa vào sắc để đoán được bệnh nhẹ hoặc nặng ?”[21].

Hoàng Đế đáp: "Sắc biến từ thô đến mịn (gọi là gián: nhẹ), từ trầm đến yếu gọi là nặng[22]. Sắc biến từ dưới lên trên, đó là bệnh nặng thêm, sắc biến từ trên xuống dưới, vàng mây tan trong trẻo, đó là bệnh đang khỏi dần[23]. Ngũ sắc đều có bộ vị của mỗi tạng, có bộ vị bên ngoài, có bộ vị bên trong[24]. Nếu sắc đi từ bộ vị bên ngoài để vào đến bộ vị bên trong, đó là bệnh đi từ ngoài vào trong, nếu sắc đi từ bộ vị trong để ra ngoài, đó là bệnh đi từ trong ra ngoài[25]. Nếu bệnh sinh từ bên trong thì trước trị âm, sau mới trị Dương, nếu trị nghịch lại sẽ làm cho bệnh nặng thêm[26]. Nếu bệnh sinh ra ở Dương thì trước trị bên ngoài, sau đó mới trị bên trong, nếu trị nghịch lại sẽ làm cho bệnh nặng thêm[27].

Nếu mạch hoạt đại mà đại trường, đó là bệnh từ ngoài vào, mất như thấy 1 cái gì, giống như ghét 1 cái gì, đây là do Dương khí nhập vào nhau vậy, nó có thể biến dễ khỏi bệnh"[28].

Lôi Công hỏi: “Tiểu tử nghe nói rằng: Phong là chỗ bắt đầu của trăm bệnh, quyết nghịch là chỗ khởi lên của Hàn Thấp, làm thế nào để phân biệt được ?”[29].

Hoàng Đế đáp: "Nên xem sự biểu hiện ở giữa vùng khuyết, nếu nơi này màu nhạt mà nhuận ướt thì thuộc Phong, còn nếu màu da sậm sâu thì thuộc Tỳ, nếu sắc hiện ra ở vùng Địa, vùng hạ bộ của mặt thì đó là thuộc chứng Quyết ... Đó là cái lẽ thường của sự biểu hiện, tức là phương pháp dựa vào sắc để đoán ra chứng bệnh”[30].

Lôi Công hỏi: “Làm thế nào ta có thể biết được 1 người không có bệnh mà có thể chết đột ngột ?”[31].

Hoàng Đế đáp: "Khi tà khí mạnh nhập vào tạng phủ thì sẽ làm cho người đó không bệnh mà vẫn bị chết đột ngột”[32].

Lôi Công hỏi: “Có những khi bệnh đã giảm bớt phần nào rồi, nhưng cứ vẫn chết 1 cách đột ngột, làm thế nào để biết được điều đó ?”[33].

Hoàng Đế đáp: "Khi nào có màu đỏ nổi lên ở 2 gò má to như ngón chân cái, dù bệnh có giảm đi nhưng vẫn chết đột ngột; khi nào có màu đen xuất hiện nơi vùng trán to như ngón chân cái, dù không bệnh vẫn chết 1 cách đột ngột”[34].

Lôi Công lại 2 lần hỏi: “Đúng thay ! Cái chết đó có định vào 1 lúc nào không ?”[35].

Hoàng Đế đáp: "Xét cái sắc khí để nói được cái thời sẽ chết”[36].

Lôi Công hỏi: “ Đúng thay ! Thần xin được nghe cho kỹ”[37].

Hoàng Đế đáp: "Đỉnh là biểu hiện cho đầu và mặt, khuyết là biểu hiện cho yết hầu, khuyết trung là biểu hiện cho Phế, hạ cực là biểu hiện cho Tâm, trực hạ là biểu hiện cho Can, bên tả của Can là Đờm, hạ là biểu hiện cho Tỳ, phương thượng là biểu hiện cho Vị, trung ương là biểu hiện cho Đại trường, nương theo Đại trường là Thận, ngay nơi Thận là rún, từ diện vương trở lên là biểu hiện cho Tiểu trường, từ diện vương trở xuống là biểu hiện cho Bàng quang và tử cung, gò má là biểu hiện cho 2 vai, bên sau gò má biểu hiện cho cánh tay, dưới cánh tay là biểu hiện của bàn tay, bên trên khoe mắt trong biểu hiện cho vùng ngực và vú, từ bên ngoài 2 má trở lên biểu hiện cho vùng lưng, dọc theo hàm của răng xuống dưới biểu hiện cho đùi vế, vùng chính giữa của 2 hàm răng biểu hiện cho đầu gối, từ đầu gối trở xuống thuộc cẳng chân, ngay từ cẳng chân trở xuống là bàn chân, vùng nếp nhăn ở 2 bên miệng biểu hiện cho mép trong đùi

vế, vùng xương quai cơ động biểu hiện cho vùng di động của từ môi đến huyết Địa thương[38]. Trên đây là những bộ vị của những chi và tiết của ngũ tạng lục phủ, mỗi sự biểu hiện đều có bộ phận của nó mà khi đã định được bộ phận thì có thể dùng Âm để hòa cho Dương, dùng Dương để hòa cho Âm[39]. Nếu rõ được bộ phận thì vận lần hành động vận lần đúng, và nếu phân biệt được con đường quay tả và quay hữu tức là đã biết được con đường lớn của Âm Dương vậy[40]. Sự biểu hiện sẽ có những bộ vị khác nhau về sắc khí ở nam hay nữ, cho nên gọi đó là con đường vận hành của Âm Dương, nếu thăm sát được sự nhuận trạch hoặc khô héo, đó gọi là người thầy khéo[41].

Sắc khí nếu nổi rõ ra ngoài mà dơ đục, tối tăm thuộc về nội (lý), nếu nổi rõ ra ngoài mà nhuận trạch sáng sủa thì thuộc về ngoại (biểu)[42]. Dựa vào sự biểu hiện, của sắc khí trên mặt ta có thể đoán được: nếu biểu hiện bằng màu vàng, đỏ, đó là thuộc Phong[43], màu xanh đen thuộc chứng đau[44], màu trắng thuộc Hàn[45], màu vàng mà nhuận trạch như màu mỡ béo, đó là triệu chứng của ung và mủ[46], màu đỏ sậm là triệu chứng của huyết ứ lại, đau nhức nặng đến vùng gân và cốt sẽ thành chứng co quắp, nếu lạnh nhiều sẽ làm cho da mất cảm giác[47]. Ngũ sắc đều biểu hiện nơi bộ vị của mình: nên xét rõ sự phù hay trầm để biết được nó ở cạn hay sâu[48], nên xét được sự nhuận trạch hoặc khô héo để nắm được sự thành bại[49], nên xét sự phân tán hay đoàn tụ của sắc khí để biết được bệnh mới hay cũ[50], nên xét xem sắc khí đang đi lên hay xuống để biết bệnh xảy ra nơi nào[51], nên giữ thần khí ở Tâm để biết được bệnh đã qua lâu rồi hay bệnh mới gần đây[52]. Vì thế, nếu ngấm khí sắc mà không tinh vi thì ta không thể biết được đúng hay sai, chỉ có khi nào ta để tâm và ý thuộc vào nhau tức là chuyên tâm lưu ý đừng để nó bị xao động ra ngoài thì ta mới có thể biết được bệnh cũ hay mới[53]. Nếu sắc khí không sáng tỏ lắm mà chỉ trầm trệ khô héo, đó là triệu chứng của bệnh nặng, còn nếu như tuy không nhuận trạch sáng sủa cho lắm, nhưng cũng không đến nỗi chìm sâu và khô héo thì bệnh sẽ không nặng lắm[54]. Sắc khí tán nhưng không lưu lại, đó là bệnh chưa tụ lại, bệnh đang tán rộng, cho dù khí có đau nhức cũng chưa tụ lại thành nơi nào[55].

Khi mà Thận thừa lên Tâm thì Tâm bệnh trước nhưng Thận sắc lại ứng để hiện ra ngoài, sắc khí tụ lại và biểu hiện đều như thế[56]. Ở người con trai, nếu sắc khí hiện ra ở diện vương thì gây thành chứng tiểu phúc đau, biểu hiện ra ở dưới diện vương thì hòn dái bị đau[57]. Vùng của huyết Nhân trung thuộc dương vật bị đau, vùng nằm bên trên huyết Nhân trung thuộc thân của dương vật, vùng dưới Nhân trung thuộc đầu của dương vật, đây là trường hợp đau của chứng Hồ sản và Đồi âm[58]. Ở người con gái,

nếu sắc khí hiện ra ở diện vương thì bệnh sẽ xảy ra ở Bàng quang và tử cung: nếu sắc khí tán ra thì sẽ đau, nếu sắc khí tụ lại thì bệnh cũng đang tụ lại, nếu đã tụ lại bên trong thì dù dạng vuông hay tròn, bên trái hoặc bên phải, đều giống như hình sắc hiện ra bên ngoài, khi nó đi theo để xuống đến bên dưới vùng diện vương thì chứng tỏ có bị chứng âm trọc, nếu như nó biểu hiện ra như hình trạng của mỡ béo, đó là do ăn quá nhiều những thức ăn không được điều tiết, nếu sắc hiện ra ở bên trái thì bệnh ở trái, sắc hiện ở bên phải thì bệnh ở bên phải[59]. Sắc khí biểu hiện ra đều do tà khí, dù tụ hay tán cũng đều nghiêng lệch chứ không đoan chính, tất cả đều dựa vào những vùng chỉ rõ của sắc diện[60].

Sắc gồm xanh, đen, trắng, vàng, tất cả đều biểu hiện 1 cách đoan chính, đầy đủ, đều có những bộ phận riêng của nó, nay nếu nơi bộ phận nào đó màu đỏ, thì sắc của nó cũng đỏ và to như trái giáp, trái du lại hiện lên nơi vùng diện vương, như vậy họ sẽ chết không quá 1 ngày[61]. Khi nào khí sắc biểu hiện lên những vùng cao và nhọn, đó là khí ở đầu và mặt bị không hư cho nên tà khí mới hướng lên trên chỗ cao[62]. Khi nào sắc khí hiện ra nơi chỗ lõm nhọn xuống tức là tà khí cũng hướng xuống chỗ thấp[63]. Tà khí ở bên trái hoặc bên phải cũng luận theo lẽ như trên[64]. Khi dùng ngũ sắc để gọi các tạng thì: màu xanh thuộc về Can, màu đỏ thuộc về Tâm, màu trắng thuộc về Phế, màu vàng thuộc về Tỳ, màu đen thuộc về Thận[65]. Can hợp với gân, tâm hợp với mạch, Phế hợp với bì, Tỳ hợp với nhục, Thận hợp với cốt vậy”[66].

Y học cổ truyền LINH KHU Part 10



THIÊN 50 : LUẬN DỮNG

Hoàng Đế hỏi Thiệu Du: "Nay có người ở đây, họ cùng đi với nhau, đứng 1 chỗ với nhau, trong số có nhiều lớp tuổi già, trẻ... họ mặc quần áo dày mỏng như nhau. vậy mà thỉnh linh gặp 1 cơn gió mạnh, mưa to, có người bị bệnh, có người không bị bệnh, hoặc đều bị bệnh, hoặc đều không bị bệnh, nguyên nhân nào khiến như vậy ?"[1].

Thiệu Du đáp: "Bệ hạ muốn hỏi việc nào trước tiên ?"[2].

Hoàng Đế đáp: "Ta mong được nghe tất cả"[3].

Thiệu Du đáp: "Mùa xuân thuộc Thanh Phong, mùa hạ thuộc Dương Phong, mùa thu thuộc Lương Phong, mùa đông thuộc Hàn Phong, đây là các loại Phong thuộc tứ thời, vì thế nó gây bệnh cũng không đồng hình trạng"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Phong thuộc tứ thời gây bệnh nơi con người như thế nào ?"[5].

Thiệu Du đáp: "Người nào sắc khí vàng, da mỏng, thịt mềm, họ sẽ không thắng được hư Phong của mùa thu[6]. Người nào sắc khí đỏ, da mỏng, thịt mềm, họ sẽ không thắng được hư Phong của mùa đông"[7].

Hoàng Đế hỏi: "Người có sắc khí đen mà da dày, thịt rắn chắc, họ sẽ không bị thương bởi Phong khí của tứ thời[8]. Khi nào da của họ mỏng, thịt không rắn chắc, sắc khí lại thay đổi bất nhất thì khi nào mùa trường hạ đến lại có hư Phong, họ sẽ bị bệnh[9]. Khi nào da họ dày, thịt rắn chắc thì mùa trường hạ đến lại có hư Phong, họ cũng không bị bệnh[10]. Khi nào da họ dày, thịt rắn chắc, nếu họ bị trúng cảm (cả Phong lẫn Hàn), ngoại nội đều như thế, bấy giờ họ mới bị bệnh"[11].

Hoàng đế nói: "Đúng ! "[12].

Hoàng Đế hỏi: "Ôi ! Con người có thể nhẫn thống hoặc bất nhẫn thống, không phải là điều kiện dễ, phân biệt ai là kẻ gan dạ hoặc kẻ hèn nhát[13]. Ôi ! Có khi có kẻ dũng sĩ nhẫn được thống, khi họ thấy việc gì khó khăn thì họ e sợ, nhưng khi gặp sự đau đớn thì họ không bị lay chuyển[14]. Ôi ! Có khi có kẻ dũng sĩ nhẫn được thống, khi họ thấy việc gì khó khăn, họ không e sợ, khi họ gặp sự đau đớn, họ không bị lay chuyển[15]. Ôi ! kẻ khiếp sĩ không nhẫn được thống, mặt họ lấm lét, sợ đến nỗi không nói được lên lời, họ kinh hoàng đến thất đi sắc khí ở mặt, nhan sắc ở mặt bị thay đổi, dờ chết, dờ

sống[16]. Những điều nói trên ta đã thấy rõ rồi, nhưng ta chưa hiểu tại sao lại như vậy, ta mong được nghe về nguyên do khiến như vậy"[17].

Thiếu Du đáp: "Ồi ! vấn đề nhấn thống và bất nhấn thống chỉ là dùng để phân biệt được sự dày mỏng của làn da, sự cứng mềm và căng lơi của bắp thịt mà thôi, chứ không dùng để bàn về dũng và khiếp của con người"[18].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về những gì đã tạo nên con người dũng và khiếp"[19].

Thiếu Du đáp: "Người dũng sĩ là người có đôi mắt sâu mà vững vàng, to rộng, nhìn thẳng và bộc lộ nét sáng suốt, Tam tiêu và tẩu lý giăng trên bắp thịt thông cả ngang và dọc, Tâm khí đoan chính, ngay thẳng, Can khí rộng và cứng rắn, Đờm khí đầy đủ và tỏa rộng ra đến tứ chi, khi nổi giận lên thì khí thịnh ngực căng ra, Can khí nổi lên Đờm khí tỏa rộng ra, khoe mắt như muốn toét ra và đôi mắt tròng lên, lông mao dựng dậy, mặt xanh, Đó là những gì mà người dũng sĩ biểu lộ ra"[20].

Hoàng Đế nói: "Ta mong được nghe về những sự bộc lộ của người khiếp sĩ"[21].

Thiếu Du đáp: "Người hèn nhát có đôi mắt to đến nỗi không khép kín lại được, khí sắc Âm Dương dễ mất, Tam tiêu và tẩu lý không được ngang rộng ra, xương che ngực (kết vu) ngắn mà nhỏ, Can hệ lỏng lẻo, Đờm khí không đầy đủ và lỏng lẻo, Trường và Vị co khúc lại, dưới hông sườn rộng, tuy vừa mới nổi giận mà khí cũng vẫn không lên được đầy ngực. Can khí và Phế khí tuy đang bùng lên nhưng khí lại suy muốn quay trở xuống, vì thế họ không thể kéo dài cơn giận, Đó chính là nét bộc lộ của kẻ hèn nhát"[22].

Hoàng Đế hỏi: "Kẻ hèn nhát có rượu vào, cơn giận của họ sẽ không kém bậc dũng sĩ, tạng nào đã khiến thành như thế ?"[23].

Thiếu Du đáp: "Rượu là tinh khí của thủy cốc, là chất dịch của thực cốc (cơm nấu chín), Khí của nó nhanh nhẹn, hung hãn, khi nó đi vào trong Vị sẽ làm cho Vị bị trướng, khí của nó sẽ nghịch lên trên làm đầy lồng ngực, làm cho Can khí phù và Đờm khí hoành, Ngay lúc bấy giờ (lúc say), họ vốn so mình với bậc dũng sĩ, nhưng khi khí bị vơi đi họ sẽ hối; Khi mà họ tự xem mình là đồng loại với dũng sĩ, không biết kiêng tránh điều gì, ta gọi đó là kẻ tửu bội"[24].

THIÊN 51: BỐI DU

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ta mong được nghe các huyết du của ngũ tạng xuất ra ở vùng lưng"[1].

Kỳ Bá đáp : "Huyết du lớn ở ngực (lưng) nằm tại đầu của trũ cốt[2]. Phế Du nằm ở trong khoảng Tam tiêu[3], Tâm Du nằm ở trong khoảng khe của đốt xương thứ năm[4], Cách du nằm ở trong khoảng khe của đốt xương thứ bảy[5], Can du nằm ở trong khoảng khe của đốt xương thứ chín[6], Tỳ du nằm ở trong khoảng khe của đốt xương thứ mười một[7], Thận du nằm ở trong khoảng khe của đốt xương thứ mười bốn[8], tất cả đều nương dọc theo cột sống, cách mạch Đốc của cột sống 3 thốn[9]. Nay muốn tìm được huyết, ta hãy ấn lên nơi có huyết khí, nó sẽ ứng với bên trong và sự đau nhức sẽ dễ chịu, đó chính là nơi của du huyết vậy[10]. Dùng phép cứu thì được, dùng phép châm thì không được[11]. Khi nào khí thịnh thì dùng phép tả, khi nào khí hư thì dùng phép bổ[12]. Khi nào dùng hỏa để bổ thì đừng có thổi vào đóm lửa (ngải cứu), nên để cho nó cháy đến khi tắt hẳn[13], khi nào dùng hỏa để tả thì đừng thổi nhanh đóm lửa, đó là muốn truyền qua đóm ngải, nên để cho lửa này cháy cho đến tắt hẳn"[14].

THIÊN 52: VỆ KHÍ

Hoàng Đế hỏi: "Ngũ tạng là nơi tàng giữ tinh, thần, hồn, phách[1], Lục phủ là nơi thọ nhận thủy cốc để hóa, để thành thức ăn[2]. Khí của nó bên trong dưỡng ngũ tạng, bên ngoài liên lạc với các chi và các tiết[3]. Khí nào phù mà không vận hành theo các kinh thuộc về vệ khí[4], khí tinh thì vận hành trong các kinh thuộc về doanh khí[5]. Thế là Âm Dương tùy vào nhau, trong và ngoài cùng quán xuyên nhau như chiếc vòng ngọc không có đầu mối, như dòng nước trôi chảy qua nhiều bến bờ nhưng rất êm xuôi, không làm gì cho cũng được[6]. Tuy nhiên sự phân biệt Âm Dương, tất cả đều phải theo tiêu bản, hư thực nơi nó tách rời nhau[7]. Nếu ta biết phân biệt 12 kinh của Âm Dương, ta sẽ biết được sinh ra nơi đâu[8]; Nếu ta có thể nắm được sự biểu hiện hư thực tại nơi nào, ta sẽ biết được bệnh xảy ra ở trên cao hay dưới thấp[9]; Nếu ta biết được những con đường khí nhai của lục phủ, ta có thể giải được những kết tụ, biết được lẽ tương hợp và kế tiếp nhau nơi cánh cửa của sự sống[10]; Nếu ta biết được sự cứng mềm của hư thực, ta sẽ biết được phải bổ tả nơi nào[11]; Nếu ta biết được tiêu bản của lục kinh, ta sẽ không còn bị mê hoặc bởi người trong thiên hạ"[12].

Kỳ Bá đáp : "Ôi ! To rộng thay lời luận bàn của bậc Thánh đế, Thần xin nói cho hết ý của mình[13]. Bản của kinh túc Thái dương nằm ở trên gót chân 5 thốn, tiêu của nó nằm ở vùng 2 lạc thuộc mệnh môn, mệnh môn đây là nơi đôi mắt[14]. Bản của kinh túc

Thiếu dương nằm trong khoảng huyết Khiếu Âm, tiêu của nó nằm ở trước huyết Song Long, huyết Song Long ở vùng tai[15]. Bản của kinh túc Thiếu âm nằm ở phía dưới mắt cá trong lên trên 3 thốn, tiêu của nó nằm ở huyết bối du và ở phía dưới lưỡi nơi có 2 mạch[16]. Bản của kinh túc Quyết âm nằm ở nơi huyết Hành Gian lên trên 5 thốn, tiêu của nó nằm ở huyết bối du[17]. Bản của kinh túc Dương minh nằm ở huyết Lệ Đoài, tiêu của nó nằm ở huyết Nhân Nghênh, tức bên dưới má cạnh vùng kết hầu[18]. Bản của kinh túc Thái âm nằm ở trước huyết Trung Phong lên trên 4 thốn, tiêu của nó nằm ở huyết bối du và cuống lưỡi[19]. Bản của kinh thủ Thái dương nằm ở phía sau mắt cá ngoài của tay, tiêu của nó nằm ở phía trên mệnh môn (mắt) 1 thốn[20]. Bản của kinh thủ Thiếu dương nằm ở trong khoảng của ngón út và ngón áp út lên trên 2 thốn, tiêu của nó nằm ở bên ngoài của góc trên phía sau tai, nơi phía mắt ngoài[21]. Bản của kinh thủ Dương minh nằm ở xương khủy tay, lên đến vùng biệt Dương, tiêu ở tại dưới góc trán, kẹp giữa 2 tai[22]. Bản của kinh thủ Thái âm nằm ở giữa huyết Thốn khẩu, tiêu ở tại động mạch trong nách[23]. Bản của kinh thủ Thiếu âm nằm ở đầu xương nhon cổ tay, tiêu ở tại huyết bối du[24]. Bản của kinh thủ Tâm chủ nằm ở trong khoảng giữa 2 đường gân phía sau bàn tay 2 thốn, tiêu ở tại dưới nách xuống 3 thốn[25]. Phàm tất cả được biểu hiện của những kinh trên, nếu phía dưới bị hư thì bị chứng choáng váng, phía trên bị thịnh thì bị nhiệt mà đau[26]. Nếu bị thực (thạch) (có thể dùng phép tả) để giải bớt cái kết ngưng được bệnh, nếu bị hư thì có thể dùng phép bổ để dẫn đạo cho chân khí phần chấn (không còn suy nữa)[27]. Thần xin nói thêm về khí “nhai”, khí ở đầu có “nhai”, khí ở cẳng chân có “nhai”, cho nên khí ở đầu bị thực hay hư nên trị dứt ở não[28], nếu khí ở ngực bị thực hay hư nên trị dứt ở vùng bối du và các vùng động mạch nằm 2 bên rốn[29], nếu khí ở cẳng chân bị thực hay hư nên trị dứt ở huyết Khí Nhai và huyết Thừa Sơn và vùng trên dưới mắt cá[30]. Khi thủ các huyết này, nên dùng hào châm, trước hết nên ấn vào nơi huyết rất lâu, chừng nào mạch khí ứng với tay mới châm vào[31]. Nó trị các chứng đầu đau, choáng váng, té nhào, bụng đau, vùng Trung tiêu bị đầy, trướng lên dữ dội, nếu như các chứng tích khí mới có, đau nhưng có dờn chỗ thì dễ khỏi, nếu tích khí mà không đau thì khó khỏi”[32].

THIÊN 53: LUẬN THỐNG

Hoàng Đế hỏi Thiếu Du: "Sự cường hay nhược của gân và cốt, sự cứng mềm của cơ nhục, sự dày mỏng của bì phu, sự kín đáo và thưa rỗng của tấu lý (trong thân thể của con người), tất cả đều không đồng nhau, như vậy đối với sự cảm nhận và vấn đề đau nhức đối với việc châm bằng đá và mỗi ngải cứu sẽ thế nào ?[1] Sự dày và mỏng, cứng và mềm của Trường Vị cũng không đồng nhau, như vậy đối với sự chịu đựng về tác

dụng của độc dược sẽ thế nào ? Ta mong được nghe về tất cả những thắc mắc nói trên”[2].

Thiếu Du đáp: “Có 1 số người, xương của họ cứng, gân của họ mềm, thịt của họ mềm mại, bì phu dày, họ có thể chịu được sự đau nhức, và do đó, họ cũng có thể chịu đựng được sự thống khổ do châm và cứu gây nên”[3].

Hoàng Đế hỏi: "Làm thế nào có thể biết được số người nào đó chịu đựng được sự thống khổ do cứu đốt gây ra ?”[4].

Thiếu Du đáp: “Nếu có người thân thể cường tráng, thêm vào đó, họ có bì phu màu đen, xương cốt rắn đẹp, họ có thể chịu được sự thống khổ của sự cứu đốt”[5].

Hoàng Đế hỏi: "Làm thế nào có thể biết được số người nào đó không chịu đựng được sự thống khổ do châm thích gây ra ?”[6].

Thiếu Du đáp: “Người nào cơ nhục rắn chắc mà bì phu mỏng, đa số họ không chịu đựng được sự thống khổ của sự châm thích, do đó đối với sự thống khổ của việc cứu đốt, họ cũng không chịu được”[7].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người đồng thời bị bệnh, nhưng có người thì dễ khỏi, có người lại khó khỏi, nguyên nhân nào khiến như thế ?”[8].

Thiếu Du đáp: “Nếu có những người đồng thời bị bệnh, người nào thân thể thường bị nhiệt thì chóng khỏi, còn người nào thân thể thường bị hàn thì khó (và lâu) khỏi”[9].

Hoàng Đế hỏi: "Làm thế nào có thể biết người nào chịu đựng được sự tấn công của độc dược ?”[10].

Thiếu Du đáp: “Khi nào Vị dày, làn da đen, xương to, thân hình mập béo, những người này có thể chịu đựng được sự tấn công của các dược vật có độc tính[11]. Do đó, ta cũng biết được rằng những người thân hình gầy ốm, Vị mỏng, họ đều không thể chịu đựng được sự tấn công của các dược vật có độc tính”[12].

THIÊN 54: THIÊN NIÊN

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ta mong được nghe con người khi bắt đầu sinh, khí gì đã dựng nên nền tảng ? Khí gì đã dựng lên vòng bảo vệ bên ngoài ? Người bị mất cái gì thì phải chết ? Người ta được cái gì để sống ?”[1].

Kỳ Bá đáp : "Con người khi bắt đầu tụ hình trong thai, được bẩm thụ khí huyết của mẹ làm nền tảng, bẩm thụ khí tinh dương của cha để làm khí bảo vệ bên ngoài, con người khi mất đi thần khí thì chết, khi đắc được (giữ được) thần khí thì sống"[2].

Hoàng Đế hỏi: "Cái gì gọi là thần ?"[3].

Kỳ Bá đáp : "Khi nào huyết khí đã hòa, khí vinh vệ đã thông, ngũ tạng đã thành, thần khí ở tại Tâm, hồn và phách đều có đầy đủ, bấy giờ gọi là đã thành người"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Con người khác nhau về việc sống lâu và chết non: Có người chết rất non, có người chết 1 cách nhanh chóng, có người bệnh rất lâu, Ta mong được nghe giải thích về những vấn đề đó"[5].

Kỳ Bá đáp : "Ngũ tạng được cứng rắn, vững chắc, huyết mạch được hòa điệu, cơ nhục được nhuận trơn, thông lợi, bì phu được kín đáo, sự vận hành của vinh vệ không mất đi lẽ thường của nó, sự hô hấp nhẹ nhàng, chậm đều, khí hô hấp vận hành theo đúng độ số của nó, lục phủ đóng vai tròn vẹn để hóa được thủy cốc, khí tân dịch được phân bổ ra khắp nơi đầy đủ. Tất cả đều theo đúng lẽ thường, và do đó mà họ có thể sống 1 cách lâu dài"[6].

Hoàng Đế hỏi: "Có người sống lâu đến trăm tuổi mới chết, tại sao họ lại được như vậy ?"[7].

Kỳ Bá đáp : "Vì họ có lỗ mũi và rãnh nhân trung sâu và dài, họ thở hít được thông[8]. Cằm dưới và xung quanh bờ của mặt cao và dày, vuông vắn, sự vận hành của khí doanh vệ được thông và điều hòa[9]. Ba vùng Tam bộ Tam lý (trán, minh đường, cằm) được vun cao, cốt cao, cơ nhục đầy đặn, người như vậy sẽ sống lâu đến trăm tuổi rồi mới chết"[10].

Hoàng Đế hỏi: "Vấn đề thịnh suy của khí của con người từ lúc còn nhỏ cho đến lúc chết, ta có thể nghe được không ?"[11].

Kỳ Bá đáp : "Con người từ lúc sinh ra cho đến lúc 10 tuổi, lúc đó ngũ tạng mới bắt đầu định (kiện toàn), huyết khí cũng đã thông, khí đang còn ở bên dưới, cho nên thích chạy nhanh[12]; Lúc lên 20 tuổi huyết khí bắt đầu thịnh, cơ nhục đang lúc sinh trưởng, cho nên thích đi nhanh[13]; Lúc lên 30 tuổi, ngũ tạng đã hoàn toàn định, cơ nhục đã rắn chắc, huyết khí thịnh mãn, cho nên thích đi bộ[14]; Lúc lên 40 tuổi thì ngũ tạng lục phủ,

thập nhị kinh mạch đều đại thịnh và đang lúc định lại không phát triển nữa, tấu lý cũng bắt đầu thừa ra, sắc diện tươi tắn bị giảm dần, tóc bắt đầu hoa râm, sự phát thịnh đã định dần không còn hướng đi lên nữa, cho nên họ thích ngồi[15]; Lúc 50 tuổi thì Can khí bắt đầu suy, Can diệp (lá gan) bắt đầu mỏng, Đờm trấp bắt đầu giảm, mắt bắt đầu kém sáng[16]; Năm 60 tuổi Tâm khí bắt đầu suy, trong lòng bắt đầu lo lắng, bi thương, huyết khí vận hành hơi chậm, vì thế họ thích nằm[17]; Tuổi 70 Tỳ khí hư, bì phu khô[18]; Tuổi 80, phế khí suy, hồn phách ly tán, vì thế lời nói có nhiều nhầm lẫn[19]; Tuổi 90, Thận khí bị khô kiệt, kinh mạch của tứ tạng bị hư rỗng[20]; Tuổi 100, ngũ tạng đều hư, thần khí đều mất, chỉ còn tro bụi có hình hài (thân xác) để rồi chờ chết mà thôi[21].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người không thể sống đúng với tuổi thọ của mình, tại sao vậy?"[22].

Kỳ Bá đáp : "Đó là vì ngũ tạng của họ không cứng chắc, rãnh Nhân trung không dài, hai lỗ mũi nở rộng ra ngoài, hơi thở mạnh và gấp, đồng thời vùng cơ (Địa giác) lại quá thấp, vùng tường (quanh bờ mắt) lại quá mỏng, trong mạch thiếu huyết, cơ nhục không kiên thực, vả lại thường bị trúng bởi Phong Hàn làm cho huyết khí bị hư suy, con đường kinh mạch bất thông, tà khí bên ngoài vào cùng đánh nhau với chân khí bên trong, gây nên sự rối loạn nhau trong thân thể, vì thế họ chỉ có thể sống đến nửa đời người mà thôi"[23].

THIÊN 55: NGHỊCH THUẬN

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ta mong được nghe con người khi bắt đầu sinh, khí gì đã dựng nên nền tảng ? Khí gì đã dựng lên vòng bảo vệ bên ngoài ? Người bị mất cái gì thì phải chết ? Người ta được cái gì để sống ?"[1].

Kỳ Bá đáp : "Con người khi bắt đầu tụ hình trong thai, được bẩm thụ khí huyết của mẹ làm nền tảng, bẩm thụ khí tinh dương của cha để làm khí bảo vệ bên ngoài, con người khi mất đi thần khí thì chết, khi đắc được (giữ được) thần khí thì sống"[2].

Hoàng Đế hỏi: "Cái gì gọi là thần ?"[3].

Kỳ Bá đáp : "Khi nào huyết khí đã hòa, khí vinh vệ đã thông, ngũ tạng đã thành, thần khí ở tại Tâm, hồn và phách đều có đầy đủ, bấy giờ gọi là đã thành người"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Con người khác nhau về việc sống lâu và chết non: Có người chết rất non, có người chết 1 cách nhanh chóng, có người bệnh rất lâu, Ta mong được nghe giải thích về những vấn đề đó"[5].

Kỳ Bá đáp : "Ngũ tạng được cứng rắn, vững chắc, huyết mạch được hòa điệu, cơ nhục được nhuận trơn, thông lợi, bì phu được kín đáo, sự vận hành của vinh vệ không mất đi lẽ thường của nó, sự hô hấp nhẹ nhàng, chậm đều, khí hô hấp vận hành theo đúng độ số của nó, lục phủ đóng vai tròn vẹn để hóa được thủy cốc, khí tân dịch được phân bổ ra khắp nơi đầy đủ. Tất cả đều theo đúng lẽ thường, và do đó mà họ có thể sống 1 cách lâu dài"[6].

Hoàng Đế hỏi: "Có người sống lâu đến trăm tuổi mới chết, tại sao họ lại được như vậy ?"[7].

Kỳ Bá đáp : "Vì họ có lỗ mũi và rãnh nhân trung sâu và dài, họ thở hít được thông[8]. Cằm dưới và xung quanh bờ của mặt cao và dày, vuông vắn, sự vận hành của khí doanh vệ được thông và điều hòa[9]. Ba vùng Tam bộ Tam lý (trán, minh đường, cằm) được vun cao, cốt cao, cơ nhục đầy đặn, người như vậy sẽ sống lâu đến trăm tuổi rồi mới chết"[10].

Hoàng Đế hỏi: "Vấn đề thịnh suy của khí của con người từ lúc còn nhỏ cho đến lúc chết, ta có thể nghe được không ?"[11].

Kỳ Bá đáp : "Con người từ lúc sinh ra cho đến lúc 10 tuổi, lúc đó ngũ tạng mới bắt đầu định (kiện toàn), huyết khí cũng đã thông, khí đang còn ở bên dưới, cho nên thích chạy nhanh[12]; Lúc lên 20 tuổi huyết khí bắt đầu thịnh, cơ nhục đang lúc sinh trưởng, cho nên thích đi nhanh[13]; Lúc lên 30 tuổi, ngũ tạng đã hoàn toàn định, cơ nhục đã rắn chắc, huyết khí thịnh mãn, cho nên thích đi bộ[14]; Lúc lên 40 tuổi thì ngũ tạng lục phủ, thập nhị kinh mạch đều đại thịnh và đang lúc định lại không phát triển nữa, tẩu lý cũng bắt đầu thưa ra, sắc diện tươi tắn bị giảm dần, tóc bắt đầu hoa râm, sự phát thịnh đã định dần không còn hướng đi lên nữa, cho nên họ thích ngồi[15]; Lúc 50 tuổi thì Can khí bắt đầu suy, Can diệp (lá gan) bắt đầu mỏng, Đờm trấp bắt đầu giảm, mắt bắt đầu kém sáng[16]; Năm 60 tuổi Tâm khí bắt đầu suy, trong lòng bắt đầu lo lắng, bi thương, huyết khí vận hành lợi chậm, vì thế họ thích nằm[17]; Tuổi 70 Tỳ khí hư, bì phu khô[18]; Tuổi 80, phế khí suy, hồn phách ly tán, vì thế lời nói có nhiều nhầm lẫn[19]; Tuổi 90, Thận khí bị khô kiệt, kinh mạch của tứ tạng bị hư rỗng[20]; Tuổi 100, ngũ tạng đều hư, thần khí đều mất, chỉ còn tro bụi có hình hài (thân xác) để rồi chờ chết mà thôi"[21].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người không thể sống đúng với tuổi thọ của mình, tại sao vậy ?"[22].

Kỳ Bá đáp : "Đó là vì ngũ tạng của họ không cứng chắc, rãnh Nhân trung không dài, hai lỗ mũi nở rộng ra ngoài, hơi thở mạnh và gấp, đồng thời vùng cơ (Địa giác) lại quá thấp, vùng tường (quanh bờ mắt) lại quá mỏng, trong mạch thiếu huyết, cơ nhục không kiên thực, và lại thường bị trúng bởi Phong Hàn làm cho huyết khí bị hư suy, con đường kinh mạch bất thông, tà khí bên ngoài vào cùng đánh nhau với chân khí bên trong, gây nên sự rối loạn nhau trong thân thể, vì thế họ chỉ có thể sống đến nửa đời người mà thôi"[23].

THIÊN 56: NGŨ VỊ

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về vấn đề cốc khí gồm có ngũ vị để nhập ngũ tạng, sự phân biệt ấy như thế nào ?"[1].

Bá Cao đáp : "Vị là biển của ngũ tạng lục phủ, thủy cốc đều nhập vào Vị[2]. Ngũ tạng lục phủ đều nắm thụ khí ở Vị[3]. Ngũ vị đều chạy về nơi thích ứng của mình[4]. Loại cốc nào có vị chua thì trước hết chạy về Can[5], loại cốc nào có vị đắng thì trước hết chạy về Tâm[6], loại cốc nào có vị ngọt chạy về Tỳ[7], loại cốc nào vị cay chạy về Phế[8], loại cốc nào vị mặn chạy về Thận[9]. Khi nào cốc khí biến thành tân dịch đã được vận hành thì khí doanh vệ sẽ được thông 1 cách rộng rãi, sau đó phần còn lại biến thành chất cặn bã, theo thứ tự từ trên chạy xuống dưới ra ngoài"[10].

Hoàng Đế hỏi: "Khí doanh vệ vận hành như thế nào ?"[11].

Bá Cao đáp : "Thủy cốc khi bắt đầu vào Vị, khí tinh vi trước hết xuất ra từ Vị tức từ Trung tiêu, sau đó lên đến lưỡng tiêu (Thượng và Hạ tiêu) nhằm tưới thấm ngũ tạng, nó lại tách rời đi theo 2 con đường, đó là đường của doanh (doanh vận hành trong mạch), và của vệ (vệ vận hành ngoài mạch)[12]. Phần đại khí (tông khí) chỉ đoàn tụ lại mà không vận hành thì tích lại ở trong lồng ngực, mệnh danh là Khí hải[13]. Khí này xuất ra từ Phế, đi dọc theo cuống họng (gồm thực quản và khí quản), nhờ đó mà khi hô thì khí xuất ra, khi hấp thì khí nhập vào[14]. Đại số (số đại cương) của tinh khí của Thiên Địa thường là xuất ra 3 phần, nhập vào có 1 phần, vì thế nếu không có cốc khí nhập vào trong nửa ngày thì khí bị suy, trọn 1 ngày thì khí bị kém vậy"[15].

Hoàng Đế hỏi: "Ta có thể nghe giải thích về ngũ vị của cốc được không ?"[16].

Bá Cao đáp : “Thần xin nói tường tận hơn: Ngũ cốc gồm: canh mễ vụnọt, chi ma vị chua, đại đậu vị mặn, lúa mạch vị đắng, hoàng tấ vị cay[17]. Ngũ quả (trái cây) gồm: táo vị ngọt, lý vị chua, lật vị mặn, hạnh vị đắng, đào vị cay[18]. Ngũ súc (vật) gồm: trâu bò vị ngọt, chó vị chua, heo vị mặn, dê vị đắng, gà vị cay[19]. Ngũ thái (rau cải) gồm: rau qùy vị ngọt, rau hẹ vị chua, rau hoắc (lá đậu) vị mặn, rau kiệu vị đắng, hành vị cay[20]. Trong ngũ sắc, khi nào sắc vàng nên ăn vị ngọt, sắc xanh nên ăn vị chua, sắc đen nên ăn vị mặn, sắc đỏ nên ăn vị đắng, sắc trắng nên ăn vị cay[21]. Tất cả ngũ sắc này đều có những thức ăn thích hợp của nó[22]. Điều mà ta gọi là ngũ nghi: năm loại thích hợp, đó là ngũ sắc (kết hợp với ngũ vị): Tỳ bệnh thì nên ăn cơm canh mễ, thịt bò, trái táo, rau qùy[23]. Tâm bệnh nên ăn lúa mạch, thịt dê, trái hạnh, rau kiệu[24]. Thận bệnh nên ăn đại đậu hoàng quỳền (giá đậu nành), thịt heo, trái lật, lá đậu[25]. Can bệnh nên ăn chi ma (mè), thịt chó, trái lý, rau hẹ[26]. Phế bệnh nên ăn lúa hoàng tấ, thịt gà, trái đào, hành[27]. Ngũ cảm gồm: Can bệnh cảm ăn vị cay[28], Tâm bệnh cảm ăn vị mặn[29], Tỳ bệnh cảm ăn vị chua[30], Thận bệnh cảm ăn vị ngọt[31], Phế bệnh cảm ăn vị đắng[32]. Can hợp với sắc xanh, nên ăn vị ngọt như cơm canh mễ, thịt bò, trái táo, rau qùy, tất cả đều thuộc vị ngọt[33]. Tâm hợp với sắc đỏ, nên ăn vị chua như thịt chó, mè, trái lý, rau hẹ, tất cả đều thuộc vị chua[34]. Tỳ hợp với sắc vàng, nên ăn vị mặn như đại đậu, thịt heo, trái lật, lá đậu, tất cả đều thuộc vị mặn[35]. Phế hợp với sắc trắng nên ăn vị đắng như lúa mạch, thịt dê, trái hạnh, rau kiệu, tất cả đều thuộc vị đắng[36]. Thận hợp với sắc đen, nên ăn vị cay như lúa hoàng tấ, thịt gà, trái đào, hành, tất cả đều thuộc vị cay”[37].

THIÊN 57: THỦY TRƯỞNG

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Làm thế nào phân biệt được thủy trướng, phu trướng, cổ trướng, trường đàm, thạch hà, thạch thủy ?”[1].

Kỳ Bá đáp : "Bệnh thủy (trướng ở bụng) khi phát lên thì mí mắt dưới hơi sưng lên, hình trạng như người vừa mới thức dậy, mạch cổ động lên, thường bị ho, mép trong đùi bị lạnh, cẳng chân bị sưng thũng lên[2]. Khi nào bụng to lên đó là lúc mà chứng thủy trướng đã thành[3]. Ta dùng tay đè lên bụng, (khi đỡ tay lên) nó sẽ theo với ngón tay để nổi lên, dường như là bên trong có bọc nước, đó là sự biểu hiện của chứng thủy trướng vậy”[4].

Hoàng Đế hỏi: "Chứng phu trướng biểu hiện như thế nào ?”[5].

Kỳ Bá đáp : "Chứng phu trưởng do hàn khí ở khách tại trong khoảng bì phu, khi sờ ấn lên thấy không cứng nhưng bên trong có tiếng kêu lũng bũng, bụng to, toàn thân đều sưng thũng, da dầy lên, khi ta ấn lên da bụng, nó sẽ lõm xuống mà không nổi trở lên, màu sắc của bụng không thay đổi, đó là sự biểu hiện của chứng phu trưởng vậy"[6].

Hoàng Đế hỏi: "Chứng cổ trưởng như thế nào ?"[7].

Kỳ Bá đáp : "Bụng trưởng to lên, thân hình trở nên to hơn, to như là chứng phu trưởng vậy, sắc màu xanh vàng, gân ở bụng nổi lên, đó là sự biểu hiện của cổ trưởng vậy"[8].

"Chứng Trường đàm như thế nào ?"[9].

Kỳ Bá đáp : "Hàn khí ở khách bên ngoài trường (ruột), cùng đánh nhau với vệ khí, làm cho khí không còn vinh nữa, nhân vì sự vận hành có bị trì trệ do đó bị tích lại bên trong và hiện rõ ra, ác khí gây ra bệnh cũng theo đó mà dấy lên, thế là sinh ra khối "tứ nhục"[10]. Khi nó mới sinh ra, to bằng quả trứng gà, ngày càng to hơn lên, cho đến khi thành hình hẳn, nó như hình trạng của người mang thai[11]. Cách qua chừng vài năm sau ta dùng tay đè lên thấy cứng, đẩy nó, nó sẽ dôi chỗ, nhưng đường kinh nguyệt vẫn chảy đến bình thường, đó là sự biểu hiện của chứng Trường đàm vậy"[12].

"Chứng thạch hà như thế nào ?"[13].

Kỳ Bá đáp : " Thạch hà sinh ra trong bào cung[14]. Hàn khí ở khách tại cửa của tử cung làm cho cửa của tử cung bị bế tắc, khí không thông, ác huyết đáng lẽ phải tả ra lại không được tả, làm cho huyết bị ứ lại bên trong, ngày càng to ra, hình trạng như mang thai, kinh nguyệt không chảy đến đúng kỳ[15]. Chứng này đều sinh ra ở người con gái[16]. Ta có thể áp dụng phương pháp trực ra để chảy xuống dưới"[17].

Hoàng Đế hỏi: "Chứng phu trưởng và cổ trưởng có thể châm để trị được không ?"[18].

Kỳ Bá đáp : "Trước hết dùng kim để tả những nơi có huyết lạc của ứ huyết, sau đó mới tùy theo hư thực để điều hòa kinh mạch, dù sao vẫn dùng phương pháp châm xuất huyết ở các huyết lạc là chính"[19].

THIÊN 58: TẠC PHONG

Hoàng Đế hỏi: "Thầy đã từng nói rằng tặc Phong, tà khí làm thương đến con người, làm cho con người bị bệnh, nay lại có những người chưa từng rời khỏi tấm bình phong và mái nhà của họ ở, chưa từng rời khỏi gian phòng kín như cái huyệt, vậy mà đột nhiên họ lại bị bệnh, đâu có phải là họ không rời tránh được khí Phong tà? Lý do nào đã khiến như vậy?"[1]

Kỳ Bá đáp : "Đây là trường hợp những người từng bị Thấp khí làm thương[2]. Thấp tà tàng ẩn trong huyết mạch, trong khoảng phận nhục, lưu lại đây lâu ngày mà không đi được[3]. Thêm vào đó, có khi họ bị té nhào xuống, ác huyết giữ lại bên trong mà không đi được, hoặc có khi họ thỉnh thoảng có những tình cảm vui giận mà không kiềm chế được, có những cách ăn uống không thích ứng, bị lạnh ấm không đúng lúc, tẩu lý bị bế nên không thông, hoặc có khi tẩu lý đang mở ra mà gặp phải Phong Hàn sẽ làm cho khí huyết bị ngưng kết, nó sẽ cùng tà khí cũ trong người đánh nhau, sẽ thành chứng Hàn tý, hoặc có khi do nhiệt mà mồ hôi ra, mồ hôi ra thì thọ Phong, tuy rằng họ không bị phải tặc phong tà khí, nhưng do vì tà khí phục tàng bên trong lại gia thêm phong khí mới cảm bên ngoài mà thành ra bệnh vậy"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Vừa rồi những lời lẽ mà thầy trình bày là những điều mà bệnh nhân có thể tự mình biết được, thế nhưng, có những trường hợp mà người bệnh không gặp phải tà khí, cũng không bị lo lắng, ưu sầu gây mà thỉnh thoảng họ lại bị bệnh, nguyên nhân nào lại như vậy ? Ta chỉ có thể cho là do ở quỷ thần đã tác động đến người hay sao?"[5].

Kỳ Bá đáp : "Đây cũng là trường hợp mà người nào đó vốn có tà khí cũ đang ở trong thân hình giữ lại từ lâu nhưng chưa phát ra ngoài trong lúc đó chí của mình có cái ghét, có cái thương (ưa thích), huyết khí sẽ loạn bên trong, hai khí cùng đánh nhau, sự biến hóa của tinh chí bên trong và sự biểu hiện bệnh trạng bên ngoài xảy ra 1 cách chậm và nhẹ nhàng, ta nhìn không thấy, nghe không rõ, do đó mà ta cứ tưởng như là mọi việc do quỷ thần gây ra"[6].

Hoàng Đế hỏi: "Ngày xưa có những người gọi là “chúc do” mà chữa bệnh cũng khỏi, nguyên nhân nào như vậy?"[7].

Kỳ Bá đáp : "Trước đây, những người vu chúc chữa bệnh, nhân vì họ biết được phương pháp khắc chế bằng Tâm và Thần, trước hết biết được bệnh sinh ra từ đâu, để rồi họ áp dụng phương pháp của “chúc do” để chữa khỏi bệnh vậy"[8].

THIÊN 59: VỆ KHÍ THẤT THƯỜNG

Hoàng Đế hỏi: "Vệ khí vận hành thất thường bị lưu trệ ở trong bụng, súc tích không vận hành được, uất tụ lại nhưng không có nơi nhất định, làm cho trướng mãn ở chi thể, hông sườn và Vị hoãn, hơi thở suyễn, khí nghịch lên trên, dùng phương pháp gì để có thể trừ được chứng bệnh này ?"[1].

Kỳ Bá đáp : "Khi nào khí tích lại ở trong ngực, ta sẽ thủ các huyệt ở vùng thượng bộ để trị[2], khi nào khí tích lại ở trong bụng, ta sẽ thủ các huyệt ở vùng hạ bộ để trị[3], khi nào cả 2 vùng trên và dưới ngực và bụng đều trướng mãn, ta có thể thủ các huyệt quanh vùng để trị"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Thủ những huyệt nào ?"[5].

Kỳ Bá đáp : "Khí tích ở vùng ngực, nên châm tả huyệt Đại Nghênh, Thiên Đột và Hâu trung (Liêm Tuyền)[6], Khí tích ở vùng bụng nên châm tả huyệt Tam Lý và Khí Nhai (Khí Xung)[7], Nếu cả vùng ngực và bụng đều trướng mãn, nên châm tả các huyệt trên như Nhân Nghênh, Thiên Đột, Liêm Tuyền, và các huyệt dưới như Tam Lý, Khí Nhai, và huyệt nằm bên dưới sườn cụt 1 thốn là huyệt Chương Môn[8], Nếu bệnh tình nặng hơn, nên áp dụng phép châm theo kê túc (vết chân gà)[9]. Trong lúc chẩn đoán, nếu thấy mạch của bệnh nhân đại mà huyền cấp và mạch tuyệt không đến, da vùng bụng căng lên dữ dội thì không nên châm"[10].

Hoàng Đế nói: "Đúng ! "[11].

Hoàng Đế hỏi Bá Cao: "Căn cứ vào đâu để biết bệnh thuộc về bì nhục, cân cốt, huyết khí ?"[12].

Bá Cao đáp : "Khi nào sắc của người bệnh hiện lên trong khoảng 2 chân mày mà mỏng và bóng láng, đó là triệu chứng của bì phu[13]; Môi hiện lên các màu sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, đó là triệu chứng của bệnh của cơ nhục, doanh khí hao tán ra ngoài làm cho da bị thấp ướt, đó là triệu chứng của bệnh ở huyết khí[14], Đôi mắt hiện lên các màu sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, đó là triệu chứng của bệnh ở cân[15], Vành tai khô héo không nhuận trạch, như có đầy chất bẩn, đó là triệu chứng của bệnh ở cốt"[16].

Hoàng Đế hỏi: "Hình trạng của bệnh biểu hiện ở nơi nào ? Thủ huyệt châm trị như thế nào ?"[17].

Bá Cao đáp : “Ồi ! Sự biến hóa của các bệnh không thể kể hết được, tuy nhiên, bì bệnh có bộ của nó, nhục bệnh có bắp của nó, huyết khí bệnh có chỗ vận hành của nó, cốt bệnh có chỗ thuộc vào của nó”[18].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về những nguyên nhân ấy"[19].

Bá Cao đáp : “Bộ vị của bì bị bệnh, nên thủ huyết trị nơi cạm của tứ chi[20], Các bắp của cơ nhục bị bệnh, nên thủ huyết châm trị nơi trong khoảng phận nhục của bắp tay, bắp cẳng chân, tức nơi vận hành của các kinh Dương, và những nơi bắp thịt gồ lên, con đường vận hành của kinh Túc Thiếu âm (Thận)[21], Huyết khí bị bệnh, nên thủ huyết châm trị nơi các lạc mạch có kinh khí đi qua, khi nào khí huyết bị ứ tắc lưu lại, nó sẽ làm cho nơi đó bị thịnh (gồ lên)[22], Cân bị bệnh thì không cần có sự phân biệt Âm Dương, bên phải bên trái gì cả, chỉ căn cứ vào nơi bộ vị phát ra bệnh để châm trị[23], Bệnh ở tại cốt, nên thủ huyết nơi thuộc vào của nó (tức những nơi quan tiết), để châm trị, bởi vì những huyết cốt không chính là nơi tiếp nhận tủy dịch để làm sung thực cho não tủy”[24].

Hoàng Đế hỏi: "Phép thủ huyết phải thế nào ?"[25].

Bá Cao đáp : “Ồi ! Sự biến hóa của bệnh không giống nhau, bệnh có phù có trầm, phép châm có sâu có cạn, phép trị liệu thật vô cùng, ta phải căn cứ vào tình huống của bệnh nơi bì nhục cân cốt để mà đưa vào bộ vị của từng loại để thủ huyết châm: bệnh nhẹ nên dùng phép châm cạn, bệnh nặng nên dùng nhiều kim, tùy theo bệnh biến mà ta điều khí, cho nên gọi đây là bậc thượng công: thầy thuốc khéo”[26].

Hoàng Đế hỏi Bá Cao: "Hình thân của con người có béo gầy, có lớn nhỏ, có hàn ôn; về tuổi tác, có lão, có tráng, có thiếu, có tiểu, làm thế nào phân biệt được những khác biệt ấy ?"[27].

Bá Cao đáp : “Con người từ 50 tuổi trở lên gọi là lão, từ 20 tuổi trở lên gọi là tráng, từ 18 tuổi trở xuống gọi là thiếu, từ 6 tuổi trở xuống gọi là tiểu”[28].

Hoàng Đế hỏi: "Lấy gì để am hiểu vấn đề béo và gầy ?"[29].

Bá cao đáp :”Con người béo chia làm phì, cao, nhục 3 loại”[30].

Hoàng Đế hỏi: "Phân biệt thế nào về 3 loại người này ?"[31].

Bá Cao đáp : “Các bắp thịt vùng vai, tay, gối, đùi... được rắn chắc, bì phu sung mãn, đó là loại hình của người phì [32], Các bắp thịt ... không rắn chắc, bì phu mềm nhão, đó là loại hình của người cao[33], Bì phu và cơ nhục bám chắc vào nhau, đó là loại hình của người nhục”[34].

Hoàng Đế hỏi: "Phân biệt thế nào về sự hàn ôn của 1 người ?"[35].

Bá Cao đáp : “Người thuộc loại hình cao, bắp thịt của họ mềm mà nhuận, tấu (lý) thô, thân của họ hàn, tấu (lý) nhuễn mà kín, thân của họ nhiệt[36]. Người thuộc loại hình chỉ, bắp thịt của họ rắn chắc, tấu lý của họ nhuễn mà kín, thân của họ nhiệt, tấu (lý) thô, thân của họ hàn”[37].

Hoàng Đế hỏi: "Những người này biểu hiện ra thân hình béo gầy, to nhỏ như thế nào ?"[38].

Bá Cao đáp : “Loại hình của người cao, (Dương) khí nhiều (thịnh) bì phu của họ lợi lỏng hơn, cho nên bụng của họ lợi và phệ xuống[39]. Loại hình của người nhục, thân thể họ to lớn[40]. Loại hình của người chỉ (cơ nhục kín, chắc) cho nên thân thể của họ nhỏ hơn loại cao và nhục”[41].

Hoàng Đế hỏi: "Tất cả 3 loại hình của số người nói trên, về mặt khí huyết nhiều ít như thế nào ?"[42].

Bá Cao đáp : “Loại người cao thì khí của họ nhiều, khí thuộc Dương, mà khí nhiều thì nhiệt, người nhiệt thì dễ chịu được lạnh [43]. Loại người nhục thì huyết của họ nhiều, huyết nhiều thì làm cho hình nhân được sung thực, hình nhân được sung thực thì sẽ được bình hòa[44]. Loại người chỉ thì huyết của họ thanh, khí của họ hoạt trôn mà ít, cho nên hình thân của họ không thể to lớn được[45]. Những loại người này khác với người bình thường (chúng nhân)”[46].

Hoàng Đế hỏi: "Chúng nhân là người như thế nào ?"[47].

Bá Cao đáp : “Chúng nhân là người mà từ da thịt, mỡ cao, mỡ chỉ (bình thường) không thể thêm vào cho mập lên được, huyết và khí cũng bình hòa không thể nhiều hơn về phía nào, vì thế hình thân của họ không nhỏ hơn mà cũng không to lớn hơn, tất cả từ bì nhục cân cốt đều tự cân xứng nhau với vóc dáng của mình, ta gọi những người đó là chúng nhân”[48].

Hoàng Đế nói: " Đúng thế ! Phép trị phải thế nào ?"[49].

Bá Cao đáp : "Trước hết nên phân biệt cho được 3 loại hình khác nhau như đã nói, phải nắm cho được sự nhiều ít của huyết, sự thanh trọc của khí, rồi sau đó mới áp dụng phép điều hòa khí huyết. lúc điều trị, đừng để mất đi cái lẽ thường của sự vận hành của kinh mạch[50]. Xin nhắc lại loại hình của người cao bụng của họ lợi và phệ xuống, loại hình của người nhục thì trên dưới đều to lớn, loại hình của người chỉ, cho dù họ có nhiều mỡ béo, họ cũng không thể to lớn như người cao và nhục được"[51]

THIÊN 60: NGỌC BẢN

Hoàng Đế hỏi: "Ta cho rằng cây kim nhỏ chỉ là 1 vật nhỏ, thầy lại nói rằng tác dụng của cây kim trên hợp với Trời, dưới hợp với Đất, giữa hợp với con người, Ta cho rằng thầy đã khen tác dụng của cây kim 1 cách quá đáng chăng ! Ta mong được nghe thầy giải thích về lý do nào như thế ?"[1].

Kỳ Bá đáp : "Có vật nào to hơn trời không ? Nay nếu muốn tìm vật nào to hơn cây kim, thì duy chỉ cần 5 loại binh khí là được[2]. Những loại binh khí này là dùng vào việc giết người, chứ không như những cây kim có thể cứu sống mạng người[3]. Vả lại, con người được xem là quý trọng nhất trong Trời Đất, họ lại không thể tham vào Trời Đất hay sao ? Ôi ! Phép trị dân cũng giống như sử dụng cây kim chữa bệnh vậy[4]. Khi chúng ta so sánh giữa cây kim châm và năm loại binh khí, biết cái nào (kim và binh khí) nhỏ hơn cái nào ?"[5].

Hoàng Đế hỏi: "Có loại bệnh, bắt đầu bởi việc vui giận không lường, ăn uống không điều độ, Âm khí bất túc, Dương khí hữu dư, doanh khí không vận hành, phát ra thành chứng ung thư[6]. Âm Dương bất thông, hai loại nhiệt nội và ngoại cùng đánh nhau sẽ sinh ra mủ, loại bệnh ung thư này có thể dùng tiêu châm để chữa trị được không ?"[7].

Kỳ Bá đáp : "Khi mà tà khí đi sâu vào để gây thành bệnh rồi, thì cho dù có bậc thánh nhân cũng không thể hóa trừ nó, tức là làm thế nào để cho tà khí không thể lưu lại được[8]. Ví như 2 đoàn quân sức mạnh ngang nhau, cờ sí phát phối trước mặt nhau, gươm giáo lấp lánh bày ra ở giữa cánh đồng, đó không phải mưu lược trong 1 ngày mà có được[9]. Trong 1 nước, lệnh của vua nếu có thể khiến cho người dân thi hành lệnh vua cấm chỉ các binh sĩ dùng gươm giáo gây ra nạn tai, đó không phải do sự giáo dục trong 1 ngày, trong 1 phút chốc mà được vậy[9]. Ôi ! Nay đến như cuộc sống cầu thả khiến cho thân hình bị phải bệnh ung thư bị máu mủ tụ lại, đó không phải là do những người này sống tách xa với cái đạo dưỡng sinh hay sao ?[10] Ôi ! sự sinh ra của ung

thư, sự thành hình của máu mủ không từ trên Trời rơi xuống, cũng không từ dưới đất chui lên, mà do ở sự tích chứa dần dần để sinh ra vậy[11]. Vì thế bậc thánh nhân biết lo liệu khi ung thư và máu mủ chưa thành hình, còn kẻ ngu thì sẽ chỉ thấy và biết được khi ung thư và máu mủ đã thành hình vậy"[12].

Hoàng Đế hỏi: " Khi ung thư đã thành hình rồi thì nó không cho chúng ta biết được, khi mủ đã tụ thành rồi thì nó không cho ta thấy được, vậy phải làm sao ?"[13].

Kỳ Bá đáp : "Khi mủ đã thành, mười người sẽ chết hết chín, vì thế bậc thánh nhân không để cho nó thành, bằng cách nêu rõ các phương ngăn ngừa và chữa trị hay nhất, viết lại trên thẻ tre và lụa, giúp cho những người tài năng dựa vào đó để tiếp nối, để truyền lại cho hậu thế, không bao giờ thất truyền, giúp cho những người không thấy và không biết cái nguy của bệnh này"[14].

Hoàng Đế hỏi: "Khi đã thành mủ và máu thì mới biết là gặp việc tử vong chẳng ? Không thể dùng tiểu châm để trị được ư ?"[15].

Kỳ Bá đáp : "Dùng tiểu châm để châm vào nơi vết nhỏ, công lao ít, dùng đại châm để châm vào nơi vết lớn, tai hại xảy ra nhiều hơn[16]. Cho nên nếu đã thành mủ và máu, chỉ nên dùng biêm thạch và phi châm để châm lấy máu mủ là tốt nhất"[17].

Hoàng Đế hỏi: "Bệnh ung thư có những chuyển biến ác liệt, như vậy chúng ta hoàn toàn không có cách chữa trị hay sao ?"[18].

Kỳ Bá đáp : "Vấn đề này, phải dựa vào sự nghịch thuận của bệnh để quyết định"[19].

Hoàng Đế nói: "Ta mong được nghe về vấn đề thuận nghịch"[20].

Kỳ Bá đáp : "Vì tạng phủ bị nội thương, ung thư biểu hiện bằng 5 nghịch chứng: trông trắng mắt hiện lên màu xanh, trông đen mắt thu nhỏ lại, đó là nghịch chứng thứ nhất[21]. Uống thuốc vào ói trở ra, đó là nghịch chứng thứ hai[22]; Vùng bụng đau, khát nước dữ dội, đó là nghịch chứng thứ ba[23]; Vai và cổ gáy xoay trở bất tiện, đó là nghịch chứng thứ tư[24]; Tiếng nói bị tắt, sắc diện hiện lên màu thoát huyết, đó là nghịch chứng thứ năm[25]. Trừ 5 nghịch chứng trên, còn lại đều gọi là thuận"[26].

Hoàng Đế hỏi: "Các loại bệnh khác cũng đều có nghịch chứng và thuận chứng, ta có thể nghe thầy giải thích được không ?"[27].

Kỳ Bá đáp : "Bụng bị trướng, thân hình nhiệt, mạch đại, đó là nghịch chứng thứ nhất[27]; Bụng bị kêu sôi mà đầy, tứ chi bị lạnh và tiêu chảy, mạch đại, đó là nghịch chứng thứ hai[28]; Ra máu mũi không ngừng, mạch đại, đó là nghịch chứng thứ ba[29]; Ho mà tiểu ramáu, hình thể cơ nhục héo gầy, mạch tiểu mà hữu lực, đó là nghịch chứng thứ tư[30]; Ho mà hình thể cơ nhục héo gầy, thân hình phát nhiệt, mạch tiểu mà tât (sác), đó là nghịch chứng thứ năm[31]. Những nghịch chứng như vậy sẽ phải chết trong vòng không quá 15 ngày[32].

Dưới đây là ngũ thịnh cấp chứng, chết gấp: bụng to mà phát trướng, tứ chi lạnh buốt, hình thể cơ nhục bị héo gầy, tiêu chảy không ngừng, đó là nghịch chứng thứ nhất[33]; Bụng bị trướng và tiêu ra máu, mạch đại, có lúc ngưng, đó là nghịch chứng thứ hai[34]; Ho và tiểu tiện ra máu, cơ nhục thoát gầy, mạch bác (chân tạng bị kiệt), đó là nghịch chứng thứ ba[35]; Nôn ra máu, ngực bị đầy và dẫn ra đến sau lưng, mạch tiểu và tât (sác), đó là nghịch chứng thứ tư[36]; Ho và ói, bụng trướng, thêm chứng xông tiết, mạch tuyệt, đó là nghịch chứng thứ năm[37]. Như vậy, chỉ trong khoảng 1 ngày là chết[38]. Người thầy khéo nếu không xét cho kỹ những trường hợp như trên để rồi châm 1 cách cầu thả, gọi là nghịch trị vậy"[39].

Hoàng Đế hỏi: "Thầy đã nói về tác dụng của cây kim thật tuyệt vời, nó có thể phối hợp với Thiên Địa, trên tình được Thiên văn, dưới đo được Địa kỹ, bên trong phân biệt được ngũ tạng, bên ngoài ứng với lục phủ, kinh mạch có 28 hội, tất cả đều có vận hành tuần hoàn của nó[40]. Có người cho rằng cây kim chỉ có thể giết người đang sống, mà không thể cứu được người sắp chết, Thầy có thể chống lại ý kiến đó không ?"[41].

Kỳ Bá đáp : "Nếu phép châm mà không đúng thì sẽ giết chết người đang sống, chứ không thể cứu được người sắp chết"[42].

Hoàng Đế nói: "Ta nghe như vậy, trong lòng bất nhân (bất nhẫn) quá, Tuy nhiên, ta mong được nghe giải thích về cái đạo của việc châm, khiến cho người thầy thực hiện cầu thả làm hại người khác"[43].

Kỳ Bá đáp : "Đây là 1 cái đạo rất rõ ràng, rất tất nhiên, người không khéo dụng châm sẽ ví như đao kiếm có thể giết người, như uống rượu thì sẽ say vậy, Ta không cần phải chẩn đoán, xét rõ mà cũng có thể biết được"[44].

Hoàng Đế nói: "Ta mong được nghe cho rõ ràng"[45].

Kỳ Bá đáp : "Tinh khí của con người bầm thụ từ cốc khí[46]. Nơi mà cốc khí rót vào là Vị[47]. Vị là biển của khí huyết[48]. Khí bốc lên từ biển sẽ thành mây, tỏa rộng đều trong thiên hạ[49]. Con đường mà khí huyết xuất ra từ Vị gọi là kinh toại[50]. Kinh toại chính là đại lạc của ngũ tạng, lục phủ[51]. Nay nếu ta áp dụng phương pháp nghênh để đoạt (đón) chân khí để tả sai lầm thì Vị khí sẽ bị tuyệt"[52].

Hoàng Đế hỏi: "Thượng kinh (Thủ) và Hạ kinh (Túc) có con số về huyết cấm châm không ?"[53].

Kỳ Bá đáp : "Nếu ta dùng phép nghênh nhi đoạt chi (tả) để châm huyết Ngũ Lý thì tạng khí đi nửa đường đã tuyệt[54]. Châm năm lần đến thì khỏi bệnh, nếu 1 châm tả nhầm 5 lần thì 1 tạng khí sẽ bị kiệt tận[55]. Vì thế mỗi tạng 5 lần sẽ bị kiệt, 5 huyết nhân cho 5 lần gồm 25 lần thì làm kiệt cả các du huyết[56]. Ta gọi đây là châm tả nhầm lẫn đã đoạt mất đi Thiên khí, nếu không phải là tuyệt mệnh thì cũng làm giảm tuổi thọ vậy"[57].

Hoàng Đế nói: " Ta mong được nghe cho rõ ráo"[58].

Kỳ Bá đáp : "Châm cạn như người dòm vào cửa (không vào sâu bên trong) thì người bệnh sẽ chết khi về đến nhà, châm sâu như người đi vào sâu trong nhà, người bệnh sẽ chết ngay giữa nhà thầy thuốc"[59].

Hoàng Đế nói: "Những phương mà thầy nói ra thật khéo ! Cái Đạo mà thầy nêu lên thật sáng sủa ! Tôi xin được ghi vào sách Ngọc bản, xem như những bảo vật quan trọng, truyền lại cho hậu thế, xem như tài liệu về thích cấm, khiến cho người dân đừng phạm phải"[60].

THIÊN 61: NGŨ CẤM

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ta nói phép châm có ngũ cấm (5 điều cấm kỵ), Vậy ngũ cấm là gì ?"[1].

Kỳ Bá đáp : "Đây là cấm 1 số huyết đạo trong trong ngày nào đó không được châm"[2].

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói trong phép cấm châm có ngũ đoạt"[3].

Kỳ Bá đáp : "Không nên châm tả những bệnh chứng không được châm tả"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói trong phép cấm châm có ngũ quá"[5].

Kỳ Bá đáp : "Đó là nói trong phép bổ tả không nên đi quá độ"[6].

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói trong phép cấm châm có ngũ nghịch"[7].

Kỳ Bá đáp : "Bệnh chứng và mạch cùng nghịch nhau, gọi là ngũ nghịch"[8].

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói trong phép châm có cửu nghi"[9].

Kỳ Bá đáp : "Nếu biết rõ 9 điều luận về cửu châm, gọi là cửu nghi"[10].

Hoàng Đế hỏi: "Thế nào gọi là ngũ cấm ? Ta mong được nghe về thời không được châm"[11].

Kỳ Bá đáp : "Ngày Giáp Ất trong Thiên Địa có chỗ ứng của nó: không nên châm ở vùng đầu, cũng không nên áp dụng phép châm Phát mông để châm vào trong tai[12]; Ngày Bính Đinh, không nên áp dụng phép châm chấn ai để châm vào vùng vai, cổ họng và huyết Liêm Tuyền[13]; Ngày Mậu Kỷ có chỗ ứng của nó và những ngày thuộc tứ quý (thìn, tuất, sửu, mùi), không nên châm vùng bụng và cũng không nên áp dụng phép châm Khứ trào để châm tả thủy[14]; Ngày Canh Tân có chỗ ứng của nó, không nên châm vào các vùng quan tiết, đùi và gối[15]; Ngày Nhâm Quý có chỗ ứng của nó, không nên châm vùng chân, cẳng chân[16]. Đó gọi là ngũ cấm"[17].

Hoàng Đế hỏi: "Thế nào gọi là ngũ đoạt ?"[18].

Kỳ Bá đáp : "Người bệnh lâu mà hình thể, cơ nhục bị héo gầy, đó gọi là nhất đoạt[19]; Sau khi xuất huyết nhiều, đó gọi là nhị đoạt[20]; Sau khi ra mồ hôi nhiều, đó gọi là tam đoạt[21]; Sau khi tiêu chảy nhiều, đó gọi là tứ đoạt[22]; Sau khi sinh sản nhiều hoặc bị ra huyết nhiều, đó gọi là ngũ đoạt[23]. Những trường hợp này không nên châm tả"[24].

Hoàng Đế hỏi: "Thế nào gọi là ngũ nghịch ?"[25].

Kỳ Bá đáp : "Bệnh phát sốt mà mạch lại an tĩnh, sau khi hạn xuất mà mạch lại thịnh đại và táo, đó là nhất nghịch[26]; Bệnh tiêu chảy mạch lại hồng đại, đó là nhị nghịch[27]; Bệnh tê không còn cảm giác ở tay chân lâu ngày không khỏi, bắp thịt ở bắp tay và bắp chân bị vỡ, thân hình phát nhiệt, mạch đều tuyệt, đó là tam nghịch[28]; Tà khí xâm chiếm tràn vào trong, hình thể héo gầy khác thường, thân hình bị nhiệt, sắc diện trắng

bạch, trong lúc đại tiện, tiêu ra máu đóng cục đen, loại máu cục đen này báo hiệu bệnh đã nặng, đó là tứ nghịch[29]; Bệnh hàn nhiệt lâu ngày làm cho hình thể héo gầy khác thường, mạch nhịp kiên mà hữu lực, đó là ngũ nghịch”[30].

THIÊN 62: ĐỘNG DU

Hoàng Đế hỏi: "Kinh mạch gồm có 12, trong số đó, các kinh Thủ Thái âm, Túc Thiếu âm, Túc Dương minh lại tự mình động không ngừng, tại sao vậy ?”[1].

Kỳ Bá đáp : "Đó là muốn làm sáng tỏ vai trò của Vị mạch vậy[2]. Vị đóng vai biến của ngũ tạng lục phủ, khí thanh của nó lên trên chú vào Phế, Phế khí bắt đầu vận hành ở kinh thủ Thái âm, sự vận hành của Phế cũng vắng lai với hơi thở (tức)[2]. Cho nên, con người thở 1 hô thì mạch tái động, sự hô hấp không bao giờ ngưng, do đó mà mạch cũng động không ngừng”[3].

Hoàng Đế hỏi: "Khí đi qua Thốn khẩu, khí tiến rất mạnh, khí này từ đâu sinh ra ? Khí thoát suy dần, khí này suy để ẩn núp nơi nào ? Con đường nào đã dẫn dắt sự tiến thoái của khí ? Ta không hiểu thực sự vấn đề xảy ra như thế nào ?”[4].

Kỳ Bá đáp : "Khi mà khí rời khỏi tạng để xuất ra, sẽ ào ạt như mũi tên bắn rời khỏi cung, như dòng nước cuộn cuộn chảy xuống khỏi bờ, khí lên đến vùng ngực sẽ suy dần, khí còn dư lại đó sẽ suy và tán ra để nghịch lên phía trên, từ đó thể của khí yếu dần”[5].

Hoàng Đế hỏi: "Kinh Dương minh ở Túc, do đâu mà động”[6].

Kỳ Bá đáp : "Vị khí lên trên rót vào Phế, khí nhanh nhẹn của nó xung lên đến trên đầu, đi dọc theo cổ họng, lên trên để ra đến các không khiếu, đi dọc theo nhân hệ, nhập vào để lạc với não, xuất ra đến vùng trán, xuống dưới đến huyết Khách chủ nhân, tuần hành theo huyết Giáp Xa hợp lại với kinh túc Dương minh, rồi cùng xuống đến huyết Nhân Nghênh[7]. Đây là con đường vận hành đặc biệt của kinh túc Dương minh khiến cho mạch Nhân nghênh động không ngừng[8]. Vì thế mạch của Thái âm và Dương minh, huyết Thốn khẩu và Nhân nghênh, tuy ở hai mạch khác nhau nhưng sự vận hành để được động là một[9]. Vì thế Dương bệnh mà Dương mạch lại tiểu, đó là bệnh và mạch nghịch nhau[10]. Cho nên, nếu bệnh mà mạch Âm và Dương đều tĩnh hoặc đều động ví như kéo 2 sợi dây phải đều nhau, nay lại bị nghiêng lệch nhau, đó là bệnh”[11].

Hoàng Đế hỏi: "Kinh túc Thiếu âm do đâu mà động ?”[12].

Kỳ Bá đáp : "Xung mạch là biển của 12 kinh, cùng với đại lạc của kinh túc Thiếu âm, khởi lên từ bên dưới Thận, xuất ra ở huyết Khí Nhai, tuần hành theo mép trong của đùi vế, đi lệch vào bên trong của kheo chân, dọc theo mép trong của xương cẳng chân, rồi đi chung với kinh túc Thiếu âm, xuống dưới nhập vào phía sau của mắt cá trong[13]. Khi xuống dưới chân, nó có 1 chi đi lệch vào bên trong mắt cá, xuất ra trên mu bàn chân, nhập vào trong khoảng ngón chân cái, rót vào các lạc mạch, nhằm làm ấm cho chân và cẳng chân, đó là nguyên nhân khiến cho mạch Thái Khê của kinh túc Thiếu âm thường động không ngừng vậy"[14].

Hoàng Đế hỏi: "Sự vận hành của doanh và vệ khí cùng quán thông nhau trên dưới như chiếc vòng ngọc không đầu mối, nay có khi đột nhiên gặp phải tà khí tắc phong, hoặc gặp mùa lạnh buốt làm cho tay chân bị bủn rủn bất lực, các mạch đạo trên đường vận hành của Âm Dương nội ngoại, hoặc các du huyết nơi mà khí huyết vận hành hội nhau, như vậy khí phải đi theo con đường nào để quay trở về được chỗ cũ tức là để cho sự vận hành không ngừng nghỉ như chiếc vòng ngọc ?"[15].

Kỳ Bá đáp : "Ôi ! Tứ chi của con người như nơi hội tiếp nhận và đưa đi của Âm kinh và Dương kinh, đây cũng là nơi đại lạc của mạch khí[16]. Từ nhai là con đường thẳng nối liền của khí doanh vệ, vì thế nếu lạc bị tuyệt thì tứ nhai thông, khi nào tứ chi được giải thì khí doanh vệ sẽ từ tứ nhai tiếp nối trở lại để hội nhau cùng vận hành như chiếc vòng ngọc"[17].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng ! Đây chính là ý nghĩa mà ta gọi là như chiếc vòng ngọc không đầu mối, không thể biết từ lúc nào và bao nhiêu lần đứt rồi lại bắt đầu, đây chính là ý nghĩa mà ta muốn biết về vấn đề trên"[18].

THIÊN 63: NGŨ VỊ LUẬN

Hoàng Đế hỏi Thiệu Du: "Ngũ vị khi ăn vào miệng, mỗi loại đều có nơi để nó quay về, mỗi loại đều có thể bệnh riêng[1]. Vị chua đi về cân khí, nếu ăn quá nhiều vị chua sẽ làm cho thành chứng tiểu bí (lưng)[2]; Vị mặn đi về huyết, nếu ăn quá nhiều vị mặn sẽ làm cho thành chứng khát nước[3]; Vị cay đi về khí, nếu ăn quá nhiều vị cay sẽ thành chứng động tâm[4]; Vị đắng đi về cốt, nếu ăn quá nhiều vị đắng sẽ làm cho thành chứng nôn[5]; Vị ngọt đi về nhục, nếu ăn quá nhiều vị ngọt sẽ làm cho thành chứng Tâm bứt rứt[6]. Ta biết những gì xảy ra về chúng, nhưng ta không biết do đâu mà thành như vậy?[7]. Ta mong được nghe giải thích về những nguyên nhân gây ra đó"[8].

Thiếu Du đáp: “Vị chua nhập vào đến Vị, khí của nó rít lại có tác dụng thu liễm, lên trên đến lưỡng tiêu (Trung và Thượng), không còn có thể xuất hoặc nhập được nữa, không xuất được, tức là sẽ lưu lại trong Vị, nếu trong Vị ôn hòa không tích lại được, nó sẽ xuống dưới rót vào Bàng quang, bọc của Bàng quang mỏng và mềm, khi có vị chua sẽ co rút lại, ràng buộc không thông, thủy đạo không vận hành, do đó mà sẽ bị chứng tiểu bí (lưng)[9]. Âm khí tức bộ phận sinh dục là nơi tích tụ của cân khí, cho nên vị chua nhập vào sẽ đi đến (tông) cân vậy”[10].

Hoàng Đế hỏi: “Vị mặn khi nhập vào đến Vị, khí của nó đi lên trên để đi vào Trung tiêu, rót vào các mạch để rồi huyết khí của mạch đưa đi, khi huyết và vị mặn cùng hợp vào nhau sẽ làm cho ngưng trệ, ngưng trệ thì nước trấp trong Vị phải rót vào để tư nhuận, và vì phải rót vào cho nên thủy dịch trong Vị bị kiệt, thì con đường của yết hầu phải khô, vì thế cổ họng bị khô và hay khát nước[11]. Huyết mạch là con đường vận hành của Trung tiêu, vì thế nếu vị mặn nhập vào phải đi đến huyết vậy”[12].

Hoàng Đế hỏi: “Vị cay đi về khí, nếu ăn nhiều vị cay sẽ làm thành chứng động Tâm, tại sao vậy ?”[13].

Thiếu Du đáp: “Vị cay nhập vào Vị, khí của nó chạy lên đến Thượng tiêu, Thượng tiêu là nơi nhận lấy khí để mở rộng đi đến các vùng Dương của thân thể[14]. gừng và rau hẹ, khí của nó chưng cất lên trên, khiến cho khí doanh vệ luôn luôn nhận lấy sự (sự kích thích ấy), lưu lại lâu ngày ở dưới Tâm, khiến cho thành chứng động Tâm[15]. Vị cay và khí cùng đi chung nhau, vì thế vị cay vào sẽ cùng đi ra ngoài với mồ hôi vậy”[16].

Hoàng Đế hỏi: “Vị đắng đi về cốt, nếu ăn nhiều vị đắng sẽ làm cho người ta bị nôn, tại sao vậy ?”[17].

Thiếu Du đáp: “Vị đắng nhập vào Vị, khí của ngũ cốc không thắng được vị đắng, vị đắng nhập vào vùng Hạ hoãn làm cho con đường vận hành của Tam tiêu bị bế tắc không thông, vì thế thành chứng nôn[18]. Răng là nơi chấm dứt của cốt, vì thế vị đắng vào sẽ đi theo cốt, vì thế vị đắng nhập vào rồi lại quay trở ra bằng miệng và răng, cho ta biết vị đắng là quay về cốt vậy” [19].

Hoàng Đế hỏi: “Vị ngọt đi về nhục, nếu ăn nhiều vị ngọt sẽ làm cho người ta bứt rứt ở Tâm, tại sao vậy ?”[20].

Thiếu Du đáp: “Vị ngọt nhập vào Vị, khí của nó nhược và tiểu, không thể lên trên đến Thượng tiêu, nó sẽ cùng với cốc khí lưu lại ở trong Vị, sẽ làm cho trong Vị bị mềm và lơ lửng[21]. Khi mà Vị bị mềm (nhu) thì sẽ lơ lửng, lơ lửng thì trũng sẽ động lên, trũng động lên thì sẽ làm cho Tâm bị bứt rứt[22]. Khí của vị ngọt, bên ngoài không thông với nhục, vì thế mới nói vị ngọt đi theo với nhục”[23].

THIÊN 64: ÂM DƯƠNG NHỊ THẬP NGŨ NHÂN

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói vóc dáng con người gồm 2 loại Âm và Dương phân biệt như thế nào ?"[1].

Bá Cao đáp : “Trong khoảng Trời Đất, trong khoảng 4 phương và trên dưới, không có cái gì tách rời được sự phân loại của ngũ hành, con người cũng ứng theo ngũ hành[2]. Trong ngũ hành lại chia mỗi hình làm 5 loại hình khác nhau, cho nên 5 lần 5 là 25 loại hình chuẩn trong số này chưa kể đến 2 loại hình Âm và Dương như thiên ‘Thông Thiên’ đã nói, hình thái của những người thuộc Âm Dương gồm có 5 loại, cũng khác với người thường[3]. Tất cả những điều đó, ta đều đã biết cả, Ta chỉ mong được nghe giải thích về vấn đề hình dáng của 25 người này, khí huyết sinh ra làm sao ? Đặc trưng biểu hiện bên ngoài của mỗi người như thế nào ? Làm sao có thể đi từ hình dáng bên ngoài để suy ra biết được sự biến hóa của tạng phủ bên trong ? Tất cả phải hiểu như thế nào ?”[4].

Kỳ Bá đáp : "Thật là những câu hỏi rất đầy đủ, đây là những hiểu biết mà các bậc tiên sư phải giữ gìn kín đáo, dù là Bá Cao, cũng không thể rõ được nội dung”[5].

Hoàng Đế rời khỏi chỗ ngồi, lui lại vài bước, nói 1 cách cung kính: “Ta nghe rằng, ta biết được 1 người có tài năng mà không dạy cho họ những điều hay của tiên sư, đó là 1 tổn thất to tát, nhưng giả thiết nếu ai đó biết được những điều hay ấy mà lại phổ biến 1 cách bừa bãi, người có Thiên tính tốt rất ghét những việc phổ biến bừa bãi ấy, Ta chỉ mong được biết những điều hay của tiên sư để làm sáng tỏ nó rồi cất vào hộp Kim quỹ, không dám phổ biến rộng rãi bừa bãi”[6].

Kỳ Bá đáp : "Trước hết, chúng ta nên mô tả lại 5 loại hình dáng thuộc Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, tiếp đến là phân biệt được ngũ sắc, tìm ra những nét khác nhau trong 5 loại hình dáng ấy, như vậy, ta sẽ có đầy đủ 25 loại hình dáng của họ”[7].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe thầy nói đầy đủ hơn nữa”[8].

Kỳ Bá đáp : "Thật là thận trọng ! Thật là thận trọng ! Thần xin trình bày như sau:"[9].

Người có hình dáng của Mộc, so được với âm Thượng giốc, giống với dáng người thương đế (đông phương); Những người này có làn da màu xanh, đầu nhỏ, khuôn mặt dài, hai vai to rộng, lưng thẳng, thân người nhỏ, tay chân nhanh nhẹn; Họ có là người có tài năng, làm việc lao tâm, sức lực kém, nhiều ưu tư, chịu khó đối với việc làm; Họ là người chịu đựng được thời lệnh của mùa xuân và mùa hạ, không chịu được thời lệnh của mùa thu và mùa đông, vì vào mùa này, khi họ bị cảm bởi tà khí thì sẽ bị bệnh; Những người mẫu theo âm Thượng giốc này thuộc về Túc Quyết âm Can kinh, phần lớn dáng dấp của họ là ung dung tự tại[10].

Người thuộc Mộc hình còn chia ra làm 4 loại, người thuộc âm Đại giốc (phần trên của phía tả), so được với dạng người thuộc túc Thiếu dương Đờm kinh ở phía tả, giống với dạng người bên trên của túc Thiếu dương, thái độ làm người của họ là khiêm nhường, hòa nhã, không tranh hơn thua[11].

Người thuộc âm Tả giốc (phần dưới của bên hữu), so được với dạng người của túc Thiếu dương Đờm kinh ở phía hữu, giống với dạng người bên dưới của túc Thiếu dương, thái độ làm người của họ là hay thuận tùng theo người khác[12].

Người thuộc âm Đệ giốc (phần trên của bên hữu), so được với dạng của người của túc Thiếu dương Đờm kinh ở phía hữu, giống với dạng người bên trên của túc Thiếu dương, thái độ làm người của họ là cầu tiến, tiến về phía trước[13].

Người thuộc âm Phán giốc (phần dưới của bên tả), so được với dạng người của túc Thiếu dương Đờm kinh ở phía tả, giống với dạng người bên dưới của túc Thiếu dương, thái độ làm người của họ là ngay thẳng (phương chính)[14].

Người có hình dáng của Hỏa, so được với âm thượng chủy, giống với dáng người xích đế (nam phương); Những người này có làn da màu đỏ, thớ thịt ở cột sống lưng nảy nở rộng, gương mặt gầy nhợt, đầu nhỏ, các vùng vai, lưng, xương mông, bụng nảy nở đều, tay chân nhỏ, bước đi vững vàng, xử sự với mọi vật, mọi việc rất sáng suốt, khi bước đi hai vai lắc lư nhịp nhàng, bắp thịt ở lưng tròn đầy; Hành vi của những người này đầy khí phách, xem nhẹ tiền tài, kém tự tin, nhiều ưu tư, gặp việc giải quyết sáng suốt, thích sắc đẹp; Tâm nhanh, không sống lâu, thường bị chết 1 cách tức tử; Họ là người chịu đựng được thời lệnh của mùa xuân và mùa hạ, không chịu đựng được thời lệnh của mùa thu và mùa đông, vì vào mùa này, khi bị cảm bởi tà khí thì sẽ bị

bệnh; Những người mẫu theo âm thượng chủy này thuộc về thủ Thiếu âm Tâm kinh, phần lớn đáng đáp của họ là trung thực[15].

Người thuộc Hỏa hình còn chia làm 4 loại, người thuộc âm chất chủy (phần trên của phía tả), so được với dạng người thuộc thủ Thái dương Tiểu trường kinh ở phía tả, giống với dạng người bên trên của thủ Thái dương, thái độ làm người của họ là nông cạn[16].

Người thuộc âm thiếu chủy (phần dưới của bên hữu), so được với dạng người của thủ Thái dương Tiểu trường kinh ở phía hữu, giống với dạng người bên dưới của thủ Thái dương, thái độ làm người của họ là lạc quan và thường vui vẻ[17].

Người thuộc âm hữu chủy (phần trên của bên hữu), so được với dạng người của thủ Thái dương Tiểu trường kinh ở phía hữu, giống với dạng người bên trên của thủ Thái dương, thái độ làm người của họ là không chịu nhường bước, đứng sau ai [18].

Người thuộc âm chất phán (phần dưới của bên tả), so được với dạng người của thủ Thái dương Tiểu trường kinh ở phía tả, giống với dạng người bên dưới của thủ Thái dương, thái độ làm người của họ là quẳng hết mọi ưu phiền, thung dung tự đắc[19].

Người có hình dáng của Thổ, so được với âm thượng cung, giống với dáng người hoàng đế thời thượng cổ (trung ương); Những người này có làn da màu vàng, mặt tròn, đầu to, vai và lưng nảy nở khỏe đẹp, bụng to, đùi và cẳng chân đều đẹp, tay chân thon nhỏ, bắp thịt đầy đặn, thân hình từ trên xuống dưới đều cân đối, bước đi vững vàng, bước chân không cao; Nội tâm của họ ổn định, thường hay làm lợi cho người khác, không thích có quyền thế, chỉ thích và khéo làm việc giúp đỡ người khác; Họ là người chịu đựng được thời lệnh của mùa thu và mùa đông, không chịu đựng được mùa xuân và mùa hạ, vì vào mùa xuân và hạ, khi bị cảm bởi tà khí thì sẽ bị bệnh; Những người mẫu theo âm thượng cung này Thuộc về túc thái âm Tỳ kinh, thái độ làm người của họ là đôn hậu, thành khẩn[20].

Người thuộc Thổ hình còn chia làm 4 loại, người thuộc âm Thái cung (phần trên của phía tả), so được với dạng người thuộc túc Dương minh Vị kinh ở phía tả, giống với dạng người bên trên của túc Dương minh, thái độ làm người của họ là thích hòa thuận[21].

Người thuộc âm gia cung (phần dưới của phía tả), so được với dạng người của túc Dương minh Vị kinh ở phía tả, giống với dạng người ở bên dưới túc Dương minh, thái độ làm người của họ là đoan trang, cẩn trọng[22].

Người thuộc âm thiếu cung (phần trên của bên hữu), so được với dạng người của túc Dương Minh Vị kinh ở phía hữu, giống với dạng người bên trên của túc Dương minh, thái độ làm người của họ là uyển chuyển để được vẹn toàn[23].

Người thuộc âm tả cung (phần dưới của bên hữu), so được với dạng người của túc Dương minh Vị kinh ở phía bên hữu, giống với dạng người bên dưới của túc Dương minh, thái độ làm người của họ là siêng năng, cần cù, chuyên tâm làm việc không ngại gian lao[24].

Người có hình dáng của Kim, so được với âm thượng thương, giống với dáng người thuộc bạch đế; Những người này có làn da màu trắng, khuôn mặt vuông, đầu nhỏ, vai và lưng nhỏ, bụng nhỏ, tay chân thon nhỏ, xương gót chân như muốn gồ ra ngoài, các đốt xương toàn thân nhẹ; Họ thường gìn giữ thân hình sạch sẽ; Tâm cấp, có thể tĩnh đó có thể động, động lên 1 cách dữ dội, họ giỏi về cung cách làm quan (hành chính); Họ chịu đựng được mùa thu và mùa đông, không chịu đựng được mùa xuân và hạ, nếu bị cảm bởi tà khí thì bệnh sinh ra; Những người mẫu theo âm thượng thương này thuộc về thủ Thái âm Phế kinh, thái độ làm người của họ là cứng rắn, không chịu khuất phục[25].

Người thuộc Kim hình còn chia làm 4 loại, người thuộc âm Đại thương, (phần trên của phía tả), so được với dạng người thuộc thủ Dương minh Đại trường kinh ở phía tả, giống với dạng người ở bên trên thuộc thủ Dương minh, thái độ làm người của họ là luôn luôn giữ được thân mình trong sạch[26].

Người thuộc âm hữu thương (phần dưới của phía tả), so được với dạng người của thủ Dương minh Đại trường kinh ở phía tả, giống với dạng người ở bên dưới thủ Dương minh, thái độ làm người của họ là thư thả, dễ chịu, không bị câu nệ[27].

Người thuộc âm tả thương (phần trên của phía hữu), so được với dạng người của thủ Dương minh Đại trường kinh ở phía hữu, giống với dạng người ở bên trên của thủ Dương minh, thái độ làm người của họ là giỏi phân biệt điều phải trái[28].

Người thuộc âm Thiếu thương (phần dưới của bên hữu), so được với dạng người của thủ Dương minh Đại trường kinh ở phía hữu, giống với dạng người bên dưới của thủ Dương minh, thái độ làm người của họ là trang nghiêm, chững chạc[29].

Người có hình dáng của Thủy, so được với âm thượng vũ, giống với dáng người thuộc hắc đế; Những người này có làn da màu đen, khuôn mặt lõm vào, đầu to, cằm nhọn, hai vai nhỏ, bụng to, tay chân hay động, khi đi hay lắc lư thân hình, phần dưới từ thắt lưng đến xương cụt dài, phần lưng cao dong dỏng; Bẩm tính của họ là không cung kính ai, cũng không sợ ai, giỏi tài lường gạt người khác, đã giết người rồi thì giết đến chết; Họ chịu đựng được mùa thu và mùa đông, không chịu đựng được mùa xuân và mùa hạ, trong mùa xuân và hạ nếu bị cảm bởi tà khí thì bệnh sinh ra; Những người mẫu theo âm thượng vũ này thuộc về túc Thiếu âm Thận kinh, thái độ làm người của họ là không gò bó, hạn chế bởi 1 giới hạn nào cả[30].

Người thuộc Thủy hình còn chia làm 4 loại, người thuộc âm Đại vũ (phần trên của phía hữu), so được với người túc Thái dương Bàng quang kinh ở phía hữu, giống với dạng người bên trên thuộc túc Thái dương, thái độ làm người của họ là biểu lộ ở trên mặt một sắc thái tự đắc[31].

Người thuộc âm Thiếu vũ (phần dưới của phía tả), so được với dạng người của túc Thái dương Bàng quang kinh ở phía tả, giống với dạng người bên dưới của túc Thái dương, thái độ làm người của họ là hay quanh co, không thẳng thắn[32].

Người thuộc âm Chủng vũ (phần dưới của phía hữu), so được với dạng người của túc Thái dương Bàng quang ở phía hữu, giống với dạng người bên dưới túc Thái dương, thái độ làm người của họ là thẳng thắn, trong sạch[33].

Người thuộc âm Chấn vũ (phần trên của phía tả), so được với dạng người của túc Thái dương Bàng quang kinh ở phía tả, giống với dạng người bên trên của túc Thái dương, thái độ làm người của họ là có một tâm hồn vững vàng, đạo đức cao trọng[34].

Cho nên, hình dáng con người thuộc ngũ hành, phân chia ra làm 25 lần biến hóa, đây là những điều biến hóa khó hiểu mà đa số người bình thường không quan tâm, xem thường vậy[35].

Một người nào đó đặc được cái hình dáng thuộc 25 hình, nhưng sắc diện lại hiện ra không đúng với hình dáng ấy thì sao ?”[36].

Kỳ Bá đáp : "Nếu ngũ hành của hình dáng khác ngũ hành của sắc diện, hoặc ngũ hành của sắc diện thắng ngũ hành của hình dáng, ta nên chú ý đến trường hợp này, gặp phải năm niên kỵ, nếu bị cảm bởi tà khí thì dễ sinh bệnh, và nếu việc trị liệu bị sơ suất thì bệnh tình sẽ có nhiều điều lo âu[37]. Nếu như hình dáng và sắc diện tương đắc đó là sự biểu hiện dạng người phú quý, đại lạc vậy"[38].

Hoàng Đế hỏi: "Trường hợp hình dáng và sắc diện tương khắc, rồi gặp phải năm niên kỵ nữa, ta có thể biết sự tương quan này không ?"[39].

Kỳ Bá đáp : "Thông thường khi nói đến niên kỵ, đối với các dạng hình dáng như nói trên, tùy theo dáng người thuộc thượng hạ của đường kinh, năm đại kỵ bắt đầu từ 7 tuổi, thêm 9 tuổi nữa là 16 tuổi, thêm 9 tuổi nữa là 25 tuổi, thêm 9 tuổi nữa là 34 tuổi, thêm 9 tuổi nữa là 43 tuổi, thêm 9 tuổi nữa là 52 tuổi, thêm 9 tuổi nữa là 61 tuổi; Đây là những năm đại kỵ của con người mà người ta không thể không biết đến để luyện tập nhiếp sinh nhằm giữ cho sức khỏe được an lành, bởi vì những năm này, nếu bị cảm bởi tà khí thì sẽ dễ sinh bệnh, và nếu vì trị liệu sơ suất thì bệnh tình sẽ có nhiều điều lo âu[40]. Nói rõ hơn trong những năm này, không nên làm những chuyện dâm tà, đó là những gì quan hệ đến năm kỵ"[41].

Hoàng Đế hỏi: "Thầy đã nói về những đặc điểm thượng và hạ của Thủ Túc tam Dương kinh, đã nói đến sự biểu hiện của huyết khí nhiều ít, ta có thể dựa vào sự quan hệ đó để biết về sự quan hệ giữa hình và khí như thế nào không ?"[42].

Kỳ Bá đáp : "Hình thể đặc trưng của kinh Túc Dương minh biểu hiện ở phần trên của con người, nếu huyết khí đều thịnh thì râu má đẹp mà dài, nếu huyết ít khí nhiều thì râu má ngắn, cho nên nếu khí ít huyết nhiều thì râu má ít, nếu huyết khí đều ít thì không có râu má, hai bên mép có nhiều nếp nhăn[43].

Túc Dương minh biểu hiện ở phần dưới của con người, nếu huyết khí đều thịnh thì lông mu đẹp mà dài, đến như ở ngực cũng có lông; nếu huyết nhiều khí ít thì lông mu đẹp mà ngắn, đến như ở rún cũng có lông, mỗi khi bước đi thường dõ chân lên cao, phần cơ nhục của các ngón chân đều ít, 2 chân thường cảm thấy lạnh; nếu huyết ít khí nhiều thì cơ nhục dưới hạ chi dễ bị sinh lạnh chân và nhợt, nếu huyết khí đều ít thì sẽ không có lông mu, dù có đi nữa thì cũng rất lờ thờ, khô héo, thường hay xảy ra tình trạng hai chân bị lạnh và mềm nhũn, hoặc bị tê dại" [44].

Hình thể đặc trưng của kinh túc Thiếu dương, biểu hiện ở phần trên của con người, nếu khí huyết đều thịnh thì toàn bộ râu quai hàm đẹp và dài, nếu huyết nhiều khí ít thì toàn bộ râu quai hàm đẹp mà ngắn, nếu huyết ít khí nhiều thì râu quai hàm sẽ ít, nếu huyết và khí đều ít thì không có râu cằm, nếu bị cầm bởi khí Hàn Thấp thì thường hay bị chứng tý, cốt thống, móng tay bị khô[45].

Túc Thiếu dương biểu hiện ở phần dưới của con người, nếu huyết khí thịnh thì lông ở cẳng chân đẹp và dài, mắt cá ngoài mập, nếu huyết nhiều khí ít thì lông ở cẳng chân đẹp mà ngắn, mắt cá ngoài có da cứng mà dày, nếu huyết ít khí nhiều thì lông ở cẳng chân ít, da của mắt cá ngoài mỏng và mềm, nếu huyết và khí đều ít thì không có lông, mắt cá ngoài gầy và không có thịt”[46].

Hình thể đặc trưng của kinh túc Thiếu dương, biểu hiện ở phần trên của con người, nếu khí huyết đều thịnh thì đôi mày sẽ đẹp, lông mày dài, nếu huyết nhiều khí ít thì lông mày xấu, nét mặt có nhiều nếp nhăn nhỏ, nếu huyết ít khí nhiều thì gương mặt nhiều thịt, nếu huyết khí được hòa thì gương mặt xinh đẹp[47].

Túc Thái dương biểu hiện ở phần dưới của con người, nếu huyết khí thịnh , thịt ở gót chân đầy đặn, gót chân phần dưới tiếp đất cứng rắn, nếu khí ít huyết nhiều thì gót chân gầy và bấp thịt cũng không đầy đặn, nếu huyết khí đều ít thì dễ bị chuyển gân, gót chân chám đất hay bị đau[48].

Hình thể đặc trưng của kinh thủ Dương minh, biểu hiện phần trên của con người, nếu huyết khí thịnh thì râu mép đẹp, nếu huyết ít khí nhiều thì râu mép xấu, nếu huyết khí đều ít thì không có râu mép[49].

Kinh thủ Dương minh, biểu hiện ở phần dưới của con người, nếu huyết khí thịnh thì lông dưới nách đẹp, vùng ngực của bàn tay đầy đặn thịt mà ấm, nếu khí và huyết đều ít thì cánh tay gầy mà lạnh[50].

Hình thể đặc trưng của kinh thủ Thiếu dương, biểu hiện ở phần trên của con người, nếu huyết khí thịnh thì lông mày đẹp mà dài, màu sắc của 2 tai đẹp, nếu huyết khí đều ít thì 2 tai khô và màu sắc xấu, không nhuận bóng[51].

Kinh thủ Thiếu dương, biểu hiện ở phần dưới của con người, nếu huyết khí thịnh thì phần cơ nhục ở 2 lưng bàn tay đầy đặn mà ấm, nếu huyết khí đều ít thì 2 lưng bàn tay

sẽ gầy mà lạnh, nếu khí ít huyết nhiều 2 lưng bàn tay sẽ gầy và nổi nhiều gân mạch lên[52].

Hình thể đặc trưng của kinh thủ Thái dương, vận hành bên trên của con người, nếu huyết khí thịnh thì râu cằm mọc nhiều, gương mặt đầy đặn, đồng đều từ trên xuống dưới, nếu huyết khí đều ít thì gương mặt gầy và sắc diện khô mà không tươi nhuận, sắc tối tăm[53].

Kinh thủ Thái dương, biểu hiện ở bên dưới của con người, nếu huyết khí thịnh thì bắp thịt ở lòng bàn tay đầy đặn, nếu huyết khí đều ít thì lòng bàn tay sẽ gầy mà lạnh"[54].

Hoàng Đế hỏi: "Hình dạng của nhị thập ngũ nhân có những ước định gì không ?"[55].

Kỳ Bá đáp : "Người có đôi lông mày đẹp, đó là khí huyết của kinh túc Thái dương nhiều, người nào có đôi lông mày xấu, đó là khí huyết túc Thái dương ít, người nào mặt mà da không nhuận trạch, đó là khí huyết đều bất túc[56]. Ta nên xét rõ sự hữu dư hay bất túc của hình và khí để châm bổ tả, nhằm điều hòa khí huyết, đó mới có thể gọi là người thầy châm cứu, thuốc, biết được lẽ nghịch thuận vậy"[57].

Hoàng Đế hỏi: "Châm những bệnh biến của các kinh Âm và Dương phải thế nào ?"[58].

Kỳ Bá đáp: "Ta nên dựa vào mạch Thốn khẩu và mạch Nhân nghênh để biết được sự thịnh suy của Âm Dương, rồi tùy theo đó mà điều hòa chúng[59]. Đồng thời, ta dùng tay ấn lần, dò theo những đường kinh lạc để xem có khí huyết ngưng trệ hay không, có không thông hay không, nếu có thì trên thân thể của bệnh nhân sẽ có trạng thái đau nhức và tấy, nặng hơn nữa, sẽ làm cho người bệnh không bước đi được, do đó mà khí huyết bị ngưng sặc (trệ)[60]. Trường hợp này, ta dùng phép châm bổ lưu kim, nhằm làm cho Dương khí đến để làm ấm nơi bị ngưng trệ, đợi khi nào, huyết mạch được điều hòa mới thôi[61]. Khi nào có chứng kết trong lạc mạch, đó là mạch bị kết sẽ làm cho huyết không hòa (thông sướng), ta phải dùng phép quyết: rạch đường máu (chích lể để tả huyết kết) thì huyết mới vận hành bình thường trở lại[62]. Cho nên mới nói rằng: nếu khí hữu dư ở trên, ta dùng phép dẫn dắt cho nó xuống, nếu khí bất túc ở trên, ta nên dùng phép xoa bóp cơ nhục ,đồng thời dùng phép châm lưu kim để đợi khí đến[63]. Nếu lưu kim đã lâu mà khí vẫn chưa đến nghênh (tới nơi) để rước (nghênh), dù sao, ta vẫn cần phải nắm được con đường của kinh toại thì mới thực hiện việc châm trị và chờ

đội thành công được[64]. Nếu có trường hợp giao tranh giữa hàn và nhiệt, ta nên dẫn dắt khí nào đang thịnh nhất nhằm giúp cho khí huyết được tuyên hành[65]. Nếu gặp lúc mạch khí uất kết lâu ngày nhưng huyết chưa bị kết, ta nên suy đoán theo tình thế để thực hiện việc châm trị[66]. Tất cả đều phải biết rằng phép châm tả là để điều hòa khí huyết là quan trọng nhất, như vậy trước hết, ta phải nắm cho được khí huyết bám thụ nơi 25 dạng người từ tả hữu thượng hạ nhằm tham khảo trong quá trình chẩn đoán trên lâm sàng, được vậy, là ta đã nắm được các phép tắc của việc châm trị rồi vậy”[67]

THIÊN 65: NGŨ ÂM NGŨ VỊ

Đối với loại hình của người thuộc Hữu chủ và Thiếu chủ, ta nên điều trị ở phần thượng bộ của phía hữu của thủ Thái dương Tiểu trường kinh[1].

Đối với loại hình của người thuộc Tả thương và Tả chủ, ta nên điều trị ở phần thượng bộ của phía tả của thủ Dương minh Đại trường kinh[2].

Đối với loại hình của người thuộc Thiếu chủ và Thái cung, ta nên điều trị ở phần thượng bộ của phía tả của thủ Dương minh Đại trường kinh[3].

Đối với loại hình của người thuộc Hữu giốc và Thái giốc, ta nên điều trị ở phần hạ bộ của phía hữu của túc Thiếu dương Đờm kinh[4].

Đối với loại hình của người thuộc Thái chủ và Thiếu chủ, ta nên điều trị ở phần thượng bộ của phía tả của thủ Thái dương Tiểu trường kinh[5].

Đối với loại hình của người thuộc Chúng vũ và Thiếu vũ, ta nên điều trị ở phần hạ bộ của phía hữu của túc Thái dương Bàng quang kinh[6].

Đối với loại hình của người thuộc Thiếu thương và Hữu thương, ta nên điều trị ở phần hạ bộ của phía hữu của túc Thái dương Tiểu trường kinh[7].

Đối với loại hình của người thuộc Chết vũ và Chúng vũ, ta nên điều trị ở phần hạ bộ của phía hữu của túc Thái dương Bàng quang kinh[8].

Đối với loại hình của người thuộc Thiếu cung và Thái cung, ta nên điều trị ở phần hạ bộ của phía hữu của túc Dương minh Vị kinh[9].

Đối với loại hình của người thuộc Phán giốc và Thiếu giốc, ta nên điều trị ở phần hạ bộ của phía hữu của túc Thiếu dương Đờm kinh[10].

Đối với loại hình của người thuộc Đệ thương và Thượng thương, ta nên điều trị ở phần hạ bộ của phía hữu của túc Dương minh Vị kinh[11].

Đối với loại hình của người thuộc Đệ thương và Thượng giốc, ta nên điều trị ở phần hạ bộ của phía tả của túc Thái dương Bàng quang kinh[12].

Loại hình người thuộc âm Thượng chủ và Hữu chủ, hoặc những loại hình đồng thuộc Hỏa khí, hợp với ngũ cốc là lúa mạch, với ngũ súc là thịt dê, với ngũ quả là trái hạnh, với kinh mạch là thủ Thiếu âm, với ngũ tạng là Tâm, với ngũ sắc là màu đỏ, với ngũ vị là đắng, với thời lệnh là mùa hạ[13].

Loại hình người thuộc âm Thượng vũ và Thái vũ, hoặc những loại hình đồng thuộc Thủy khí, hợp với ngũ cốc là đại đậu, với ngũ súc là thịt heo, với ngũ quả là trái lựu, với kinh mạch là túc Thiếu âm, với ngũ tạng là Thận, với ngũ sắc là màu đen, với ngũ vị là mặn, với thời lệnh là mùa đông[14].

Loại hình người thuộc âm Thượng cung và Thái cung, hoặc những loại hình đồng thuộc Thổ khí, hợp với ngũ cốc là lúa tẻ, với ngũ súc là thịt bò, với ngũ quả là trái táo, với kinh mạch là Túc Thái âm, với ngũ tạng là Tỳ, với ngũ sắc là màu vàng, với ngũ vị là ngọt, với thời lệnh là mùa quý hạ[15].

Loại hình người thuộc âm Thượng thương và Hữu thương, hoặc những loại hình đồng thuộc kim khí, hợp với ngũ cốc là lúa thỉ, với ngũ súc là thịt gà, với ngũ quả là trái đào, với kinh mạch là thủ Thái âm, với ngũ tạng là Phế, với ngũ sắc là màu trắng, với ngũ vị là cay, với thời lệnh là mùa thu[16].

Loại hình người thuộc âm Thượng giốc và Thái giốc, hoặc những loại hình đồng thuộc Mộc khí, hợp với ngũ cốc là lúa ma, với ngũ súc là thịt chó, với ngũ quả là trái lý, với kinh mạch là túc Quyết âm, với ngũ tạng là Can, với ngũ sắc là màu xanh, với ngũ vị là chua, với thời lệnh là mùa xuân[17].

Người thuộc loại hình Thái cung và Thượng giốc, đều có thể điều trị theo vùng thượng bộ phía hữu của túc Dương minh Vị kinh[18].

Người thuộc loại hình Tả giốc và Thái giốc, đều có thể điều trị theo vùng thượng bộ phía tả của túc Dương minh Vị kinh[19].

Người thuộc loại hình Thiếu vũ và Thái vũ, đều có thể điều trị theo vùng hạ bộ phía hữu của túc Thái Dương Bàng quang kinh[20].

Người thuộc loại hình Tả thương và Hữu thương, đều có thể điều trị theo vùng thượng bộ phía tả của thủ Dương minh Đại trường kinh[21].

Người thuộc loại hình Gia cung và Thái cung, đều có thể điều trị theo vùng thượng bộ phía tả của túc Thiếu Dương Đờm kinh[22].

Người thuộc loại hình Chấn phán và Thái cung, đều có thể điều trị theo vùng hạ bộ phía tả của thủ Thái Dương Tiểu trường kinh[23].

Người thuộc loại hình Phán giốc và Thái giốc, đều có thể điều trị theo vùng hạ bộ phía tả của túc Thiếu Dương Đờm kinh[24].

Người thuộc loại hình Thái vũ và Thái giốc, đều có thể điều trị theo vùng thượng bộ phía hữu của túc Thái Dương Bàng quang kinh[25].

Người thuộc loại hình Thái giốc và Thái cung, đều có thể điều trị theo vùng thượng bộ phía hữu của túc Thiếu Dương Đờm kinh[26].

Năm loại hình của người thuộc Hữu chủ, Thiếu chủ, Chấn chủ, Phán chủ, Thương chủ, đều thuộc Hỏa[27].

Năm loại hình của người thuộc Hữu giốc, Đệ giốc, Thương giốc, Thái giốc, Phán giốc, đều thuộc Mộc[28].

Năm loại hình của người thuộc Hữu thương, Thiếu thương, Chấn thương, Phán thương, Thương thương, đều thuộc Kim[29].

Năm loại hình của người thuộc Thiếu cung, Thương cung, Thái cung, Gia cung, Tả cung đều thuộc Thổ[30].

Năm loại hình của người thuộc Chấn vũ, Chấn vũ, Thương vũ, Đại vũ, Thiếu vũ đều thuộc Thủy[31].

Hoàng Đế hỏi: "Người đàn bà không có râu, đó là do không có huyết khí chăng?"[32].

Kỳ Bá đáp : "Xung mạch và Nhậm mạch đều khởi lên ở bào trung, vận hành lên trên theo bên trong cột sống lưng, đóng vai biển của kinh lạc[33]. Phần nổi và ngoài của nó tuần hành theo bên hữu của bụng, lên trên để hội với yết hầu, 1 nhánh lại lên trên để hội với quanh môi[34]. Khi huyết khí thịnh thì nó sẽ làm sung cho bì phu, làm nhiệt cho cơ nhục; nếu chỉ có huyết thịnh 1 mình thì nó sẽ thấm ra đến bì phu để sinh ra lông[35]. Nay người đàn bà sinh vốn hữu dư ở khí mà bất túc ở huyết, đó là do ở họ thường hay bị thoát huyết[36]. Khi mạch Xung và mạch Nhậm không làm tươi cho miệng và môi, vì thế mà râu không có thể mọc ra vậy"[37].

Hoàng Đế hỏi: "Có số người tổn thương đến bộ phận sinh dục làm sao cho khí của sinh dục bị tuyệt, không còn cứng lên được nữa, không còn tác dụng giao hợp được nữa, thế nhưng râu của họ vẫn không rụng, nguyên do nào gây nên như thế ?[38] Riêng những người hoạn (cắt đứt bộ phận sinh dục) thì râu lại rụng đi không mọc nữa, tại sao thế ? Ta mong được nghe về những nguyên nhân đã gây nên như thế"[39].

Kỳ Bá đáp : "Hoạn có nghĩa là cắt đứt cái tông căn (bộ sinh dục), làm thương đến mạch Xung, huyết bị chảy ra mà không phục hồi trở lại được, kết lại bên bì phu, đến nỗi mạch Xung và mạch Nhậm không còn lên được đến miệng và môi để nuôi dưỡng nơi này nữa, do đó mà râu không mọc được"[40].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người gọi là Thiên hoạn, chưa từng bị cắt và bị thương nơi bộ sinh dục, cũng không giống như đàn bà, mỗi tháng bị thoát huyết, vậy mà họ vẫn không có mọc râu, nguyên do nào khiến như thế ?"[41].

Kỳ Bá đáp : "Đây là trường hợp do tiên thiên khí bất túc; Nhậm mạch và Xung mạch không thịnh, bộ phận của tông căn không hình thành, hữu khí mà vô huyết ở Nhậm và Xung, nó sẽ không lên trên để nuôi dưỡng vùng miệng và môi, vì thế nên họ không có râu"[42].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng vậy thay ! Bậc thánh nhân thông hiểu về vạn vật, ví như mặt trời và mặt trăng soi vạn vật thành những hình ảnh trong sáng, như tiếng trống sẽ vang lên sau khi đánh vào trống, nghe được tiếng nói mà biết được hình trạng, nếu không phải là bậc cao minh như phu tử, thì ai có thể biết được cái tinh khí ấy của vạn vật ?[43] Do đó bậc thánh nhân chỉ nhìn nhan sắc vàng hay đỏ, mà biết được bên trong nhiệt khí nhiều; chỉ nhìn nhan sắc xanh hay trắng, mà biết được bên trong nhiệt khí ít; chỉ nhìn đôi mày đẹp mà biết được kinh Thái dương nhiều huyết; chỉ nhìn râu cằm và râu

hàm lên đến tóc mai mà biết được kinh Thiếu dương nhiều huyết; chỉ nhìn bộ râu cằm đẹp mà biết được kinh Dương minh nhiều huyết. Đây là do thời mà như thế vậy"[44].

Ôi ! Thường số con người, trong đó Thái dương thường huyết nhiều, khí ít, Thiếu dương thường khí nhiều, huyết ít, Dương minh thường huyết nhiều, khí nhiều, Quyết âm thường khí nhiều, huyết ít, Thiếu âm thường huyết nhiều, khí ít, Thái âm thường huyết nhiều, khí ít, đây là những hiện tượng chính thường của Trời vậy"[45].

THIÊN 66 : BÁCH BỆNH THỈ SINH

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ôi ! Trăm bệnh bắt đầu sinh ra, tất cả đều sinh ra từ phong vũ, hàn thử, thanh thấp, và hỉ nộ[1]. Khi mà việc hỉ nộ không điều tiết được (quá độ), nó sẽ làm tổn thương đến tạng[2]. Khi bị cảm bởi phong vũ thì bị thương đến phần trên[3]. Khi bị cảm bởi thanh thấp thì bị thương đến phần dưới[4]. Khí của bộ vị (trên, giữa và dưới của con người) khi bị thương đều khác loại nhau, ta mong được nghe về lý do chính của nó"[5].

Kỳ Bá đáp : "Khí của tam bộ (trên, giữa và dưới) đều không giống nhau: có khi nó khởi sắc lên ở Âm, có khi nó khởi lên ở Dương, xin cho thần được nói về những nguyên lý ấy[6]. Khi mà việc hỉ nộ của con người không điều tiết được thì nó sẽ làm thương đến tạng, tạng bị thương thì bệnh sẽ khởi lên ở Âm, khí thanh thấp thừa lúc thân thể bị hư để xâm tập vào thì bệnh sẽ khởi lên ở phía dưới, khi khí phong vũ thừa lúc thân thể bị hư để xâm tập vào thì bệnh sẽ khởi lên ở phía trên, đó là 3 bộ vị để tà tấn công vậy[7]. Đến như tà khí tấn công vào để rồi từ đó mà tràn ngập, biến hóa thành những chứng trạng khác nhau thì không biết bao nhiêu mà kể"[8].

Hoàng Đế hỏi: "Ta vẫn chưa rõ ràng về vấn đề biến hóa đa dạng của các chứng bệnh, vì thế ta muốn hỏi thầy là người hiểu biết và mong được nghe rất ráo về đạo ấy"[9].

Kỳ Bá đáp : "Khí phong vũ, hàn nhiệt, nếu không phải là thân thể bị hư nhược, thì nó không thể tự mình làm thương đến con người được[10]. Nếu có người nào đó đột nhiên bị tắc phong, bạo vũ (gió táp, mưa sa) mà cũng không bị bệnh, đó là do thân thể người ấy không hư nhược, vì thế mà 1 mình tà khí không thể gây bệnh được[11]. Đây muốn nói rằng, phải do phong khí đóng vai hư tà rồi gặp thân người đang bị hư nhược, cả hai loại hư gặp gỡ nhau, bấy giờ hư tà của phong mới nhập vào thân thể để gây bệnh được[12]. Nếu con người thân thể tráng kiện và thời lệnh chính thường, đó gọi là cả hai loại thực gặp gỡ nhau, một số người có da thịt rắn chắc tà khí không gây bệnh

được[13]. Phàm trường hợp gọi là trúng bởi hư tà, do bởi Thiên thời và hình thân, cả hai hợp nhau bởi hư tà của hình thân và thực tà của Thiên thời, bấy giờ mới sinh ra những chứng bệnh nặng[14]. Tà khí xâm nhập vào thân thể, nó có những bộ vị nhất định của nó, tùy theo nơi nó đến ở mà có tên gọi riêng, phân làm thượng hạ, trong ngoài, phân làm tam bộ[15].

Vì thế, khí hư tà trúng vào người, nó bắt đầu ở nơi bì phu, bì phu bị lợi lỏng thì tẩu lý mở ra, tẩu lý mở ra thì tà khí sẽ đi từ lông và tóc nhập vào, khi nhập vào, nó sẽ đi vào ngày càng sâu, vào càng sâu sẽ làm cho lông và tóc dựng lên, lông và tóc dựng lên thì ta sẽ cảm thấy ớn ớn lạnh, do đó mà bì phu bị đau buốt[16]. Nếu tà khí này mà không đi ra thì nó sẽ truyền vào để đến ở nơi lạc mạch, khi nó ở nơi lạc mạch, nó sẽ làm cho đau nhức nơi cơ nhục, nếu sự đau nhức lúc có lúc hết, đó là tà khí đi vào sâu hơn, kinh mạch sẽ thay cho lạc mạch để nhận lấy tà khí[17]. Nếu tà khí vẫn không ra đi thì nó sẽ truyền vào để đến ở nơi kinh mạch, khi nó ở nơi kinh mạch, nó sẽ làm cho bị ớn lạnh và có lúc xảy ra kinh sợ[18].

Nếu tà khí vẫn không ra đi thì nó sẽ truyền vào để đến ở nơi các du huyết, khi nó ở nơi các du huyết, nó sẽ làm cho kinh khí của lục kinh không còn thông với tứ chi nữa, như vậy các quan tiết của tứ chi bị đau nhức, cột sống ở thất lưng bị cứng[19].

Nếu tà khí vẫn không ra đi thì nó sẽ truyền vào để đến ở nơi mạch của Phục xung, khi nó ở nơi mạch của Phục Xung, nó sẽ làm cho tay chân bị nặng nề và thân mình bị đau nhức[20].

Nếu tà khí vẫn chưa ra đi thì nó sẽ truyền vào để đến ở nơi Trường Vị, khi nó ở nơi Trường Vị, nó sẽ làm cho bụng có nước, sôi lên và bụng trướng lên[20]. Nếu hàn nhiều thì sẽ thành chứng sôi ruột, xông tiết (tiêu chảy), ăn không tiêu, còn nếu nhiệt nhiều sẽ làm cho tiêu ra phân lỏng mà nát (màu trắng kiêm đỏ)[21].

Nếu tà khí vẫn chưa ra đi thì nó sẽ truyền để đến ở nơi ngoài Trường rồi ở trong khoảng mộ và nguyên, lưu lại trong mạch[22]. Và nếu nó cứ mãi lưu lại mà không ra đi, nó sẽ ngừng nghỉ lại để thành tích khí[23]. Nói tóm lại, nếu tà khí xâm nhập vào cơ thể, thì hoặc là nó lưu lại và hiện rõ nơi tôn mạch, hoặc là nó lưu lại nơi mạch khí của các du huyết, hoặc nó lưu lại nơi mạch của Phục Xung, hoặc nó lưu lại nơi đường cân của hai bên thân thịt ở cột sống, hoặc nó lưu lại nơi các huyết mộ và huyết nguyên của Trường Vị, nó lên trên để nối với các đường cân khí ở nơi bụng ...[24] Tà khí xâm nhập và tràn ngập trong thân thể ở nhiều nơi thật khó mà kể cho hết"[25].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe đầy đủ về những nguyên do ấy"[26].

Kỳ Bá đáp : "Khi tà khí lưu lại ở mạch khí của tôn lạc để thành tích khí, khối tích khí này sẽ chạy qua chạy lại, chạy lên chạy xuống, bởi vì nó thuộc vào vùng tôn lạc của 2 cánh tay, thường là cạn và buông lơi nó không thể câu thúc khối tích khí này dừng lại, nó sẽ di chuyển và vận hành trong khoảng Trường Vị, nếu có nào thì nó sẽ tràn thấm vào bên trong, dường như có tiếng nào chảy róc rách, nếu có hàn khí thì sẽ làm trong bụng trướng mãn và sôi lên như sấm, đau lan rộng ra, thường đau quặn như dao cắt[27].

Khi tà khí lưu lại ở kinh Dương minh, tích khí sẽ đóng quanh vùng rốn, khi nào ăn no thì thấy nó phình to ra, khi bụng đói thì nó sẽ càng nhỏ lại[28].

Khi tà khí lưu lại ở vùng hoãn cân, nó giống với tích khí của kinh Dương minh, khi ăn no thì sẽ bị đau, khi nào đói thì sẽ dễ chịu hơn[29].

Khi tà khí lưu lại ở mạch khí của mộ và nguyên của Trường Vị, nó sẽ làm đau ra đến bên ngoài của vùng tông cân, khi nào ăn no thì dễ chịu hơn, khi nào đói bụng thì sẽ đau[30].

Khi tà khí lưu lại ở mạch khí của Phục Xung, nếu chúng ta dùng tay đè lên vùng bụng, ta cảm thấy như có động dưới tay, khi rời tay ra thì sẽ có luồng nhiệt khí đi xuống dưới 2 bên đùi, giống như luồng nước sôi nóng[31].

Nếu tà khí lưu lại ở mạch khí của cân khí 2 bên thăn thịt kinh Bàng quang, và ở bên sau của Trường Vị, lúc đói sẽ thấy được tích khí hiện ra, lúc no thì tích khí không hiện ra, dùng tay đè lên cũng không thấy được[32].

Nếu tà khí lưu lại ở mạch khí của các du huyết thì sẽ làm cho mạch đạo bế tắc không thông, tân dịch sẽ không còn phân bố xuống, các không khiếu bị khô và ứ tắc[33].

Trên đây là những con đường mà tà khí đi từ ngoài nhập vào trong, đi từ trên xuống dưới"[34].

Hoàng Đế hỏi: "Quá trình bắt đầu sinh ra và đã thành của tích khí xảy ra như thế nào?"[35]

Kỳ Bá đáp : "Quá trình sinh ra tích khí là khi nào bị phải Hàn khí mới sinh ra, và bị quyết do hàn, khí quyết mới nghịch lên trên mới thành ra tích khí"[36].

Hoàng Đế hỏi: "Quá trình hình thành tích khí như thế nào ?"[37].

Kỳ Bá đáp : "Hàn khí quyết nghịch ở dưới sinh ra chứng đau ở chân và vận động thất thường, từ đó sinh ra chứng căng chân bị lạnh, căng chân bị lạnh sẽ làm cho huyết mạch bị ngưng trệ, huyết mạch bị ngưng trệ thì Hàn khí sẽ từ dưới để lên trên để nhập vào vùng bụng làm cho bụng bị đầy trướng, vùng bụng bị đầy trướng sẽ làm cho chất bọt của trấp bị bức tụ lại mà không tán ra được, lâu ngày thành ra tích khí[38].

Hoặc có khi đột nhiên do ăn uống quá nhiều, quá bạo làm cho Trường Vị bị đầy hoặc do sự thức ngủ bất thường không tiết độ, hoặc do dùng sức quá nhiều, tất cả sẽ làm cho lạc mạch bị thương[39]. Nếu Dương lạc bị thương, thì huyết sẽ tràn ngập ra ngoài, huyết tràn ngập ra ngoài sẽ làm cho chảy máu cam máu mũi[40]; nếu Âm lạc bị thương, thì huyết sẽ tràn ngập vào bên trong, tràn ngập vào bên trong thì sẽ bị tiêu ra máu[41]. Nếu lạc mạch của Trường Vị thương thì huyết sẽ tràn ngập ra khỏi Trường Vị, bên ngoài Trường Vị đang có hàn khí thì chất bọt của trấp và huyết cùng đánh nhau, do đó chúng bị dính vào nhau, tụ lại mà không tán ra được để rồi trở thành tích khí[42].

Hoặc có khi đột nhiên bị tấn công bởi hàn khí bên ngoài, và nếu bên trong lại bị nội thương bởi lo buồn và tức giận, nó sẽ làm cho khí bị nghịch lên trên, khí bị nghịch lên trên sẽ làm cho con đường vận hành của mạch khí của lục kinh Thủ và Túc không thông, khí ẩm không vận hành, huyết bị ngưng tụ, ứ kết lại ở bên trong, không thể tán ra được, tân dịch bị rít trệ và không thể thấm đến toàn thân, đọng lại lâu ngày không vận hành được, thế là tích khí hình thành vậy"[43].

Hoàng Đế hỏi: "Bệnh sinh ra ở vùng Âm thế nào ?"[44].

Kỳ Bá đáp : "Ưu và tư thì làm thương đến Tâm[45]; Bị lạnh ngoài hình thể lại ăn thức ăn lạnh bên trong sẽ làm thương đến Phế[46]; Phẫn nộ làm thương đến Can[47]; Sau khi say rượu rồi làm chuyện trai gái, hoặc khi ra mồ hôi mà đứng trước gió sẽ làm thương đến Tỳ[48]; Dùng sức quá độ, hoặc sau khi làm chuyện trai gái, hoặc khi ra mồ hôi mà tắm sẽ làm thương đến Thận[49]. Đó là 3 vùng thân thể nội ngoại bị sinh ra bệnh vậy"[50].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng vậy ! Phép trị phải thế nào ?"[51].

Kỳ Bá đáp: "Chỉ cần quan sát được nơi đau nhức, nhắm biết được huyết vị ứng lên thuộc bộ vị thuộc biểu lý như thế nào, biết được khí hữu dư hay bất túc, đáng bổ thì châm bổ, đáng tả thì châm tả, đừng để nghịch lại với Thiên thời, đó là phép điều trị thích đáng nhất"[52].

THIÊN 67: HÀNH CHÂM

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: " Ta đã nghe thầy giảng về phép châm cứu châm, và ta đã áp dụng để chữa bệnh cho trăm họ, nhưng huyết khí của trăm họ không giống nhau về thịnh suy, cũng không giống nhau về thể chất: Có những người mà thần khí dễ bị kích động, vừa mới châm vào thì khí của người bệnh đã có phản ứng, có những người mà vừa châm vào thì khí phản ứng xảy ra đồng thời, có những người mà khi rút kim ra xong rồi thì khí mới phản ứng 1 mình, có những người phải châm nhiều lần thì người bệnh mới biết phản ứng, có khi vừa phát châm thì khí phản ứng bằng cách nghịch lại, có người châm được nhiều lần thì bệnh càng nguy kịch thêm[1]. Tất cả 6 tình huống trên được biểu hiện với những phản ứng khác nhau, Ta mong được nghe về nguyên nhân nào đã gây ra những tình huống khác nhau ấy"[2].

Kỳ Bá đáp : "Những người thuộc dạng Trùng dương, thần khí của họ dễ bị kích động, khí của họ dễ bị phản ứng"[3].

Hoàng Đế hỏi: "Thế nào là người thuộc Trùng dương ?"[4].

Kỳ Bá đáp : "Người thuộc dạng Trùng dương tình cảm của họ phong phú như lửa cháy phừng phừng, tính khí của họ cao ngạo, lời nói thường rất nhanh, khi bước chân đi thường bước cao lên, khí của 2 tạng Tâm và Phế hữu dư[5]. Sự vận hành của Dương khí trơn tru và sung thịnh và mở rộng ra bốn bề, do đó mà thần của họ dễ bị dễ bị kích động, và khí lại phản ứng sớm hơn"[6].

Hoàng Đế hỏi: " Có những người thuộc dạng Trùng dương, nhưng thần khí lại không phản ứng nhanh trước, là tại sao ?"[7].

Kỳ Bá đáp : "Đó chính vì dạng người Trùng dương này mang nhiều Âm khí bên trong"[8].

Hoàng Đế hỏi: "Lấy gì để biết được người này mang nhiều âm khí ?"[9].

Kỳ Bá đáp : "Bởi vì người thuộc dạng đa Dương, tính của họ là thường vui vẻ, còn người thuộc dạng đa âm dễ nổi giận, nhiều lần nổi giận nhưng họ lại cũng dễ bớt giận để bỏ qua đó là loại người thuộc trong Dương có Âm, vì thế mới gọi họ là có ít nhiều Âm trong Dương[10]. Sự vận hành, ly hợp giữa Âm và Dương trong người họ không chính thường, vì thế thần khí của họ không thể phản ứng nhanh, sớm được"[11].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người khi châm kim xuống thì khí của họ phản ứng ngay, đồng thời với nhau, tại sao thế ?"[12].

Kỳ Bá đáp : "Những người này khí Âm Dương của họ được hòa điệu, huyết khí của họ vận hành nhu nhuận, trơn tru, vì thế sau khi châm kim xuống thì khí xuất ra phản ứng ngay, nhanh và đồng thời với nhau vậy"[13].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người khi đã rút kim ra rồi, khí vẫn còn phản ứng 1 mình, khí nào đã khiến như thế ?"[14].

Kỳ Bá đáp : "Những người này, Âm khí nhiều mà Dương khí ít, Âm khí thuộc trầm, nhân vì Âm khí thịnh làm cho Dương khí vốn phù phải tàng ẩn vào trong, vì thế khi rút kim ra rồi, khí mới theo sau đó, để phản ứng 1 mình"[15].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người châm nhiều lần mới cảm thấy có phản ứng, khí nào đã khiến nên như thế ?"[16].

Kỳ Bá đáp : "Những người này Âm nhiều mà Dương ít, khí của họ trầm không nên nó khó xảy ra phản ứng, vì thế phải châm nhiều lần mới biết có phản ứng"[17].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người châm kim vào thì khí bị nghịch, khí nào khiến nên như thế ?"[18].

Kỳ Bá đáp : "Những trường hợp châm vào thì khí bị nghịch và càng châm nhiều lần thì bệnh càng nặng thêm, đó không phải là do ở khí Âm Dương của người bệnh, cũng không phải do cái thể phù trầm của khí, Đây chính là do lỗi của những người thầy thuốc vọng về làm nên, và cũng là do những sai lầm về kỹ thuật của những người thầy thuốc vọng về, không quan hệ gì đến hình chất và khí Âm Dương của người bệnh"[19].

THIÊN 68: THƯỢNG CÁCH

Hoàng Đế hỏi: "Do khí bị uất mà thành chứng Thượng cách, khi ăn uống vào thì phải ói ra ngay, chứng bệnh này ta đã biết rồi[1]. Giun thì gây ra chứng Hạ cách - Chứng Hạ

cách có nghĩa là khi ăn vào khoảng tròn 1 chu kỳ ngày và đêm mới ỏi ra[2]. Đối với chứng này, ta vẫn chưa hiểu như thế nào cả, ta mong được nghe thầy giải thích về việc này"[3].

Kỳ Bá đáp : "Những người mà cuộc sống về vui giận không thoải mái, việc ăn uống không điều độ, giữ ấm lạnh không đúng với thời, như vậy sẽ làm tổn thương đến Vị khí, và chất hàn trấp sẽ chảy xuống đến Đại và Tiểu trường[4]. Khi hàn trấp chảy xuống đến Đại và Tiểu trường sẽ làm cho giun bị lạnh, giun bị lạnh chúng sẽ tích tụ lại để cố thủ ở vùng Hạ hoãn, làm cho khí của Trường Vị bị đầy, vệ khí vùng đó sẽ không còn vận hành mở rộng được nữa, tà khí sẽ chiếm chỗ để ở tại đó[5]. Mỗi lần người ta ăn uống vào thì giun sẽ theo lên để ăn, khi giun theo lên trên để ăn thì vùng Hạ hoãn sẽ bị hư, hạ hoãn bị hư thì tà khí sẽ thắng, lưu lại đó để thành tích tụ. nhân vì tích tụ bị lưu lại, nó sẽ gây thành chứng nội ung kết thành rồi thì vùng Hạ hoãn bị trở ngại, bất lợi[6]. Vết ung ở trong Hạ hoãn khiến cho sự đau đớn thấu suốt trong sâu, vết ung ở ngoài Hạ hoãn thì khí của nó phát tác bên ngoài làm cho sự đau đớn nổi ra phía ngoài, da vùng ung bị nhiệt"[7].

Hoàng Đế hỏi: "Phép trị phải như thế nào ?"[8].

Kỳ Bá đáp : "Ấn nhẹ trên vết ung, xét được hướng đi của ung khí, trước hết châm nhẹ bên cạnh của bộ vị vết ung, dần dần xê vào trong thì châm sâu hơn, sau đó lại châm trở lại như lần trước, không được châm quá 3 lần, nên xét rõ tà khí trong tình trạng trầm hay phù để mà châm sâu hay cạn[9]. Mỗi lần châm xong, nên áp dụng phương pháp chườm hơi nóng lên vết châm nhằm mục đích làm cho hơi nóng nhập vào bên trong, nhờ đó mà tà khí ngày giảm dần, vết ung lớn sẽ ngày giảm và vỡ ra, lành lặn[10]. Phải phối hợp các phép trị liệu và điều dưỡng, phải tôn trọng những điều cấm kỵ, nhằm loại trừ được tà độc bên trong[11]. Cuộc sống phải điềm đạm, không làm điều trái với thiên nhiên, có vậy thì khí trong thân thể mới vận hành điều hòa, sau đó cho dùng các loại dược vị có vị mặn và đắng để làm tiêu tán vết ung, ung độc sẽ theo con đường tiêu hóa của cốc khí để đại tiện ra ngoài vậy"[12].

THIÊN 69: ƯU KHUẾ VÔ NGÔN

Hoàng Đế hỏi Thiệu sư: "Con người mỗi khi có việc lo sợ và nổi giận 1 cách đột ngột, tiếng nói sẽ bị mất âm thanh, đó là do con đường khí đạo nào bị tắc nghẽn ? Hay là khí nào bị ngưng vận hành ? Khiến cho âm thanh không còn có thể phát ra được nữa ? Ta mong được nghe giải thích về nguyên nhân đã gây nên như thế ?"[1].

Thiếu sư đáp: “Yết hầu là con đường của thủy cốc, hầu lung là con đường lên xuống của khí, hội yểm là cửa âm thanh, môi và miệng là cánh cửa của âm thanh, lưỡi là bộ máy của âm thanh, lưỡi gà là quan ải của âm thanh, kháng tăng là ranh giới nơi để cho khí ra vào, xương cuống lưỡi là nơi để thần khí sai khiến làm cho lưỡi động và phát ra âm thanh[2]. Vì thế nếu người nào mà hốc mũi chảy nước mũi ra không ngừng, đó là do kháng tăng không mở ra, vùng ranh giới của khí phạm bị trở ngại[3]. Nếu hội yểm nhỏ mà mỏng, nó sẽ phát ra khí được nhanh, sự mở đóng được thuận lợi, con đường xuất ra khí tạo ra âm thanh cũng dễ dàng[4]. Nếu hội yểm to mà dày thì sự mở đóng khó khăn, con đường xuất khí ra bị trì trệ, do đó mà sẽ nói cà lăm[5]. Trường hợp mà 1 người nào đó bị mất tiếng nói 1 cách đột ngột đó là do hàn khí ở khách tại hội yểm, làm cho âm thanh không thể từ hội yểm để phát ra âm thanh, cho dù có phát ra được âm thanh thì âm thanh đó cũng không thể thành ngôn ngữ 1 cách mạch lạc bình thường được, ngay nơi cánh cửa của sự mở đóng, nó đã mất đi tác dụng, vì thế tiếng nói sẽ mất đi âm thanh”[6].

Hoàng Đế hỏi: "Phép châm trị bệnh này phải thế nào ?"[7].

Kỳ Bá đáp : "Mạch khí của kinh túc Thiếu âm (Thận) đi từ chân lên trên để buộc vào cuống lưỡi, liên lạc với hoành cốt (xương cuống lưỡi) và chấm dứt ở hội yểm[8]. Phép châm trị là phải châm tả cả 2 kinh Thận, mạch Nhâm và huyết mạch, như vậy mới bài trừ được trọc khí (ngoại cảm, hàn tà)[9]. Mạch của hội yểm lên trên liên hệ với Nhâm mạch, vì thế ta thủ huyết Thiên Đột, sẽ khôi phục lại khí ở hội yểm để phát ra âm thanh trở lại”[10].

THIÊN 70: HÀN NHIỆT

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Chứng hàn nhiệt lỗi (loa) lịch, thường sinh ra ở vùng cổ và nách, đây là do khí gì đã sinh ra ?"[1].

Kỳ Bá đáp : "Đây là do độc khí của chứng thử lữ hàn nhiệt lưu lại trong mạch rồi không đi nữa, gây ra”[2].

Hoàng Đế hỏi: "Cách trị như thế nào ?"[3].

Kỳ Bá đáp : "Cái gốc của chứng bệnh này đều do ở nội tạng[4]. Ngọn của nó lên trên để xuất ra trong khoảng vùng cổ và nách, trường hợp nếu độc khí còn nổi lên ở kinh mạch mà vẫn chưa đi sâu vào vùng cơ nhục để hóa thành máu và mủ, trường hợp này dễ chữa”[5].

Hoàng Đế hỏi: "Phép trị liệu phải như thế nào ?"[6].

Kỳ Bá đáp : "Xin đi từ gốc để dần lên đến ngọn, trên con đường này ta làm thế nào để cho tà độc giảm dần, dừng lại sự phát tác của hàn nhiệt, nên thẩm xét con đường đi của tà độc trên kinh mạch nào, để từ đó chọn huyệt châm trị[7]. Nên áp dụng phương pháp bổ tả bằng cách châm kim vào chậm, hoặc rút kim ra chậm nhằm xua đuổi tà độc đang uẩn súc bên trong nội tạng, nếu như những vết ấy nhỏ như hạt lúa mạch, ta châm 1 lần là có kết quả, châm 3 lần là khỏi bệnh"[8].

Hoàng Đế hỏi: "Làm thế nào để đoán được sự sống chết nặng hay nhẹ của chứng bệnh ?"[9].

Kỳ Bá đáp : "Ta lật mí mắt lên để nhìn xem bên trong, nếu bên trong mắt có những mạch máu đỏ từ trên xuống dưới xuyên qua đồng tử đó là tình huống nguy hiểm[10]. Nếu chỉ có 1 đường mạch máu thì 1 năm sau sẽ chết[11]; Nếu có 1 đường rươi mạch máu thì 1 năm rươi sau sẽ chết[12]; Nếu có 2 đường mạch máu thì 2 năm sau sẽ chết[13]; Nếu có 3 đường mạch máu thì 3 năm sau sẽ chết[14]; Còn như thấy có đường mạch máu mà không xuyên qua đồng tử thì có thể còn trị được"[15].

THIÊN 71: TÀ KHÁCH

Hoàng Đế hỏi Bá Cao: "Ôi ! Tà khí ở khách nơi con người, có khi làm cho mắt không nhắm lại được, không nằm được chỉ muốn ra ngoài, khí gì đã gây nên như thế ?"[1].

Bá Cao đáp : "Ngũ cốc nhập vào Vị, chất bã, tân dịch, và tông khí đều đi theo đúng 3 con đường của mình[2]. Do đó, ta biết tông khí tích lại trong ngực, xuất ra ở cổ họng nhằm quán thông Tâm mạch để rồi làm vận hành con đường hô hấp[3]. Doanh khí thì đưa tân dịch thấm chảy ra để rót vào mạch, hóa thành huyết, nhằm làm tươi thấm cho tứ chi, bên trong nó rót vào lục phủ ngũ tạng, vận hành khắp chu thân, ứng được với con số lậu thủy bách khắc[4]. Vệ khí xuất ra từ khí nhanh lệ, hung hãn của thủy cốc, trước hết vận hành trong khoảng bì phu, phận nhục và tứ chi, vận hành 1 cách không ngừng nghỉ[5]. Ban ngày nó vận hành ở Dương phận, ban đêm vận hành ở Âm phận, thường đi từ vùng khí của Túc Thiếu âm Thận, sau đó vận hành đến ngũ tạng lục phủ[6]. Nay nếu tà khí quyết nghịch để ở khách tại ngũ tạng lục phủ, sẽ làm cho vệ khí chỉ có thể bảo vệ bên ngoài, và chỉ vận hành được ở Dương phận không nhập được vào Âm phận, nhân vì vệ khí chỉ vận hành được ở Dương, cho nên Dương khí bị thịnh, khi mà Dương khí bị thịnh sẽ làm cho mạch Dương Kiều bị sung mãn, mà không nhập vào được Âm phận, Âm bị hư, làm cho mắt không nhắm lại được"[7].

Hoàng Đế nói: "Đúng vậy ! Phép trị phải thế nào ?"[8].

Bá Cao đáp : "Phép trị phải bỏ phần Âm bất túc, phải tả phần Dương hữu dư, điều hòa khí hư và thực, làm thông sướng được mạch đạo, đuổi được tà khí[9]. Nên uống 1 tể Bán Hạ Thang, khi nào Âm Dương được thông thì người ta sẽ ngủ được an giấc ngay"[10].

Hoàng Đế nói: "Đúng vậy ! Đây gọi là phương pháp khai thông ngòi nào đang bị ủng tắc, làm cho kinh mạch đại thông, làm cho Âm Dương điều hòa ổn định, Ta mong được nghe về vai trò của bài Bán Hạ Thang"[11].

Bá Cao đáp : "Phép dùng bài Bán Hạ Thang này là: phải lấy 8 thăng nước từ nguồn nước ngoài ngàn dặm, chứa trong 1 dụng cụ bằng sành, rồi quậy lên đến vạn lần, lóng lấy nước trong 5 thăng, dùng củi bằng cây lau sấy để nấu nước, đợi sôi rồi cho vào 1 thăng gạo nếp, xong dùng 5 hợp Bán Hạ cho vào, sắc bằng lửa nhỏ, đến chừng nào còn khoảng 1 thăng rưỡi, bỏ bã, uống 1 ly nhỏ nước cốt, mỗi ngày uống 3 lần, hoặc dựa vào bệnh tình, nếu nặng hơn, nhắm chừng độ thích ứng để uống[12]. Vì thế, nếu bệnh mới phát, chỉ cần uống xong, úp ly vào chỗ cũ (vừa uống xong) thì người bệnh sẽ nằm xuống ngủ, hoặc mồ hôi vừa ra thì khỏi bệnh[13]. Nếu bệnh đã lâu, chỉ cần uống xong 3 tể là khỏi bệnh"[14].

Hoàng Đế hỏi Bá Cao: "Ta mong được nghe về tứ chi, và bách tiết của con người ứng với Thiên Địa như thế nào ?"[15].

Bá Cao đáp : "Trời tròn, Đất vuông, ứng với đầu người tròn và chân người vuông[16]. Trời có mặt trăng, con người có đôi mắt[17]. Đất có cửu châu, con người có cửu khiếu[18]. Trời có mưa gió, con người có vui giận[19]. Trời có sấm điện, con người có âm thanh[20]. Trời có tứ thời, con người có tứ chi[21]. Trời có ngũ âm, con người có ngũ tạng[22]. Trời có lục luật, con người có lục phủ[23]. Trời có mùa đông hạ, con người có khí hàn nhiệt[24]. Trời có Thập nhật (can), con người có thập chỉ (ngón tay)[25]. Đất có 12 Địa chi, con người có 10 ngón chân, có Dương vật và dịch hoàn để ứng, con gái không có 2 vật (dương vật và hòn dái) nhưng có khả năng mang thai[26]. Trời có Âm Dương, con người có vợ chồng[27]. Trời có 365 ngày, con người có 360 (365) cốt tiết[28]. Đất có núi cao, con người có vai và gối[29]. Đất có hang sâu, con người có nách và kheo chân[30]. Đất có 12 kinh thủy, con người có 12 kinh mạch[31]. Đất có mạch suối dưới lòng đất, con người có vệ khí[32]. Đất có cỏ mọc khắp nơi, con người có lông hào và lông mao khắp thân mình[33]. Trời có ngày đêm, con người có

ngủ thức[34]. Trời có các vị sao, con người có 2 hàm răng[35]. Đất có núi nhỏ, con người có cốt tiết nhỏ[36]. Đất có núi và đá, con người có xương gồ lên cao[37]. Đất có cây rừng, con người có cân mạch[38]. Đất có nơi để người ta tụ họp lại thành ấp, con người có những bắp thịt gồ lên[39]. Tuổi (năm) có 12 nguyệt, con người có 12 tiết[40]. Đất có những nơi mà tứ thời không sinh ra cỏ, con người có những người không có con[41]. Đó là sự tương ứng giữa Trời Đất và con người"[42].

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ta mong được nghe giảng về những phép tắc về những thao tác trong khi châm, về nguyên lý trong việc châm kim vào thân người, về ý nghĩa việc bổ tả, nghênh tùy, về thao tác căng da để làm khai tẩu lý, tất cả những vấn đề đó, phải hiểu như thế nào ?[43]. Đồng thời con đường khúc chiết, quanh co, xuất nhập của mạch khí, đến nơi nào thì xuất ra ? Đến nơi nào thì dừng lại ? Đến nơi nào thì chậm lại ? Đến nơi nào thì nhanh lên ? Đến nơi nào thì nhập vào ?[44]. Và ngay cả các du huyết thuộc lục phủ rót vào toàn thân, ta mong được nghe tường tận về những vấn đề trên"[45].

Kỳ Bá đáp : "Những vấn đề mà bệ hạ hỏi, đã bao gồm cả đạo của châm trị rồi !" [46].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe cho rõ"[47].

Kỳ Bá đáp : "Mạch của thủ Thái âm, xuất ra từ đầu ngón tay cái, quay vào bên trong, đi dọc theo lằn biên của thịt trắng, chạy đến phía sau xương bản tiết là huyết Thái Uyên, lưu lại tại đây làm động ra ngoài da, nó lại quay ra bên ngoài, lên đến phía dưới xương bản tiết, xong lại quay vào trong, hội với các mạch âm lạc tại vùng Ngư tế, nơi đây vài mạch đạo hợp lại và cùng rót chảy đi, khí của chúng rất hoạt lợi, bắt đầu vận hành ngầm bên dưới xương của vùng Ngư, nó lại quay ra ngoài, xuất ra ở bộ Thốn khẩu để theo đường kinh vận hành lên (Kinh Cù) đến mép trong cánh chỏ, nhập vào bên dưới đường gân lớn (Xích Trạch), lại quay trở vào trong, lên trên vận hành đến vùng Âm của cánh tay trên, nhập vào dưới nách, lại quay vào trong, chạy đến Phế; đây là con đường thuận hành của kinh thủ Thái âm Phế, từ Phế đến ngón tay và cũng là con đường nghịch hành khúc chiết của kinh này đi từ ngón tay đến Phế[48].

Mạch của thủ Tâm chủ, xuất ra từ đầu ngón tay giữa (Trung Xung) quay vào trong, đi dọc theo mép trong của ngón giữa rồi đi lên trên, lưu lại ở giữa lòng bàn tay (Lao Cung), lại đi ngầm giữa 2 xương, quay ra ngoài, xuất ra ở giữa 2 đường gân, nơi khoảng giao nhau giữa nhục và cốt (Đại Lăng), khí của nó hoạt lợi, lên trên 2 thốn, quay ra ngoài, xuất ra, vận hành ngay giữa 2 đường gân (Gián Sứ), lên trên đến mép

trong của cánh chỏ, nhập vào phía dưới đường gân nhỏ, lưu lại nơi giao hội của 2 đầu xương (Khúc Trạch), sau đó lên trên nhập vào trong vùng ngực, bên trong liên lạc với mạch của Tâm"[49].

Hoàng Đế hỏi: "Mạch của thủ Thiếu âm riêng mình không có huyết Du, tại sao thế?"[50].

Kỳ Bá đáp : "Mạch Thiếu âm là mạch của Tâm[51]. Tâm là đại chúa của ngũ tạng lục phủ, là chỗ ở của tinh và thần[52]. Tạng của Tâm rất kiên cố, tà khí không thể đến ở được trong ấy, nếu tà khí có thể vào ở được nơi ấy thì Tâm bị thương, Tâm bị thương thì thần sẽ ra đi, thần ra đi thì chết[53]. Cho nên khi nói rằng tà khí ở tại Tâm, đó là tà khí ở tại bào lạc của Tâm[54]. Bào lạc là mạch của Tâm chủ, cho nên riêng Tâm 1 mình không có huyết Du"[55].

Hoàng Đế hỏi: "Nếu nói rằng mạch Thiếu âm riêng mình không có huyết Du, vậy nó không bị bệnh hay sao?"[56].

Kỳ Bá đáp : "Nếu có bệnh thì bệnh ở ngoại kinh, chứ tạng thì không bị bệnh, vì thế nếu có bệnh ở ngoại kinh thì riêng thủ huyết ở kinh của nó nằm ở đầu xương nhọn thuộc dưới của lòng bàn tay (huyết Thần Môn), phần mạch còn lại xuất nhập, khúc chiết, sự vận hành nhanh hay chậm, sẽ như sự vận hành của Thủ Thiếu âm Tâm chủ[57]. Vì thế huyết Thần Môn được xem như du huyết của kinh này[58]. Trong lúc có bệnh nên căn cứ vào sự hư thực của mạch khí, vào sự nhanh hay chậm của mạch khí để thủ huyết này trong việc điều trị, nói rõ hơn, nếu tà khí kháng thịnh thì dùng phép tả, nếu chính khí suy, ta dùng phép bổ[59]. Được vậy, tà khí sẽ bị trừ đi, chân khí sẽ được vững vàng hơn, đây gọi là ta đã dựa vào sự thuận tự của Trời (thể hiện qua kinh mạch) vậy"[60].

Hoàng Đế hỏi: "Phép châm có bỏ tả nghênh tùy, như thế nào?"[61].

Kỳ Bá đáp : "Trước hết, phải biết rõ về gốc và ngọn của 12 kinh mạch, biết rõ sự hàn nhiệt ở bì phu, rõ sự thịnh suy, hoạt sắc của mạch khí[62]. Nếu mạch hoạt mà thịnh, đó là bệnh ngày càng nặng thêm, nếu mạch hư mà tể, đó là chính khí ngày suy hơn, bệnh tuy kéo dài nhưng vẫn duy trì được sự sống[63]. Nếu mạch đại mà sắc, đó là bệnh thuộc thống, tý[64]. Nếu bệnh mà ngoài và trong, biểu và lý đều suy kiệt, đây là bệnh khó chữa khỏi, không nên dùng phép châm cứu[65]. Nếu vùng ngực bụng và tứ chi vẫn có nhiệt, đó là bệnh hỷ còn, nếu vùng này mà nhiệt đã thoái, đó là bệnh cũng khỏi[66].

Chúng ta còn phải xét cho rõ vùng da của xích (vùng da từ cánh chỏ đến cổ tay), đồng thời xét rõ sự mềm hay cơ nhục, xét đến mạch đại, tiểu, hoạt hay sắc, phân biệt cho được tình trạng hàn ôn hay táo thấp[67]. Ngoài ra, ta còn phải xét đến ngũ sắc ở mắt nhằm biết được tình huống ở ngũ tạng, để mà quyết đoán việc sống chết[68]. Phải thấy được những đường huyết lạc, xét được màu sắc của bì phu, nhằm biết được các chứng hàn nhiệt, thống tý"[69].

Hoàng Đế hỏi: "Vấn đề thủ pháp của việc bổ tả, nghênh tùy này, ta chưa hiểu rõ ý nghĩa của nó thế nào cả ?"[70].

Kỳ Bá đáp : "Cái Đạo nguyên tắc của thủ pháp châm thích, đòi hỏi người thầy phải có thái độ đoan chính, có 1 tâm tình an tĩnh[71]. Trước hết phải biết được bệnh tình hư hay thực, để rồi mới áp dụng phương pháp bổ tả nhanh hay chậm[72]. Tay trái ta phải giữ cho kỹ vùng xương nào đó (tức vùng phải châm), tay phải dò theo huyết vị trên đường kinh, khi châm vào ta không nên mạnh tay quá đề phòng người bệnh bị căng thẳng về phản ứng, bóp thịt bị co lại gây hậu quả xấu[73]. Phương pháp châm tả, phải châm kim thẳng, phép bổ phải châm cạn, làm thế nào để cho vết châm trên da được kín lại, ta còn phải dùng phép phụ trợ để dẫn được khí, khiến cho tà khí không thể tràn vào trong sâu, chân khí được ở yên và vận hành 1 cách bình thường"[74].

Hoàng Đế hỏi: "Phương pháp gõ, vỗ vào da để khai phá tấu lý, như thế nào ?"[75].

Kỳ Bá đáp : "Dựa vào vùng phận nhục đang có bệnh biến, trước hết dùng tay trái gõ vào vùng bì phu, tay mặt châm nhẹ và chậm, ngay thẳng, làm cho thần kinh của người bệnh an tĩnh, không bị phân tán và tà khí cũng đồng thời bị đuổi đi"[76].

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Con người có cái gọi là bát hư, mỗi cái như vậy được biểu hiện như thế nào ?"[77].

Kỳ Bá đáp: "Mỗi cái như vậy biểu hiện cho mỗi tạng"[78].

Hoàng Đế hỏi: " Biểu hiện như thế nào ?"[79].

Kỳ Bá đáp : "Khi Tâm và Phế có tà khí thì nó sẽ lưu lại nơi 2 cánh chỏ[80]; Khi Can có tà khí, nó sẽ lưu lại nơi 2 bên nách[81]; Khi Tỳ có tà khí, nó sẽ lưu lại nơi 2 mấu chuyển lớn[82]; Khi Thận có tà khí, nó sẽ lưu lại ở 2 kheo chân[83]. Phàm tám loại gọi là bát hư này (2 cánh chỏ, 2 bên nách, 2 bên mấu chuyển lớn, 2 kheo chân) là nơi ở

của các cơ quan, là nơi đi qua của chân khí, là nơi đi chơi của huyết lạc[84]. Do đó mà, dĩ nhiên, tà khí và ác huyết không có quyền đến ở và lưu lại các nơi đó, nếu như tà khí, ác huyết đến ở và lưu lại các nơi này chúng sẽ làm cho thương đến cân, lạc, cốt, tiết, cơ, quan, các nơi này sẽ không co duỗi được nữa, tình huống này sẽ sinh ra bệnh co giật “[85].

THIÊN 72: THÔNG THIÊN

Hoàng Đế hỏi Thiệu Sư: "Ta thường nghe nói về con người, có người thuộc Âm, có người thuộc Dương, Người như thế nào thì thuộc Âm ? Người như thế nào thuộc Dương ?"[1].

Thiệu Sư đáp: "Trong khoảng Thiên Địa, bên trong lục hợp, tất cả không tách khỏi ngũ hành, con người cũng ứng theo đó, nhưng cũng không phải chỉ có 1 mẫu người Âm, 1 mẫu người Dương mà thôi, nó chỉ được nói 1 cách giản lược mà thôi, lời nói không thể diễn tả rõ rệt được"[2].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe giảng 1 cách sơ lược về ý nghĩa của vấn đề con người Âm Dương ấy[3]. Các bậc hiền nhân, thánh nhân, nội tâm của họ có phải kiêm cả Âm Dương và có thể biểu hiện ra bằng hành vi hay không ?"[3].

Thiệu Sư đáp: "Nói chung, có những người thuộc Thái âm, có những người thuộc Thiếu âm, có những người thuộc Thái Dương, có những người thuộc Thiếu Dương, có những người thuộc Âm Dương hòa bình, phàm tất cả 5 loại người này, hình thái của họ bất đồng, cân cốt và khí huyết cũng không giống nhau"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Sự không giống nhau đó, ta có thể nghe giải thích được không ?"[5].

Thiệu sư đáp: "Những người thuộc Thái âm, tính tình của họ là tham lam mà bất nhân, bề ngoài có vẻ khiêm cung, chu đáo, nhưng bên trong chất chứa những điều âm hiểm, chỉ biết lấy về phần mình là vui thích, mà rất ghét khi bị thua thiệt mất mát[6]. Tâm địa của họ như rất nhu hòa, hình sắc không để lộ ra ngoài, có việc gì xảy ra họ không phản ứng và biểu lộ ý mình kịp thời, động tác của họ thường biểu lộ chậm hơn người khác, đó chính là tâm tính, thái độ...) của những người thuộc Thái âm[7].

Những người thuộc Thiếu Âm, tính tình của họ là tham lam những điều nhỏ mọn, thường có ý hại người, mỗi khi thấy người khác có những tổn thất nào đó, họ thường tỏ vẻ vui mừng như đang được 1 cái gì đó; Họ thích làm thương tổn đến người

khác, khi thấy người khác có chút gì vinh quang, họ thường tỏ ra nổi giận; Tính khí của họ tàn ác, vô ân; Đây chính là tâm tính, thái độ... của người thuộc Thiếu âm[8].

Những người thuộc Thái dương, tính tình của họ là không chú trọng, để ý lắm về chỗ ở của mình, họ thích bàn chuyện đại sự, không có tài năng nhưng hay nói chuyện rỗng tuếch, chí hướng của họ thường khoe rộng ra khắp bốn phương, cử chỉ và hành động của họ không đếm xỉa đến lẽ phải trái, việc làm của họ thì tầm thường nhưng lại rất tự tin, khi việc họ làm bị thất bại, nhưng họ không bao giờ hối hận; Đó là tâm tính, thái độ... của những người thuộc Thái Dương[9].

Những người thuộc Thiếu dương, tính tình của họ thường tỉ mỉ, cẩn thận tự cho là người có tài giỏi hơn người, nếu họ chỉ làm được 1 chức quan nhỏ nào đó, họ rất tự cao, tự đắc ý, họ có tài về ngoại giao, nhưng không thể làm những việc bên trong; Đó chính là tính tình, thái độ ... của những người thuộc Thiếu Dương[10].

Những người thuộc Âm Dương hòa bình, tính tình của họ là có 1 nếp sống an tĩnh, họ không có những nỗi lo sợ vu vơ, họ không có những thái độ ham muốn vui mừng quá trớn, hành động của họ thường thuần tùng với quy luật sự vật, họ không tranh chấp kỳ kèo gì đến những gì có ích lợi cho họ, họ chỉ sống thuận với sự biến hóa của thời lệnh (khí hậu); Họ có thể có địa vị tôn quý, nhưng thái độ rất khiêm tốn, Lời nói của họ là dùng đức để cảm hóa người khác chứ không dùng đến quyền bính, đó gọi là phương pháp xử lý sự việc tốt nhất[11].

Ngày xưa, người thầy thuốc khéo dùng kim châm và ngải cứu để trị bệnh, họ thường quan sát biết được 5 dạng người như nói trên để phân biệt ra mà trị liệu: Khi nào thịnh thì dùng phép tả, khi nào hư thì dùng phép bổ"[12].

Hoàng Đế hỏi: "Nguyên tắc trị liệu cho 5 loại hình thái người như trên thế nào ?"[13].

Thiếu Sư đáp: "Những người thuộc hình thái Thái âm, nhiều Âm mà không Dương, Âm huyết của họ trọc, vệ khí vận hành sắc trệ không trơn tru[14]. Âm và Dương không điều hòa, cân khí hoãn, bì phu dày, đối với dạng người huyết trọc và bì phu dày như vậy, nếu không áp dụng phương pháp châm tả nhanh thì không thể làm cho bệnh tình giảm nhẹ được[5].

Những người thuộc hình thái Thiếu âm, nhiều Âm mà ít Dương, Vị của họ nhỏ mà Trường Vị lại to công năng của lục phủ không điều hòa[6]. Mạch khí của kinh Dương

minh Vị kém trong lúc đó mạch khí của Thái dương nhiều (to), vậy nên thăm xét 1 cách thận trọng trước khi tiến hành điều trị, nếu không, do ở khí kém không giữ được huyết sẽ làm cho huyết dễ bị thoát, còn nguyên khí cũng dễ bị bại[7].

Những người thuộc hình thái Thái dương, nhiều Dương mà ít Âm, ta nên thận trọng trước khi điều trị, vì Âm khí ít ta không nên làm cho thoát Âm, chỉ có thể châm tả Dương khí mà thôi, nhưng nếu Dương khí bị thoát nhiều lần sẽ đưa đến cuồng bệnh, và nếu Âm lẫn Dương đều bị thoát sẽ bị chết 1 cách đột ngột, hoặc sẽ bất tri nhân sự[8].

Những người thuộc hình thái Thiếu dương, nhiều Dương ít Âm, kinh mạch nhỏ nhưng lạc mạch lớn, huyết ở bên trong còn khí ở bên ngoài, trong khi điều trị phải làm sao làm cho Âm kinh được thực, và tả bớt khí của Dương lạc bên ngoài[9]; Nhưng nếu chỉ tả có lạc mạch, đó là ta đã cưỡng bức Dương khí hao tán, thoát tiết ra ngoài, như vậy là trung khí sẽ bất túc, bệnh khó có thể lành được[10].

Những người thuộc hình thái Âm Dương hòa bình, khí của Âm và Dương được điều hòa, huyết mạch cũng được điều hòa[11]. Trong lúc trị liệu nên cẩn thận chẩn đoán sự biến hóa của Âm Dương, xét được sự thịnh suy của tà khí và chính khí, đáng điệu của người thầy phải thung dung, xét đoán được sự hữu dư và bất túc của khí huyết, nếu tà khí thịnh thì nên dùng phép tả, nếu chính khí suy nên dùng phép bổ, nếu bệnh thuộc không thịnh không hư thì dựa vào kinh đã bị bệnh mà chọn huyết châm[12]. Phương pháp này gọi là điều hòa Âm Dương, cũng là tiêu chuẩn để phân biệt được 5 dạng hình thái của con người trong việc trị liệu"[13].

Hoàng Đế hỏi: "Ôi ! Những người thuộc hình thái 5 loại khác nhau ấy, có khi chúng ta chưa bao giờ sống chung, hoặc quan hệ với họ, vậy khi gặp họ 1 cách thành tình, ta không thể biết được hành vi hàng ngày của họ, ta làm sao phân biệt được họ thuộc dạng người nào ?"[14].

Thiếu Sư đáp: "Đa số người có những loại hình khác nhau, thường không biết, hoặc không giống với những người thuộc 5 loại hình thái Âm Dương như kể trên, nhất là đối với ngũ ngũ nhị thập ngũ nhân thuộc ngũ âm, ngũ hành, thì 5 loại hình thuộc Âm Dương lại càng không thể so và giống nhau được[15]. Năm loại hình thái người thuộc Âm Dương lại càng không giống với quần chúng bình thường"[16].

Hoàng Đế hỏi: "Vậy làm cách nào để phân biệt được 5 loại hình thái của những người này ?"[17].

Thiếu Sư đáp: "Những người thuộc loại hình thái của Thiếu Âm, dáng người của họ có nước da đen xám, ý niệm tư tưởng của họ bộc lộ như 1 người thấp kém, tầm thường, đôi mắt của họ thường nhìn xuống như thể là 1 người cao lớn phải nhìn xuống mới thấy được mọi vật, tuy họ không phải là người có tật gù lưng, nhưng gối và khoeo chân của họ cong lại không đứng thẳng lên được; Đó chính là hình thái của người thuộc Thái âm vậy[18].

Những người thuộc hình thái của Thiếu âm, dáng bề ngoài của họ giống như thanh cao, nhưng lại có thái độ lén lút, lấm lét, rình mò 1 cái gì, lòng của họ thật âm hiểm, tặc hại 1 cách không lay chuyển, khi họ đứng thì lúc nào cũng bộp chộp không yên, biểu lộ 1 tâm địa nham hiểm, lúc họ hành động thì người họ khom xuống, chịu đựng sự trầm tư đầy phản trắc; Đó là hình thái của người thuộc Thiếu âm[19].

Những người thuộc loại hình thái của Thái dương, dáng điệu của họ rất kiêu căng, tự đắc, họ thường nẩy ngực, co bụng, và cũng thường co gối lại. Đó là hình thái của người thuộc Thái dương[20].

Những người thuộc loại hình thái Thiếu dương, dáng đứng của họ thường nghênh đầu và mặt lên, lúc đi, thân hình của họ thường lắc lư, 2 vai cũng như 2 cánh chỏ của họ thường hướng ra phía sau lưng; Đó là hình thái của người thuộc Thiếu dương[21].

Những người thuộc loại hình thái Âm Dương hòa bình, dáng điệu của họ lúc nào cũng ung dung, tự tại, lúc nào cũng sẵn sàng thích ứng với hoàn cảnh, nét mặt lúc nào cũng có vẻ nghiêm nghị, đứng đắn, tươi vui, đôi mắt biểu lộ cái nhìn hiền lành, dịu dàng, cử chỉ và hành động không bộp chộp mà phân minh và đứng đắn, mọi người gọi họ là bậc quân tử; Đó là hình thái của người thuộc Âm Dương hòa bình"[22].

THIÊN 73: QUAN NĂNG

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ta đã nghe Thầy nói về vai trò của cửu châm, nghe đã nhiều rồi, sự phong phú của nó thật là không biết bao nhiêu mà kể, Ta đã suy rộng ra để thảo luận nhiều lần và đã quy nạp được về 1 mối, nay ta xin đọc lại cho thầy nghe, thầy nghe cho rõ về cái lý của nó, nếu có điều gì sai, xin thầy bảo cho ta biết, ta cũng xin được thầy tu chính cho đúng với cái đạo của nó, làm thế nào để truyền lại cho đời sau mà không có điều gì hại[1]. Khi nào ta tìm được những người có cái chí thông hiểu như

chúng ta thì ta mới truyền dạy cho, còn nếu như không có được những người như vậy thì thôi, không dạy”[2].

Ký Bá rập đầu 2 lay, tâu:”Thần xin kính nghe về cái đạo của bậc thánh nhân”[3].

Hoàng Đế nói: "Cái lý của sự dụng châm là phải nắm cho được bộ vị biểu hiện của hình và khí, phân biệt rõ bộ vị trên dưới, phải trái, xét cho được Âm Dương biểu lý, huyết khí nhiều hay ít, sự vận hành thuận hay nghịch, những nơi để cho khí xuất từ lý ra biểu, nhập từ biểu vào lý, phải biết cách chống đỡ, đuổi tà khí, và đừng sai sót trong việc dưỡng sinh[4]. Ngoài ra, phải biết phép giải cho được những kết tụ, phải biết phép bổ hư tả thực, nắm cho được sự phân bố khí ở các huyết trên và dưới, phải sáng tỏ vai trò của khí tứ hải (khí hải, huyết hải, tủy hải, và thủy cốc chi hải)[5]. Phải nắm cho được bộ vị đau nhức ở chỗ nào, nếu có những chứng trạng hàn nhiệt vắng lai hoặc mệt mỏi yếu sức[6]. Tà khí xâm nhập vào cơ thể sẽ chạy đi ở những nơi khác nhau, nên thẩm định hư thực của bệnh, sự vắng lai của khí để điều hòa nó[7]. Phải nắm cho được các đường kinh toại, với những đường chi lạc 2 bên tả hữu, nắm cho vững nơi hội hợp của nó[8].

Nếu có tình trạng hàn và nhiệt tranh nhau làm cho Âm Dương bất hòa, ta nên tham hợp các nguyên lý dựa vào bệnh trạng để tiến hành điều trị[9]. Nếu có tình trạng chứng hư và chứng thực gần giống nhau, ta phải biết dựa vào sự thịnh suy của kinh mạch để sơ thông kinh khí[10]. Nếu tà khí xâm nhập vào đại lạc bên trái, gây bệnh bên phải, nhập bên phải gây bệnh bên trái, phải biết tà khí ở bộ vị nào để áp dụng phép châm mậu thích: bệnh bên trái châm bên phải, bệnh bên phải châm bên trái[11]. Phải nắm rõ lẽ nghịch thuận để biết rằng thuận thì trị được, nghịch thì không trị được[12]. Nếu tình huống của tạng phủ Âm Dương không bị lệch mà chỉ do thời lệnh làm hại đến, do đó ta biết được nguyên nhân gây bệnh là do thời lệnh[13]. Thẩm định tiêu bản của bệnh, xét đoán lẽ hàn nhiệt để biết được tà khí đang ở tại đâu, như vậy vận lần châm không còn lo ngại nữa[14]. Nếu ta nắm được tác dụng của cửu châm, đó là đạo của châm đã tròn vẹn rồi vậy”[15].

Rõ được vai trò của ngũ du huyết (Tĩnh, Huỳnh, Du ,Kinh và Hợp), xét được lẽ hư thực để mà áp dụng phép bổ tả nhanh hay chậm, mạch khí vận hành co duỗi, xuất nhập, tất cả đều có những điều lý (trật tự) của nó[16]. Âm Dương trong con người cũng phối hợp với ngũ hành, ngũ tạng lục phủ đều ẩn tàng những quan năng của nó với Âm Dương và ngũ hành, thời lệnh của bốn mùa và tám hướng đều thuộc Âm Dương, ảnh

hưởng đến con người[16]. Mỗi bộ vị đều biểu hiện Âm Dương và ngũ hành, và ứng lên ở vùng Minh đường[17]. Các bộ vị này đều biểu hiện bởi những màu sắc tương ứng với tình huống của ngũ tạng lục phủ[18]. Thăm sát được những bộ vị đau trên thân thể rồi kết hợp với những biểu hiện về màu sắc từ trên, dưới, trái, phải ở trên mặt để biết được bệnh đang thuộc hàn hay ôn, đang xảy ra tại kinh nào[19]. Thăm sát được những đặc điểm hàn ôn, hoạt sắc trên bì phu, ta biết được những bệnh khổ thể nào[20]. Nhân vì màn cách mạc ngăn làm 2 ngăn thượng và hạ, nhờ đó ta nên biết cho rõ bệnh khí đang ở nơi nào[21]. Trước hết ta phải nắm cho được con đường thông lộ của kinh mạch, chọn huyết nên ít mà tinh, có khi phải châm sâu và lưu kim lâu, nhờ vậy ta làm cho chính khí phục hồi, quay về đúng đường đi của nó, chống được tà khí[22]. Nếu như ở thượng bộ phát nhiệt, ta dùng phép châm đẩy hỏa nhiệt giáng xuống[23]. Nếu như bệnh tà đi từ dưới dần lên trên, ta dùng phép châm giáng xuống và đẩy lui để trừ nó[24]. Đồng thời ta quan sát đến bộ vị đau nhức trước đây: trước hết ta chọn huyết nơi đó để tả nó[25]. Có những bệnh không thích ứng với việc châm, ta nên dùng phép cứu[26]. Khi nào khí ở trên bất túc, ta dùng phép châm ‘thôi nhi dương chi’[27]. Khi nào khí ở dưới bất túc, ta dùng phép châm ‘tích nhi tòng chi’[28]. Khi nào Âm Dương đều hư, cảm châm thích, ta dùng (ngải cứu) hỏa để để cứu là thích hợp nhất[29]. Khi nào bệnh quyết nghịch mà bị hàn thậm, hoặc phản bấp thịt áp vào với cốt bị hãm xuống, hoặc hàn khí đã lên đến quá gối, ta cứu huyết Hạ Lăng Tam Lý[30]. Những nơi mà Âm lạc đi qua, nếu có hàn tà đến và lưu lại nơi đó, hoặc hàn tà do lạc mạch đi sâu vào nội tạng, ta dùng phép châm ‘thôi nhi hành chi’ để đuổi hàn tà[31]. Nếu có tình huống mà kinh mạch bị hãm lại, ta phải dùng ngải cứu để cứu (đốt nóng) là đúng nhất[32]. Khi nào lạc mạch kết lại thành những đường cứng, ta cũng dùng ngải cứu để trị[33]. Nếu có chứng đau nhức mà không có bộ vị nhất định, ta chọn huyết Thân Mạch là nơi mà mạch Dương kiều đi qua, hoặc huyết Chiếu Hải là nơi mà mạch Âm kiều đi qua; ở người đàn ông thì ta chọn mạch Dương kiều, ở người đàn bà thì ta chọn mạch Âm kiều[34]. Nếu ta chọn Âm cho đàn ông, chọn Dương cho đàn bà, kết quả sẽ ngược lại, đó là điều mà người thầy thuốc giỏi không làm[35]. Tóm lại, trên đây ta đã đề cập đến những nguyên tắc trị liệu liên quan đến tạng phủ, Âm Dương, hàn nhiệt, hư thực, biểu lý, thượng hạ, bổ tả, nhanh chậm... như thế là những lập luận chủ yếu của việc châm thích đã đầy đủ rồi vậy”[36].

Trong quá trình học tập phép dụng châm, ắt phải theo đúng phương pháp và chuẩn tắc[37]. Bên trên phải biết xem những ánh sáng (nhật nguyệt, các vì sao...) bên dưới phải nắm cho được luật vận hành của bát chính (tám tiết chính), nhằm tránh được những tà khí bất chính của tứ thời, phải biết sống cho đúng với nền ngũ luân của trăm

họ (những người chung quanh ta), phải thẩm định cho được những chính phong (thực), những tà phong (hư) đừng để chạm phải những tà khí quái lạ[38]. Nếu có những bệnh do mưa gió của Trời, hoặc gặp phải những thời lệnh bất chính thường của tuế khí, người thầy thuốc lại không thông hiểu những điều kể trên, họ sẽ làm cho bệnh nhân bị nặng thêm[39]. Vì thế, người thầy trị bệnh phải biết rõ những thời lệnh thuận hay kỵ của Trời, mới có thể nói đến vấn đề châm ý[40].

Phải bắt chước và vận dụng cho được học thuật của cổ nhân, nghiệm cho được vào hoàn cảnh hiện tại[41]. Ví dụ: Phải nhìn nắm cho được những gì xảy ra nơi sâu thẳm nhất, vận hành, biến hóa bên trong của doanh vệ, huyết khí, phải truyền thông, phải đạt được cho đến muôn đời sau[42]. Những biến hóa của doanh vệ, huyết khí bên trong rất sâu xa là những điều mà người thầy thuốc vụng về không thể biết và thấy được, nhưng ngược lại, nó là những dữ kiện quý báu của những người thầy giỏi[43]. Những biến hóa của doanh vệ, huyết khí, không thể biết nó nhưng biết những hình tích cụ thể, mà nó chỉ bộc lộ ra như thần khí như có như không”[44].

Tà khí trúng vào người làm cho người ta bị sợ lạnh run rẩy, chính là trúng vào người, bệnh nhẹ, trước hết nó chỉ biểu hiện lên ở sắc diện, nhưng ở thân mình thì chưa thấy có gì, dường như đang có bệnh, nhưng không có vẻ gì là bệnh, dường như khỏi đi, dường như đang còn bệnh, bên ngoài dường như có dạng hình người bị bệnh, nhưng cũng có khi chẳng có dáng gì là bệnh cả, khó mà nắm được bệnh tình[45].

Vì thế, người thầy thuốc giỏi trong lúc thủ khí để chữa bệnh, họ cứu được bệnh trong lúc còn manh nha sơ khởi, những người thầy thuốc vụng về, họ chỉ lo lắng, theo dõi trong lúc bệnh đã thành, họ chỉ nương theo đó để làm bại hoại không bệnh hình mà thôi[46].

Vì thế, người thầy khéo dụng châm, họ phải biết mạch khí đang ở chỗ nào để mà gìn giữ cánh cửa xuất nhập của nó[47]. Họ cũng phải biết phương pháp điều hòa khí huyết, phải biết lúc nào nên bổ, lúc nào nên tả, phải biết ý nghĩa của việc châm nhanh hay chậm, phải biết huyết nào nên chọn[48]. Nếu châm tả, nên dùng thủ thuật nhuần nhuyễn, theo sát với bệnh để mà xoay kim, như vậy tà khí mới lui và khôi phục lại chính khí[49]. Khi châm thì châm vào nhanh nhưng rút kim ra chậm hơn, được vậy tà khí mới theo kim mà xuất ra[50]. Nếu châm bằng phép nghênh đón để tả, ta phải lắc kim làm cho miệng của vết kim to ra, được vậy khí xuất ra mới nhanh[51]. Nếu châm bổ, ta phải có thái độ đoan chính, thung dung, trước hết phải xoa nắn bên ngoài da, làm thế nào

để tà khí ở nơi nào đó trên kinh mạch sẵn sàng ở vùng của huyết đã chọn, tay trái ta xoa trên huyết vị, tay phải ta ấn lên da, ta xoay nhẹ mũi kim rồi châm kim vào 1 cách chậm chậm, thủ thuật và dáng điệu phải đoan chính, phải an tĩnh, phải kiên tâm không nóng nảy, lưu kim 1 cách nhẹ nhàng, đợi khi nào mạch khí điều hòa, ta mới rút kim thật nhanh, sau khi rút kim xong, ta dùng tay xoa nhẹ trên da và đồng thời bịt kín vết kim lại, nhờ vậy mà chân khí mới giữ lại được[52]. Cái quan yếu của việc dụng châm là không nên quên, không nên lơ là đến vấn đề thần khí”[53].

Lôi Công hỏi Hoàng Đế "Trong điều gọi là châm luận mà bệ hạ đã nói, khi nào có được người thích ứng với công tác châm trị, ta sẽ nhận và dạy cho họ, nếu không phải là những người ấy thì không nói đến họ; Làm thế nào để biết được người nào là người thích ứng cho việc truyền thụ (việc châm trị)”[54].

Hoàng Đế đáp: “Nên chọn đúng cho mỗi người 1 khoa thích hợp, tùy theo năng lực của họ mà dạy cho họ, nhờ vậy mà làm cho công việc thành công rục rở hơn”[55].

Lôi Công hỏi: “Thần mong được nghe về quan năng như thế nào ?”[56].

Hoàng Đế đáp: “Người nào đôi mắt sáng, ta dạy cho họ cách nhìn về sắc diện[57]. Người nào có đôi tai thính, ta dạy cho họ cách nghe tiếng nói[58]. Người nào có ngôn ngữ lưu loát, phát âm rõ ràng, ta dạy cho họ các) ăn nói để truyền đạt ý tưởng[59]. Người nào ăn nói hòa hoãn, dáng điệu an tĩnh, thủ pháp khéo léo, nội tâm khéo xét đoán, ta dạy cho họ thao tác châm và cứu (bằng ngải) nhằm làm sơ thông khí huyết, điều hòa các tình huống nghịch và thuận, xét được sự biến hóa của Âm Dương kiêm nắm vững các phương pháp điều trị[60]. Người nào có đôi tay hòa hoãn, gân cốt dịu dàng, nội tâm điều hòa, ta dạy cho họ phép án ma để hướng dẫn hành khí[61]. Người nào tính hay ghen ghét, lời lẽ khe khắt, độc ác, thái độ khinh người, ta để cho họ làm khoa thóa ung chủ bệnh[62]. Người nào có móng tay thô kệch, thủ pháp ác độc, mỗi khi làm việc thường di hại đến kẻ khác, ta dạy cho họ làm công việc xoa nắn những khối tích tụ, và những chứng tý (tê) lâu năm[63]. Như vậy, mỗi loại người có 1 việc thích hợp với khả năng của họ, nhờ vậy mà các phương pháp điều trị mới vận hành thuận lợi, tên tuổi của họ mới nổi lên khắp nơi[64]. Nếu không gặp được người thích hợp với mỗi công tác điều trị như đã nói trên, chẳng những công phu của họ không thành mà ông thầy của họ cũng mất đi cái danh dự ấy[65]. Cho nên mới nói rằng: Đó là ý nghĩa của câu: Khi nào có được người thích ứng với công tác châm trị ta sẽ nhận và dạy cho họ, nếu không phải là người ấy thì không truyền cho[66]. Muốn thử bàn tay độc hiểm, ta sẽ

thử cho họ đè lên con rùa, ta để con rùa bên dưới 1 đồ dùng (cái chậu chẳng hạn), bên trên người đó dùng tay đè lên, sau 50 ngày con rùa sẽ chết[67]. Nếu người nào mà bàn tay hòa hoãn (dịu dàng) thì con rùa sẽ sống lại như cũ”[68].

THIÊN 74: LUẬN TẬT CHẨN XÍCH

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ta muốn rằng không cần phải nhìn sắc diện, không cần phải bắt mạch, chỉ cần chẩn được các bộ vị của da nơi bộ xích để nói lên được cái bệnh, tức là phương pháp quan sát đi từ bên ngoài để biết được bên trong, Ta phải làm thế nào để đạt được những điều kể trên”[1].

Kỳ Bá đáp : "Ta nên thẩm đoán được tình trạng hoãn hay cấp, đại hay tiểu, hoạt hay sắc của bộ vị của xích phu, thẩm đoán sự cứng hay mềm của cơ nhục, nhờ vậy ta sẽ nắm được bệnh thuộc loại hình nào[2]. Ví dụ: ta thấy khoé mắt dưới của người bệnh bị hơi sưng lên, giống như người mới ngủ thức dậy, mạch ở cổ nhip động, thỉnh thoảng có ho, khi ta dùng tay đè lên vùng tay chân, nơi bị đè lõm xuống mà không nổi lên như cũ, đó là chứng trạng của Phong thủy phu trưởng[3].

Bộ vị xích phu trơn, nhuận trạch, đó là Phong bệnh[4]. Cơ nhục ở bộ vị xích phu mềm nhũn gọi là giải diệc, người cứ như muốn buồn ngủ 1 cách tối tăm ngây ngây, cơ nhục gầy héo đi, đó là bệnh thuộc hàn nhiệt hư lao, không trị được[5]. Bộ vị của xích phu trơn, như thoa mỡ vào ngón tay, đó là Phong bệnh[6]. Bộ vị của xích phu rít, đó là bệnh thuộc Phong tý[7]. Bộ vị của xích phu thô sần sùi như chiếc vảy cá khô, đó là do khí Thủy thấp tràn lên đến tay chân[8]. Bộ vị xích phu nóng nhiều, mạch thịnh táo, đó là Ôn bệnh, khi nào mạch thịnh mà hoạt, đó là triệu chứng bệnh khí sắp thoát ra ngoài để lành bệnh[9]. [Bộ vị xích phu lạnh, mạch đi tiểu, đó là bệnh tiêu chảy hoặc khí hư thiếu[10]. Bộ vị xích phu nóng đến bỏng tay, trước nóng sau lạnh, đó là hàn nhiệt[11]. Bộ vị xích phu hàn trước, kéo dài lâu hơn sau đó mới nhiệt cũng gọi là hàn nhiệt bệnh” [12].

Riêng vùng da của cánh chỏ bị nhiệt, là biểu hiện của từ thất lưng trở lên bị nhiệt[13]. Vùng da mu bàn tay bị nhiệt, là biểu hiện của từ thất lưng trở xuống bị nhiệt[14]. Riêng mép ngoài cánh chỏ bị nhiệt, là biểu hiện của vùng ngực bị nhiệt[15]. Riêng mép trong cánh chỏ bị nhiệt, là biểu hiện của vùng vai và lưng bị nhiệt[16]. Riêng giữa cánh tay bị nhiệt, là biểu hiện của thất lưng và bụng bị nhiệt[17]. Vùng từ cánh chỏ chạy xuống khoảng 3 đến 4 thốn bị nhiệt, là biểu hiện của trong ruột có giun[18]. Lòng bàn tay phát nhiệt, là biểu hiện của trong bụng có nhiệt[19]. Lòng bàn tay bị lạnh, là biểu hiện của

trong bụng bị lạnh[20]. Trên mu bàn tay nơi bạch nhục vùng ngư thương hiện lên những lạc mạch có huyết màu xanh, là biểu hiện trong Vị (dạ dày) bị lạnh[21].

Bộ vị nơi bì phu của bộ xích bị nhiệt cao, mạch Nhân nghênh đại, nên đoạt huyết[22]. Vùng xích kiên đại, mạch tiểu thậm, thiếu khí, lại gia thêm chứng phiền muộn, có thể chết ngay[23].

Mắt hiện lên màu đỏ, bệnh ở tại Tâm, hiện ra màu trắng, bệnh ở tại Phế, hiện ra màu xanh, bệnh ở tại Can, hiện ra màu vàng bệnh ở tại Tỳ, hiện ra màu đen, bệnh ở tại Thận[24]. Nếu hiện ra màu vàng mà lẫn lộn các màu khác không phân biệt được nữa, bệnh ở tại giữa ngực[25].

Chẩn đoán chứng đau mắt, nếu mạch gân đỏ đi từ trên xuống dưới, đó là Thái dương bệnh; nếu đi từ dưới lên trên, đó là Dương minh bệnh; đi từ ngoài chạy vào trong, đó là Thiếu dương bệnh[26]

Chẩn đoán chứng hàn nhiệt vắng lai, có mạch gân đỏ từ trên chạy xuống đến đồng tử, nếu chỉ hiện có 1 đường thì sẽ chết sau 1 năm, nếu hiện lên 1 đường rưỡi, sẽ chết sau 1 năm rưỡi, nếu hiện lên 2 đường sẽ chết sau 2 năm, nếu hiện lên 2 đường rưỡi, sẽ chết sau 2 năm rưỡi, nếu hiện lên 3 đường, sẽ chết sau 3 năm[27].

Chẩn đoán về sâu đau răng, ta ấn lên con đường của kinh Dương minh, nếu mạch đi thái quá, đó là riêng kinh mạch bị nhiệt, nếu ở bên tả thì đó là bên tả bị nhiệt, nếu ở bên hữu thì bên hữu bị nhiệt, nếu ở trên thì trên bị nhiệt, nếu ở dưới thì bên dưới bị nhiệt[28].

Chẩn đoán các huyết mạch huyết lạc, nhiều màu đỏ đó là nhiệt nhiều, nhiều màu xanh đó là đau nhức nhiều, nhiều màu đen đó là bị chứng Tý lâu ngày, nếu cùng lúc hiện lên nhiều màu như nhiều đỏ, nhiều đen, nhiều xanh, đó là bệnh kiêm cả hàn nhiệt[29].

Thân mình đau, sắc mặt lại hơi vàng, men răng vàng, trên móng tay cũng hiện lên màu vàng, đó là chứng hoàng đản, người bệnh hay thích nằm, tiểu tiện ra màu vàng pha đỏ, mạch tiểu mà sáp, không thêm ăn[30].

Có người bệnh, mạch Thốn khẩu nhịp đại tiểu giống với mạch Nhân nghênh, hoặc nhịp phù trầm cũng giống nhau, đó là bệnh khó trị khỏi[31].

Người con gái nếu phát hiện thấy mạch của thủ Thiếu âm Tâm động mạnh, đó là biểu hiện của sự mang thai[32].

Bệnh của trẻ con, tóc của chúng bị dựng ngược lên, phải chết[33]. Nếu bên tai có gân xanh nổi lên (làm cho thân mình hay tay chân, gân) bị đau buốt, đại tiện như tiêu chảy, tiêu ra phân như những hạt dưa đỏ, mạch tiểu, tay chân lạnh, bệnh này khó lành[34]. Khi nào tiêu chảy, mạch tiểu, tay chân ấm, chứng tiêu chảy sẽ dễ trị khỏi[35].

Sự biến hóa của khí hóa trong bốn mùa, sự tương thắng của hàn thử, khi Âm tiến đến cực thì biến thành Dương, khi Dương tiến đến cực thì biến thành Âm, cho nên Âm chủ về Hàn, Dương chủ về nhiệt, cho nên khi hàn thậm thì sẽ thành Nhiệt, Nhiệt thậm thì thành Hàn, Cho nên mới nói: Hàn sinh ra Nhiệt, Nhiệt sinh ra Hàn[36]. Đó là con đường biến hóa của Âm Dương, cho nên nói rằng: nếu mùa đông, bị thương bởi Hàn thì mùa xuân sinh ra bệnh tiêu chảy hoặc bệnh lý, mùa hạ bị thương bởi Phong thì mùa hạ sinh ra bệnh tiêu chảy hoặc bệnh lý, mùa hạ bị thương bởi Thử thì mùa Thu sinh ra bệnh sốt rét, mùa thu bị thương bởi Thấp thì mùa đông sinh ra bệnh ho, Đây là bệnh xảy ra thuận theo tứ thời vậy"[37].

THIÊN 75: THÍCH TIẾT CHÂN TÀ

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói về phép châm có ngũ tiết, nội dung của ngũ tiết là thế nào ?"[1].

Kỳ Bá đáp : "Vâng ! Phép châm vốn có phép gọi là ngũ tiết: 1 gọi là Chấn ai, 2 gọi là Phát mông, 3 gọi là Khử trảo, 4 gọi là Triệt y, 5 gọi là Giải hoặc"[2].

Hoàng Đế hỏi: " Phu tử (thầy) nói về ngũ tiết như trên, ta vẫn chưa hiểu được ý nghĩa của nó"[3].

Kỳ Bá đáp : "Châm theo Chấn Ai là phép châm cận ngoài kinh mạch nhằm đuổi Dương tà của bệnh[4]. Phát Mông là phép châm các du huyết thuộc Dương thuộc phủ, nhằm trị được các bệnh thuộc lục phủ[5]. Khử Trảo là phép châm chủ yếu về các quan tiết và chi lạc[6]. Triệt Y là phép châm trên các kỳ huyết trên các vùng Dương phận[7]. Giải Hoặc là phép châm mà người châm phải biết rõ tường tận việc điều hòa Âm Dương, biết tả cái hữu dư, biết bổ cái bất túc, thay đổi việc hư thực trở lại bình thường"[8].

Hoàng Đế hỏi: "Trong phép châm thích tiết nói là Chấn Ai, phu tử lại nói châm cấn ở ngoại kinh nhằm trừ được bệnh thuộc Dương, ta không hiểu nội dung như thế nào ? Ta mong được giải thích tường tận"[9].

Kỳ Bá đáp : "Phép châm Chấn Ai nhằm chữa những chứng mà Dương khí đại nghịch lên trên, tích đầy trong lồng ngực, làm cho ngực bị ứ đầy vì khí phẫn uất, phải co vai lại để thở, tông khí trong lồng ngực lại nghịch lên trên, phát suyễn thở nghe khò khè, chỉ ngồi gục xuống chứ không thể nằm yên, trong lúc phát bệnh, người bệnh lại sợ bụi bặm và khói như đang bị nghẹn cổ không thở được, khi nói đến phép châm Chấn Ai tức là phép chữa phải thật nhanh như là quét dọn cho sạch bụi bặm"[10].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng vậy ! Ta nên thủ huyết nào để châm trị ?"[11].

Kỳ Bá đáp : "Nên thủ huyết Thiên Dung"[12].

Hoàng Đế hỏi: "Nếu có ho, khí nghịch lên, uốn mình co ro lại mà vùng ngực lại đau, nên chọn huyết nào ?"[13].

Kỳ Bá đáp : "Nên thủ huyết Liêm Tuyền"[14].

Hoàng Đế hỏi: "Phép thủ huyết này để châm có quy định gì không ?"[15].

Kỳ Bá đáp : "Châm huyết Thiên Dung không nên quá hơn 1 khoảng thời gian của 1 người đi 1 dặm[16]. Châm huyết Liêm Tuyền, nên quan sát sắc diện của người bệnh biến đổi thì ngưng, rút kim ra"[17].

Hoàng Đế nói: "Đúng vậy thay !"[18].

Hoàng Đế hỏi: "Phép châm thích tiết có nói đến Phát Mông, ta chưa hiểu được cái ý nghĩa của nó, Ôi ! Phép châm Phát Mông là trị tai không nghe gì, mắt không thấy gì, phu tử lại nói rằng phép này chỉ châm các du huyết thuộc lục phủ, trị được bệnh ở lục phủ, những huyết nào mang lại hiệu quả như thế, ta mong được nghe giải thích rõ hơn"[19].

Kỳ Bá đáp : "Thật là 1 câu hỏi tuyệt diệu vậy; Phép lớn của phương pháp châm này đã đưa cách châm đến chỗ hay nhất, thuộc về loại của thần minh, dùng lời nói, hay diễn tả bằng sách vở cũng không thể diễn tả đầy đủ ý nghĩa của nó, gọi nó là Phát Mông chính vì hiệu quả của nó còn nhanh hơn là quét sạch bụi che cho sáng mắt"[20].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng vậy ! Ta mong được nghe cho rõ"[21].

Kỳ Bá đáp : "Khi mũi kim vừa châm vào, ta dặn bệnh nhân dùng tay bịt kín 2 lỗ mũi, đồng thời ngậm kín miệng lại, ngăn được tiếng nói, kết quả sẽ ứng với mũi kim châm, tai sẽ nghe được âm thanh"[22].

Hoàng Đế nói: "Đúng ! Ta gọi đây là trường hợp hành động bằng mũi kim vào nơi không hình tích gì, mắt tưởng chừng như không thấy gì, chỉ thấy mũi kim được chọn để truyền cảm, sự truyền cảm giữa mũi kim và khí hóa đáng được gọi là sự tương đắc của thần minh vậy"[23].

Hoàng Đế nói: "Phép châm thích tiết có nói đến Khứ Trảo, trong lúc đó phu tử lại nói về châm các quan tiết và chi lạc, ta mong được nghe rõ ràng hơn"[24].

Kỳ Bá đáp : "Thắt lưng và cột sống là xương quan tiết lớn nhất trong thân thể, thân và cẳng chân là then chốt của việc đi đứng của con người[25]. Âm khí (Dương vật) là cơ năng quan trọng ở giữa thân, là nơi biểu hiện của sự giao cấu, xuất tinh, là con đường vận hành của tân dịch[26]. Vì thế nếu việc ăn uống không tiết độ, việc vui giận không đúng mức độ, làm cho tân dịch tràn ngập vào trong, từ đó sẽ đi xuống và lưu lại nơi dịch hoàn, huyết đạo (thủy đạo) không thông, mỗi ngày mỗi to dần không thôi (nhân vì tứ chi, thắt lưng, cột sống bị bất lợi) làm cho việc cúi ngửa không tiện lợi và việc đi đứng không được[27]. Bệnh này dường như có nước đọng vòng quanh, khí lên cũng không được, tiểu tiện xuống cũng không được, dùng kim phi châm để thủ thủy khí, đây là phép trị một thứ bệnh của loại có hình dáng dương vật, dịch hoàn thường không che dấu được, ví như cắt bỏ dần chỗ dư của móng tay, nên gọi là Khứ Trảo"[28].

Hoàng Đế nói: "Đúng !"[29].

Hoàng Đế nói: "Phép châm thích tiết có nói đến Triệt Y, trong lúc đó phu tử lại nói về châm trên các kỳ huyết thuộc các vùng Dương phận, những kỳ huyết này vốn không có những bộ vị cố định nào, Ta mong được nghe giải thích rõ ràng hơn"[30].

Kỳ Bá đáp : "Đây thuộc về bệnh mà Dương khí hữu dư và Âm khí bất túc[31]. Do vì Âm khí bất túc, nó sẽ gây thành nội nhiệt, còn Dương khí hữu dư, nó sẽ gây thành ngoại nhiệt[32]. Do nội nhiệt tà gặp và đánh nhau bên trong cơ thể sẽ làm cho người bệnh cảm thấy như mang trong lòng 1 cục than lửa, ngoại nhiệt sẽ đốt nóng bên ngoài bưng bưng làm cho người bệnh cảm thấy sợ quần áo[33]. Không những người bệnh

không cho người khác đến gần mình, họ còn rất sợ phải tiếp cận với mền chiếu[34]. Đồng thời vì tẩu lý bị bế tắc làm cho mồ hôi không xuất ra được, lưỡi khô, â môi nứt, bắp thịt bị nóng ráo, cổ họng bị táo, ăn uống không còn biết ngon dở nữa”[35].

Hoàng Đế nói: "Đúng vậy ! Việc tiến hành châm trị phải thế nào ?”[36].

Kỳ Bá đáp : "Thủ các huyệt Thiên Phủ (Phế kinh), huyệt Đại Trử (Bàng quang kinh), châm 3 lần, châm thêm huyệt Trung Lữ Du (Bàng quang kinh), nhằm đẩy lui nhiệt tà; ngoài ra còn châm bổ kinh túc Thái âm Tỳ và kinh thủ Thái âm Phế, nhằm làm giảm nhiệt bằng cách mồ hôi ra, khi nào nhiệt lui, mồ hôi giảm ít lại, bệnh sẽ khỏi nhanh như ta triệt y: cởi áo ra vậy”[37].

Hoàng Đế nói: "Đúng vậy !”[38].

Hoàng Đế hỏi: "Phép châm thích tiết có nói đến Giải Hoặc, trong lúc đó phu tử lại nói rằng chúng ta phải hoàn toàn hiểu biết về phép điều hòa Âm Dương, bổ cái bất túc, tả cái hữu dư, làm sao cho hư và thực được thay đổi nhau nhằm xử lý được bệnh lý, làm thế nào để có thể giải được sự mê hoặc đó ?”[39].

Kỳ Bá đáp : "Khi thân hình chúng ta bị trúng phong tà, nó sẽ làm cho huyết mạch bị hữu dư, nó sẽ làm cho tứ chi bị khinh hoặc trọng, không co duỗi được, làm cho thân mình khó xoay trở, khó cúi xuống hoặc ngửa lên, toàn thân hoặc bán thân bất toại, không còn nhận ra phương hướng đông hay tây, nam hay bắc[40]. Ngoài ra chứng hậu này xuất hiện khi ở trên, khi ở dưới, khi bên này khi bên kia, điên đảo vô thường, còn nghiêm trọng hơn tình huống bị mê hoặc”[41].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng vậy ! Phép châm phải thế nào ?”[42].

Kỳ Bá đáp : "Châm tả cái hữu dư của tà khí, châm bổ cái bất túc của chính khí, nhằm làm bình phục lại Âm Dương, Người dụng châm được như thế kết quả thật nhanh hơn giải được cơn mê hoặc vậy”[43].

Hoàng Đế nói: "Đúng vậy ! Xin đem những điều này cất giữ trong mật thất Linh lan, không nên cho phổ biến 1 cách cầu thả”[44].

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói rằng phép châm có phép ngũ tà, thế nào là phép châm ngũ tà ?”[45].

Kỳ Bá đáp : "Có loại bệnh do khí bị ủng tắc lại mà thành, có loại bệnh do thực tà chưa nhiều mà thành, có loại bệnh do chính khí kém đi mà thành, có loại bệnh do nhiệt tạo thành, có loại bệnh do hàn tạo thành, Ta gọi đó là ngũ tà"[46].

Hoàng Đế hỏi: "Phép châm bệnh của ngũ tà như thế nào ?"[47].

Kỳ Bá đáp : "Phương pháp châm ngũ tà không quá 5 điều[48] : Đối với loại bệnh tý nhiệt, ta nên dùng phép châm đẩy lui nhiệt[49]; Đối với loại bệnh do thũng và tích tụ, ta nên dùng phép châm làm tiêu tán[50]; Đối với chứng bệnh hàn tý, ta nên dùng phép châm tăng nhiệt làm ôn huyết khí[51]; đối với chứng bệnh tiểu tà (hư tà), ta nên châm bổ thêm cho Dương khí[52]; Đối với chứng bệnh đại tà (thực tà), ta phải châm làm sao để trừ cho được tà khí[53]. Nay xin để cho thần được nói rõ hơn về những thao tác cụ thể[54].

Phâm châm chứng ung tà, ta không nên châm tả 1 cách cầu thả trong lúc ung tà đang ở thể hưng thịnh, mà ta phải tiến hành 1 cách nhẹ nhàng, điều hòa như đang thực hiện 1 tiến trình thay đổi phong tục, thay đổi tình tình[55]. Nếu ung độc chưa thành mủ, ta nên ma sát nhẹ trên u nhọt, nhằm biến nó thành giảm bớt bằng nhiều cách, dẫn dắt cho khí được lưu hành, xua đuổi tà khí rời khỏi chỗ nó tụ lại, không để cho nó được ở yên nơi cũ của nó, như vậy, tà độc mới dần dần tiêu tán[56]. Nếu ở các đường kinh Âm hoặc Dương phát sinh các loại ung độc, ta nên nương theo kinh của nó để thủ huyết châm tả[58].

Phâm châm các chứng đại tà (thực tà), ta nên châm nhằm làm cho tà khí ngày càng giảm thiểu đi, cũng là phép châm tả nhằm làm cho tà khí hữu dư tiết thoát dần, tà thực chuyển sang hư[59]. Trong quá trình thao tác, ta phải đánh mạnh vào con đường lưu thông của tà khí, châm đúng vào nơi vận hành của tà khí, đồng thời từ màu sắc của cơ nhục, ta phải quan sát cho kỹ sự biểu hiện của tà khí và chính khí, qua mạch và sắc ta đừng để mất đi cái chân mạch[60]. Ta nên châm ở các vùng phận nhục của các kinh Dương [61].

Phâm châm các chứng tiểu tà (hư tà), ta nên châm thế nào làm cho chính khí (đang suy) ngày càng tráng đại trở lại, nên châm bổ chính khí đang bất túc trở nên sung thực, do đó tà khí sẽ không làm hại được chính khí[62]. Trong lúc châm bổ hư, nên quan sát sự biểu hiện của hư thực, đón đúng con đường vận hành của khí tả được tà khí đang thịnh, như vậy chính khí đang ở xa gần, đều được quay về[63]. Tà khí không còn con

đường nào xâm nhập từ ngoài vào trong để lưu hành trong thân thể thể là nó tiêu tán mà thôi[64]. Nên châm vùng phận nhục[65].

Phâm châm các chứng nhiệt tà, phải phát việt tà khí, làm thế nào để từ nhiệt chuyển sang hàn lương, tức là tà khí sau khi xuất ra không trở lại để gây phát nhiệt nữa, như thế sẽ không còn bị bệnh[66]. Trong khi châm để khai thông sự ứ trệ của kinh mạch, ta nên để mở rộng vết kim châm nhằm làm cho nhiệt tà có con đường rộng để xuất ra, bệnh sẽ khỏi[67].

Phâm châm các chứng hàn tà, ta phải làm sao cho khí huyết ngày càng ấm hơn, trong quá trình châm đuổi khí âm hàn ta nên dụng 1 cách chậm chậm khi châm vào cũng khi rút ra, cho đến khi thần khí được vãn hồi mới thôi[68]. Trong khi rút kim ra, ta nên bít lỗ kim lại, mục đích là làm cho khí vào để bổ được lưu lại nơi doanh vệ mà không bị tiết thoát trở ra, hư thực chính tà được điều hòa, chân khí do đó mà được bảo tồn kín đáo vậy"[69].

Hoàng Đế hỏi: "Vấn đề ứng dụng Quan châm trong ngũ tà thể nào ?"[70].

Kỳ Bá đáp : "Châm chứng ung tà nên dùng kim Phi châm[71], châm chứng đại tà (thực) nên dùng kim Phong châm[72], châm chứng tiểu tà (hư) nên dùng kim Viên lợi châm[73], châm chứng nhiệt tà nên dùng kim Hào châm[74].

Thần xin nói về vấn đề ý nghĩa của giải luận: Đây là 1 lập luận nhằm nói về tương ứng với Thiên Địa, về phối hợp với tứ thời, con người cùng tham với Thiên Địa, cho nên con người có thể dựa vào đó để hiểu thế nào là giải kết[75]. Ví dụ: nơi ẩm thấp, có nguồn suối ngầm thì bên trên nó sẽ sinh ra cỏ lau (vi), cỏ bồ[76]. Dựa vào cái lý đó, ta có thể suy để biết quan hệ giữa hình khí của con người nhiều hay ít[77]. Sự biến hóa của Âm Dương được biểu hiện bằng hàn thử[77]. Khi khí trời nóng nhiệt (chưng cất thủy khí) để lên trên hóa thành mưa, đó là khí ở bên trên, vì thế gốc và rễ thường kém thủy phân[78]. Con người khi bị nhiệt chưng cất, cũng sẽ làm cho Dương khí thoát ra ngoài, khiến cho bì phu bị hơi lỏng, làm cho tấu lý khai, huyết khí suy giảm, mồ hôi ra nhiều, làm cho bì phu bị nhuận trơn[79]. Khi khí trời lạnh lẽo sẽ làm cho đất và nước bị lạnh đóng băng[80]. Dương khí của con người bị tiềm phục lại bên trong, bì phu bị bít kín, tấu lý đóng kín, mồ hôi không xuất ra được, huyết khí cứng rắn, cơ nhục cứng và rít sấp[81]. Lúc bấy giờ, kẻ giỏi chèo thuyền trên nước, cũng không thể chèo thuyền trên băng, kẻ giỏi đào đất, cũng không thể đào phá được những lớp băng dưới đất, người khéo dụng châm, cũng không thể trị được chứng tứ chi bị quyết nghịch[82]. Nay

nếu huyết mạch ngưng kết đóng cứng lại, sự đi đứng thật khó khăn, không thể nhất thời làm cho mềm dịu trở lại được, Vì thế kẻ chèo thuyền ắt phải đợi đến lúc trời ấm áp, băng tuyết tan, nước trôi chảy, bấy giờ mới có thể chèo ghe, mới có thể đào đất, Mạch khí của con người cũng như thế[83]. Phép trị quyết nghịch trước hết phải (dùng Hỏa khí) để hơi nóng, nhằm điều hòa kinh mạch, tất cả các nơi như lòng bàn tay và nách, cánh chỏ và đầu gối, cổ và cột sống, tất cả đều phải cứu cho ấm nóng lên[84]. Khi nào Hỏa khí đã thông đạt khắp nơi thì bấy giờ huyết mạch sẽ vận hành 1 cách chính thường[85]. Sau đó, ta quan sát bệnh tình, nếu mạch vận hành trơn tru, ta sẽ dùng phép châm nhằm bình phục căn bệnh, còn nếu như mạch đi rần và khấn đó là tà khí đang thịnh, ta sẽ áp dụng phương pháp phá (sự cứng rắn), và tán (sự kết tụ), khi nào khí quyết nghịch hạ xuống mới thôi, Đây gọi là phương pháp giải kết vậy”[86].

Mục đích và phạm vi của việc dụng châm là nhằm điều hòa khí[87]. Khí do ẩm thực hóa ra được tích lại trong Vị nhằm thông đến khí doanh và khí vệ, mỗi khí đều đi theo đúng con đường của mình[88]. Chỉ có tông khí lại tích vào Khí hải của vùng ngực[89]. Con đường đi xuống thì chảy rót vào huyết Khí nhai thuộc vùng bụng của túc Dương minh Vị[90]. Con đường đi lên thì chạy vào đường hô hấp[91]. Cho nên khi khí âm hàn sinh ra quyết nghịch ở chân, thì tông khí không thể theo đường kinh để lên xuống được nữa, huyết dịch trong mạch cũng sẽ ngưng trệ và lưu lại bên trong không còn vận hành 1 cách thông sướng nữa[92]. Nếu chúng ta không dùng Hỏa của ngải cứu để điều hòa khí huyết vận hành thì chúng ta chưa thể áp dụng việc châm trị vậy[93]. Người dụng châm, trước hết phải thẩm sát sự thực hư của kinh lạc, ta phải lần dò theo con đường thông lộ của kinh lạc, phải day phải ấn, phải bấm để làm động các huyết vị, phải thấy được tình huống phản ứng của các phản ứng, sau đó mới thủ huyết thích hợp để dẫn khí đi xuống[94]. Nếu lục kinh của Thủ Túc mà được điều hòa ta gọi đó là vô bệnh, cho dù có bệnh, nó cũng sẽ tự khỏi[95]. Giả sử có 1 đường kinh mạch nào đó mà trên thực dưới hư, không còn thông nữa, đó tất phải có khí ở các hoành lạc bị thịnh và làm ủng, gia vào trong chính kinh khiến cho chính kinh bị bất thông, phép trị là phải tìm cho ra những con đường hoành lạc ấy để châm tả, Đây cũng gọi là phương pháp giải kết vậy[96].

Bệnh mà trên Hàn dưới Nhiệt, trước hết nên châm ở huyết nằm trong khoảng cổ gáy thuộc túc Thái dương Bàng quang kinh nên lưu kim lâu hơn, sau khi đã châm vào rồi, đồng thời nên cứu thêm ở vùng cổ gáy và vai, chờ chừng nào nhiệt khí trên dưới hợp nhau mới ngưng, Đây gọi là phương pháp châm đưa cái ở dưới lên trên vậy[97]. Bệnh mà trên nhiệt dưới hàn, trước hết nên quan sát để thấy và biết được những hư mạch

đang hãm xuống nơi nào đó của kinh lạc thuộc bên dưới, thủ huyết để châm bổ, chừng nào Dương khí đi xuống mới ngưng châm, Đây gọi là phương pháp châm đưa nhiệt từ trên xuống dưới vậy[98].

Bệnh mà khắp thân mình sốt cao, nhiệt làm cho cuồng, thấy bầy bạ, nghe bầy bạ, nói bầy bạ, trước hết nên quan sát để thấy và biết được những nơi bệnh thuộc lạc mạch hay kinh mạch của túc Dương minh Vị, nếu hư, ta thủ huyết để châm bổ, nếu như có huyết lạc thực thì ta thủ huyết để châm tả loại trừ huyết ứ trệ[99]. Nhân lúc bệnh nhân đang nằm ngửa, người thầy thuốc nên đứng trước đầu của bệnh nhân, dùng 4 ngón tay (2 ngón cái và 2 ngón trỏ) đè lên vùng huyết Nhân Nghênh và Đại Nghênh nơi cổ trước của bệnh nhân, giữ yên như vậy cho lâu, chúng ta nên vừa day vừa ấn, kéo dài xuống đến giữa vùng huyết Khuyết Bồn, Xong ta lại tiếp tục làm trở lại như cũ, làm cho đến khi nào nhiệt lui thì ngưng, Đây được gọi là phương pháp ‘thôi nhi tán chi’(đẩy lui và làm thoát ra vậy)”[100].

Hoàng Đế hỏi: "Có khi cùng 1 đường kinh mạch nào đó lại sinh ra đến hàng vài chục loại bệnh khác nhau: có khi đau, có khi ung, có khi nhiệt, có khi hàn, có khi ngứa, có khi tê, hoặc có khi không còn cảm giác, sự biến hóa thật vô cùng, nguyên nhân nào khiến như vậy ?”[101].

Kỳ Bá đáp : "Tất cả đều do bởi tà khí sinh khác nhau vậy”[102].

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói khí gồm có chính khí, có chân khí, có tà khí, Thế nào là chân khí ?”[103].

Kỳ Bá đáp : "Chân khí là khí bẩm thụ được ở Thiên khí và cốc khí, hợp lại mà thành để rồi làm sung cho thân thể[104]. Chính khí là khí chính thường, không nghịch, cũng gọi là khí chính phong, nó đến từ 1 phương đúng của thời tiết 4 mùa, nó không phải là thực phong tàn phá ác liệt, cũng không phải là hư phong[105]. Tà khí mang đầy đặc tính hư phong, nó chuyên làm thương tổn đến khí của con người, mỗi khi nó trúng vào người, thường là rất sâu, không thể tự mình ra đi được[106]. Chính phong, mỗi khi trúng vào người, thường là cạn, nó có thể tự hòa hợp với chân khí trong người để rồi có thể tự ra đi, vì khí chính phong mỗi khi đến, cái thể của nó thường yếu mềm, không thể thắng được chân khí, cho nên nó có thể tự ra đi[107].

Khí hư tà trúng vào người sẽ làm cho người bệnh lạnh run lên, lông bị dựng ngược lên, tấu lý bị mở ra[108]. Khi tà khí nhập vào sâu, nó sẽ tấn công vào đến cốt, gây

thành chứng Cốt tý[109], tấn công vào cân, gây thành chứng cân loan[110], tấn công vào trong mạch, gây thành chứng Huyết bế[111], nếu do huyết vận hành bất thông, gây thành chứng Ung[112], nếu tà khí tấn công vào cơ nhục, nó sẽ tranh nhau với vệ khí, nếu Dương tà thắng sẽ gây thành chứng trạng thuộc nhiệt, nếu Âm tà thắng sẽ gây thành chứng trạng thuộc Hàn[113]. Hàn thắng thì chân khí phải ra đi, chân khí ra đi thì thành Dương hư[114]. Dương khí hư thì hàn tà sẽ tấn công vào trong bì phu[115]. Nếu tà khí phát ra ngoài bằng con đường bì phu, vùng biểu, tấu lý sẽ khai, lông sẽ bị lung lay[116], nếu tà khí theo với khí doanh vệ lưu hành ra vào sẽ làm cho bệnh nhân thấy ngứa ngáy[117], nếu tà khí lưu lại không đi nữa sẽ gây thành chứng tý[118], nếu vệ khí trệ và rít, sẽ gây thành chứng bất nhân (không còn cảm giác)[119].

Nếu hư tà vào người mà chỉ ở nửa thân, nếu tấn công vào trong sâu tức là sẽ lưu lại để ở chung với doanh vệ, làm cho doanh vệ ngày càng suy, chân khí sẽ ra đi, như vậy tà khí sẽ lưu lại 1 mình, gây thành chứng Thiên khô[120]. Nếu tà khí tấn công cạn hơn, sẽ làm cho huyết mạch bất hòa đau nhức nửa thân mình[121]. Nếu hư tà tấn công sâu vào thân thể Hàn và Nhiệt cùng tranh nhau, ở lại lâu bên trong để rồi mở rộng bên trong, nếu Hàn thắng Nhiệt thì sẽ làm cho cơ nhục bị mục rữa thành mủ, nếu vào tận trong cốt sẽ làm thương đến cốt, bên trong làm thương đến cốt sẽ gây thành chứng cốt thực[122]. Có loại bệnh bắt đầu phát sinh từ cân, làm cho cân bị co rút không duỗi ra được, tà khí lại lưu lại trong khoảng ấy mà không lui ra, sẽ thành chứng cân lưu[123]. Có loại bệnh mà tà khí kết lại, khí này lại xua nhau quay vào bên trong, một phần vệ khí cũng lưu theo trong ấy mà không quay trở ra ngoài, tân dịch do đó cũng tích lâu lại trong Trường Vị, hợp nhau thành chứng Trường lưu[124]. Có loại bệnh do khí tích lại lâu ngày mà thành, có khi đến mấy năm mới thành, ta dùng tay để ấn thì thấy mềm, đó là do có tà khí kết lại, lâu ngày khi quay vào trong, khiến cho tân dịch bị lưu lại, như vậy nếu mỗi lần bị tà khí trúng vào người, huyết khí ngưng kết ngày càng đi đến chỗ nặng hơn, ngày càng tích tụ lại liên tục hơn, gây thành chứng Tích lưu[125], Cũng có những loại bệnh mà ta dùng tay ấn lên thấy cứng, đó cũng là do tà khí ngưng kết lại mà thành, nó đi sâu vào trúng đến cốt, khí gây bệnh nơi cốt, cốt và tà khí kết lại với nhau ngày càng tăng lên thật to, gây thành chứng Cốt thư[126]. Có loại bệnh do tà khí trúng vào cơ nhục mà thành kết lại, tông khí bị lôi cuốn theo, tà khí lưu lại mà không ra đi, khi có nhiệt sẽ hóa ra mủ, vô nhiệt thì hóa ra Nhục thư[127]. Trên, tất cả những bệnh do tà khí ngưng kết gây bệnh biến hóa vô cùng, tuy sự phát tác không nơi nhất định, nhưng lại có những bệnh danh nhất định"[128].

THIÊN 76: VỆ KHÍ HÀNH

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về con đường vận hành của khí, nó xuất nhập từ Âm kinh sang Dương và từ Dương kinh sang Âm như thế nào ?"[1].

Bá Cao đáp : "Mỗi tuế có 12 nguyệt, mỗi nhật có 12 thời[2]. Trục tý và ngọ đóng vai kinh (đường thẳng đứng), trục mao và dậu đóng vai vĩ (đường nằm ngang)[3]. Thiên vận hành 1 vòng là hết 28 tú, mỗi diện (phương) gồm 7 tinh (sao), 4 lần 7 là tất cả 28 sao[4]. Phòng và Mão đóng vai vĩ, sao Hư và Trương đóng vai kinh[5]. Vì thế từ sao Phòng đến sao Tất thuộc Dương, từ sao Mão đến sao Tâm là thuộc Âm[6]. Dương chủ ban ngày, Âm chủ ban đêm[7]. Cho nên, sự vận hành của vệ khí, cứ mỗi ngày và mỗi đêm được 50 chu toàn thân: ban ngày nó vận hành ở Dương phận 25 chu, ban đêm nó vận hành ở Âm phận 25 chu, đi khắp ngũ tạng[8].

Cho nên, sáng sớm thì Âm khí tận, Dương khí (nhận khí từ Âm) để xuất ra ở huyết Tinh Minh (khoé mắt trong)[9]. Khi ta mở mắt ra thì vệ khí bắt đầu đi lên trên đầu, dọc theo cổ gáy rồi theo con đường của túc Thái dương Bàng quang kinh mà xuống dưới, dọc theo lưng, xuống đến đầu ngón chân út huyết Chí Âm[10]. Con đường tán hành mở rộng khắp của nó, tách biệt để đi từ khoé mắt ngoài đi xuống dưới theo con đường của thủ Thái dương kinh, xuống đến mép ngoài của ngón tay út huyết Thiếu Trạch[11]. Con đường tán hành của nó tách biệt để đi từ khoé mắt ngoài, đi xuống dưới theo con đường của túc Thiếu dương kinh, rót vào trong khoảng ngón chân út và áp út huyết Khiếu Âm, nó lại đi lên dọc theo mép cạnh của thủ Thiếu dương kinh, xuống dưới đến khoảng ngón tay út và áp út huyết Quan Xung[12]. Con đường biệt hành nữa lên đến vùng trước tai, hợp với vùng thuộc huyết Thừa Khấp và Giáp Xa, rồi rót vào túc Dương minh kinh để đi xuống dưới đến mu bàn chân rồi nhập vào khoảng huyết Lệ Đoài[13]. Con đường tán hành của nó đi từ dưới tai xuống dưới theo con đường của thủ Dương minh kinh, nhập vào trong khoảng ngón tay cái, rồi nhập vào trong lòng bàn tay[14]. Riêng con đường đi xuống đến dưới chân, nó sẽ nhập vào giữa Tâm của bàn chân, xuất ra ở mắt cá trong, xuống dưới vùng Âm phận, sau đó nó lại quay trở lên để hợp với khoé mắt trong, Ta gọi đó là 1 chu[15].

Cho nên, nhật hành 1 xá (tú: 1 sao), thì nhân khí vận hành 1 chu lẻ 8/10 trong thân người, nhật hành 2 xá thì nhân khí vận hành 3 chu lẻ 6/10, nhật hành 3 xá thì nhân khí vận hành 5 chu lẻ 4/10, nhật hành 4 xá thì nhân khí vận hành 7 chu lẻ 2/10, nhật hành 5 xá thì nhân khí vận hành 9 chu, nhật hành 6 xá thì nhân khí vận hành 10 chu lẻ 8/10, nhật hành 7 xá thì nhân khí vận hành 12 chu lẻ 6/10, nhật hành 14 xá thì nhân khí vận hành 25 chu lẻ 2/10[16]. Thế là Dương tận ở Âm, còn Âm thì nhận lấy khí[17]. Khi mà

khí bắt đầu nhập vào Âm, thường là đi từ túc Thiếu âm kinh để rót vào Thận, Thận lại rót vào Tâm, Tâm lại rót vào Phế, Phế lại rót vào Can, Can lại rót vào Ty, Ty trở lại rót vào Thận, thế là tròn 1 chu[18]. Cũng vì thế, nếu dạ hành 1 xá, nhân khí cũng vận hành trong các Âm tạng (Âm kinh) đủ 1 chu và lẻ 8/10 (như ở Dương kinh), rồi nó cũng như ở Dương kinh vận hành đủ 25 chu, để rồi cuối cùng lại hợp nhau tại khoé mắt trong huyết Tinh minh. Mỗi 1 nhật và 1 dạ, khí vận hành ở Dương phận và Âm phận đúng 50 chu lẻ ra 4/10, bởi vì nó vận hành Âm phận cũng phải lẻ ra 2/10, Vì thế, con người lúc ngủ lúc thức có sớm có muộn khác nhau, vì thế trong cách tính phải có số lẻ dư ra”[18].

Hoàng Đế hỏi: "Vệ khí vận hành ở thân thể, lên xuống, vắng lai không theo 1 thời gian cố định nào, như vậy muốn chờ đợi khí vận hành để mà tiến hành châm trị, phải làm sao?"[19]

Bá Cao đáp : “Thiên vận hành với những phân độ nhiều ít khác nhau, thời gian ban ngày có khi ngắn có khi dài, bốn mùa xuân thu đông hạ tùy theo sự tiêu trưởng của ngày đêm mà quy định dài hay ngắn[20]. Sau đó, ta dựa vào sáng sớm làm tiêu chuẩn cho ban ngày, lại dựa vào đêm tàn để biết rằng vệ khí bắt đầu vận hành ở Dương phận[21]. Vì thế, mỗi ngày và mỗi đêm, nước chảy xuống 10 khắc, 25 khắc đúng là nửa ngày, cứ thường như thế không ngưng nghỉ, đến lúc mặt trời lặn thì xem như dứt 1 ngày[22]. Chúng ta theo dõi sự dài ngắn của nhật nhập và nhật xuất, rồi dựa vào đó để làm tiêu chuẩn ngày đêm để tiến hành việc châm trị cho đúng thời[23]. Nếu chúng ta cẩn thận chờ đợi đúng thời của khí để châm trị, ta có thể đoán định thời gian chữa trị cho lành bệnh, còn nếu ta làm mất đi cái thời và nghịch lại với thời lệnh của 4 mùa thì trăm bệnh sẽ không trị được[24]. Cho nên nói rằng: châm trị hư chứng, nên châm theo phép ‘tùy nhi tế chi’ (rượt theo nó để bỏ)[25]. Đây nói về việc bỏ tả trước hay sau để biết được khí còn hay đã tiêu trừ, từ đó ta mới chờ đợi khí hư hay thực để mà châm trị[26]. Vì thế phương pháp chờ đợi để biết được bộ vị của khí đang ở đâu để tiến hành việc châm trị, đó gọi là phùng thời (gặp đúng với thời)[27]. Nói rõ hơn, nếu bệnh đang ở tam Dương kinh, ta nên chờ đợi khi nào khí cũng đang ở Dương phận để châm, nếu bệnh đang ở tam Âm kinh, ta nên chờ đợi khi nào khí cũng đang ở Âm phận để châm”[28].

Nước chảy xuống (đồng hồ) 1 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thái dương[29], nước chảy xuống 2 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thiếu dương[30], nước chảy xuống 3 khắc thì nhân khí ở tại kinh Dương minh[31], nước chảy xuống 4 khắc thì nhân khí ở tại Âm phận nơi túc Thiếu âm Thận[32], nước chảy xuống 5 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thái

Dương[33], nước chảy xuống 6 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thiếu Dương[34], nước chảy xuống 7 khắc thì nhân khí ở tại kinh Dương minh[35], nước chảy xuống 8 khắc thì nhân khí ở tại Âm phạt Thận kinh[36], nước chảy xuống 9 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thái Dương[37], nước chảy xuống 10 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thiếu Dương[38], nước chảy xuống 11 khắc thì nhân khí ở tại kinh Dương minh[39], nước chảy xuống 12 khắc thì nhân khí ở tại Âm phạt[40], nước chảy xuống 13 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thái Dương[41], nước chảy xuống 14 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thiếu Dương[42], nước chảy xuống 15 khắc thì nhân khí ở tại kinh Dương minh[43], nước chảy xuống 16 khắc thì nhân khí ở tại Âm phạt[44], nước chảy xuống 17 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thái Dương[45], nước chảy xuống 18 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thiếu Dương[46], nước chảy xuống 19 khắc thì nhân khí ở tại kinh Dương minh[47], nước chảy xuống 20 khắc thì nhân khí ở tại Âm phạt[48], nước chảy xuống 21 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thái Dương[49], nước chảy xuống 22 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thiếu Dương[50], nước chảy xuống 23 khắc thì nhân khí ở tại kinh Dương minh[51], nước chảy xuống 24 khắc thì nhân khí ở tại Âm phạt[55], nước chảy xuống 25 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thái Dương[56]. Đây chính là độ số mà vệ khí vận hành trong nửa ngày[57]. Từ sao Phòng đến sao Tất, 14 xá, nước chảy xuống 50 khắc, xem như là 1/2 độ của tròn ngày đêm[58]. Khi nhật vận hành 1 xá, thời gian sẽ là nước chảy xuống 3 khắc 4/7[59]. Kinh Đại yếu xưa có nói: Thường thì nhật hành mỗi tú trong 28 tú, vệ khí nhất định phải ở Thái dương[60]. Như vậy, cứ mỗi lần nhật hành 1 xá thì nhân khí theo thứ tự ở tam Dương kinh rồi đến Âm phạt, cứ như thế mà không ngừng nghỉ, Thiên hay Địa (Dương hay Âm đều như thế), tất cả đều rất trật tự, chung rồi lại tử, một ngày một đêm, nước cứ chảy 100 khắc vô tận vậy”[61].

THIÊN 77 : CỬU CUNG BÁT PHONG

Dựa theo phương vị của cửu cung, mỗi năm Thái nhất thường từ tiết đông chí ở tại cung Hiệp trập 46 ngày (đông chí, tiểu hàn, đại hàn), qua ngày hôm sau ngày thứ 47, nó di hành sang cung Thiên lưu 46 ngày (lập xuân, vũ thủy, kinh trập), qua ngày hôm sau, nó di hành sang cung Thượng môn 46 ngày (xuân phân, thanh minh, cốc vũ), qua ngày hôm sau, nó di hành sang cung Âm lạc 45 ngày (lập hạ, tiểu mãn, mang chủng), qua ngày hôm sau, nó di hành sang cung Thiên cung 46 ngày (hạ chí, tiểu thử, đại thử), qua ngày hôm sau, nó di hành sang cung Huyền ủy 46 ngày (thu phân, hàn lộ, sương giá), qua ngày hôm sau, nó di hành sang cung Tân lạc 45 ngày (lập đông, tiểu tuyết, đại tuyết), Như vậy, sáng ngày hôm sau, nó lại trở lại cung Hiệp trập đúng vào ngày đông chí[1].

Thái nhất du hành mỗi ngày, lấy ngày đông chí để ở vào cung Hiệp trập từ đó tính rõ nơi mà mỗi ngày nó đến, đó là từ số Nhất (vị trí của quẻ Khảm) rồi đi giáp hết 9 ngày, để rồi cuối cùng quay trở về với số nhất, Cứ như thế mà chuyển vận không ngừng nghỉ, chấm dứt rồi lại bắt đầu[2].

Ngày mà Thái nhất du hành sang 1 cung khác, Thiên phải ứng theo để xuất hiện mưa và gió, nếu chính ngày đó mà mưa thuận gió hòa thì đó hiện tượng cát lành, năm trúng mùa, dân an lạc và ít bệnh[3]. Nếu mưa gió xảy ra trước ngày du hành thì năm đó sẽ nhiều hạn hán[4]. Ngày mà Thái nhất ở tại tiết đông chí, nếu có gì biến hóa, hiện tượng đó ứng với vai trò và trách nhiệm của quân[5]. Ngày mà Thái nhất ở tại tiết xuân phân, nếu có gì biến hóa, hiện tượng đó ứng với trách nhiệm của tướng[6]. Ngày mà Thái nhất ở tại tiết Trung cung, nếu có gì biến hóa, hiện tượng đó ứng với quan lại[7]. Ngày mà Thái nhất ở tại tiết thu phân, nếu có gì biến hóa, hiện tượng đó ứng với trách nhiệm của tướng quân[8]. Ngày mà Thái nhất ở tại tiết hạ chí, nếu có gì biến hóa, hiện tượng đó ứng với trách nhiệm của bách tính[9]. Điều gọi là biến hóa, ý nói ngày mà Thái nhất di hành sang 1 trong ngũ cung, xảy ra những gió táp, mưa sa làm gãy đổ cây cối, lá, cát bay đá chạy[10]. Căn cứ vào những hiện tượng trên, ta theo dõi phương vị của Thái nhất ở cung nào để suy đoán tình trạng bệnh nặng hay nhẹ[11]. Ta dựa vào cái hướng mà gió thổi đến để làm căn cứ mà suy đoán[12]. Nếu gió từ nơi mà Thái nhất đang ở thổi đến đó là thực phong, chủ về sinh trưởng, nuôi dưỡng vạn vật[13]. Nếu gió từ nơi nghịch lại với bộ vị mà Thái nhất đang ở đó gọi là hư phong, gió này làm thương, làm hại đến con người, nó chủ về tàn sát, chủ về tai hại[14]. Con người nên chú ý đến loại hư phong này để tránh những tai họa bệnh tật[15]. Bậc thánh nhân mỗi ngày phải chú trọng đến việc tránh né hư tà tặc phong như đang tránh né tên bay đá chạy, nhờ đó mà tà khí không làm hại được họ, Ý nghĩa đạo dưỡng sinh là ở chỗ đó”[16].

Vì thế khi Thái nhất di chuyển để đi vào đứng giữa nơi Trung cung, nó sẽ từ đó đứng giữa để làm nơi triều hội cho bát phong, nhằm bộc lộ được điềm cát hung[17]. Phong từ phương nam đến, được gọi tên là Đại nhược phong, khi nó làm thương tổn đến con người, bên trong nó sẽ nhập vào để ở tại Tâm, bên ngoài nó sẽ lưu lại nơi mạch, khí của nó chủ về Nhiệt bệnh[18] Phong từ phương tây nam đến, được gọi tên là Mưu phong, khi nó làm thương đến con người, bên trong nó sẽ nhập vào để ở tại Tỳ, bên ngoài nó sẽ lưu lại nơi cơ nhục, khí của nó chủ về bệnh suy nhược[19]. Phong từ phương tây đến, được gọi tên là Cương phong, khi nó làm thương đến con người, bên trong nó sẽ nhập vào để ở tại Phế, bên ngoài nó sẽ lưu lại nơi bì phu, khí của nó chủ về

Táo bệnh[20]. Phong từ phương tây bắc đến, được gọi tên là Chiết phong, khi nó làm thương đến con người, bên trong nó sẽ nhập vào để ở tại Tiểu trường, bên ngoài nó sẽ lưu lại để ở tại thủ Thái dương mạch, khi mạch tuyệt đó là tà khí đã tràn ngập, khi nào mạch bị bế, đó là mạch bị kết lại, bất thông, có thể chết 1 cách thình lình[21]. Phong từ phương bắc đến, được gọi tên là Đại cương phong, khi nó làm thương đến con người, bên trong nó sẽ nhập vào để ở tại Thận, bên ngoài nó sẽ lưu lại để ở tại cốt và hai đường lữ cân của vai và lưng, khí của nó chủ về bệnh Hàn[22]. Phong từ phương đông bắc đến, được gọi tên là Hung phong, khi nó làm thương đến con người, bên trong nó sẽ nhập vào để ở tại Đại trường, bên ngoài nó sẽ lưu lại nơi xương sườn dưới nách và những bộ vị thuộc quan tiết của thượng chi[23]. Phong từ phương đông đến, được gọi tên là Anh nhi phong, khi nó làm thương đến con người, bên trong nó sẽ nhập vào để ở tại Can, bên ngoài nó sẽ lưu lại nơi cân hệ, khí của nó chủ về bệnh thân thấp[24]. Phong từ phương đông nam đến, được gọi tên là Nhược phong, khi nó làm thương đến con người, bên trong nó sẽ nhập vào để ở tại Vị, bên ngoài nó sẽ lưu lại nơi cơ nhục, khí của nó chủ về bệnh tay chân nặng nề[25]. Trên đây là nói về bát phong, tất cả đều đến từ phương hư khí, vì thế nó mới gây bệnh được nơi con người[26]. Nếu người bị hư nhược, gặp hư niên, rồi lại gặp hư phong, cả 3 loại hư này đều tấn công, chúng sẽ gây ra bạo bệnh và chết 1 cách nhanh chóng bất ngờ[27]. Nếu bệnh chỉ do lưỡng thực mà chỉ có 1 hư, do đó khi nào bị trúng mưa, hoặc bị sương gió ngoài trời thì sẽ thành chứng hàn nhiệt[28]. Khi nào ở vào nơi nhiều mưa mà ẩm thấp, bị bệnh sẽ dễ thành chứng tê liệt[29]. Cho nên bậc thánh nhân tránh phong như tránh những mũi tên, những viên đá vạ[30]. Khi nào bị cả tam hư mà còn bị trúng bởi phong tà, dễ bị té nhào xuống đất và bán thân bất toại[31].

THIÊN 78: CỬU CHÂM LUẬN

Hoàng Đế hỏi: "Ta đã nghe thầy nói về cửu châm, ý nghĩa thật là dồi dào và rộng rãi, nhưng ta vẫn chưa thể lĩnh hội được, dám xin hỏi thầy cửu châm được sinh ra như thế nào ? Do lý do nào mà mỗi loại đều có những tên gọi riêng ?"[1].

Kỳ Bá đáp : "Cửu châm được hình thành do ở sự biến hóa của Âm Dương trong Trời Đất mà thành đại số, con số đó bắt đầu ở nhất mà chấm dứt ở cửu[2]. Cho nên nói rằng: Nhất là nhằm phỏng theo Thiên, Nhị nhằm phỏng theo Địa, tam phỏng theo Nhân, tứ phỏng theo Thời, ngũ phỏng theo Âm (thanh), lục phỏng theo Luật, thất phỏng theo Tinh, bát phỏng theo Phong, cửu phỏng theo Dã"[3]

Hoàng Đế hỏi: "Số kim châm ứng với số 9 như thế nào ?"[4].

Kỳ Bá đáp : "Ồi ! Bậc thánh nhân bắt đầu được con số hình thành Thiên Địa, đó là từ 1 đến 9, do đó mà phân thành 9 khu vực (Dã), 9 lần 9 là 81, thế là bắt đầu bằng con số Hoàng chung, và cũng từ đó 9 loại kim được xuất hiện để ứng với con số ấy [5].

Nhất thuộc Thiên, Thiên thuộc Dương, trong ngũ tạng thì Phế ứng với Thiên, Phế là nắp đậy của ngũ tạng lục phủ, bì phu là chỗ hợp của Phế, thuộc vùng Dương phận của con người, Vì thế cây kim tạo ra để châm trị, ắt phải đầu to đuôi nhọn, nhằm không cho châm vào sâu, chỉ để cho Dương tà xuất ra mà thôi[6].

Nhị thuộc Địa, Cơ nhục của con người ứng với Thổ, Vì thế cây kim tạo ra để châm trị, ắt phải có thân kim thẳng hình trụ, mũi hình bầu tròn, nhằm làm sao để đừng làm thương tổn đến vùng phận nhục, bởi vì làm thương vùng này sẽ làm cho (Tỳ) khí bị kiệt[7].

Tam thuộc Nhân (người), Con người sở dĩ thành người và có sự sống, đó là nhờ ở huyết mạch, Vì thế cây kim tạo ra để châm trị, ắt thân kim phải to mà chuôi phải tròn, khiến cho ấn được mạch mà không hãm vào, làm lưu thông và dẫn đạo chính khí, làm cho tà khí phải xuất ra 1 mình[8].

Tứ thuộc Thời, Thời ở đây là nói về tứ thời bát phong ở khách trong kinh lạc, gây thành chứng bệnh lỵ, Vì thế cây kim tạo ra để châm trị, thân mình phải thẳng theo hình trụ còn mũi thì phải bén nhọn, khiến cho ta có thể châm tả được nhiệt, xuất huyết, làm cho các bệnh ngoan cổ phải lành[9].

Ngũ thuộc Âm (âm thanh), Âm thanh ở đây là nói đến vùng thuộc mùa đông và mùa hạ, tức là vùng của Tý và Ngọ, Âm và Dương đang ly biệt, Hàn và Nhiệt cùng tranh, 2 khí này cùng đánh nhau, hợp nhau để thành ung và mủ, Vì thế cây kim tạo ra để châm trị, phải làm sao cho mũi của nó phải nhọn như lưỡi kiếm, có thể châm xuất ra nhiều mủ[10].

Lục thuộc Luật, Luật nhằm điều hòa Âm Dương và tứ thời để hợp với 12 kinh mạch, nếu khí huyết không điều hòa, ví như lục luật không điều hòa, hư tà sẽ ở khách nơi kinh lạc để gây thành chứng bạo tý, Vì thế cây kim tạo ra để châm trị, đầu ắt phải nhọn như sợi lông, vừa tròn vừa nhọn, thân giữa hơi to, nhằm đuổi được bạo khí[11].

Thất thuộc Tinh, Tinh tượng trưng cho thất khiếu của con người, Khi tà khí ở khách nơi kinh, gây thành chứng thống lý, nó sẽ ở lại nơi kinh lạc, Vì thế cây kim tạo ra để

châm trị, phải làm sao cho mũi kim nhọn như mũi con muỗi, có thể dùng phép chờ đợi thật yên tĩnh để khí đến chậm, nhẹ nhàng, cho nên có thể lưu kim lâu, chính khí nhờ đó mà dần được sung thực (phục hồi), bấy giờ chân khí và tà khí đều chịu tác dụng của cây kim, Khi rút kim ra tà khí sẽ tán và chính khí được phù dưỡng[12].

Bát thuộc Phong, Phong ở đây tượng trưng cho 8 quan tiết thuộc tay chân, Các hư phong xuất ra từ bát chính (8 phương), bát phong này làm thương đến con người, bên trong nó sẽ ở khách lại tại các khớp xương, thất lưng, cột sống, quan tiết, tẩu lý để gây thành chứng tý trong chỗ sâu, Vì thế cây kim tạo ra để châm trị, thân nó phải thật dài, mũi nó phải thật nhọn, có thể đi đến chỗ tà khí ở sâu và chứng tý ở xa để đuổi chúng[13].

Cửu thuộc Dã, Dã ở đây ví với các vùng khớp xương và bì phu, Nếu Dâm tà lưu lại và tràn trong chu thân, nó sẽ như chứng phong thủy, nó sẽ động lại khiến cho khí không đi qua được các quan tiết lớn, Vì thế cây kim tạo ra để châm trị, hình như cây côn mũi nhọn, mũi của nó nhỏ tròn, dùng để tả được thủy khí động lại nơi các quan tiết”[14].

Hoàng Đế hỏi: "Sự dài ngắn của kim châm có theo con số tiêu chuẩn nào không?"[15].

Kỳ Bá đáp : "Thứ nhất: Sàm châm, lấy phép ở cân châm, bỏ mũi đi thì thân kim còn lại là 1 thốn rưỡi, đầu mũi nhọn như mũi tên, cả cây kim dài 1 thốn 6 phân, nó chủ về trị những bệnh ở đầu và thân mình[15].

Thứ nhì: Viên châm, lấy phép ở nhữ châm, thân kim hình trụ tròn, mũi như hình quả trứng, dài 1 thốn 6 phân, chủ trị ở vùng phạm nhục[16].

Thứ ba : Đề châm, lấy phép ở mũi nhọn của hạt lúa thừ, dài 3 thốn rưỡi, chủ về ấn lên mạch để lấy được chính khí quay về, và làm cho tà khí phải xuất ra[17].

Thứ tư: Phong châm, lấy theo phép nhữ châm, thân kim hình trụ tròn, mũi thật nhọn, dài 1 thốn 6 phân, chủ về chứng ung và nhiệt, châm xuất huyết[18].

Thứ năm : Phi châm, lấy phép ở độ bén nhọn của lưỡi kiếm, rộng 2 phân rưỡi, dài 4 thốn, chủ về châm lấy mủ nhiều, đó là lưỡng nhiệt cùng tranh nhau vậy[19].

Thứ sáu: Viên lợi châm, lấy phép ở ly châm, mũi kim hơi to, nhưng thân lại nhỏ, làm thế để cho dễ châm sâu vào trong, dài 1 thốn 6 phân, chủ về chứng ung và chứng tý[20].

Thứ bảy: Hào châm, lấy phép ở lòng hào mao, dài 1 thốn 6 phân, chủ về các chứng Hàn Nhiệt và thống tý ở các lạc mạch[21].

Thứ tám: Trường châm, lấy phép ở kỳ châm, dài 7 thốn, chủ về chứng tý do tà khí vào sâu bên trong[22].

Thứ chín: Đại châm, lấy phép ở Phong châm (giống như kim thứ tư), nhưng mũi nhọn hơi tròn, dài 4 thốn, chủ về chứng thủy thũng ở quan tiết không xuất ra được[23].

Như vậy là hình dáng của các cây kim đã đầy đủ lắm rồi vậy, Đây cũng là phép tạo ra độ lớn nhỏ, dài ngắn của cứu châm vậy"[24].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe nói về thân hình con người ứng với cứu đã như thế nào ?"[25].

Kỳ Bá đáp : "Thần xin được nói về thân hình con người ứng với cứu đã: Chân trái ứng với tiết lập xuân, trực nhật của nó là ngày Mậu dần, Kỷ sửu[26], Hồng trái ứng với tiết xuân phân, trực nhật của nó là ngày Ất mao[27], Tay trái ứng với tiết lập hạ, trực nhật của nó là ngày Mậu thìn, Kỷ ty[28], Ngực, cổ họng, đầu mặt ứng với tiết hạ chí, trực nhật của nó là ngày Bính ngọ[29], Tay mặt ứng với tiết lập thu, trực nhật của nó là ngày Mậu thân, Kỷ mùi[30], Hồng phải ứng với tiết thu phân, trực nhật của nó là ngày Tân dậu[31], Chân phải ứng với tiết lập đông, trực nhật của nó là ngày Mậu tuất, Kỷ hợi[32], Thắt lưng, xương cùng, nhị âm (tiền và hậu) ứng với tiết đông chí, trực nhật của nó là ngày Nhâm tý[33], Lục phủ, ba tạng bên dưới ứng với trung châu, ngày đại cảm của nó chính là ngày mà Thái nhất đang di hành đến ở tại đó và những ngày thuộc Mậu và Kỷ[34]. Phàm 9 nơi đã nói trên có thể dùng để chờ để biết được khí bát chính đang ở tại đâu[35]. Nếu có những ung thũng nào ứng với bên phải bên trái, bên trên bên dưới mà ta muốn chữa trị, ta không nên trị vào những ngày tương ứng như nói trên bằng cách cho vỡ mủ trên những ung thũng đó, Ta gọi đó là những nơi thuộc những ngày Thiên kỵ"[36].

Hình thể an nhàn mà chí thì khổ não, bệnh sẽ sinh ra ở mạch, phép trị là phải cứu và châm[37]. Hình thể lao khổ mà chí an lạc, bệnh sẽ xảy ra ở gân, phép trị là phải chườm

cho nóng để dẫn khí[38]. Hình thể an nhàn mà chí cũng vui vẻ, bệnh sẽ xảy ra ở nhục, phép trị là phải châm hoặc biếm (thạch)[39]. Hình thể lao khổ mà chí cũng khổ não, bệnh sẽ xảy ra ở vùng yết hầu, phép trị phải dùng thuốc có vị ngọt để điều dưỡng[40]. Những người bị nhiều lần kinh khủng (sợ quá nhiều), sẽ làm cho cân mạch không thông, bệnh thường làm cho bất nhân (tê không cảm giác đau đớn), phép trị phải dùng phương pháp án ma và uống rượu thuốc[41].

Ngũ tạng khí: Tâm chủ về ợ[42], Phế chủ về ho[43], Can chủ về hay nói[44], Tỳ chủ về nước (hơi chua)[45], Thận chủ về ngáp[46].

Lục phủ khí: Đờm chủ về nổi giận[47], Vị chủ về khí nghịch thành ới[48], Đại trường và Tiểu trường chủ về chứng tiêu chảy[49], Bàng quang không ràng buộc được sẽ làm cho hay đái dầm[50], Hạ tiêu tràn ngập nước ra bì phu thành chứng thủy thũng[51].

Ngũ vị: Vị chua nhập vào Can[52], vị cay nhập vào Phế[53], vị đắng nhập vào Tâm[54], vị ngọt nhập vào Tỳ[55], vị mặn nhập vào Thận[56], vị đạm (nhật) nhập vào Vị, đó gọi là ngũ vị[57].

Ngũ tinh: Tinh khí tràn nhập vào Can sẽ làm cho lo lắng[58], tràn nhập vào Tâm sẽ làm cho vui mừng[59], tràn nhập vào Phế sẽ làm cho bi thương[60], tràn nhập vào Thận sẽ làm cho khiếp sợ[61], tràn nhập vào Tỳ sẽ làm cho sợ hãi[62]. Đây gọi là khí của ngũ tinh tràn nhập vào tạng vậy[63].

Ngũ ố (ghét): Can ố Phong[64], Tâm ố Nhiệt[65], Phế ố Hàn[66], Thận ố Táo[67], Tỳ ố Thấp, Đây là khí của ngũ tạng có những điều sở ố (ghét) [68].

Ngũ dịch: Tâm chủ về mồ hôi[69], Can chủ về nước mắt[70], Phế chủ về nước mũi[71], Thận chủ về nước dãi[72], Tỳ chủ về nước miếng, Đây là những nơi xuất ra các chất nước nhờn[73].

Ngũ lâu : nhìn lâu làm thương đến huyết[74], nằm lâu làm thương đến khí[75], ngồi lâu làm thương đến nhục[76], đứng lâu làm thương đến cốt[77], đi lâu làm thương đến cân, Đây là 5 loại lâu làm thương thành bệnh vậy[78].

Ngũ tẩu (chạy): Vị chua chạy về cân[79], vị cay chạy về khí[80], vị đắng chạy về huyết[81], vị mặn chạy về cốt[82], vị ngọt chạy về nhục, Đây gọi là ngũ tẩu vậy[83].

Ngũ tài (giảm bớt): Bệnh ở tại cân, không nên ăn vị chua[84], Bệnh ở tại khí, không nên ăn vị cay[85], Bệnh ở tại cốt, không nên ăn vị mặn[86], Bệnh ở tại huyết, không nên ăn vị khổ[87], Bệnh ở tại nhục, không nên ăn vị ngọt[88], Cho dù miệng thèm ăn, cũng không nên ăn nhiều, ấy phải tự tiết giảm, đó gọi là ngũ tài[89].

Ngũ phát: Âm bệnh phát ra ở cốt[90], Dương bệnh phát ra ở huyết[91], Âm bệnh phát ra ở nhục[92], Dương bệnh phát ra ở mùa đông[93], Âm bệnh phát ra ở mùa hạ[94].

Ngũ tà : Tà nhập vào Dương sẽ thành bệnh cuồng[95], tà nhập vào Âm sẽ thành chứng huyết tý[96], tà nhập vào Dương, chuyển ra thành chứng điên tật[97], Tà nhập vào Âm, chuyển ra thành bệnh câ[m][98], Dương nhập vào Âm, bệnh xảy ra ở tình trạng tĩnh[99], Âm xuất ra từ Dương, bệnh thường hay nổi giận[100].

Ngũ tàng: Tâm tàng thần[101], Phế tàng phách[102], Tỳ tàng ý[103], Thận tàng tinh, chí[104], Can tàng hồn[105].

Ngũ chủ: Tâm chủ mạch[106], Phế chủ bì[107], Can chủ cân[108], Tỳ chủ cơ nhục[109], Thận chủ cốt[110].

Dương minh nhiều khí huyết[111], Thái dương nhiều huyết ít khí[112], Thiếu dương nhiều khí ít huyết[113], Thái âm nhiều huyết ít khí[114], Quyết âm nhiều huyết ít khí[115], Thiếu âm nhiều khí ít huyết[116]. Cho nên nói rằng: châm Dương minh cho xuất cả huyết lẫn khí[117], châm Thái dương chỉ cho xuất khí mà không nên cho xuất huyết[118], châm Thái âm nên cho xuất huyết không nên cho xuất khí[119], châm Quyết âm nên cho xuất huyết mà không nên cho xuất khí[120], châm Thiếu âm nên cho xuất khí mà không cho xuất huyết[121].

Túc Dương minh và Thái âm cùng làm biểu lý nhau[122], Thiếu dương và Quyết âm cùng làm biểu lý nhau[123], Thái dương và Thiếu âm cùng làm biểu lý nhau[124]. Đây gọi là Âm Dương của Túc (cùng làm biểu lý)[125]. Thủ Dương minh và Thái âm cùng làm biểu lý nhau[126], Thiếu dương và Tâm chủ cùng làm biểu lý nhau[127], Thái dương và Thiếu âm cùng làm biểu lý nhau[128]. Đây gọi là Âm Dương của Thủ (cùng làm biểu lý nhau)"[129].

THIÊN 79: TUẾ LỘ LUẬN

Hoàng Đế hỏi: "Kinh nói rằng: Mùa hạ bị thương bởi thử khí thì mùa thu bị bệnh sốt rét, bệnh sốt rét lại xảy ra có những mốc thời gian nhất định, nguyên nhân nào đã gây ra như thế ?"[1].

Kỳ Bá đáp : "Tà khí tấn công vào huyết Phong Phủ, bệnh sẽ đi dọc theo 2 thẩn thịt cột sống để đi xuống dưới, trong lúc đó, vệ khí cứ 1 ngày và 1 đêm thường đại hội nhau tại huyết Phong Phủ[2]. Ngày hôm sau, cứ mỗi ngày nó lại đi xuống 1 tiết (đốt xương), vì thế bệnh xảy ra mỗi ngày một trễ hơn[3]. Đó chính vì tà khí đã tấn công trước hết vào vùng cột sống và vùng lưng vậy[4]. Mỗi lần vệ khí vận hành đến huyết Phong Phủ thì tẩu lý sẽ mở ra, khi mà tẩu lý mở ra thì tà khí sẽ nhập vào, khi tà khí nhập vào thì bệnh phát tác, đó cũng là lý do tại sao bệnh lại mỗi ngày mỗi xảy ra trễ hơn[5]. Vệ khí vận hành ở Phong Phủ, mỗi ngày đi xuống 1 tiết, 21 ngày, nó sẽ đi xuống đến đốt xương cùng, ngày thứ 22, nó nhập vào bên trong cột sống, rót vào mạch Phục xung, thế rồi nó lại theo con đường của mạch trên để quay trở lên trên, nó đi như vậy được 9 ngày thì nó sẽ xuất ra ở giữa Khuyết bồn[6]. Bởi vì khí mỗi ngày mỗi đi lên, vì thế bệnh xảy ra mỗi ngày mỗi sớm hơn[7]. Nếu tà khí đi vào đến ngũ tạng để đánh nhau, nó sẽ đi ngang qua vùng mộ và nguyên, con đường đi của nó xa xôi, khí của nó vào sâu, sự vận hành của nó chậm trễ, vì thế nó không thể xảy ra bệnh mỗi ngày, do đó mà qua ngày hôm sau mới tập trung lại phát tác"[8].

Hoàng Đế hỏi: "Mỗi lần vệ khí đến Phong Phủ thì tẩu lý mới mở ra, tẩu lý mở ra thì tà khí mới nhập vào, Vệ khí mỗi ngày đi xuống 1 tiết, như vậy tà khí và vệ khí gặp nhau sẽ không ăn khớp với nhau ở huyết Phong Phủ nữa, thế là thế nào ?"[9].

Kỳ Bá đáp : "Nơi mà Phong tà nhập vào không nhất định là phải ở bộ vị nào, chỉ cần vệ khí đi đến nơi nào mà nơi đó có tà khí trúng vào thì tẩu lý ắt sẽ mở ra[10]. Chỉ cần biết nơi nào mà tà khí tấn công vào thì nó sẽ là nơi phát bệnh"[11].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng vậy! Phong tà và bệnh sốt rét cùng đồng loại và có quan hệ hỗ tương nhau, nhưng Phong thì gây bệnh liên tục (không gián đoạn), trong lúc đó thì chứng sốt rét lại phát ra và ngưng lại theo một chu kỳ nhất định, tại sao vậy ?"[12].

Kỳ Bá đáp : "Khí của Phong tà gây bệnh thì giữ nguyên nơi đã xảy ra, nhưng chứng sốt rét thì lại đi theo với kinh lạc, nó có thể đi sâu vào trong để đánh nhau với nội tạng, vì thế khi nào vệ khí vận hành đến nơi ở của tà khí của sốt rét để ứng với nhau thì bệnh mới xảy ra"[13].

Hoàng Đế nói: "Đúng vậy !"[14].

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói tứ thời bát phong trúng vào người, gây ra hàn thử khác nhau[15]. Khí hàn thì bì phu bị cấp mà tẩu lý đóng lại, khí thử thì bì phu bị hoãn ra mà tẩu lý mở ra, Tặc phong tà khí phải nhân có hàn thử mới nhập vào được con người ư ?"[16].

Thiếu Sư đáp: "Không thể ! Tặc phong tà khí trúng vào người, không đợi thời gian nào cả, nó chỉ thừa lúc tẩu lý bị khai để rồi tấn công vào, khi nó vào thì vào thật sâu, hoặc có khi trúng vào nội tạng để gây bệnh, sự gây bệnh này thật nhanh và bạo[17]. Còn khi nào tẩu lý đang bế thì nó vào cạn, khi gây bệnh cũng chậm"[18].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người thích ứng được với sự thay đổi của hàn và ôn, tẩu lý của họ cũng không mở ra, vậy mà họ cũng bị bệnh 1 cách đột ngột, nguyên nhân nào đã gây nên như thế ?"[19].

Thiếu Sư đáp: "Nhà vua không biết tại sao tà khí xâm nhập vào con người ư ? Tuy thấy con người sống 1 cách bình thường nhưng tẩu lý lúc nào mở ra hay đóng vào, bì phu lúc nào căng thẳng hay hoãn ra (đều có ảnh hưởng mật thiết đến thời tiết), vì thế sự gây bệnh thường liên hệ đến thời tiết"[20].

Hoàng Đế hỏi: "Ta có thể nghe cho tường tận không ?"[21].

Thiếu Sư đáp: "Con người cùng tham vào với Trời Đất, cùng ứng với nhật nguyệt, Vì thế khi mặt trăng đầy lên thì nước biển cũng thịnh lên ở phương tây, huyết khí của con người tinh thực, cơ nhục sung thực, bì phu kín đáo hơn, lông và tóc cứng hơn, tẩu lý đóng lại, chất nhờn bám chắc vào da, Lúc bấy giờ tuy có gặp tặc phong, nó cũng vào chỗ cạn chứ không thể sâu được[22]. Đến lúc trăng bị khuyết rồi thì nước biển sẽ thịnh lên ở phương đông, huyết khí của con người sẽ bị hư, vệ khí hao tán, hình thể tuy còn đó nhưng cơ nhục bị suy giảm, bì phu bị lơ lửng, tẩu lý bị mở ra, lông và tóc bị héo tàn, nét nhăn của tẩu lý bị thừa, chất nhờn bị loãng, lúc bấy giờ nếu gặp phải tặc phong, nó sẽ đi sâu vào hơn, nó sẽ gây bệnh nơi con người nhanh bạo hơn"[23].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người đột nhiên bị chết thành linh và bạo, hoặc đột nhiên bị bệnh thành linh và bạo, Tại sao thế ?"[24].

Thiếu Sư đáp: “Những người nào phải khí của tam hư, họ sẽ bị chết 1 cách bạo và nhanh, còn nếu họ gặp khí của tam thực, thì tà khí không thể làm thương tổn đến họ được”[25].

Hoàng Đế hỏi: “Ta mong được nghe giải thích về tam hư ?”[26].

Thiếu Sư đáp: “Nhân lúc hư niên (tuế khí thái quá), gặp lúc trăng đầy, gặp lúc thời được hòa, tuy có gặp phải tặc phong tà khí cũng không nguy lắm”[27].

Hoàng Đế nói: “Thật là 1 lập luận rất hay ! Thật là 1 đạo lý rất hay ! Ta xin được đem lập luận này để cất giữ trong hộp Kim quý gọi là tam thực, Tất nhiên, đây chính là lập luận độc đáo của riêng Thầy”[28].

Hoàng Đế hỏi: “Ta mong được nghe giải thích tại sao trong cùng 1 năm, có những người cùng bị bệnh giống nhau, nguyên nhân nào đã gây nên như vậy ?”[29].

Thiếu Sư đáp: “Đó là chứng biểu hiện (hậu) của tứ thời bát tiết”[30].

Hoàng Đế hỏi: “Sự biểu hiện (hậu) đó như thế nào ?”[31].

Thiếu sư đáp: “Sự biểu hiện này, thông thường ta có thể dựa vào ngày đông chí để biết Thái nhất đang ở vị trí của cung Hiệp trập[32]. Khi nó đến, Thiên sẽ ứng theo để có gió có mưa[33]. Nếu gió mưa đó đến từ phương nam, đó là hư phong, làm thương đến con người 1 cách dữ dội[34]. Nếu nó đến vào lúc nửa đêm, lúc bảy giờ vạn dân đều đang ngủ do đó nó không thể phạm đến được, vì thế năm đó dân ít bệnh[35]. Nếu gió mưa đến vào lúc ban ngày, người dân lười, ít phòng bị, vì thế dễ bị trúng bởi hư phong, vì thế vạn dân bị bệnh nhiều hơn[36]. Khi hư tà nhập vào và ở khách nơi cốt mà không phát ra ngoài, đợi đến tiết lập xuân, khi Dương khí đại phát, tấu lý mở ra, rồi lại cùng ngày của tiết lập xuân, gió lại đến từ phương tây, thế là vạn dân phải trúng bởi hư phong[37]. Thế là 2 tà, phục tà và tà khí mới cùng đánh nhau, làm cho tà khí núp trong kinh mạch thay đổi thành bệnh tà[38]. Vì thế trong 1 năm nào đó, người dân gặp phải gió từ các phương, gặp phải mưa từ các hướng ta gọi đó là gặp phải Tuế Lộ[39]. Nếu năm nào gặp được khí hậu điều hòa, ít có tặc phong, người dân ít bệnh và ít chết[40]. Còn nếu năm nào gặp phải tặc phong tà khí, Hàn ôn bất hòa, người dân sẽ bệnh nhiều và phải chết !”[41].

Hoàng Đế hỏi: "Phong của hư tà, làm thương đến con người, bệnh nặng nhẹ, ít nhiều như thế nào ? Biểu hiện ra như thế nào ?"[42].

Thiếu Sư đáp: "Ngày mùng 1 tháng giêng, Thái nhất ở tại cung Thiên lưu, ngày ấy nếu có gió từ phương tây bắc, không mưa, người dân sẽ bị chết nhiều[43]. Ngày mùng một tháng giêng, nếu sáng sớm có gió từ phương bắc, mùa xuân năm ấy người dân sẽ bị những bệnh nặng có thể chết nhiều[44]. Ngày mùng một tháng giêng, nếu sáng sớm có gió phương bắc thổi qua, người dân sẽ bị bệnh nhiều nhất là ba trên mười người[45]. Ngày mùng một tháng giêng, nếu giữa trưa mà có gió từ phương bắc, mùa hè năm ấy, người dân sẽ chết nhiều[46]. Ngày mùng một tháng giêng, buổi chiều tối mà có gió từ phương bắc, mùa thu năm ấy người dân sẽ chết nhiều[47]. Nếu cả ngày mà có gió từ phương bắc sẽ có nhiều người bị bệnh nặng, mười người chết sáu[48].

Ngày mùng một tháng giêng, gió từ phương nam đến gọi tên là Hạp hương, gió từ phương tây đến gọi là Bạch cốt, sẽ có tai ương cho cả nước, người ta chết nhiều[49]. Ngày mùng một tháng giêng gió từ phương đông đến làm lung lay nhà cửa, làm cát bay đá chạy, cả nước sẽ có tai ương[50]. Ngày mùng một tháng giêng, gió từ phương đông nam đến, mùa xuân năm ấy cũng sẽ có tử vong[51]. Ngày mùng một tháng giêng, nếu khí hậu ôn hòa, không nổi gió, mùa màng trũng, lúa gạo rẻ, dân không bệnh, nếu ngày ấy trời lạnh mà nổi gió, mùa màng thất, lúa gạo giá cao, người dân bệnh nhiều[52]. Trên là những biểu hiện của gió trong một năm, có thể báo hiệu hư tà làm thương, làm bệnh đến con người vậy[53].

Ngày sửu của tháng hai, nếu không nổi gió, người ta sẽ bị nhiều bệnh về Tâm và bụng[54]. Ngày Tuất của tháng ba, nếu trời không ẩm, người ta sẽ bị bệnh Hàn Nhiệt nhiều ngày[55]. Ngày Tỵ của tháng tư, tiết trời không nóng, người dân bị bệnh đơn nhiệt[56]. Ngày thân của tháng mười, trời không lạnh, người dân bị bạo tử nhiều[57]. Những trường hợp vừa kể trên về các loại Phong xảy ra trong nhiều ngày tháng trong năm, như lung lay nhà cửa, làm gãy cây cối, làm cát bay đá chạy, làm nổi lông mao, làm khai tẩu lý, đều thuộc những loại tà phong dị thường"[58].

THIÊN 80: ĐẠI HOẶC LUẬN

Hoàng Đế hỏi: "Ta từng leo lên trên 1 cái đài cao mát và lạnh, khi lên đến nửa chừng của các bậc thang, ta liền nhìn xem 4 phía, xong rồi mới bò dần lên phía trước, lúc bấy giờ ta tự cảm thấy thần hồn hoảng hốt, mắt hoa choáng váng lên, Ta thẳm lấy làm kỳ lạ, ta tự nhắm mắt lại, rồi lại mở mắt ra, ta cố an Tâm định khí, lâu lắm vẫn chưa trở lại

trạng thái bình thường; Khi lên đến trên đài rồi ta lại tiếp tục nhìn khắp bốn phương để rồi lại thấy choáng váng, Ta bèn bới vén lại tóc, quỳ xuống trên đài, ta nhìn thẳng xuống phía dưới, sau 1 thời gian thật lâu, sự choáng váng vẫn chưa chấm dứt, Thành linh, tình trạng choáng váng lại bớt và không còn nữa, Khí gì đã khiến như thế ?”[1].

Kỳ Bá đáp : "Khí của ngũ tạng lục phủ đều lên trên để rót vào mắt và thành tinh khí, hố sâu chứa tinh gọi là nhân, tinh khí ở cốt tạo thành đồng tử, tinh khí của cân tạo thành tròng mắt đen, tinh khí của huyết đóng vai lạc với hố mắt, tinh khí của mắt tạo thành tròng trắng mắt, tinh khí của cơ nhục tạo thành nhân bào, tinh khí bao trùm cả cân cốt huyết khí hợp với các lạc mạch tạo thành mục hệ[2]. Tinh khí này bên trên nó thuộc vào não, phía sau nó xuất ra ở cổ gáy, vì thế khi tà khí trúng vào cổ gáy, đúng lúc thân mình bị hư nhược, Tà khí sẽ nhập vào sâu hơn, nó sẽ đi theo nhãn hệ để vào đến não[3]. Khi nó nhập vào não nó sẽ làm cho não bị chuyển, não bị chuyển sẽ làm cho mục hệ bị căng cấp, mục hệ bị căng cấp sẽ làm cho mắt choáng váng và quay cuồng[4]. Khi tà khí trúng vào tinh của mắt thì tinh không còn hòa điệu với ngũ tạng lục phủ nữa, do vậy mà tinh bị hao tán, Khi tinh bị hao tán thì xảy ra hiện tượng thị kỳ, thị kỳ có nghĩa là thấy một vật thành hai[5].

Mắt là nơi nhận tinh khí của ngũ tạng lục phủ, là nơi thường doanh của doanh vệ, hồn phách, là nơi sinh ra thần khí vậy, Vv thế khi mà thần khí bị lao thì hồn phách bị tán, chí ý bị loạn[6]. Vì thế đồng tử và tròng đen mắt được lấy phép ở Âm, tròng mắt trắng và các mạch máu đỏ được lấy phép ở Dương[7]. Vì thế khi nào Âm Dương hợp nhau để chuyển rót lên mắt thì tinh khí được sáng vậy[8]. Mắt là sứ giả của Tâm, Tâm là chỗ ở của thần, vì thế khi nào thần và tinh bị loạn thì nó không thể chuyển để rót tinh khí lên mắt được[9]. Khi lên cao, thành linh bị thấy những hình ảnh kỳ lạ, đó là do tinh, thần, hồn, phách bị tán, không còn hợp nhau được nữa, vì thế mà gây ra sự choáng váng vậy”[10].

Hoàng Đế hỏi: "Ta có vẻ hoài nghi những lời giải thích của Thầy, vì có lần Ta đi lên đài đông uyển, và sau đó mỗi lần Ta đến và lên cao ở đó, không có lần nào mà ta không bị choáng váng, khi ta rời nó thì trở lại trạng thái bình thường, chả lẽ mỗi lần ta đến đông uyển thì ta lại bị lao thần hay sao ? Tại sao lại có những tình huống khác nhau kỳ lạ như thế ?”[11].

Kỳ Bá đáp : "Không phải thế ! Tâm có cái thích của nó thì thần có cái ghét của nó, những yêu và ghét này trong 1 lúc gặp nhau sẽ làm cho tinh bị loạn, mắt bị mê không

còn phân biệt để nhìn rõ nữa, đưa đến tình huống bị hoặc (thần bị choáng váng)[12]. Khi nào rời khỏi nơi đó thì thần sẽ quay về như cũ, khôi phục trạng thái bình thường... Vì thế, tình huống trên xảy ra nhẹ thì bị mê, nặng hơn sẽ gọi là hoặc"[13].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người hay quên, khí nào đã khiến như thế ?"[14].

Kỳ Bá đáp : "Đó là do thượng khí bất túc, và hạ khí thì hữu dư, đó là trường vị thực, còn Tâm và Phế thì hữu dư[15]. (Tâm Phế) hư cho nên khí doanh vệ lưu lại ở dưới, lâu ngày không lên trên đúng với lúc phải lên, vì thế mà thường hay quên"[16].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người bệnh mà không nằm yên được (mất ngủ) khí nào đã khiến như thế ?"[17].

Kỳ Bá đáp : "Vệ khí không nhập vào được Âm phận, mà thường lưu lại nơi Dương phận[18]. Khi mà nó lưu lại ở Dương thì Dương phận sẽ bị đầy[19]. Dương phận bị đầy thì làm cho mạch Dương Kiểu thịnh[20], nếu vệ khí không nhập vào được Âm phận thì Âm khí sẽ bị hư, làm cho mắt không nhắm lại được để ngủ"[21].

Hoàng Đế hỏi: "Có những bệnh cứ khiến người ta phải nhắm mắt lại không muốn nhìn ngoại vật, khí nào đã khiến như thế ?"[22].

Kỳ Bá đáp : "Vệ khí lưu lại ở Âm phận mà không vận hành đến được nơi Dương phận, nếu vệ khí lưu lại ở Âm phận, thì Âm khí sẽ bị thịnh. Âm khí thịnh thì mạch Âm Kiểu đầy, nếu vệ khí không nhập được vào Dương phận thì Dương khí sẽ bị hư, vì thế mắt cứ phải nhắm lại (không muốn nhìn ngoại vật)[23].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người bệnh mà cứ thích nằm để ngủ, khí nào đã khiến như thế ?"[24].

Kỳ Bá đáp : "Đây là những người mà Trường Vị to mà bì phu thì sáp trệ (rít), vùng phận nhục không trơn nhuận, Do vì Trường Vị to cho nên vệ khí mới lưu lại lâu, do vì bì phu sáp trệ, vùng phận nhục không trơn nhuận, cho nên vệ khí vận hành chậm[25]. Ôi ! Vệ khí ban ngày thường vận hành ở Dương phận, ban đêm thì vận hành ở Âm phận, vì thế lúc mà Dương khí sắp hết thì con người đi nằm ngủ, lúc mà Âm khí sắp hết thì mọi người phải thức dậy[26]. Vì thế nếu người nào mà Trường Vị to thì vệ khí vận hành phải lưu lại lâu hơn, nếu bì phu sáp trệ, vùng phận nhục không trơn nhuận thì vệ khí sẽ vận hành chậm[27]. Khi vệ khí phải lưu lại lâu hơn ở vùng Âm phận, khí này sẽ không

còn vận hành 1 cách chính thường nữa, vì thế người đó chỉ muốn nhắm mắt lại để ngủ, muốn nằm nhiều để ngủ[28]. Khi nào Trường Vị nhỏ, bị phụ trợ nhuận, hòa hoãn, vùng phạm nhục thông sướng, vệ khí lưu lại ở vùng Dương phạm sẽ lâu hơn, vì thế người ấy ít ngủ hơn"[29].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người không phải thường ngày hay buồn ngủ, nhưng đột nhiên lại thích nằm để ngủ, khí gì đã khiến như thế ?"[30].

Kỳ Bá đáp : "Tà khí lưu lại nơi Thượng tiêu, Thượng tiêu bị bế nên không thông, ngoài ra, sau khi ăn no, lại uống thêm nước canh nóng, vệ khí sẽ lưu lại ở Âm phạm mà không vận hành đến vùng Dương phạm nữa, vì thế mà họ thích ngủ 1 cách đột ngột"[31].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng vậy thay ! Phép trị các loại tà khí ấy phải thế nào ?"[32].

Kỳ Bá đáp : "Trước hết ta phải điều hòa phục hồi công năng của ngũ tạng lục phủ, sau đó mới tiêu trừ những loại nhẹ ấy đi, tiếp theo là điều hòa khí doanh vệ, tà khí thịnh thì dùng phép tả, tà khí hư thì dùng phép bổ, dù sao trước mắt, ta phải nắm cho được tình huống khổ hay vui của hình, của chí của người bệnh, nắm rõ rồi, sau đó mới áp dụng phép trị"[33].

THIÊN 81: UNG THƯ

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói Trường Vị đón nhận cốc khí[1]. Thượng tiêu làm xuất ra vệ khí, nhằm làm ấm vùng phạm nhục, làm nuôi dưỡng các cốt tiết, làm thông tấu lý[2]. Trung tiêu làm xuất doanh khí như mưa móc, lên trên nó rót vào các vùng khô cốc, thấm nhập vào các khổng mạch, làm cho tân dịch được hòa điệu, rồi biến hóa thành màu đỏ để được huyết[3]. Khi huyết được hòa thì các khổng mạch trước hết bị đầy và tràn để rồi từ đó rót vào các lạc mạch, lạc mạch đã đầy, nó lại rót vào các kinh mạch, thế là huyết khí, Âm Dương đều được sung túc, nó sẽ theo con đường hô hấp để vận hành toàn chu thân[4]. Sự vận hành đều có độ số, vòng vận hành tròn cũng có con đường riêng của nó, tất cả đều hợp và đồng với sự vận hành của Thiên đạo, không bao giờ ngừng nghỉ[5]. Muốn điều hòa ta phải chấn mạch, ta phải theo đúng để trừ cái hư tà, theo đúng để đuổi cái thực tà, bởi vì nếu không cẩn thận, ta dùng tả pháp 1 cách quá độ sẽ làm tổn thương đến nguyên khí, còn nếu đợi đúng lúc tà khí đến, ta dùng phép tả 1 cách nhanh chóng thì có thể làm suy giảm khí thể của tà khí, còn nếu ta dùng phép lưu kim lâu mà không biết gì đến phép tả đúng thời mà tà khí đến, thì bệnh tình trước sau vẫn như nhau không thuyên giảm được[6]. Ta cũng có thể dùng phương

pháp làm cho chính khí sung thực để nó tiêu trừ được tà khí hư nhược, nhưng trường hợp bệnh tà chưa hết hẳn, nếu ta dùng phép bổ thái quá, sẽ có thể trợ thêm cho khí thể của tà khí[7]. Mục đích chính của bổ tả là nhằm làm cho huyết khí được điều hòa, nhờ đó mà hình và khí mới giữ vững được sự sống chính thường của mình[8]. Ta đã biết rõ tình huống huyết khí bình hay không bình, nhưng ta chưa biết được chứng UNG THƯ sinh ra từ đâu, sự hình thành hoặc ác hóa, sự sống còn hay chết chóc, mỗi tình huống đều có lẽ gần xa của nó, ta dùng tiêu chuẩn nào để đo lường được ? Ta có thể nghe thầy giải thích về những vấn đề đó hay không ?”[9].

Kỳ Bá đáp : "Kinh mạch lưu thông và vận hành không ngừng nghỉ, cùng khớp với độ số của Thiên, cùng hợp với địa hình của Địa[10]. Cho nên, tinh tú của Thiên vận hành thất thường sẽ thành nhật thực và nguyệt thực[11]; Địa hình của Đất làm cho các con sông trôi chảy thất thường sẽ làm cho đường thủy đạo chảy tràn khắp nơi, cây cỏ bị khô héo không sinh trưởng được, ngũ cốc bị mất mùa[12]. Cũng ví như những đường ngay thẳng không còn thông nữa thì người dân không qua lại với nhau được, họ chỉ còn tụ họp nơi ngõ hẻm, nơi thôn ấp, như vậy tức là họ bị chia nhau để ở rải rác khắp nơi[13]. Huyết khí của con người cũng thế, Thần xin nói rõ nguyên nhân giống nhau giữa quan hệ của Thiên Địa Nhân[14]. Ôi ! Huyết mạch, doanh vệ luôn luôn vận hành khắp chu thân mà không ngừng nghỉ[15]. Bên trên, nó ứng với tinh tú, bên dưới nó ứng với sự trôi chảy của các con sông[16]. Khi hàn tà ở khách nơi kinh lạc, nó sẽ làm cho huyết bị khắp, khí huyết bị khắp thì không còn thông nữa, nơi nào không thông thì vệ khí cũng sẽ quay về nơi đó để tụ lại mà không còn vận hành theo sự thông suốt, phục rồi phản nữa, do đó mà thành nơi ung thũng[17]. Hàn khí sẽ hóa thành Nhiệt, Nhiệt thắng thì sẽ làm hủ nát cơ nhục, cơ nhục bị hủ nát sẽ thành mủ[18]. Mủ mà không được tả sạch thì sẽ làm mềm nát đến gân[19]; Gân bị mềm nát sẽ làm thương đến cốt[20]; Cốt bị thương thì tủy sẽ tiêu dần, không sung vào nơi giao nhau của cốt tiết nữa, do đó mà nhiệt tà không chỗ thoát tả ra, huyết sẽ bị khô và hao tổn, vì thế gân, cốt, cơ nhục không còn làm tươi cho nhau nữa, kinh mạch sẽ bị bại hoại, hàng trăm lỗ nhỏ sẽ đưa nước độc của bệnh sang ngũ tạng, ngũ tạng bị thương, sẽ chết”[21].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về các loại hình của ung thư và các tên gọi của nó”[22].

Kỳ Bá đáp : "Mục ung nào:

· Phát ra ở cổ họng, gọi tên là Mãnh thư[23]. Mãnh thư nếu không trị, nó sẽ hóa ra mủ, mủ nếu không được tã, nó sẽ làm tắc nghẽn cổ họng, trong nửa ngày phải chết[24]. Nếu nó đã hóa thành mủ thì trong lúc chảy mủ, ta có thể phối hợp để ăn mỡ heo và thức ăn lạnh, 3 ngày sẽ khỏi[25].

· Phát ra ở cổ, gọi tên như Yếu thư[26]. Mục ung của Yếu thư to mà màu đỏ đen sậm, nếu không kịp trị cho nhanh thì nhiệt khí sẽ chạy xuống nhập vào trong hố nách, phía trước nó sẽ làm thương đến mạch Nhâm, bên trong nó sẽ chưng cất Can Phế[27]. Nếu nó đã chưng cất Can Phế thì trong hơn 10 ngày sẽ chết[28].

· Dương tà đại phát thịnh lên, làm tiêu và đốt não bộ để sinh ra ở cổ gáy, tên gọi là Não thư[29]. Sắc diện của người bệnh không vui, cổ gáy đau như có kim đâm vào, làm cho Tâm bị bức rút, đó là tử chứng, không trị được[30].

· Phát ra ở vai và cánh tay, gọi tên là Tỳ ung[31]. Hình trạng của nó màu đỏ đen sậm, nên chữa trị cho nhanh, làm thế nào để cho người bệnh phải ra mồ hôi cho đến dưới chân, nhờ đó mà cho hại đến ngũ tạng[32]. Nếu như mục ung này phát ra khoảng 4 đến 5 ngày, mau mau thực hiện phép cứu[33].

· Phát ra ở dưới nách mà màu đỏ cứng, gọi tên là Mễ thư[34]. Phép trị là phải dùng biêm thạch, miếng đá biêm thạch phải nhỏ mà dài, biêm nhằm làm cho sơ tán, sau đó dùng mỡ heo bôi lên, trong 6 ngày thì khỏi, nhớ là đừng băng kín lại[35]. Nếu như mục ung này cứng mà không vỡ ra, đó là thuộc loại Mã đao hiệp anh, nên trị cho nhanh[36].

· Phát ở ngực, gọi tên là Tĩnh thư[37]. Hình trạng của nó giống như hạt đậu to, nếu trong 3 đến 4 ngày đầu mà ta không sớm lo trị liệu, nó sẽ đi xuống dưới bụng, như vậy là bất trị, trong 7 ngày phải chết[38].

· Phát ra ở vùng 2 bên ngực, gọi tên là Cam thư[39]. Mục này màu xanh, hình trạng của nó như hạt lúa (hạt trái bầu), như hạt quýt lâu, thường bị phát sốt rét, nên trị gấp, chủ yếu là trừ được chứng sốt rét, nhưng dù sao thì 10 năm sau cũng phải chết, khi chết thì nơi đó mới vỡ mủ[40].

· Phát ra ở hông sườn, gọi tên là Bại tỳ[41]. Chứng Bại tỳ là chứng của phái nữ[42]. Ta dùng phép cứu sai lầm sẽ thành ra ung mủ[43]. Phép trị ta nên chú ý đến trong ấy có khối thịt sống, to như hạt đậu đỏ, nên dùng rễ của Lăng, Kiều thảo, mỗi thứ 1 thăng, cho vào 1 đấu 6 thăng để sắc, sắc cạn còn 3 thăng, ráng mà uống trong lúc còn nóng,

uống xong nên mặc quần áo dày hơn, ngồi lên trên 1 cái chảo đang nóng, đợi khi nào mồ hôi ra đến chân, bệnh sẽ khỏi[44].

- Phát ra ở đùi về và cẳng chân, gọi tên là Cổ hĩnh thư[45]. Hình trạng của nó không thay đổi nhiều lắm, nhưng bên trong ung mủ tấn công cho đến vùng cốt, nếu không trị cho nhanh, sẽ chết trong vòng 30 ngày[46].

- Phát ra ở xương cụt, gọi tên là Nhuệ thư[47]. Hình trạng của nó đỏ, cứng và to, nên trị cho nhanh, nếu không trị, chết trong vòng 30 ngày[48].

- Phát ra vùng đùi non, gọi tên là Xích thi[49]. Nếu không trị gấp, chết trong vòng 60 ngày[50]. Nếu bệnh xảy ra bên trong đùi, đó là bất trị, chết trong 10 ngày[51].

- Phát ra ở đầu gối, gọi tên là Tỳ ung[52]. Hình trạng của nó to, màu mực ung không biến đổi, sốt rét, cứng như đá[53]. Không nên dùng biêm thạch đâm vỡ mủ, nếu như đã vỡ dùng đá biêm thạch để trừ mủ thì phải chết[54]. Phải đợi khi nào tình trạng của nó mềm hơn, sau đó mới dùng đá biêm thạch để đâm cho vỡ mủ, như vậy thì cứu sống được[55].

- Các loại ung thư nào mà phát ra ở các nơi quan tiết 1 cách cân xứng (giữa trên dưới, trái , phải) đều thuộc loại không thể trị được[56]. Nếu phát ra ở vùng Dương phận thì 100 ngày sẽ chết, nếu phát ra ở vùng Âm phận thì trong 30 ngày sẽ chết[57].

- Phát ra ở vùng cẳng chân, gọi tên là Thổ niết[58]. Hình trạng của nó đỏ mà sâu vào đến cốt, nên trị cho nhanh, nếu không trị thì tai hại cho người bệnh[59].

- Phát ra ở mắt cá trong, gọi tên là Tẩu hoãn[60]. Hình trạng của nó giống như ung, màu sắc không thay đổi[61], Nên dùng đá biêm thạch biêm nơi sưng thũng, nhằm trừ được chứng Hàn nhiệt, không chết[62].

- Phát ra ở phần dưới của chân, gọi tên là Tứ dâm[63]. Hình trạng của nó như mực ung lớn, nên trị cho nhanh, nếu không sẽ chết trong khoảng 100 ngày[64].

- Phát ra ở cạnh bàn chân, gọi tên là Lệ ung[65]. Hình trạng của nó không to, lúc đầu như ngón chân út phát ra, nên trị gấp, trừ được phần có màu đen, nếu không tiêu trừ được phần này, nó sẽ nặng thêm lên, không trị được, chết trong vòng 100 ngày[66].

· Phát ra ở các đầu ngón chân, gọi tên là Thoát ung[67]. Hình trạng của nó là màu đỏ đen, phải chết, không trị được[68]; Nếu không thuộc màu đỏ đen thì không chết[69]. Nếu thấy tà khí không suy giảm, nên chặt bỏ ngón chân ngay, nếu không sẽ không tránh được cái chết”[70].

Hoàng Đế hỏi: "Thầy đã có nói về bệnh UNG và THU', làm thế nào để phân biệt được?"[71]

Kỳ Bá đáp : "Khí doanh và vệ bị ngưng lại, lưu lại ở trong khoảng kinh mạch, ắt sẽ làm cho huyết bị khấp (đọng lại mà không vận hành nữa), ắt vệ khí sẽ theo đó mà không thông, bị ủng tắc, bị ngăn chặn để rồi cũng không vận hành được, cho nên sẽ sinh ra tình trạng Nhiệt[72]. Khi Nhiệt tăng lớn lên không ngừng thì Nhiệt sẽ thắng, ắt nhục bị thối nát, nhục bị thối nát ắt thành mủ[73]. Tuy nhiên, chứng này không làm cho nơi bệnh bị hãm xuống, cốt tủy cũng không vì đó mà thành tiêu khô, ngũ tạng không vì đó mà bị làm thương, cho nên gọi là UNG”[74].

Hoàng Đế hỏi: "Thế nào gọi là THU' ?”[75].

Kỳ Bá đáp : "Nhiệt khí bị thuần thịnh lên, nó sẽ làm cho cơ nhục bị hãm lõm xuống, làm cho cốt tủy bị khô, bên trong nó liên hệ đến ngũ tạng, làm cho huyết khí bị kiệt, ngay dưới nơi bị ung thối, cân cốt và lương nhục (thịt còn trong tình trạng tốt) đều không còn nữa, cho nên gọi là THU’[76].

THU' là loại bệnh mà trên mặt bì (da) có màu xám sậm mà cứng, trên mặt như da ở cổ con trâu[77].

UNG là loại bệnh mà trên mặt bì (da) mỏng mà nhẵn bóng[78].

Đó là tất cả sự biểu hiện của (UNG và THU') vậy”[79].

Hết

(Nguồn Y Học Cổ Truyền Việt Nam –eBook Created By H2203)